

BIỂU 13/CT: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ CUỐI (2016-2020), THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BẢNG 1: DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẤT QUỐC PHÒNG

Diện tích: ha

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Không gian quy hoạch đất quốc phòng	DT xây dựng công trình quốc phòng	Năm thực hiện
	Tổng cộng		982,85	128,85	
I	Công trình cấp Quốc gia/cấp Tỉnh:		1.021,94		
I.1	Đất xây dựng công trình quốc phòng		167,94		
1	Khu đất của Quân khu 7 tại dự án Cảng công nghiệp Cát Lái (P. Thạnh Mỹ Lợi)	Quận 2	25,50	25,50	2016-2020
2	Bộ Tư lệnh Hải quân	Quận 9	32,86	32,86	2016-2020
3	Tiểu đoàn 2 - Trung đoàn Gia Định	Quận 9	18,50	18,50	2016-2020
4	Đại đội đặc công	Quận 9	20,00	20,00	2016-2020
5	Tiểu đoàn vận tải thủy	Quận 9	9,80	9,80	2016-2020
6	Trung tâm huấn luyện phòng chống thiên tai và TKCN (P. An Phú Đông)	Quận 12	2,60	2,60	2016-2020
7	Sư đoàn phòng không 367	Bình Chánh	10,08	10,08	2016-2020
8	Đồn Biên phòng -KDC Giồng Ao (558)-KP.Phong Thạnh-TT.Cần Thạnh	Cần Giờ	1,33	1,33	2016-2020
9	Đường vào Đồn Biên phòng Cần Thạnh (Đồn 558)	Cần Giờ	0,46	0,46	2016-2020
10	Mở rộng cơ sở tập huấn (c19 Biên phòng cũ - X. Long Hòa)	Cần Giờ	1,07	1,07	2016-2020
11	Trạm kiểm soát biên phòng cửa khẩu X.Bình Khánh	Cần Giờ	0,15	0,15	2016-2020
12	Trạm kiểm soát biên phòng cửa khẩu X.Bình Khánh	Cần Giờ	1,30	1,30	2016-2020
13	Trạm kiểm soát biên phòng cửa khẩu X.An Thới Đông	Cần Giờ	0,15	0,15	2016-2020
14	Trạm kiểm soát biên phòng cửa khẩu X.An Thới Đông	Cần Giờ	0,30	0,30	2016-2020
15	Trạm kiểm soát biên phòng cửa khẩu X.An Thới Đông	Cần Giờ	1,30	1,30	2016-2020
16	Trạm kiểm soát biên phòng cửa khẩu X.Lý Nhơn	Cần Giờ	1,30	1,30	2016-2020
17	Trận địa pháo 85mm số 2 (X. Lý Nhơn)	Cần Giờ	1,80	1,80	2016-2020
18	Trận địa pháo 85mm (X. Thạnh An)	Cần Giờ	1,00	1,00	2016-2020
19	Đất công trình chiến đấu (X. Phạm Văn Cội)	Cù Chi	35,13	35,13	2016-2020
20	Đoàn 429 - Bộ Tư lệnh Đặc công (xã Thới Tâm Thôn)	Hóc Môn	2,31	2,31	2016-2020
21	Khu tập kết ca nô-cứu hộ cứu nạn (X. Nhơn Đức)	Nhà Bè	1,00	1,00	2016-2020
I.2	Đất quy hoạch thể trận quân sự khu vực phòng thủ		854,00		
1	Đất Quy hoạch Thể trận quân sự khu vực phòng thủ (P. Long Trường)	Quận 9	50,00		2016-2020
2	Đất Quy hoạch Thể trận quân sự khu vực phòng thủ (P. Tam Phú)	Thủ Đức	30,00		2016-2020
3	Đất Quy hoạch Thể trận quân sự khu vực phòng thủ (X. Tân Nhựt)	Bình Chánh	50,00		2016-2020
4	Đất Quy hoạch Thể trận quân sự khu vực phòng thủ (X. Tam Thôn Hiệp)	Cần Giờ	30,00		2016-2020
5	Đất Quy hoạch Thể trận quân sự khu vực phòng thủ (X. Tam Thôn Hiệp)	Cần Giờ	30,00		2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Không gian quy hoạch đất quốc phòng	DT xây dựng công trình quốc phòng	Năm thực hiện
6	Đất Quy hoạch Thể trận quân sự khu vực phòng thủ (X. Bình Mỹ)	Củ Chi	100,00		2016-2020
7	Đất Quy hoạch Thể trận quân sự khu vực phòng thủ (X. Phạm Văn Cội)	Củ Chi	104,00		2016-2020
8	Đất Quy hoạch Thể trận quân sự khu vực phòng thủ (X. Phạm Văn Cội)	Củ Chi	50,00		2016-2020
9	Đất Quy hoạch Thể trận quân sự khu vực phòng thủ (X. Phước Hiệp)	Củ Chi	30,00		2016-2020
10	Đất Quy hoạch Thể trận quân sự khu vực phòng thủ (X. Phước Hiệp)	Củ Chi	30,00		2016-2020
11	Đất Quy hoạch Thể trận quân sự khu vực phòng thủ (X. Trung Lập Hạ)	Củ Chi	30,00		2016-2020
12	Đất Quy hoạch Thể trận quân sự khu vực phòng thủ (X. Tân An Hội)	Củ Chi	30,00		2016-2020
13	Đất Quy hoạch Thể trận quân sự khu vực phòng thủ (X. Phú Hòa Đông)	Củ Chi	50,00		2016-2020
14	Đất Quy hoạch Thể trận quân sự khu vực phòng thủ (X. Tân Thạnh Tây)	Củ Chi	30,00		2016-2020
15	Đất Quy hoạch Thể trận quân sự khu vực phòng thủ (X. Xuân Thới Thượng)	Hóc Môn	100,00		2016-2020
16	Đất Quy hoạch Thể trận quân sự khu vực phòng thủ (X. Xuân Thới Thượng)	Hóc Môn	30,00		2016-2020
17	Đất Quy hoạch Thể trận quân sự khu vực phòng thủ (X. Nhị Bình)	Hóc Môn	50,00		2016-2020
18	Đất Quy hoạch Thể trận quân sự khu vực phòng thủ (X. Hiệp Phước)	Nhà Bè	30,00		2016-2020
1.3	Đất nhiệm vụ quân sự địa phương				
1	Đại đội đặc công nước (P. Long Phước)	Quận 9	18,17		2016-2020
2	Trạm kiểm soát quân sự (cạnh cầu vượt Trạm 2)	Quận 9	0,04		2016-2020
3	Đất quốc phòng (khu đất Cty Tân Thuận)	Tân Phú	0,97		2016-2020
4	Trạm kiểm soát quân sự (P. Linh Trung)	Thủ Đức	0,03		2016-2020
5	Trạm kiểm soát quân sự (P. Hiệp Bình Phước)	Thủ Đức	0,30		2016-2020
6	Trạm kiểm soát quân sự (P. Bình Chiểu)	Thủ Đức	0,06		2016-2020
7	Trận địa pháo phòng không	Bình Chánh	1,21		2016-2020
8	Trạm kiểm soát quân sự (X. Phạm Văn Hai)	Bình Chánh	0,06		2016-2020
9	Trạm kiểm soát quân sự (TT. Tân Túc)	Bình Chánh	0,10		2016-2020
10	Trạm kiểm soát quân sự (X. Đa Phước)	Bình Chánh	0,10		2016-2020
11	Khu thao trường bắn biển (mũi Đồng Hòa - X. Long Hòa)	Cần Giờ	2,70		2016-2020
12	Khu vực núi Giồng Chùa	Cần Giờ	5,10		2016-2020
13	Trạm kiểm soát quân sự (X. Phước Thạnh)	Củ Chi	0,07		2016-2020
14	Trạm kiểm soát quân sự (X. Xuân Thới Sơn)	Hóc Môn	0,20		2016-2020
15	Trạm kiểm soát quân sự (X. Tân Thới Nhì)	Hóc Môn	0,05		2016-2020
16	Trạm kiểm soát quân sự (X. Xuân Thới Thượng)	Hóc Môn	1,60		2016-2020
17	Kho chứa vật chất, trang bị phòng chống thiên tai-X. Phú Xuân (Tên cũ: Khu tập kết ca nô và cứu hộ, cứu nạn)	Nhà Bè	1,75		2016-2020
18	Đất Tác chiến phòng thủ kết hợp trận địa Pháo 85mm, PPK37mm	Nhà Bè	30,00		2016-2020
II	Công trình cấp dưới:		2,70		

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Không gian quy hoạch đất quốc phòng	DT xây dựng công trình quốc phòng	Năm thực hiện
1	Ban chỉ huy quân sự Quận 4 (trong khu Cảng Sài Gòn)	Quận 4	0,50	0,50	2016-2020
2	Ban chỉ huy quân sự H. Cần Giờ	Cần Giờ	2,20	2,20	2016-2020
III	Công trình chuyển mục đích:		41,79		
1	Đất quốc phòng chuyển mục đích (khu Ba Sơn)	Quận 1	25,50	25,50	2016-2020
2	Trụ sở cũ Ban chỉ huy quân sự Quận 4	Quận 4	0,12	0,12	2016-2020
3	Đất quốc phòng tại P. Trường Thọ, Q. Thủ Đức của Quân khu 7 giao lại cho Thành phố	Thủ Đức	16,17	16,17	2016-2020

BẢNG 2: DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẤT AN NINH

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
	Tổng cộng		119,68	
I	Bộ Công an		17,00	
1	Khu nhà ở công vụ + nhà ở xã hội (H51B)	Quận 9	5,00	2016-2020
2	Bộ tư lệnh Cảnh vệ (P180-K10)	Quận 9	2,00	2016-2020
3	Tổng cục an ninh I (T80 - A70)	Hóc Môn	5,00	2016-2020
4	Khu nhà ở công vụ + nhà ở xã hội (H51B)	Nhà Bè	5,00	2016-2020
II	Sở cảnh sát PCCC:		51,20	
1	Xây dựng Trụ sở Đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực 1 - Quận 1 (P. Đa Kao)	Quận 1	0,08	2016-2020
2	Phòng Cảnh sát PCCC và Cứu nạn-cứu hộ Trên sông	Quận 2	1,00	2016-2020
3	Đội PC&CC Khu đô thị mới Thủ Thiêm	Quận 2	1,00	2016-2020
4	Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Khu vực 1 - Phòng Cảnh sát PC&CC (P. An Phú)	Quận 2	0,13	2016-2020
5	Phòng cứu nạn, cứu hộ	Quận 2	1,00	2016-2020
6	Khu đất PCCC phường Thạnh Mỹ Lợi (DT xác định thực tế là 0,15 ha)	Quận 2	0,15	2016-2020
7	Phòng Cảnh sát PC&CC Quận 3 (66-68 Trương Định)	Quận 3	0,10	2016-2020
8	Trụ sở CS PCCC Quận 7	Quận 7	1,33	2016-2020
9	Mở rộng Trạm CS PCCC thuộc Khu đô thị mới Nam thành phố giai đoạn 2 (Số 1181 Nguyễn Văn Linh)	Quận 7	0,04	2016-2020
10	Xây dựng Trụ sở Đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực 1 - Quận 8 (P.3)	Quận 8	0,20	2016-2020
11	Trụ sở đội cảnh sát PCCC tại KCNC, P. Long Thạnh Mỹ		0,97	2016-2020
12	Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Khu vực 1 - Phòng Cảnh sát PC&CC Quận 9	Quận 9	0,50	2016-2020
13	Xây dựng Trụ sở Đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực 1 - Quận 9 (P. Phú Hữu)	Quận 9	0,10	2016-2020
14	Đội phòng cháy chữa cháy (225 Lý Thường Kiệt, P.15)	Quận 11	0,15	2016-2020
15	Xây dựng Trụ sở Đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực 1 - Quận 12 (P. Thạnh Xuân)	Quận 12	0,10	2016-2020
16	Trụ sở phòng cảnh sát PCCC Q.Bình Tân	Bình Tân	0,76	2016-2020
17	Đội Cảnh sát chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Khu vực 1	Bình Tân	0,06	2016-2020
18	Đội Cảnh sát chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Khu vực 2	Bình Tân	0,21	2016-2020
19	Xây dựng Trụ sở Đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực 2 - Q.Bình Thạnh	Bình Thạnh	0,20	2016-2020
20	Xây dựng Trụ sở Đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực 1 - Q.Gò Vấp (P.14)	Gò Vấp	0,20	2016-2020
21	Đội phòng cháy chữa cháy - P.14	Gò Vấp	0,10	2016-2020
22	Đội phòng cháy chữa cháy (Ấp Dơi)	Gò Vấp	0,10	2016-2020
23	Trụ sở Cảnh sát PCCC quận Phú Nhuận	Phú Nhuận	0,12	2016-2020
24	Phòng cảnh sát PCCC Q.Tân Bình (856 Âu Cơ, phường 14)	Tân Bình	0,26	2016-2020
25	Xây dựng Trụ sở Đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực 1 - Q.Tân Phú (P. Tân Thới Hòa)	Tân Phú	0,11	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
26	Đội Phòng cháy chữa cháy khu vực (Phú Thọ Hòa)	Tân Phú	0,09	2016-2020
27	Xây dựng Trụ sở Đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực 1 - Q.Thủ Đức	Thủ Đức	0,11	2016-2020
28	Trụ sở Trung tâm đào tạo, huấn luyện PCCC và cứu hộ-cứu nạn (ấp 3-Lê Minh Xuân)	Bình Chánh	13,28	2016-2020
29	Trụ Sở Phòng Cảnh sát PCCC Huyện Bình Chánh (02 đường số 8 Khu Trung tâm hành chính H.Bình Chánh)	Bình Chánh	0,69	2016-2020
30	Xây dựng Trụ sở Đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực 1 - huyện Bình Chánh (X. Vĩnh Lộc B)	Bình Chánh	0,20	2016-2020
31	Đội PCCC và cứu nạn cứu hộ các tuyến sông Chợ Đệm - Bến Lức (đường Nguyễn Hữu Trí, TT Tân Túc)	Bình Chánh	1,20	2016-2020
32	Phòng Cảnh sát PC&CC huyện Cần Giờ	Cần Giờ	1,95	2016-2020
33	Đội PCCC chuyên nghiệp trên cạn (TT. Cần Thạnh)	Cần Giờ	0,50	2016-2020
34	Đội PCCC trên cạn (X. Bình Khánh)	Cần Giờ	0,75	2016-2020
35	Đội PCCC dưới nước (X. Bình Khánh)	Cần Giờ	0,75	2016-2020
36	Mở rộng Trung tâm huấn luyện PCCC (Long Hòa)	Cần Giờ	0,90	2016-2020
37	Xây dựng Trụ sở Đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực 1 - huyện Củ Chi	Củ Chi	0,14	2016-2020
38	Đội Cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ trên tuyến thượng nguồn sông Sài Gòn (ấp 4 xã Nhị Bình)	Hóc Môn	1,14	2016-2020
39	Xây dựng Trụ sở Đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực 1 - huyện Hóc Môn	Hóc Môn	0,20	2016-2020
40	Đội PCCC và CNCH tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước	Nhà Bè	0,33	2016-2020
41	Bệnh xá Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hồ Chí Minh (20 giường bệnh)	Nhà Bè	20,00	2016-2020
III	Công an Thành phố		51,48	
1	Trụ sở phòng cảnh sát đường thủy, đội hình sự kinh tế, đội tuần tra kiểm soát (Đội 3 + Đội 4)	Quận 2	1,84	2016-2020
2	Đội CSGT Cát Lái - PC67	Quận 2	0,50	2016-2020
3	Mở rộng Công an quận 2	Quận 2	0,22	2016-2020
4	Mở rộng, nâng cấp Trụ sở Đội hình sự - Công an Q.2	Quận 2	0,06	2016-2020
5	Nhà số 341 Lê Văn Sỹ, P.2, Q.3 (hoán đổi với vị trí số 118 Trần Quốc Thảo, P.7, Q.3) - Trụ sở Phòng PV28	Quận 3	0,07	2016-2020
6	Chốt KSGT đường thủy - Phòng PC68 (1470 Võ Văn Kiệt - P.3)	Quận 6	0,03	2016-2020
7	Đội CSGT Nam Sài Gòn (Đại lộ Nguyễn Văn Linh- Nguyễn Hữu Thọ)	Quận 7	0,30	2016-2020
8	Đội đặc nhiệm - Phòng PK20 (P. Trường Thạnh)	Quận 9	10,00	2016-2020
9	Phòng PC64B-phụ trách cụm địa bàn quận huyện (có chủ trương, chưa có vị trí cụ thể)	Quận 9	0,12	2016-2020
10	Bãi chứa xe tang vật, Đội đăng ký xe và Trung tâm sát hạch lái xe	Quận 9	3,70	2016-2020
11	Xây dựng doanh trại Trung đoàn CSCĐ (Tiểu đoàn 3 - Phòng PK20 (P.Hiệp Thành)	Quận 12	0,60	2016-2020
12	Phòng PC64B-đội CSPUN số 3 (có chủ trương, chưa có vị trí cụ thể)	Gò Vấp	0,10	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
13	Trạm CSGT Đa Minh-Phòng PC67 (xã Đa Phước)	Bình Chánh	0,43	2016-2020
14	Trạm CSGT Tân Túc - Phòng PC 67	Bình Chánh	0,25	2016-2020
15	Trạm CSGT Phú Lâm-Phòng PC67 (X. Phạm Văn Hai)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
16	Trạm CSGT Nam Sài Gòn - Phòng PC67 (X. Bình Hưng)	Bình Chánh	0,30	2016-2020
17	Trạm CSGT Cửa Ô (X. Phạm Văn Hai)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
18	Trụ sở CAH Bình Chánh (dự kiến xây mới tại TTHC, TT Tân Túc)	Bình Chánh	0,92	2016-2020
19	Nhà tạm giữ (xã Tân Nhựt)	Bình Chánh	0,41	2016-2020
20	Kho dự trữ chiến lược CATP-PH41 (X. Lê Minh Xuân)	Bình Chánh	2,20	2016-2020
21	Kho tang vật công an huyện Bình Chánh	Bình chánh	4,57	2016-2020
22	Nhà tạm giữ - công an huyện	Bình chánh	0,40	2016-2020
23	Kho tang tài vật vi phạm giao thông	Bình chánh	2,61	2016-2020
24	Trụ sở làm việc công an huyện	Bình chánh	0,92	2016-2020
25	Trạm cảnh sát giao thông Nam Sài Gòn	Bình chánh	0,30	2016-2020
26	Trạm 2 (Trạm Vàm Sát) - Phòng PC68 (X. Lý Nhơn)	Cần Giờ	0,19	2016-2020
27	Bố trí 01 chốt công an đường bộ, 01 chốt công an đường thủy	Cần Giờ	0,80	2016-2020
28	Kho CATP-PH41 (xã Đông Thạnh)	Hóc Môn	2,20	2016-2020
29	Trạm cảnh sát đường thủy	Nhà Bè	0,03	2016-2020
30	Trụ sở công an huyện Nhà Bè (X. Phú Xuân)	Nhà Bè	3,40	2016-2020
31	Trụ sở Công an Quận 3	Quận 3	0,60	2016-2020
32	Đại học Cảnh sát - P Tân Phong	Quận 7	1,76	2016-2020
33	Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ	Quận 9	4,59	2016-2020
34	Bãi Cano phòng chống lụt bão công an quận 12	Quận 12	0,04	2016-2020
35	Xây dựng Khu tiếp dân, Trụ sở làm việc đội Cảnh sát Quản lý hành chính, Cảnh sát Giao thông trật tự phản ứng nhanh và Kho lưu trữ hồ sơ hộ khẩu, hồ sơ đăng ký xe, kho tang vật hình sự và vi phạm hành chính của Công an Quận	Phú Nhuận	0,18	2016-2020
36	Bãi chứa xe vi phạm Hiệp Bình Chánh	Thủ Đức	0,03	2016-2020
37	Kho chứa tang vật của công an Quận	Thủ Đức	0,70	2016-2020
38	Xây dựng mới Công an huyện Cần Giờ (KDC Hòa Hiệp)	Cần Giờ	3,00	2016-2020
39	Xây dựng trại tạm giam của Công An huyện Củ Chi	Củ Chi	0,79	2016-2020
40	Nhà tạm giữ CA huyện	Hóc Môn	0,21	2016-2020
41	Kho chứa tang vật của huyện	Hóc Môn	1,13	2016-2020

BẢNG 3: DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẤT KHU CÔNG NGHIỆP

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích ^(*) (ha)	Năm thực hiện
	Tổng cộng		5.921,23	
I	KCN có trong quy hoạch, đã thành lập/cấp GCNĐT toàn bộ hoặc một phần diện tích		3.772,90	
1	An Hạ	Bình Chánh	123,50	
2	Bình Chiểu	Thủ Đức	27,34	
3	Cát Lái 2 -GD 1&2	Quận 2	124,00	
4	Đông Nam	Củ Chi	286,76	
5	Hiệp Phước - GD1	Nhà Bè	311,40	
	Hiệp Phước - GD2	Nhà Bè	597,00	
6	Lê Minh Xuân	Bình Chánh	100,00	
7	Linh Trung	Thủ Đức	62,00	
8	Linh Trung 2	Thủ Đức	61,75	
9	Phong Phú	Bình Chánh	67,00	
10	Phước Hiệp	Củ Chi	200,00	
11	Tân Bình - hiện hữu	Tân Phú	105,95	
	Tân Bình - mở rộng	Bình Tân	24,01	
12	Tân Phú Trung	Củ Chi	542,64	
13	Tân Tạo - hiện hữu	Bình Tân	161,35	
	Tân Tạo - mở rộng	Bình Tân	182,55	
14	Tân Thới Hiệp	Quận 12	28,41	
15	Tân Thuận	Quận 7	300,00	
16	Tây Bắc Củ Chi	Củ Chi	208,00	
17	Vĩnh Lộc	Bình Chánh	203,18	
	Vĩnh Lộc - mở rộng	Bình Chánh	56,06	
II	KCN có trong quy hoạch, toàn bộ diện tích chưa thành lập/cấp GCNĐT		2.148,33	
18	Bàu Đưng	Bình Chánh	175,00	2016-2020
19	Hòa Phú (KCN cơ khí ô tô)	Củ Chi	100,00	2016-2020
20	Lê Minh Xuân 2	Bình Chánh	338,00	2016-2020
21	Lê Minh Xuân 3	Bình Chánh	242,00	2016-2020
22	Vĩnh Lộc 3	Bình Chánh	200,00	2016-2020
23	Xuân Thới Thượng	Hóc Môn	300,00	2016-2020
	Hiệp Phước - GD2 (mở rộng)	Nhà Bè	83,16	2016-2020
	Hiệp Phước - GD3	Nhà Bè	392,00	2016-2020
	Lê Minh Xuân mở rộng	Bình Chánh	120,00	2016-2020
	Đất KCN mở rộng cho KCN hiện hữu	Quận 2	24,93	2016-2020
	Tây Bắc Củ Chi - mở rộng	Củ Chi	173,24	2016-2020
III	KCN chưa có trong quy hoạch, đề nghị bổ sung Quy hoạch (thành lập mới/mở rộng)			
	Không			

Ghi chú: (*) Công văn số 1300/TTg-KTN ngày 24/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ V/v điều chỉnh Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG 4: DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
	Tổng cộng		913,3	
I	CCN còn giữ lại và quy hoạch mới			
I.1	CCN còn giữ lại:			
1	CCN Đa Phước	Bình Chánh	90,0	2016-2020
2	CCN Quy Đức	Bình Chánh	50,0	2016-2020
3	CCN Tân Túc	Bình Chánh	29,8	2016-2020
4	CCN Tổng Cty Nông nghiệp Sài Gòn	Bình Chánh	89,0	2016-2020
5	CCN Trần Đại Nghĩa	Bình Chánh	50,0	2016-2020
6	Cụm TTCN Lê Minh Xuân	Bình Chánh	17,0	2016-2020
7	CCN Bàu Trăn	Củ Chi	95,0	2016-2020
8	CCN Phạm Văn Cội	Củ Chi	75,0	2016-2020
9	CCN Tân Quy (B)	Củ Chi	103,1	2016-2020
10	CCN Dương Công Khi	Hóc Môn	55,0	2016-2020
11	CCN Nhị Xuân	Hóc Môn	54,0	2016-2020
12	CCN Xuân Thới Sơn (A)	Hóc Môn	7,6	2016-2020
13	CCN Long Thới	Nhà Bè	34,8	2016-2020
I.2	CCN quy hoạch mới			
1	CCN Phạm Văn Hai I (XD mới)	Bình Chánh	50,0	2016-2020
2	CCN Phạm Văn Hai II (XD mới)	Bình Chánh	43,0	2016-2020
3	CCN Phạm Văn Cội II	Củ Chi	70,0	2016-2020
II	CCN không còn giữ lại (loại ra khỏi danh mục quy hoạch)			
1	CCN Quận 2	Quận 2		
2	CCN Phú Mỹ	Quận 7		
3	CCN Bình Đăng	Quận 8		
4	CCN Long Sơn	Quận 9		
5	CCN Hiệp Thành	Quận 12		
6	CCN Tân Thới Nhất	Quận 12		
7	CCN Đông Quốc lộ 1A	Bình Tân		
8	CCN Hiệp Bình Phước	Thủ Đức		
9	CCN An Hạ	Bình Chánh		
10	CCN Bình Khánh	Cần Giờ		
11	CCN cơ khí ô tô TPHCM	Củ Chi		
12	CCN Tân Quy (A)	Củ Chi		
13	CCN Đông Thạnh	Hóc Môn		
14	CCN Tân Hiệp A	Hóc Môn		
15	CCN Tân Hiệp B	Hóc Môn		
16	CCN Tân Thới Nhì	Hóc Môn		
17	CCN Xuân Thới Sơn B	Hóc Môn		

BẢNG 5: DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Đất TMDV	Năm thực hiện	Ghi chú
	Tổng cộng		1.306,58	976,58		
I	Đất TMDV - Cao ốc văn phòng		498,82	480,82		
1	Quy hoạch Đất TMDV (khu Ba Son)	Quận 1	5,15	5,15	2016-2020	Khu Ba Son
2	Cao ốc Văn phòng TMDV Nguyễn Bình Khiêm – Nguyễn Thị Minh Khai	Quận 1	1,48	1,48	2016-2020	Nguyễn Bình Khiêm - Nguyễn Thị Minh Khai
3	Khu TMDV – văn phòng cho thuê (tứ giác Hai Bà Trưng - Cao Bá Quát – Thi Sách – Lê thánh Tôn)	Quận 1	1,12	1,12	2016-2020	Tứ giác Hai Bà Trưng- Cao Bá Quát - Thi Sách- Lê Thánh Tôn
4	Khu TMVP căn hộ cao cấp (tứ giác Hai Bà Trưng – Thi Sách – Tôn Đức Thắng – Đông Du)	Quận 1	0,61	0,61	2016-2020	Tứ giác Hai Bà Trưng- Thi Sách- Tôn Đức Thắng- Đông Du
5	Khu khách sạn 5 sao One Sài Gòn (Nam Kỳ Khởi Nghĩa – Lê Thánh Tôn – Pasteur – Lê Lợi)	Quận 1	0,89	0,89	2016-2020	Nam kỳ Khởi Nghĩa - Lê Thánh Tôn - Pasteur - Lê Lợi
6	Khu TMDV (Hồ Tùng Mậu – Pasteur – Tôn Thất Thiệp – Hàm Nghi)	Quận 1	3,37	3,37	2016-2020	Hồ Tùng Mậu - Pastuer - Tôn Thất Thiệp - Hàm Nghi
7	Cao ốc phức hợp KS, trung tâm TMDV (Hồ Tùng Mậu – Huỳnh Thúc Kháng – Tôn Thất Đạm – Tôn Thất Thiệp)	Quận 1	0,19	0,19	2016-2020	Tứ giác Hồ Tùng Mậu - Huỳnh Thúc Kháng - Tôn Thất Đạm - Tôn Thất Thiệp
8	Khu TMDV (Nguyễn Huệ - Huỳnh Thúc Kháng – Hồ Tùng Mậu – Ngô Đức Kế)	Quận 1	1,16	1,16	2016-2020	Nguyễn Huệ - Huỳnh Thúc Kháng - Hồ Tùng Mậu- Ngô Đức Kế
9	Cao ốc VP kết hợp căn hộ cho thuê (hẻm 19 Nguyễn Thị Minh Khai)	Quận 1	0,52	0,52	2016-2020	Hẻm 19 Nguyễn Thị Minh Khai
10	Khu TMDV (Đồng Khởi – Lê Lợi – Nguyễn Thiệp – Nguyễn Huệ)	Quận 1	0,52	0,52	2016-2020	Đồng Khởi - Lê Lợi - Nguyễn Thiệp - Nguyễn Huệ
11	Khu TMDV – khách sạn (Nguyễn Siêu – Hai Bà Trưng – Đông Du)	Quận 1	0,77	0,77	2016-2020	Nguyễn Siêu - Hai Bà Trưng - Đông Du
12	Cao ốc văn phòng (31 Lý Tự Trọng)	Quận 1	0,20	0,20	2016-2020	31 Lý Tự Trọng
13	Văn phòng tổng hợp (71 – 79 Đồng Khởi)	Quận 1	0,04	0,04	2016-2020	71-79 Đồng Khởi
14	Khu VP, trung tâm thương mại (9 Công trường Lam Sơn)	Quận 1	0,04	0,04	2016-2020	Số 9 Công trường Lam Sơn
15	Cao ốc VP cho thuê (4 Thi Sách)	Quận 1	0,04	0,04	2016-2020	Số 4 Thi Sách
16	Trung tâm TM Quốc tế (Thương xá Tax)	Quận 1	0,92	0,92	2016-2020	39 Lê Lợi
17	Cao ốc văn phòng (32 – 34 Đồng Khởi)	Quận 1	0,07	0,07	2016-2020	32 - 42 Đồng Khởi
18	Tòa nhà hữu nghị (31 Lê Duẩn)	Quận 1	0,40	0,40	2016-2020	31 Lê Duẩn
19	Khu phức hợp TTTM cao ốc VP khách sạn (14-16-18 Nguyễn Huệ)	Quận 1	0,36	0,36	2016-2020	3C Tôn Đức Thắng
20	Khu TMDV khách sạn (164 Đồng Khởi)	Quận 1	0,98	0,98	2016-2020	164 Đồng Khởi
21	Khách sạn cao cấp và TTTM (76-78 Hai Bà Trưng, 35-37-39 Lý Tự Trọng)	Quận 1	0,32	0,32	2016-2020	76-78 HB Trưng, 35,37,39 L Tự Trọng
22	Văn phòng TM – 9-11 Tôn Đức Thắng	Quận 1	0,26	0,26	2016-2020	9-11 Tôn Đức Thắng
23	Khu TMDV (17-20 Tôn Đức Thắng)	Quận 1	0,19	0,19	2016-2020	17-20 Tôn Đức Thắng
24	Khu phức hợp TM (46 Chu Mạnh Trinh)	Quận 1	0,05	0,05	2016-2020	46 Chu Mạnh Trinh
25	Văn phòng TMDV (23 đường Lê Duẩn)	Quận 1	0,33	0,33	2016-2020	23 Lê Duẩn
26	Văn phòng – căn hộ 39-41 Bến Chương Dương	Quận 1	0,13	0,13	2016-2020	39-41 Bến Chương Dương
27	Nhà hàng khách sạn (9 đường Mạc Đĩnh Chi)	Quận 1	0,13	0,13	2016-2020	9 Mạc Đĩnh Chi
28	Văn phòng TM-KS (Nam Kỳ Khởi Nghĩa – Lê Lợi)	Quận 1	0,54	0,54	2016-2020	NKKN - Lê Lợi
29	Khu cao ốc VP Wall street (Huỳnh Thúc Kháng – Lê Lợi – Nam Kỳ Khởi Nghĩa)	Quận 1	0,40	0,40	2016-2020	Huỳnh Thúc Kháng - Lê Lợi - NKKN

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Đất TMDV	Năm thực hiện	Ghi chú
30	Khu dự án phức hợp (379 Bến chương Dương)	Quận 1	0,22	0,22	2016-2020	379 Bến Chương Dương
31	Khu hỗn hợp công trình công cộng – Nguyễn Văn Cừ - Bến Chương Dương	Quận 1	1,47	1,47	2016-2020	Nguyễn Văn Cừ - Bến Chương Dương
32	Khu TMDV (tam giác Trần Hưng Đạo – Phạm Ngũ Lão – Yersin)	Quận 1	1,21	1,21	2016-2020	Khu tam giác Trần Hưng Đạo - Phạm Ngũ Lão - Nguyễn Thái Học
33	Khu TMDV quảng trường Hạnh Phúc (Trần Đình Xu nối dài – Nguyễn văn Cừ - Nguyễn trải	Quận 1	8,39	8,39	2016-2020	Trần Đình Xu nối dài - NV Cừ - Nguyễn Trải
34	Dự án 235B Nguyễn Văn Cừ	Quận 1	1,50	1,50	2016-2020	235B Nguyễn Văn Cừ
35	Khu hỗn hợp (212B/C79 Nguyễn Trải	Quận 1	2,20	2,20	2016-2020	Số 212B/C79 Nguyễn Trải
36	Đất TMDV (tứ giác Nguyễn Cư Trinh)	Quận 1	4,57	4,57	2016-2020	Tứ giác Nguyễn Cư Trinh
37	Trung tâm TM (Khu vực chợ Dân Sinh – 104 Yersin)	Quận 1	1,04	1,04	2016-2020	104 Yersin
38	Cao ốc VP 87A,89,89/11,13,15 Hàm Nghi	Quận 1	0,07	0,07	2016-2020	87A, 89/9,89/11,89/13,89/15 Hàm Nghi
39	Cao ốc phức hợp 71 Trần Hưng Đạo	Quận 1	0,39	0,39	2016-2020	71 Trần Hưng Đạo
40	Cao ốc VP (183 Bến Chương Dương)	Quận 1	0,05	0,05	2016-2020	183 Bến Chương Dương
41	Khách sạn 27B Nguyễn Đình Chiểu	Quận 1	0,58	0,58	2016-2020	27B Nguyễn Đình Chiểu
42	Cao ốc Văn phòng 112-116 Hai Bà Trưng	Quận 1	0,11	0,11	2016-2020	112-116 Hai Bà Trưng
43	Cao ốc 41 Mạc Đĩnh Chi	Quận 1	0,09	0,09	2016-2020	41 Mạc Đĩnh Chi
44	Cao ốc 43 Mạc Đĩnh Chi	Quận 1	0,18	0,18	2016-2020	43 Mạc Đĩnh Chi
45	Khu trung tâm thương mại khách sạn văn phòng và căn hộ	Quận 1	0,87	0,87	2016-2020	Công ty cổ phần đầu tư thương mại An Khang
46	Đất thương mại - dịch vụ	Quận 2	0,86	0,86	2016-2020	Trong khu đô thị chỉnh trang kế cận khu đô thị mới Thủ Thiêm HOK
47	Đất thương mại - dịch vụ	Quận 2	3,89	3,89	2016-2020	Trong KDC phường An Phú
48	Đất thương mại - dịch vụ (Cty phát triển thế kỉ 21)	Quận 2	3,14	3,14	2016-2020	Cty phát triển quốc tế thế kỷ 21
49	Đất thương mại - dịch vụ	Quận 2	7,39	7,39	2016-2020	Trong khu đô thị mới An Phú - An Khánh 131ha
50	Dự án thương mại - dịch vụ	Quận 2	1,76	1,76	2016-2020	Cty CP ĐT Thủ Thiêm
51	Trung tâm thương mại - văn phòng khách sạn	Quận 2	0,20	0,20	2016-2020	Công ty CP Địa ốc Sài Gòn
52	Đất thương mại - dịch vụ	Quận 2	5,61	5,61	2016-2020	Thuộc khu đô thị mới Thủ Thiêm
53	Đất thương mại - dịch vụ	Quận 2	0,66	0,66	2016-2020	Thuộc khu đô thị chỉnh trang kế cận khu đô thị mới Thủ Thiêm 335,92 ha (HOK)
54	Đất thương mại - dịch vụ	Quận 2	3,14	3,14	2016-2020	Khu 33 ha
55	Đất công trình thương mại dịch vụ	Quận 2	1,12	1,12	2016-2020	Khu dân cư 149,36 ha (khu 154 ha cũ) Bình Trưng Đông - Cát Lái.
56	Đất thương mại dịch vụ	Quận 2	1,92	1,92	2016-2020	Khu DV Cảng, Hàng hải và khu du lịch sinh thái Cát Lái
57	Xây dựng trường học, thương mại, y tế khu Nam Rạch Chiếc	Quận 2	5,89	5,89	2016-2020	
58	Trung tâm thương mại- Dịch vụ- Văn phòng Công ty TNHH Thắng Lợi	Quận 2	3,68	3,68	2016-2020	
59	Showroom ô tô Honda tại Quận 2	Quận 2	0,28	0,28	2016-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Đất TMDV	Năm thực hiện	Ghi chú
60	Công trình khách sạn tại khu đất diện tích 0,23ha	Quận 2	0,23	0,23	2016-2020	
61	Trung tâm TM - Cao ốc VP tại chợ Nguyễn Văn Trỗi	Quận 3	2,34	2,34	2016-2020	
62	Khách sạn	Quận 3	0,11	0,11	2016-2020	76 - 78 Nguyễn Thị Minh Khai
63	Văn phòng	Quận 3	0,09	0,09	2016-2020	39 Phạm Ngọc Thạch
64	Văn phòng và khách sạn	Quận 3	0,15	0,15	2016-2020	175Bis/1-2-3-4 + 177 Nguyễn Đình Chiểu
65	Văn phòng	Quận 3	0,23	0,23	2016-2020	72 - 74 Nguyễn Thị Minh Khai
66	Văn phòng, khách sạn	Quận 3	0,07	0,07	2016-2020	65 Võ Văn Tần
67	Văn phòng	Quận 3	0,28	0,28	2016-2020	161 Pasteur
68	Văn phòng	Quận 3	0,09	0,09	2016-2020	218B Pasteur
69	Công ty chè Sài Gòn (Cao ốc thương mại, văn phòng)	Quận 3	0,04	0,04	2016-2020	
70	Công ty dược phẩm 2/9 (Cao ốc thương mại, văn phòng)	Quận 3	0,28	0,28	2016-2020	
71	Công ty CP XD và kinh doanh Địa Ốc III (Chung cư kết hợp thương mại)	Quận 3	0,10	0,10	2016-2020	
72	Thương mại và văn phòng tòa nhà	Quận 3	0,06	0,06	2016-2020	110 Cách Mạng Tháng 8
73	Thương mại và văn phòng tòa nhà	Quận 3	0,06	0,06	2016-2020	110 Cách Mạng Tháng 8
74	Cao ốc văn phòng khu 930 ha	Quận 4	2,20	2,20	2016-2020	
75	Trung tâm thương mại cao ốc 727 Trần Hưng Đạo	Quận 5	0,26	0,26	2016-2020	727 Trần Hưng Đạo
76	Thương mại dịch vụ	Quận 5	0,27	0,27	2016-2020	636 Võ Văn Kiệt
77	Trung tâm thương mại - dịch vụ nhà ở cho thuê 107 Trần Hưng Đạo	Quận 5	0,23	0,23	2016-2020	107 Trần Hưng Đạo
78	Khu Thương mại - dịch vụ	Quận 5	0,23	0,23	2016-2020	Mũi tàu Trần Hưng Đạo-Trần Phú
79	Trung tâm thương mại văn phòng	Quận 5	0,19	0,19	2016-2020	213 Hồng Bàng
80	Khu Thương mại dịch vụ	Quận 5	0,06	0,06	2016-2020	279 Hải Thượng Lãn Ông
81	Văn phòng Công ty Cholimex	Quận 5	0,03	0,03	2016-2020	1350 Võ Văn Kiệt (SC: 127 Trần Văn Kiêu)
82	Công ty Nam Phát	Quận 5	0,09	0,09	2016-2020	110-112 Hà Tôn Quyền
83	Trung tâm thương mại Kiến Thành	Quận 6	0,10	0,10	2016-2020	
84	Trung tâm TMDV 182 Võ Văn Kiệt	Quận 6	0,02	0,02	2016-2020	
85	Trung tâm TMDV 183 Võ Văn Kiệt	Quận 6	0,02	0,02	2016-2020	
86	Trung tâm TMDV 184 Võ Văn Kiệt	Quận 6	0,02	0,02	2016-2020	
87	Trung tâm thương mại phía Nam chợ Bình Tây	Quận 6	0,22	0,22	2016-2020	
88	Trung tâm thương mại và siêu thị (1466 Võ Văn Kiệt)	Quận 6	1,18	1,18	2016-2020	
89	Văn phòng 186 Hậu Giang	Quận 6	0,10	0,10	2016-2020	
90	Đất thương mại, dịch vụ (Kế khu 4,8ha)	Quận 6	0,01	0,01	2016-2020	
91	Đất thương mại, dịch vụ (Kế khu II Nam Lý Chiểu Hoàng)	Quận 6	0,04	0,04	2016-2020	
92	TTTMDV 634 bis Phạm Văn Chí - P. 8	Quận 6	0,63	0,63	2016-2020	
93	Khu Thương mại	Quận 7	2,66	2,66	2016-2020	VIETSIN - thuộc một phần dự án của Cty CP phát triển Nam Sài Gòn Có QĐ giao đất số 732/TTg ngày 14/6/2001
94	Khu thương mại và nhà ở cao tầng	Quận 7	0,68	0,68	2016-2020	
95	Khu Thương mại Bình Điền	Quận 8	34,23	34,23	2016-2020	Khu số 17 quy hoạch Nam Sài Gòn
96	Khu đất 8,38 ha (Khu quy hoạch Trung tâm Thương mại Bình Điền)	Quận 8	0,84	0,84	2016-2020	
97	Văn phòng nhà trưng bày Công ty TNHH Tăng Long Phú	Quận 9	0,09	0,09	2016-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Đất TMDV	Năm thực hiện	Ghi chú
98	Khu thương mại dịch vụ văn phòng và căn hộ (cao ốc TIEXIM)	Quận 10	0,13	0,13	2016-2020	
99	Khu Thương mại Dịch vụ ô tô	Quận 10	0,68	0,68	2016-2020	Sư Vạn Hạnh p12
100	Khu văn phòng giao dịch B6	Quận 10	0,31	0,31	2016-2020	Khu C30 Phường 14
101	Khu văn phòng giao dịch B9	Quận 10	0,21	0,21	2016-2020	Khu C30 Phường 14
102	Khu văn phòng giao dịch B9*	Quận 10	0,21	0,21	2016-2020	Khu C30 Phường 14
103	Trung Tâm TM-VP Giao dịch, dịch vụ B1	Quận 10	2,42	2,42	2016-2020	Khu C30 Phường 14
104	Trung Tâm TM-VP Giao dịch, dịch vụ B11	Quận 10	1,85	1,85	2016-2020	Khu C30 Phường 14
105	Khu Công nghệ KT cao B16	Quận 10	1,25	1,25	2016-2020	Khu C30 Phường 14
106	Khu văn phòng giao dịch B17	Quận 10	0,41	0,41	2016-2020	Khu C30 Phường 14
107	Khu Công nghệ KT cao B18	Quận 10	2,01	2,01	2016-2020	Khu C30 Phường 14
108	Khu văn phòng giao dịch B19	Quận 10	0,12	0,12	2016-2020	Khu C30 Phường 14
109	Khu văn phòng giao dịch B19*	Quận 10	0,10	0,10	2016-2020	Khu C30 Phường 14
110	Khu văn phòng giao dịch B20	Quận 10	0,18	0,18	2016-2020	Khu C30 Phường 14
111	Trung Tâm TM-VP Kinh doanh, dịch vụ B26	Quận 10	1,78	1,78	2016-2020	Khu C30 Phường 14
112	Khu văn phòng giao dịch B28	Quận 10	0,16	0,16	2016-2020	Khu C30 Phường 14
113	TTTM và cao ốc văn phòng	Quận 10	2,51	2,51	2016-2020	D60 Đồng Nai phường 15
114	Cơ sở sản xuất kinh doanh tư nhân (khách sạn, bưu điện tư nhân, nhà hàng...)	Quận 11	2,35	2,35	2016-2020	
115	Khu nhà cao tầng làm văn phòng cho thuê, cửa hàng trưng bày sản phẩm (Chợ Lính Bình Thăng)	Quận 11	0,10	0,10	2016-2020	
116	Cơ sở sản xuất kinh doanh tư nhân (khách sạn, bưu điện tư nhân, nhà hàng...)	Quận 11	1,90	1,90	2016-2020	
117	Khu dịch vụ thương mại tại 17 Đường 281 Lý Thường Kiệt, phường 15 quận 11	Quận 11	0,13	0,13	2016-2020	
118	Trung Tâm thương mại (Khu phố 1)	Quận 12	0,19	0,19	2016-2020	
119	Trung Tâm thương mại (Khu 1)	Quận 12	17,27	17,27	2016-2020	Thuộc 15 điểm kêu gọi đầu tư
120	Trung Tâm thương mại (Khu 7)	Quận 12	1,06	1,06	2016-2020	Thuộc 15 điểm kêu gọi đầu tư
121	Trung Tâm thương mại (Khu phố 3)	Quận 12	0,15	0,15	2016-2020	
122	Trung tâm thương mại	Quận 12	1,69	1,69	2016-2020	Cty Quang Vinh đăng ký
123	Trung Tâm thương mại (Khu 1)	Quận 12	0,27	0,27	2016-2020	
124	Trung tâm thương mại (khu 4)	Quận 12	6,07	6,07	2016-2020	Thuộc 15 điểm kêu gọi đầu tư
125	Cửa hàng tiện ích	Quận 12	0,09	0,09	2016-2020	HTX Thạnh Xuân
126	Trung Tâm thương mại (khu 12)	Quận 12	1,29	1,29	2016-2020	Thuộc 15 khu kêu gọi đầu tư
127	Trung Tâm thương mại (khu 14)	Quận 12	1,78	1,78	2016-2020	15 khu gọi đầu tư (Đất giáo xứ Lạc Quang- Hòa Lạc)
128	Chuyển TT. Thể thao Quận 12 sang xây dựng TT. Thương mại	Quận 12	0,62	0,62	2016-2020	Lấy từ đất Thể thao
129	Ngân hàng chính sách quận 12	Quận 12	0,05	0,05	2016-2020	Đang kê khai bồi thường
130	Khu thương mại dịch vụ	Bình Tân	1,44	1,44	2016-2020	
131	Khu thương mại dịch vụ	Bình Tân	1,62	1,62	2016-2020	
132	Khu thương mại dịch vụ	Bình Tân	0,59	0,59	2016-2020	
133	Khu thương mại dịch vụ	Bình Tân	3,99	3,99	2016-2020	
134	Khu thương mại, dịch vụ nền nghĩa trang (Khu 53,61ha)	Bình Tân	10,32	10,32	2016-2020	
135	Đất dịch vụ, thương mại	Bình Tân	33,00	33,00	2016-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Đất TMDV	Năm thực hiện	Ghi chú
136	Cửa hàng thực phẩm Vissan	Bình Tân	0,01	0,01	2016-2020	
137	Cửa hàng Long Phụng Phát (số 29 đường số 40)	Bình Tân	0,01	0,01	2016-2020	
138	Trung tâm tiệc cưới	Bình Tân	0,32	0,32	2016-2020	
139	XD văn phòng cho thuê (Cty CP XD 46)	Bình Thạnh	0,11	0,11	2016-2020	
140	XD văn phòng (Cty CP ĐTXD Bưu chính viễn thông)	Bình Thạnh	0,55	0,55	2016-2020	
141	XD trung tâm trưng bày, kinh doanh và dịch vụ văn phòng (Cty CP KD thủy sản Sài Gòn)	Bình Thạnh	0,03	0,03	2016-2020	
142	TTTM đa chức năng Bà Chiểu	Bình Thạnh	0,74	0,74	2016-2020	
143	TTTM đa chức năng BXMD	Bình Thạnh	3,15	3,15	2016-2020	
144	Trung tâm thương mại - dịch vụ đa năng Thanh Đa	Bình Thạnh	0,64	0,64	2016-2020	
145	Chuyển mục đích trạm trung chuyển rác tại số 348/26 Phan Văn Trị, P11 sang đất thương mại dịch vụ	Bình Thạnh	0,1	0,10	2016-2020	
146	Xây dựng khu thương mại dịch vụ Ấp Doi	Gò Vấp	2,00	2,00	2016-2020	
147	Dự án xây dựng văn phòng cho thuê - Cty Vương Hoàng	Gò Vấp	0,86	0,86	2016-2020	
148	Cao ốc văn phòng (Cty XSKT Kon Tum - 171 Phan Đăng Lưu)	Phú Nhuận	0,03	0,03	2016-2020	
149	Cao ốc văn phòng (124 Phan Đăng Lưu)	Phú Nhuận	0,04	0,04	2016-2020	
150	Cao ốc văn phòng (174 Phan Đăng Lưu)	Phú Nhuận	0,04	0,04	2016-2020	
151	Cao ốc văn phòng (111 Phan Đăng Lưu)	Phú Nhuận	0,15	0,15	2016-2020	
152	Văn phòng làm việc (Công đoàn Cao su Việt Nam)	Phú Nhuận	0,05	0,05	2016-2020	
153	Văn phòng làm việc (Ngân hàng Đông Á)	Phú Nhuận	0,08	0,08	2016-2020	
154	Trung tâm thương mại và cao ốc văn phòng (205A Nguyễn Văn Trỗi)	Phú Nhuận	0,23	0,23	2016-2020	
155	Cao ốc văn phòng (168 Hoàng Văn Thụ)	Phú Nhuận	0,08	0,08	2016-2020	
156	Cao ốc văn phòng (573 Nguyễn Kiệm)	Phú Nhuận	0,13	0,13	2016-2020	
157	Trung tâm thương mại - văn phòng (553/71 Nguyễn Kiệm)	Phú Nhuận	0,18	0,18	2016-2020	
158	Trung tâm thương mại (chợ Trần Hữu Trang hiện hữu)	Phú Nhuận	0,38	0,38	2016-2020	
159	Cao ốc Văn phòng (Đất do Thành ủy quản lý)	Phú Nhuận	0,36	0,36	2016-2020	
160	Văn phòng làm việc (38/6E Nguyễn Văn Trỗi)	Phú Nhuận	0,03	0,03	2016-2020	
161	Trung tâm thương mại (chợ Phú Nhuận và trục đg. Cao Thắng)	Phú Nhuận	1,84	1,84	2016-2020	
162	Khu TM - DV - cao ốc VP và căn hộ cho thuê (99C Phổ Quang - Cty Sai Gon Toursirt)	Tân Bình	0,90	0,90	2016-2020	Tô 45, thõa 9
163	Văn phòng - khách sạn thương mại (Đất tại công ty Len Sài Gòn)	Tân Bình	0,67	0,67	2016-2020	Tô 75, thõa 1
164	Trung tâm TMDV và triển lãm quốc tế	Tân Bình	1,40	1,40	2016-2020	Tô 79, thõa 1
165	Cao ốc văn phòng - Khu C30 - A7	Tân Bình	1,17	1,17	2016-2020	Theo QH TL 1/500
166	Cao ốc văn phòng - Khu C30 - A8	Tân Bình	1,35	1,35	2016-2020	Theo QH TL 1/500
167	Trung tâm thương mại văn phòng kinh doanh dịch vụ - Khu C30 - A10	Tân Bình	0,36	0,36	2016-2020	Theo QH TL 1/500
168	Đất văn phòng sản xuất kinh doanh - dịch vụ hiện hữu - Khu C30 - A11	Tân Bình	0,02	0,02	2016-2020	Theo QH TL 1/500
169	Chung cư tại 137 Lý Thường Kiệt chuyển sang thương mại dịch vụ	Tân Bình	0,03	0,03	2016-2020	
170	Chung cư tại 149-151 Lý Thường Kiệt chuyển sang thương mại dịch vụ	Tân Bình	0,03	0,03	2016-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Đất TMDV	Năm thực hiện	Ghi chú
171	Trung tâm thương mại cao ốc văn phòng Tân Bình	Tân Bình	0,70	0,70	2016-2020	Tô 9, thửa 1
172	Chung cư 40/1 Tân Phước chuyển sang thương mại dịch vụ	Tân Bình	0,10	0,10	2016-2020	
173	Khu thương mại và dịch vụ lưu trú cho thuê (khu đất tại Công ty Cổ phần XNK hàng tiêu thủ công nghiệp Sài Gòn (Artex Saigon))	Tân Bình	0,37	0,37	2016-2020	137 Hoàng Hoa Thám
174	Khu TMDV dự kiến (góc Âu Cơ - Hồng Lạc)	Tân Bình	0,81	0,81	2016-2020	Tờ 93, thửa 5 (đất của Cty Seprodex)
175	Khu thương mại - dịch vụ (gần cầu Tham Lương)	Tân Bình	1,21	1,21	2016-2020	Tờ 105, 106, 107, 108, 109
176	Cửa hàng trưng bày, bán kết hợp bảo hành sản phẩm ô tô (Trường Hải)	Tân Phú	0,30	0,30	2016-2020	
177	Nhà hàng tiệc cưới	Tân Phú	0,36	0,36	2016-2020	
178	Văn phòng cho thuê-TM DV (CT CP Thủy sản số 1)	Tân Phú	0,86	0,86	2016-2020	
179	Trung tâm thương mại - dịch vụ	Thủ Đức	0,33	0,33	2016-2020	Cty Cp Địa ốc số 1
180	Dự án Trung tâm thương mại	Thủ Đức	0,25	0,25	2016-2020	Cty TNHH Nam Viên
181	Dự án xây dựng nhà hàng khách sạn	Thủ Đức	0,39	0,39	2016-2020	Cty CP Sài Gòn Hòa Sa
182	Đất hỗn hợp TM-DV	Thủ Đức	38,16	38,16	2016-2020	Chuyển 1 phần từ khu QH hành chính 38,16 ha, diện tích còn lại là hạ tầng khác)
183	Khu điều dưỡng và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	Thủ Đức	4,61	4,61	2016-2020	Cty Thiên Hương
184	XD Nhà trưng bày và bán ô tô	Thủ Đức	0,64	0,64	2016-2020	
185	Xây dựng văn phòng làm việc (CN Cty CP phần mềm quản lý doanh nghiệp tại Tp.HCM)	Thủ Đức	0,08	0,08	2016-2020	
186	Trung tâm thương mại dịch vụ	Bình Chánh	0,56	0,56	2016-2020	
187	Xây dựng VP làm việc, cửa hàng giới thiệu sản phẩm	Bình Chánh	0,67	0,67	2016-2020	
188	Showroom ô tô và kho bãi - Cty Nam Phát Long	Bình Chánh	5,34	2,34	2016-2020	
189	Trụ sở VP, kho thiết bị vật tư và bãi xe chuyên dùng	Bình Chánh	1,19	1,19	2016-2020	
190	Vp làm việc, cửa hàng giới thiệu sản phẩm - Cty Trường Luân	Bình Chánh	0,74	0,74	2016-2020	
191	Trung tâm thương mại Nam Hải	Bình Chánh	7,07	7,07	2016-2020	
192	Kho chứa hàng & trưng bày sản phẩm - CT Đại.T.Phát	Bình Chánh	0,64	0,64	2016-2020	
193	Văn phòng và xưởng lắp thành phẩm	Bình Chánh	0,30	0,30	2016-2020	
194	Văn phòng làm việc, kho chứa hàng - Cty Thúy Hương	Bình Chánh	0,75	0,75	2016-2020	
195	XD văn phòng, kho chứa hàng - Cty Lữ Nhạc	Bình Chánh	0,49	0,49	2016-2020	
196	Trung tâm sát hạch lái xe loại 02	Bình Chánh	1,28	1,28	2016-2020	
197	Bãi tập lái xe - Trường cao đẳng giao thông vận tải 3	Bình Chánh	1,60	1,60	2016-2020	
198	Khu thương mại và dân cư - Công ty Eden	Bình Chánh	7,54	2,54	2016-2020	
199	Công ty Liên Thành Phát	Bình Chánh	1,34	1,34	2016-2020	
200	Trung tâm thương mại khu vực 1,2,3	Bình Chánh	1,50	1,50	2016-2020	
201	Cửa hàng giới thiệu sản phẩm và kho chứa hàng (Tuấn Vinh Nhi)	Bình Chánh	0,24	0,24	2016-2020	
202	Trung tâm thương mại Nguyễn Minh	Bình Chánh	0,94	0,94	2016-2020	
203	Văn phòng và nhà trưng bày sản phẩm	Bình Chánh	0,05	0,05	2016-2020	
204	Công ty TNHH TM Đại Tấn Phát	Bình Chánh	0,42	0,42	2016-2020	
205	Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Bình Chánh	Bình Chánh	0,14	0,14	2016-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Đất TMDV	Năm thực hiện	Ghi chú
206	Văn phòng và cửa hàng giới thiệu sản phẩm (Tân Vạn Phúc)	Bình Chánh	0,06	0,06	2016-2020	
207	Văn phòng, cửa hàng giới thiệu sản phẩm	Bình Chánh	0,80	0,80	2016-2020	
208	Văn phòng và cửa hàng trưng bày sản phẩm	Bình Chánh	2,50	2,50	2016-2020	
209	Văn phòng và cửa hàng trưng bày sản phẩm vỏ xe hơi	Bình Chánh	0,89	0,89	2016-2020	
210	Phòng trưng bày và kinh doanh ô tô tại xã Tân Kiên	Bình Chánh	1,65	1,65	2016-2020	
211	Phòng trưng bày sản phẩm ô tô	Bình Chánh	0,55	0,55	2016-2020	
212	Khu thương nghiệp	Bình Chánh	0,54	0,54	2016-2020	
213	Dự án xây dựng kho chứa Nông Hải Sản khô thành phẩm và văn phòng làm việc	Bình Chánh	2,22	2,22	2016-2020	
214	Trung tâm thương mại Dịch vụ 194	Bình Chánh	2,68	2,68	2016-2020	
215	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới	Bình Chánh	0,45	0,45	2016-2020	
216	Bãi tập lái Hoàng Gia	Bình Chánh	1,27	1,27	2016-2020	
217	Trung tâm thương mại	Cần Giờ	0,75	0,75	2016-2020	
218	Khu TM-DV tại ấp Lý Hòa Hiệp	Cần Giờ	4,49	4,49	2016-2020	
219	Khu TM-DV tại ấp Lý Thái Bửu	Cần Giờ	3,00	3,00	2016-2020	
220	Đầu tư xây dựng mới chợ Bình Khánh kết hợp khu nhà ở thương mại.	Cần Giờ	9,44	9,44	2016-2020	
221	Dự án xây dựng mới khu phố - chợ Cần Thạnh	Cần Giờ	0,80	0,80	2016-2020	
222	Khu thương mại (Vịnh Trà)	Củ Chi	2,53	2,53	2016-2020	
223	Khu thương mại dịch vụ (04 khu)	Củ Chi	5,45	5,45	2016-2020	
224	Trụ sở ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Củ Chi	0,17	0,17	2016-2020	
225	Trụ sở ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Củ Chi	0,45	0,45	2016-2020	
226	Trung tâm thương mại	Củ Chi	1,91	1,91	2016-2020	QHCT KDC A.N.Tây (Khu 2)
227	Thương mại - dịch vụ	Củ Chi	0,85	0,85	2016-2020	QHCT Khu TĐC Safari
228	Thương mại - dịch vụ	Củ Chi	1,22	1,22	2016-2020	QHCT KDC T.L.Thượng
229	Thương mại - dịch vụ	Củ Chi	1,94	1,94	2016-2020	QHCT KDC P.Thạnh (Khu 3)
230	Thương mại - dịch vụ	Củ Chi	2,00	2,00	2016-2020	Thuộc khu đất hỗn hợp
231	TT giao dịch triển lãm sản phẩm nông nghiệp	Củ Chi	23,83	13,83	2016-2020	
232	Trung tâm thương mại	Củ Chi	3,90	3,90	2016-2020	
233	Khu thương mại - dịch vụ	Củ Chi	14,16	14,16	2016-2020	9 công trình thuộc QH Khu Đô thị Tây Bắc
234	Thương mại - dịch vụ	Củ Chi	0,39	0,39	2016-2020	QHCT KDC T.P.Trung (Khu 3)
235	Thương mại - dịch vụ	Củ Chi	0,65	0,65	2016-2020	QHCT KDC T.P.Trung (Khu 4)
236	Thương mại - dịch vụ	Củ Chi	1,84	1,84	2016-2020	QHCT KDC T.T.Tây
237	Trung tâm thương mại	Củ Chi	2,00	2,00	2016-2020	
238	Trung tâm thương mại Satra (Centre Mall)	Củ Chi	1,63	1,63	2016-2020	
239	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới (Tân Thạnh Tây)	Củ Chi	0,82	0,82	2016-2020	
240	Dự án xây dựng Trung tâm thương mại, siêu thị và nhà ở	Hóc Môn	6,25	6,25	2016-2020	bản đồ số 0208/HĐĐV-Cty ngày 17/8/2009 của Cty Vũ Trần Lập (Tân Vạn Phú)

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Đất TMDV	Năm thực hiện	Ghi chú
241	Hóc Môn Plaza (Trung tâm thương mại và chung cư cao tầng huyện Hóc Môn)	Hóc Môn	1,19	1,19	2016-2020	chợ rau XTĐ(UBNDTP đã thuận chủ trương, UBND huyện Hóc Môn đã duyệt đồ án 1/500, chủ đầu tư đang xây dựng (trung voi Hoc mon plaza)
242	Siêu thị trung tâm thương mại Tân Hiệp	Hóc Môn	0,37	0,37	2016-2020	thửa 30,32,33,34,35,45,46,47,48,49; tờ 30 (TL đo 2004)
243	Trung tâm thương mại thị trấn Hóc Môn	Hóc Môn	0,40	0,40	2016-2020	một phần thửa số 1, tờ 9 (TL 2005)
244	Trung tâm thương mại Nhị Xuân	Hóc Môn	0,58	0,58	2016-2020	119,145; tờ 32
245	Trung tâm thương mại - dịch vụ (19 điểm - khu đô thị cảng Hiệp Phước)	Nhà Bè	48,91	48,91	2016-2020	
246	Trung tâm thương mại - dịch vụ (01 điểm - KDC HPI)	Nhà Bè	0,50	0,50	2016-2020	
247	Đất thương mại (Cụm SX Long Thới)	Nhà Bè	2,72	2,72	2016-2020	
248	Trung tâm TMDV (Điểm 1 - Theo QHCT 1/2000 KDC Bờ Bàng)	Nhà Bè	0,47	0,47	2016-2020	
249	Trung tâm TMDV (Điểm 2 - Theo QHCT 1/2000 KDC Bờ Bàng)	Nhà Bè	4,61	4,61	2016-2020	
250	Nhà trưng bày sản phẩm thuốc tây	Nhà Bè	0,20	0,20	2016-2020	
251	Đất thương mại dịch vụ (lấy từ đất QH công an huyện Nhà Bè cũ)	Nhà Bè	2,30	2,30	2016-2020	
II	Siêu thị		35,93	35,93		
1	Quy hoạch Siêu thị	Quận 2	0,52	0,52	2016-2020	Điều chỉnh QH chi tiết KDC phường Cát Lái (70,27 ha)
2	Cửa hàng bách hóa	Quận 2	0,21	0,21	2016-2020	Khu dân cư liên phường Bình Trưng Tây-Thạnh Mỹ Lợi
3	Siêu thị	Quận 7	0,83	0,83	2016-2020	Liên hiệp Hợp tác xã thương mại Thành phố (Saigon Co.op) - Khu hành chính quận 7 cũ
4	Siêu thị (Tổng Công ty nông nghiệp Sài Gòn)	Quận 7	0,45	0,45	2016-2020	
5	Siêu thị (khu 9) (nằm trong kế hoạch 2010)	Quận 12	1,02	1,02	2016-2020	Thuộc 15 điểm kêu gọi đầu tư
6	Siêu thị (Lê Thị Riêng, Kp1) (dự án Phú Nhuận)	Quận 12	0,56	0,56	2016-2020	
7	Siêu thị (khu 6)	Quận 12	0,53	0,53	2016-2020	Thuộc 15 điểm kêu gọi đầu tư
8	Siêu thị (khu 5)	Quận 12	0,78	0,78	2016-2020	Thuộc 15 điểm kêu gọi đầu tư
9	Siêu thị (khu 3)	Quận 12	2,02	2,02	2016-2020	Thuộc 15 điểm kêu gọi đầu tư
10	Siêu thị (khu 11)	Quận 12	0,78	0,78	2016-2020	Thuộc 15 khu kêu gọi đầu tư
11	Siêu thị Coopmart (Trại rau Đồng Tiến)	Quận 12	5,38	5,38	2016-2020	
12	Siêu thị Mini DAILY CARE (333-335 đường số 7)	Bình Tân	0,02	0,02	2016-2020	
13	Siêu thị kinh doanh dịch vụ (2/1B Quang Trung- Chợ Hạnh Thông Tây cũ)	Gò Vấp	0,80	0,80	2016-2020	
14	Siêu thị thương mại dịch vụ (304A Quang Trung)	Gò Vấp	0,40	0,40	2016-2020	
15	Cửa hàng xăng dầu (Phú Trung - Hòa Thạnh)	Tân Phú	0,04	0,04	2016-2020	P. Phú Trung- Hòa Thạnh
16	Siêu thị Vinatex	Thủ Đức	0,83	0,83	2016-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Đất TMDV	Năm thực hiện	Ghi chú
17	XD siêu thị bình ổn giá	Thủ Đức	1,25	1,25	2016-2020	
18	Siêu thị nông nghiệp tổng hợp	Bình Chánh	1,00	1,00	2016-2020	
19	Siêu thị Coopmart	Bình Chánh	1,00	1,00	2016-2020	
20	7 siêu thị hạng 1 thuộc khu vực 1,2	Bình Chánh	3,50	3,50	2016-2020	
21	7 siêu thị hạng 1 thuộc khu vực 3,4	Bình Chánh	3,50	3,50	2016-2020	
22	2 siêu thị loại 2 thuộc khu vực 5	Bình Chánh	0,40	0,40	2016-2020	
23	Siêu thị (Tradico)	Củ Chi	5,32	5,32	2016-2020	
24	Siêu thị (Cửa hàng bình ổn giá)	Củ Chi	0,06	0,06	2016-2020	
25	Siêu thị (Cửa hàng bình ổn giá)	Củ Chi	0,49	0,49	2016-2020	
26	Siêu thị tại ấp Đình xã Tân Xuân	Hóc Môn	2,00	2,00	2016-2020	ấp Đình, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn
27	Siêu thị KDC Hoàng Hải	Hóc Môn			2016-2020	KDC Hoàng Hải, ấp Tiên Lân, xã Bà Điểm
28	Siêu thị tại xã Tân Thới Nhì	Hóc Môn	0,44	0,44	2016-2020	ấp Dân Thắng 1, xã Tân Thới Nhì
29	Siêu thị mới tại xã Thới Tam Thôn	Hóc Môn	0,80	0,80	2016-2020	thửa 86,98,97 tờ 70
30	Siêu thị tại xã Xuân Thới Thượng	Hóc Môn	1,00	1,00	2016-2020	44,45,46,47 tờ 30
III	Cửa hàng xăng dầu		46,20	46,20		
1	Tuyến Xa lộ Hà Nội - Phường Thảo Điền	Quận 2	0,04	0,04	2016-2020	
2	Tuyến đường Quốc Hương - Phường Thảo Điền	Quận 2	0,04	0,04	2016-2020	
3	Tuyến Xa lộ Hà Nội - Phường An Phú	Quận 2	0,08	0,08	2016-2020	
4	Đường dẫn cao tốc Long Thành - Dầu Giây - Phường An Phú	Quận 2	0,20	0,20	2016-2020	
5	Tuyến đường Lương Định Của (đoạn từ ngã 4 Trần Nãi đến ngã 3 An Phú) - Phường An Phú	Quận 2	0,04	0,04	2016-2020	
6	Tuyến đường Mai Chí Thọ (đoạn từ Cầu Giồng ông Tổ mới đến ngã 3 Cát Lái) - Phường An Phú	Quận 2	0,08	0,08	2016-2020	
7	Tuyến đường Mai Chí Thọ (đoạn từ Cầu Giồng ông Tổ mới đến hầm vượt sông Sài Gòn) - Phường An Phú, An Lợi Đông, Bình Khánh	Quận 2	0,08	0,08	2016-2020	
8	Tuyến Nguyễn Hoàng - Phường An Phú	Quận 2	0,04	0,04	2016-2020	
9	Tuyến đường Đỗ Xuân Hợp - Phường An Phú	Quận 2	0,04	0,04	2016-2020	
10	Khu vực gần chợ Bình Khánh, đường vào 38,4ha - Phường Bình Khánh	Quận 2	0,10	0,10	2016-2020	
11	Đường Vành đai Phía Đông (dự án 154ha) - Phường Cát Lái	Quận 2	0,10	0,10	2016-2020	
12	Tuyến đường Lê Phụng Hiểu - Phường Cát Lái	Quận 2	0,04	0,04	2016-2020	
13	Khu vực gần Bến phà Cát Lái - Phường Cát Lái	Quận 2	0,10	0,10	2016-2020	
14	Tuyến đường Đồng Văn Cống (đoạn từ cầu Giồng Ông Tổ mới đến cầu Mỹ Thủy) - Phường Thạnh Mỹ Lợi + Cát Lái	Quận 2	0,08	0,08	2016-2020	
15	Đường Vành đai phía Đông (đoạn từ cầu Phú Mỹ đến cầu Mỹ Thủy) - Phường Thạnh Mỹ Lợi	Quận 2	0,08	0,08	2016-2020	
16	Tuyến đường Nguyễn Thị Định - Phường Cát Lái, Bình Trưng Tây, Thạnh Mỹ Lợi	Quận 2	0,08	0,08	2016-2020	
17	Tuyến đường Nguyễn Duy Trinh - Phường Bình Trưng Tây	Quận 2	0,04	0,04	2016-2020	
18	Khu Đô thị mới Thủ Thiêm (Khu dân cư phía Bắc - Lô 4-27)	Quận 2	0,07	0,07	2016-2020	
19	Khu Đô thị mới Thủ Thiêm (Gắn hồ trung tâm - Lô 5-3)	Quận 2	0,11	0,11	2016-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Đất TMDV	Năm thực hiện	Ghi chú
20	Khu Đô thị mới Thủ Thiêm (Khu dân cư Bình Khánh - Lô 7-17)	Quận 2	0,15	0,15	2016-2020	
21	Khu vực đường Hoàng Sa (phường 7,8,9,11), Tuyến đường dài 2,7km	Quận 3	0,04	0,04	2016-2020	
22	Khu vực đường Trường Sa (phường 12,13,14), Tuyến đường dài 2,8km	Quận 3	0,04	0,04	2016-2020	
23	Đường 14, phường 2, trong công viên hồ Khánh Hội	Quận 4	0,04	0,04	2016-2020	
24	Đường Nguyễn Tất Thành, gần bến xe buýt (trong khu 930ha)	Quận 4	0,04	0,04	2016-2020	
25	Khu vực giữa trục đường Bắc - Nam, bên phải và trái tuyến	Quận 4	0,08	0,08	2016-2020	
26	Khu vực giữa đường Xóm Chiếu và đường 14 (nối dài)	Quận 4	0,04	0,04	2016-2020	
27	Trên địa bàn khu dân cư liên phường 01, 02 (Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên Phường 01, 02 đã được UBND Quận 6 phê duyệt tại Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 22/4/2010).	Quận 6	0,12	0,12	2016-2020	
28	Trên địa bàn khu dân cư liên phường 12, 13, 14 (Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên Phường 12, 13, 14 đã được UBND Quận 6 phê duyệt tại Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 07/6/2007).	Quận 6	0,12	0,12	2016-2020	
29	Trên địa bàn khu dân cư Phú Lâm (Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phú Lâm liên Phường 13, 14 đã được UBND Quận phê duyệt tại Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 15/06/2007).	Quận 6	0,04	0,04	2016-2020	
30	Trên địa bàn khu dân cư liên phường 10, 11 (Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên Phường 10, 11 đã được UBND Quận 6 phê duyệt tại Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 07/6/2007).	Quận 6	0,08	0,08	2016-2020	
31	Đường Đào Trí - Phường Phú Thuận. (đã giải quyết cho Công ty Dịch vụ công ích quận 7 theo quy hoạch tại Quyết định 39/2007/QĐ-UBND ngày 06/3/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh)	Quận 7	0,04	0,04	2016-2020	
32	Khu A phường Tân Phú, quận 7 (Văn bản 1719/BQLKN-QHXD ngày 28/11/2013 của Ban quản lý Khu Nam đề xuất)	Quận 7	0,04	0,04	2016-2020	
33	Khu A phường Tân Phong, quận 7 (Văn bản 1719/BQLKN-QHXD ngày 28/11/2013 của Ban quản lý Khu Nam đề xuất)	Quận 7	0,04	0,04	2016-2020	
34	Quy hoạch cây xăng tại khu vực chợ Bình Điền	Quận 8	0,04	0,04	2016-2020	
35	Khu dân cư Phường 7, trên đường Ba Tơ (Trịnh Quang Nghị)	Quận 8	0,05	0,05	2016-2020	
36	Khu dân cư phường 16, trên đường Bến Phú Định (Theo QĐ 39/2007/UBND)	Quận 8	0,05	0,05	2016-2020	
37	Trên tuyến đường Lưu Hữu Phước; 268 Lưu Hữu Phước (đất trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường 15)	Quận 8	0,05	0,05	2016-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Đất TMDV	Năm thực hiện	Ghi chú
38	Bến Bình Đông - Mễ Cốc; 338 Bến Bình Đông (đất của Công ty Ong Mật TP)	Quận 8	0,09	0,09	2016-2020	
39	Tuyến đường Tạ Quang Bửu (từ ngã tư Cao Lỗ-Tạ Quang Bửu đến Cầu Kinh Sáng-Tạ Quang Bửu)	Quận 8	0,04	0,04	2016-2020	
40	Khu D phường 7, quận 8 (Văn bản 1719/BQLKN-QHXD ngày 28/11/2013 của Ban quản lý Khu Nam đề xuất)	Quận 8	0,04	0,04	2016-2020	
41	Khu 17 - Khu Thương mại Bình Điền, phường 7, quận 8 (Văn bản 1719/BQLKN-QHXD ngày 28/11/2013 của Ban quản lý Khu Nam đề xuất)	Quận 8	0,04	0,04	2016-2020	
42	Quy hoạch cây xăng tại khu vực ngã tư Cao Lỗ - Tạ Quang Bửu thuộc dự án Công Viên Đồng Điều	Quận 8	0,04	0,04	2016-2020	
43	Phường Hiệp Phú	Quận 9	0,14	0,14	2016-2020	
44	Phường Long Bình	Quận 9	0,04	0,04	2016-2020	
45	Phường Long Thạnh Mỹ	Quận 9	0,04	0,04	2016-2020	
46	Phường Phước Long A	Quận 9	0,08	0,08	2016-2020	
47	Phường Phước Long B	Quận 9	0,08	0,08	2016-2020	
48	Phường Tăng Nhơn Phú A	Quận 9	0,08	0,08	2016-2020	
49	Phường Tân Phú	Quận 9	0,04	0,04	2016-2020	
50	Phường Phước Bình	Quận 9	0,08	0,08	2016-2020	
51	Phường Tăng Nhơn Phú B	Quận 9	0,08	0,08	2016-2020	
52	Phường Long Phước	Quận 9	0,04	0,04	2016-2020	
53	Phường Tân Hưng Thuận: - Đã có 01 địa điểm được UBND TP có Văn bản số 231/UBND-TM ngày 16/01/2014 chấp thuận cho công ty CP Quản lý BĐS Hoàng Gia xây dựng mới cửa hàng xăng dầu tại mặt tiền đường Trường Chinh (đổi tên chủ đầu tư thành Công ty TNHH TM-D	Quận 12	0,12	0,12	2016-2020	
54	Phường Trung Mỹ Tây	Quận 12	0,08	0,08	2016-2020	
55	Phường Tân Chánh Hiệp	Quận 12	0,08	0,08	2016-2020	
56	Phường Tân Thới Hiệp; (Đã có 01 địa điểm được UBND TP có Văn bản số 157/UBND-TM ngày 09/01/2013 chấp thuận cho Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương mại Thanh Xuân xây dựng mới CHXD tại 79/1 Quốc lộ 1, khu phố 2, phường Tân Thới Hiệp).	Quận 12	0,08	0,08	2016-2020	
57	Phường Hiệp Thành	Quận 12	0,08	0,08	2016-2020	
58	Phường Thới An	Quận 12	0,08	0,08	2016-2020	
59	Phường Thạnh Xuân	Quận 12	0,12	0,12	2016-2020	
60	Phường An Phú Đông	Quận 12	0,08	0,08	2016-2020	
61	Giai đoạn 2013-2020	Bình Tân	1,86	1,86	2016-2020	
62	Tuyến đường Trần Đại Nghĩa (khu vực phường Tân Tạo A).	Bình Tân	0,20	0,20	2016-2020	
63	Tuyến đường Quốc lộ 1 từ ngã tư Hương lộ 2 và Quốc lộ 1 đến giáp ranh quận 12 (khu vực phường Bình Trị Đông A, phường Bình Hưng Hòa A, phường Bình Hưng Hòa).	Bình Tân	0,20	0,20	2016-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Đất TMDV	Năm thực hiện	Ghi chú
64	Tuyến đường Võ Văn Kiệt (khu vực phường An Lạc): - Đã được UBND TP có Văn bản số 2241/UBND-TM ngày 17/5/2012 chấp thuận cho công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOil) xây dựng mới CHXD tại khu phố 3, đường Võ Văn Kiệt, phường An Lạc.	Bình Tân	0,20	0,20	2016-2020	
65	Tuyến đường dẫn Cao tốc Trung Lương hướng từ khu vực phường Tân Tạo đến phường Tân Tạo A.	Bình Tân	0,56	0,56	2016-2020	
66	Tuyến đường dẫn Cao tốc Trung Lương từ khu vực phường Tân Tạo A đến phường Tân Tạo.	Bình Tân	0,20	0,20	2016-2020	
67	Tuyến đường Tỉnh lộ 10B (khu vực phường Tân Tạo A, phường Tân Tạo).	Bình Tân	0,20	0,20	2016-2020	
68	Tuyến đường Hương lộ 2 từ ngã tư Mã Lò và Hương lộ 2 đến tuyến đường Tây Lân (khu vực phường Bình Trị Đông A): - Đã được UBND TP có Văn bản số 6283/UBND-TM ngày 9/12/2011 chấp thuận cho chủ đầu tư Lê Thanh Tú (công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Vân Trúc)	Bình Tân	0,05	0,05	2016-2020	
69	Tuyến đường Tỉnh lộ 10 từ Ngã tư Bà Hom đến giáp ranh huyện Bình Chánh (khu vực phường Tân Tạo A, phường Tân Tạo).	Bình Tân	0,05	0,05	2016-2020	
70	Tuyến đường Mã Lò (khu vực phường Bình Trị Đông A, phường Bình Hưng Hòa A).	Bình Tân	0,05	0,05	2016-2020	
71	Tuyến đường Bình Long (khu vực phường Bình Hưng Hòa A, phường Bình Hưng Hòa).	Bình Tân	0,05	0,05	2016-2020	
72	Khu vực dân cư phường Bình Hưng Hòa B	Bình Tân	0,05	0,05	2016-2020	
73	Tuyến đường Quốc lộ 1 từ vòng xoay An Lạc đến Ngã tư Bà Hom (khu vực phường Tân Tạo A)	Bình Tân	0,05	0,05	2016-2020	
74	Giai đoạn 2021-2025	Bình Tân	0,50	0,50	2016-2020	
75	Khu vực dân cư phường Bình Hưng Hòa B	Bình Tân	0,05	0,05	2016-2020	
76	Khu vực dân cư phường An Lạc	Bình Tân	0,05	0,05	2016-2020	
77	Tuyến đường Kinh Dương Vương (khu vực phường An Lạc).	Bình Tân	0,05	0,05	2016-2020	
78	Khu vực dân cư phường Bình Hưng Hòa	Bình Tân	0,05	0,05	2016-2020	
79	Khu vực dân cư phường Bình Hưng hòa A	Bình Tân	0,05	0,05	2016-2020	
80	Tuyến đường Đất Mới (khu vực phường Bình Trị Đông A, phường Bình Trị Đông)	Bình Tân	0,20	0,20	2016-2020	
81	Khu vực dân cư phường Tân Tạo A	Bình Tân	0,05	0,05	2016-2020	
82	Khu vực phường 22 (Trong dự án đầu tư khu vực bờ tây sông Sài Gòn)	Bình Thạnh	0,04	0,04	2016-2020	
83	Khu đô thị mới Bình Quới, phường 28	Bình Thạnh	0,04	0,04	2016-2020	
84	Khu vực dân cư phường 13	Bình Thạnh	0,04	0,04	2016-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Đất TMDV	Năm thực hiện	Ghi chú
85	Cụm 1 (gồm Phường 1+Phường 3+ Phường 4 + Phường 5+ Phường 7) Tổng công ty 28- Bộ Quốc Phòng- Cửa hàng xăng dầu Dương Quảng Hàm địa chỉ: số 365 Dương Quảng Hàm, phường 7, quận Gò Vấp (Không vi phạm lộ giới; Cửa hàng xăng dầu thuộc đơn vị Quân đội làm nhiệm vụ)	Gò Vấp	0,04	0,04	2016-2020	
86	Cụm 2 (gồm Phường 6+Phường 10+ Phường 17) Tổng công ty 28- Bộ Quốc Phòng- Cửa hàng xăng dầu 690 địa chỉ: số 3 Phan Văn Trị , phường 10, quận Gò Vấp (Không vi phạm lộ giới; Cửa hàng xăng dầu thuộc đơn vị Quân đội làm nhiệm vụ cấp phát phục vụ Quốc phòng và	Gò Vấp	0,04	0,04	2016-2020	
87	Cụm 3 (gồm Phường 11+Phường 13+ Phường 15+ Phường 16)	Gò Vấp	0,08	0,08	2016-2020	
88	Cụm 4 (gồm Phường 8+Phường 9+ Phường 12+ Phường 14)	Gò Vấp	0,08	0,08	2016-2020	
89	Khu vực đường Hoàng Minh Giám	Phú Nhuận	0,04	0,04	2016-2020	
90	Nhà máy sửa chữa máy bay 41 - BTL Phòng không - Không quân (chuyển từ địa chỉ 20 Cộng Hòa Phường 12 về đường Trường Chinh Phường 15, gần cổng số 4 sân bay Tân Sơn Nhất) Khu đất thuộc Sư đoàn 370 quản lý (Đã có văn bản của UBND TP c	Tân Bình	0,04	0,04	2016-2020	
91	Cửa hàng xăng dầu khu dân cư Tân Thắng (2 cửa hàng)	Tân Phú	0,08	0,08	2016-2020	Trong khu Tân Thắng
92	Cửa hàng xăng dầu đường Thoại Ngọc Hầu	Tân Phú	0,04	0,04	2016-2020	Phường Phú Thạnh
93	Cây xăng 181 Hòa Bình (TNHH Tân Hiệp)	Tân Phú	0,10	0,10	2016-2020	
94	622 Bình Long, Phường Tân Quý, quận Tân Phú: (Xây dựng lại cửa hàng hiện hữu theo Quy chuẩn Quốc gia hiện hành và hoàn tất các thủ tục pháp lý của Doanh Nghiệp Tư Nhân Xăng dầu nhớt Bình Long)	Tân Phú	0,04	0,04	2016-2020	
95	Khu vực 1: Phường Linh Chiểu + Phường Linh Trung + Phường Linh Xuân (phục vụ khu dân cư mới).	Thủ Đức	0,30	0,30	2016-2020	
96	Khu vực 2: Phường Bình Thọ, Phường Trường Thọ (phục vụ tuyến đường vành đai trong và khu dân cư mới).	Thủ Đức	0,05	0,05	2016-2020	
97	Khu vực 3: Phường Tam Phú, Phường Linh Đông, Phường Linh Tây (P.Linh Tây, P.Linh Đông phát triển tuyến đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi). (P.Tam Phú: Phát triển trên tuyến đường Tam Bình và khu dân cư mới Khu phố 1). - Khu vực P. Linh Tây: Đã có 01 địa điểm	Thủ Đức	0,05	0,05	2016-2020	
98	Khu vực 4: Phường Hiệp Bình Chánh, Phường Hiệp Bình Phước, Phát triển mới trên tuyến đường Hiệp Bình và các tuyến đường chính quốc lộ 13, KVC	Thủ Đức	0,18	0,18	2016-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Đất TMDV	Năm thực hiện	Ghi chú
99	Khu vực 5: Phường Tam Bình, Phường Bình Chiểu (Phát triển phục vụ khu chế xuất Linh Trung 2 và khu công nghiệp Bình Chiểu).	Thủ Đức	0,16	0,16	2016-2020	
100	Trạm kinh doanh xăng dầu Lâm Tài Chánh	Bình Chánh	0,12	0,12	2016-2020	
101	2 CHXD khu vực cao tốc TPHCM - Trung Lương	Bình Chánh	0,30	0,30	2016-2020	
102	Cửa hàng XD đường Nguyễn Hữu Trí	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
103	Cửa hàng XD đường Bùi Thanh Khiết	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
104	Cửa hàng XD khu phố 4 Quốc lộ 1A	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
105	2 CHXD xã Vĩnh Lộc A	Bình Chánh	0,33	0,33	2016-2020	
106	Cửa hàng XD đường Quách Điêu	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
107	Cửa hàng XD đường liên ấp 2-6	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
108	Cửa hàng XD đường Mai Bá Hương	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
109	Cửa hàng XD	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
110	Cửa hàng XD - Tỉnh lộ 10	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
111	Cửa hàng XD - đường Hưng Long Qui Đức	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
112	Cửa hàng XD	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
113	Cửa hàng XD - ấp 3, Võ Văn Vân	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
114	Cửa hàng XD - đường liên ấp 1-2-3	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
115	Cửa hàng XD - ấp 2, Võ Văn Vân	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
116	Cửa hàng XD - Tỉnh lộ 10	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
117	Cửa hàng XD - Đường Thanh niên	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
118	Cửa hàng XD - Đường An Hạ	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
119	Cửa hàng XD - Đường Vườn Thơm	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
120	Cửa hàng XD	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
121	Cửa hàng XD - Thế Lữ	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
122	Cửa hàng XD - ấp 2	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
123	Cửa hàng XD - ấp 4	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
124	Cửa hàng XD - Hoàng Phan Thái	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
125	Cửa hàng XD - Nguyễn Cửu Phú	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
126	Cửa hàng XD - Trần Đại Nghĩa	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
127	Cửa hàng XD - Thế Lữ	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
128	2 Cửa hàng XD Quốc lộ 1A	Bình Chánh	0,30	0,30	2016-2020	
129	Cửa hàng XD - Đình Đức Thiện	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
130	Cửa hàng XD - Hương Lộ 11	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
131	Cửa hàng XD - đường An Phú Tây Hưng Long	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
132	Cửa hàng XD vị trí số 9 khu 19	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
133	Cửa hàng XD vị trí số 12 khu D Phú Mỹ Hưng	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
134	Cửa hàng XD vị trí số 3 khu E Phú Mỹ Hưng	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
135	2 Cửa hàng XD đường Đoàn Nguyễn Tuân	Bình Chánh	0,30	0,30	2016-2020	
136	Cửa hàng XD vị trí số 10 khu B Phú Mỹ Hưng	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
137	Cửa hàng XD - vị trí số 2 khu 7	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
138	Cửa hàng XD - vị trí số 3 khu 9AB	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
139	Cửa hàng XD - Chánh Hưng (Phạm Hùng)	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
140	Cửa hàng XD - đường Nguyễn Văn Linh	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
141	Cửa hàng XD - đường Trịnh Quang Nghị	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
142	Cửa hàng XD - đường Tân Liêm	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
143	Cửa hàng XD - vị trí số 5 khu 15	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
144	Cửa hàng XD - vị trí số 11 khu C Phú Mỹ Hưng	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
145	Cửa hàng XD - song hành QL 50	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Đất TMDV	Năm thực hiện	Ghi chú
146	Cửa hàng XD - Quốc lộ 50	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
147	Cửa hàng XD - song hành QL 50	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
148	Cửa hàng XD	Bình Chánh	0,15	0,15	2016-2020	
149	Khu vực xã Vĩnh Lộc A (Đã có 01 địa điểm được UBND TP có Văn bản chấp thuận cho công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ kinh doanh Xăng dầu Phú Cường xây dựng mới CHXD tại ấp 5, xã Vĩnh Lộc A).	Bình Chánh	0,18	0,18	2016-2020	
150	Khu vực xã Vĩnh Lộc B: - Đã có 01 địa điểm được UBND TP có Văn bản chấp thuận cho Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương mại - Dịch vụ Thanh Phúc xây dựng mới CHXD tại đường Võ Văn Vân, xã Vĩnh Lộc B - Đã có 01 địa điểm được UBND TP có Quyết định giao đất cho Doan	Bình Chánh	0,27	0,27	2016-2020	
151	Khu vực xã Phạm Văn Hai	Bình Chánh	0,09	0,09	2016-2020	
152	Khu vực xã Bình Lợi	Bình Chánh	0,09	0,09	2016-2020	
153	Khu vực xã Tân Nhựt: Sở Công Thương đã có văn bản thống nhất chủ trương xây dựng 01 cửa hàng xăng dầu phù hợp quy hoạch (Phụ lục 5- Quyết định 39/2007/QĐ-UBND) cho chủ đầu tư Nguyễn Anh Tuấn tại ấp 2, xã Tân Nhựt.	Bình Chánh	0,18	0,18	2016-2020	
154	Khu vực xã Lê Minh Xuân	Bình Chánh	0,18	0,18	2016-2020	
155	Thị trấn Tân Túc	Bình Chánh	0,10	0,10	2016-2020	
156	Khu vực xã Tân Kiên (Đã có 01 địa điểm được UBND TP có Văn bản chấp thuận cho công ty TNHH Thương mại Mỹ Anh xây dựng mới CHXD tại đường Thế Lữ, ấp 4, xã Tân Kiên).	Bình Chánh	0,27	0,27	2016-2020	
157	Xã Tân Quý Tây	Bình Chánh	0,09	0,09	2016-2020	
158	Khu vực xã Phong Phú	Bình Chánh	0,18	0,18	2016-2020	
159	Khu vực xã Đa Phước	Bình Chánh	0,18	0,18	2016-2020	
160	Xã Bình Hưng	Bình Chánh	0,09	0,09	2016-2020	
161	Khu vực xã An Phú Tây	Bình Chánh	0,09	0,09	2016-2020	
162	Theo quy hoạch của Ban Quản lý Khu Nam Thành phố	Bình Chánh	0,48	0,48	2016-2020	
163	Vị trí số 2 Khu 7 + Vị trí số 3 Khu 9AB - Khu đô thị mới Nam Thành phố + Vị trí số 10 Khu B Phú Mỹ Hưng (xã Bình Hưng)	Bình Chánh	0,12	0,12	2016-2020	
164	Vị trí số 5 Khu 15 xã Phong Phú	Bình Chánh	0,20	0,20	2016-2020	
165	Vị trí số 11Khu C - Phú Mỹ Hưng xã Phong Phú	Bình Chánh	0,04	0,04	2016-2020	
166	Vị trí số 9 Khu19; Vị trí số 12Khu D - Phú Mỹ Hưng; Vị trí số 13 Khu E - Phú Mỹ Hưng xã An Phú Tây	Bình Chánh	0,12	0,12	2016-2020	
167	Giai đoạn 2021-2025	Bình Chánh	1,53	1,53	2016-2020	
168	Khu vực xã Vĩnh Lộc A	Bình Chánh	0,18	0,18	2016-2020	
169	Khu vực xã Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	0,09	0,09	2016-2020	
170	Khu vực xã Phạm Văn Hai	Bình Chánh	0,09	0,09	2016-2020	
171	Khu vực xã Bình Chánh	Bình Chánh	0,09	0,09	2016-2020	
172	Khu vực xã Lê Minh Xuân	Bình Chánh	0,09	0,09	2016-2020	
173	Thị trấn Tân Túc	Bình Chánh	0,09	0,09	2016-2020	
174	Xã Tân Quý Tây	Bình Chánh	0,27	0,27	2016-2020	
175	Xã Quy Đức	Bình Chánh	0,09	0,09	2016-2020	
176	Khu vực xã Bình Lợi	Bình Chánh	0,09	0,09	2016-2020	
177	Khu vực xã Phong Phú	Bình Chánh	0,27	0,27	2016-2020	
178	Khu vực xã Đa Phước	Bình Chánh	0,09	0,09	2016-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Đất TMDV	Năm thực hiện	Ghi chú
179	Khu vực xã Hưng Long	Bình Chánh	0,09	0,09	2016-2020	
180	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu (xã Lê Minh Xuân)	Bình Chánh	0,05	0,05	2016-2020	
181	Trạm xăng dầu - khu số 19	Bình Chánh	0,19	0,19	2016-2020	
182	Khu vực xã Bình Khánh	Cần Giờ	0,72	0,72	2016-2020	
183	Ấp Bình An, xã Bình Khánh (Đã có 01 địa điểm được UBND TP có Văn bản chấp thuận cho Công ty Xăng dầu KV2-TNHH MTV (Petrolimex) xây dựng mới CHXD tại đường Rừng Sác, ấp Bình An, xã Bình Khánh).	Cần Giờ	0,09	0,09	2016-2020	
184	Ấp Bình Lợi, xã Bình Khánh	Cần Giờ	0,09	0,09	2016-2020	
185	Ấp Bình Thạnh xã Bình Khánh	Cần Giờ	0,09	0,09	2016-2020	
186	Ấp Bình Mỹ, xã Bình Khánh	Cần Giờ	0,09	0,09	2016-2020	
187	Khu Bà Xán, ấp Bình Lợi, xã Bình Khánh	Cần Giờ	0,09	0,09	2016-2020	
188	Ấp Bình Phước, xã Bình Khánh	Cần Giờ	0,09	0,09	2016-2020	
189	Đường Rừng Sác, ấp Bình An, xã Bình Khánh (bên phải tuyến)	Cần Giờ	0,09	0,09	2016-2020	
190	Đường Rừng Sác, ấp Bình An, xã Bình Khánh (bên trái tuyến)	Cần Giờ	0,09	0,09	2016-2020	
191	Khu vực xã Tam Thôn Hiệp	Cần Giờ	0,27	0,27	2016-2020	
192	Ấp Trần Hưng Đạo, xã Tam Thôn Hiệp	Cần Giờ	0,09	0,09	2016-2020	
193	Ấp An Hòa, xã Tam Thôn Hiệp	Cần Giờ	0,09	0,09	2016-2020	
194	Ấp An Phước, xã Tam Thôn Hiệp	Cần Giờ	0,09	0,09	2016-2020	
195	Khu vực xã An Thới Đông	Cần Giờ	0,36	0,36	2016-2020	
196	Ấp An Bình, xã An Thới Đông	Cần Giờ	0,09	0,09	2016-2020	
197	Ấp An Nghĩa, xã An Thới Đông	Cần Giờ	0,09	0,09	2016-2020	
198	Ấp An Hòa, xã An Thới Đông	Cần Giờ	0,09	0,09	2016-2020	
199	Ấp Lý Thái Bửu, xã Lý Nhơn	Cần Giờ	0,09	0,09	2016-2020	
200	Khu vực thị trấn Cần Thạnh	Cần Giờ			2016-2020	
201	Khu Đồng Đình, khu phố Giồng Ao, thị trấn Cần Thạnh	Cần Giờ	0,09	0,09	2016-2020	
202	Khu phố Giồng Ao, thị trấn Cần Thạnh	Cần Giờ	0,09	0,09	2016-2020	
203	Khu vực xã Long Hòa	Cần Giờ	0,45	0,45	2016-2020	
204	Ấp Đồng Hòa, xã Long Hòa	Cần Giờ	0,09	0,09	2016-2020	
205	Ấp Long Thạnh, xã Long Hòa	Cần Giờ	0,09	0,09	2016-2020	
206	Ấp Hòa Hiệp, xã Long Hòa	Cần Giờ	0,09	0,09	2016-2020	
207	Khu Hào Võ, ấp Long Thạnh, xã Long Hòa	Cần Giờ	0,09	0,09	2016-2020	
208	Ấp Đồng Tranh, xã Long Hòa	Cần Giờ	0,09	0,09	2016-2020	
209	Khu vực xã Thạnh An	Cần Giờ	0,18	0,18	2016-2020	
210	Ấp Thiềng Liềng, xã Thạnh An	Cần Giờ	0,09	0,09	2016-2020	
211	Trung tâm xã Thạnh An	Cần Giờ	0,09	0,09	2016-2020	
212	Khu vực Đài tưởng niệm Bến Dược	Củ Chi	0,20	0,20	2016-2020	
213	Đường Tỉnh lộ 6	Củ Chi	0,20	0,20	2016-2020	
214	Khu vực ấp Phú Hòa	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
215	Khu vực ấp Phú Thuận	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
216	Khu vực ấp Phú Lợi (Đã được UBND TP có Quyết định chấp thuận cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi xây dựng mới CHXD tại đây).	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
217	Xã An Phú	Củ Chi			2016-2020	
218	Khu vực ấp Phú Bình, Xóm Chùa, Xóm Thuốc	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
219	Khu vực ấp An Hòa, ấp An Bình	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
220	Xã An Nhơn Tây	Củ Chi			2016-2020	
221	Khu vực ấp Xóm Trại, ấp Chợ Củ	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
222	Khu vực Khu Công nghiệp Bàu Đưng	Củ Chi	0,20	0,20	2016-2020	
223	Xã Trung Lập Thượng	Củ Chi			2016-2020	
224	Khu vực ấp Đồng Lớn, Sa Nhỏ	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Đất TMDV	Năm thực hiện	Ghi chú
225	Khu vực ấp Ràng, ấp Trung Hưng	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
226	Đường Tỉnh lộ 2	Củ Chi	0,20	0,20	2016-2020	
227	Đường Tỉnh lộ 2	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
228	Xã Phước Thạnh: Khu vực ấp Mây Đắng, Vườn Trầu, Bàu Trầu	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
229	Xã Thái Mỹ	Củ Chi			2016-2020	
230	Khu vực ấp Mỹ Khánh A, Mỹ Khánh B	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
231	Đường Tỉnh lộ 7	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
232	Xã Phước Hiệp: Khu vực ấp Cây Trôm, ấp Ba Sa	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
233	Xã Trung Lập Hạ	Củ Chi			2016-2020	
234	Đường Tỉnh lộ 7	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
235	Đường Tỉnh lộ 2	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
236	Khu vực Khu Công nghiệp Tây Bắc	Củ Chi	0,20	0,20	2016-2020	
237	Xã Tân An Hội	Củ Chi			2016-2020	
238	Khu vực Khu Công nghiệp Tây Bắc	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
239	Khu vực Khu Công nghiệp Tây Bắc	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
240	Đường Tỉnh lộ 8	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
241	Xã Tân Phú Trung	Củ Chi			2016-2020	
242	Đường Quốc lộ 22	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
243	Khu vực Khu Công nghiệp Tân Phú Trung	Củ Chi	0,20	0,20	2016-2020	
244	Khu vực Khu Công nghiệp Tân Phú Trung	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
245	Khu vực ấp Chợ, ấp Giồng Sao	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
246	Khu vực ấp Phú Lợi, ấp Cây Da	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
247	Xã Tân Thạnh Đông	Củ Chi			2016-2020	
248	Khu vực ấp 6, ấp 7, ấp 7A	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
249	Khu vực ấp 8, ấp 9, ấp 9A, ấp 10	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
250	Đường Tỉnh lộ 15	Củ Chi	0,20	0,20	2016-2020	
251	Khu vực ấp 3B, ấp 4, ấp 4A	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
252	Khu vực ấp 3B, ấp 3A, ấp 2, ấp 2A	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
253	Xã Bình Mỹ	Củ Chi			2016-2020	
254	Khu vực ấp 7, ấp 8	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
255	Khu vực ấp 6A, ấp 6B	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
256	Khu vực ấp 5, ấp 6A	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
257	Khu vực ấp 4A, ấp 5	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
258	Đường Tỉnh lộ 9	Củ Chi	0,20	0,20	2016-2020	
259	Đường Tỉnh lộ 9	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
260	Khu vực ấp 4B, ấp 7	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
261	Xã Hòa Phú	Củ Chi			2016-2020	
262	Khu vực ấp 1, ấp 2, ấp 3	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
263	Khu vực ấp 1A, ấp 5	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
264	Xã Trung An	Củ Chi			2016-2020	
265	Khu vực ấp An Bình, ấp Chợ	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
266	Khu vực ấp An Hòa	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
267	Khu vực ấp Bốn Phú	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
268	Xã Phú Hòa Đông	Củ Chi			2016-2020	
269	Khu vực ấp Chợ, ấp Phú Lợi, ấp Bến Cỏ, ấp Phú Thuận	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
270	Đường Tỉnh lộ 15	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
271	Khu vực ấp Phú Mỹ, ấp Cây Trắc	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
272	Khu vực ấp Cây Trắc, ấp Phú Hiệp	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
273	Khu vực ấp Cây Trâm, ấp Phú Hiệp	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
274	Xã Phạm Văn Cội	Củ Chi			2016-2020	
275	Khu vực Cụm Công nghiệp Phạm Văn Cội	Củ Chi	0,20	0,20	2016-2020	
276	Khu vực ấp 1, ấp 2	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
277	Khu vực ấp 3, ấp 4, ấp 5	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
278	Xã Nhuận Đức	Củ Chi			2016-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Đất TMDV	Năm thực hiện	Ghi chú
279	Đường Tỉnh lộ 15 (Đã được UBND TP có Văn bản chấp thuận cho Chi nhánh Đầu tư và xây dựng Miền Nam - Tổng công ty Xây dựng và Đầu tư Lũng Lô - Bộ Quốc Phòng tham gia hoạt động kinh doanh và bổ sung vào Quy hoạch)	Củ Chi	0,20	0,20	2016-2020	
280	Khu vực ấp Bàu Trăn, Bến Đình	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
281	Khu vực ấp Xóm Bưng, ấp Ngã Tư	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
282	Khu vực ấp Ngã Tư, ấp Canh Lý	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
283	Khu vực ấp Bàu Chứa, Bàu Tròn	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
284	Khu vực ấp Đức Hiệp, Bàu Cạp	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
285	Xã Phước Vĩnh An	Củ Chi			2016-2020	
286	Đường Tỉnh lộ 2	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
287	Khu vực ấp 1, ấp 2	Củ Chi	0,09	0,09	2016-2020	
288	Cửa hàng xăng dầu loại 2 (theo QĐ 39/2007/QĐ-UBND)	Hóc Môn	0,35	0,35	2016-2020	Hương lộ 65- xã Xuân Thới Sơn (đường Dương Công Khi)
289	Cửa hàng xăng dầu loại 3 (theo QĐ 39/2007/QĐ-UBND)	Hóc Môn	0,20	0,20	2016-2020	Hương lộ 65- xã Tân Hiệp gần nhà máy nước Tân Hiệp
290	Cửa hàng xăng dầu loại 2 (theo QĐ 39/2007/QĐ-UBND)	Hóc Môn	0,35	0,35	2016-2020	thửa 413 tờ 64 (thuộc khu cn XTT)
291	Cửa hàng xăng dầu loại 3 (theo QĐ 39/2007/QĐ-UBND)	Hóc Môn	0,20	0,20	2016-2020	Hương lộ 80B ấp 3, xã Đông Thạnh
292	Cửa hàng xăng dầu loại 2 (theo QĐ 39/2007/QĐ-UBND)	Hóc Môn	0,35	0,35	2016-2020	Hương lộ 80 xã Trung Chánh
293	Cửa hàng xăng dầu loại 3 (theo QĐ 39/2007/QĐ-UBND)	Hóc Môn	0,20	0,20	2016-2020	Ấp 3, xã Đông Thạnh
294	Cửa hàng xăng dầu loại 3 (theo QĐ 39/2007/QĐ-UBND)	Hóc Môn	0,20	0,20	2016-2020	Ấp 4, xã Đông Thạnh
295	Cửa hàng xăng dầu loại 3 (theo QĐ 39/2007/QĐ-UBND)	Hóc Môn	0,20	0,20	2016-2020	Ấp 1, xã Nhị Bình
296	Cửa hàng xăng dầu loại 3 (theo QĐ 39/2007/QĐ-UBND)	Hóc Môn	0,20	0,20	2016-2020	Hương lộ 12 - xã Nhị Bình
297	Cửa hàng xăng dầu loại 2 (theo QĐ 39/2007/QĐ-UBND)	Hóc Môn	0,35	0,35	2016-2020	Phan Văn Hớn, ấp Trung Lân, xã Bà Điểm
298	Khu đô thị Tây Bắc - xã Xuân Thới Sơn, Tân Thới Nhì	Hóc Môn	0,18	0,18	2016-2020	
299	Khu dân cư đô thị Cầu Lớn - ấp 5, xã Xuân Thới Sơn	Hóc Môn	0,09	0,09	2016-2020	
300	Trục đường vành đai 3 - xã Tân Thới Nhì, Tân Hiệp	Hóc Môn	0,60	0,60	2016-2020	
301	Bến xe Xuyên Á - xã Tân Thới Nhì	Hóc Môn	0,20	0,20	2016-2020	
302	Đường vòng cung Tây Bắc - xã Xuân Thới Thượng-Bà Điểm	Hóc Môn	0,18	0,18	2016-2020	
303	Tuyến đường Phạm Văn Sáng - xã Xuân Thới Thượng	Hóc Môn	0,09	0,09	2016-2020	
304	Trục đường Trịnh Thị Miếng (hiện hữu) - xã Thới Tam Thôn	Hóc Môn	0,18	0,18	2016-2020	
305	Trục đường Trịnh Thị Miếng (xây mới) - xã Tam Thới Thôn	Hóc Môn	0,09	0,09	2016-2020	
306	Trục đường Bùi Công Trừng - xã Đông Thạnh, Nhị Bình	Hóc Môn	0,18	0,18	2016-2020	
307	Ấp Tân Lập, Xã Tân Thới Nhì. (Cải tạo cửa hàng hiện hữu của Doanh Nghiệp Tư Nhân Tự Trọng địa chỉ 2/2D quốc lộ 22, ấp Tân Lập, xã Tân Thới Nhì).	Hóc Môn	0,09	0,09	2016-2020	
308	Khu vực xã Nhơn Đức	Nhà Bè	1,70	1,70	2016-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Đất TMDV	Năm thực hiện	Ghi chú
309	Ấp 3, xã Nhơn Đức: Đã được Sở Công Thương và UBND Huyện Nhà Bè có văn bản thuận chủ trương xây dựng Cửa hàng Xăng dầu phù hợp Quy hoạch theo Quyết định 39/2007/QĐ-UBND cho Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương mại Thuận Khải.	Nhà Bè	0,12	0,12	2016-2020	
310	Ấp 1, xã Nhơn Đức: Đã được UBND Huyện Nhà Bè có văn bản thuận chủ trương xây dựng Cửa hàng Xăng dầu phù hợp Quy hoạch theo Quyết định 39/2007/QĐ-UBND cho Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hiệp Quế.	Nhà Bè	0,25	0,25	2016-2020	
311	Ấp 1, xã Nhơn Đức: Đã được Sở Công Thương và UBND Huyện Nhà Bè có văn bản thuận chủ trương xây dựng Cửa hàng Xăng dầu phù hợp Quy hoạch theo Quyết định 39/2007/QĐ-UBND cho Doanh Nghiệp Tư Nhân Hưng Thịnh.	Nhà Bè	0,46	0,46	2016-2020	
312	Khu vực cảng Nhơn Đức	Nhà Bè	0,09	0,09	2016-2020	
313	Các bến bãi, nút giao thông	Nhà Bè	0,60	0,60	2016-2020	
314	Các khu cây xanh dọc trục giao thông chính	Nhà Bè	0,18	0,18	2016-2020	
315	Khu vực xã Long Thới	Nhà Bè	0,54	0,54	2016-2020	
316	Tại các thửa đất số 540; 541; 542 tờ bản đồ số 7 xã Long Thới (Ông Vũ Kim Phương)	Nhà Bè	0,40	0,40	2016-2020	
317	Khu vực thị trấn Nhà Bè: Khu vực công viên cây xanh tiếp cận trục giao thông	Nhà Bè	0,04	0,04	2016-2020	
318	Khu vực cảng du lịch Phú Xuân - Xã Phú Xuân	Nhà Bè	0,09	0,09	2016-2020	
319	Khu vực xã Hiệp Phước	Nhà Bè	0,31	0,31	2016-2020	
320	Công ty TNHH Hoàng Tân	Nhà Bè	0,19	0,19	2016-2020	
321	Khu đô thị mới Hiệp Phước	Nhà Bè	0,12	0,12	2016-2020	
322	Khu vực xã Phước Lộc	Nhà Bè	0,29	0,29	2016-2020	
323	Khu vực bến bãi nút giao thông chính	Nhà Bè	0,20	0,20	2016-2020	
324	Khu vực công viên cây xanh tiếp cận trục giao thông	Nhà Bè	0,09	0,09	2016-2020	
325	Khu vực xã Phước Kiển	Nhà Bè	0,38	0,38	2016-2020	
326	Khu vực bến bãi nút giao thông chính	Nhà Bè	0,20	0,20	2016-2020	
327	Khu vực công viên cây xanh tiếp cận trục giao thông	Nhà Bè	0,09	0,09	2016-2020	
328	Khu định cư xã Phước Kiển (theo QH của Ban quốc lộ khu Nam Thành phố)	Nhà Bè	0,09	0,09	2016-2020	
IV	Khu hỗn hợp SXKD-TMDV		142,05	135,05		
1	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh khu dân cư liên phường 2-5	Quận 4	0,35	0,35	2016-2020	
2	Khu phức hợp trong khu 930 ha	Quận 4	0,34	0,34	2016-2020	
3	Trung tâm sinh hoạt giải trí đa năng	Quận 5	0,10	0,10	2016-2020	651 Trần Hưng Đạo
4	Đất kinh doanh dự trữ 371 Hồng Bàng	Quận 6	0,12	0,12	2016-2020	
5	Trung tâm Lưu thông hàng hóa 1	Quận 8	49,14	49,14	2016-2020	Khu 18 quy hoạch Nam Sài Gòn (khu E Phú Mỹ Hưng)
6	Trung tâm Lưu thông hàng hóa 2	Quận 8	72,50	68,50	2016-2020	Khu 16 quy hoạch Nam Sài Gòn (khu D Phú Mỹ Hưng)
7	Trung tâm kỹ thuật cao	Quận 8	11,88	11,88	2016-2020	Khu 14 quy hoạch Nam Sài Gòn (khu C Phú Mỹ Hưng)

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Đất TMDV	Năm thực hiện	Ghi chú
8	Quy hoạch mở rộng Công ty Mỹ Mỹ (khu nhà ăn và sinh hoạt văn hóa của công ty)	Quận 8	0,50	0,50	2016-2020	
9	Khu phức hợp (127 Hồng Hà)	Phú Nhuận	0,39	0,39	2016-2020	
10	Khu hỗn hợp (553/73 Nguyễn Kiệm)	Phú Nhuận	0,51	0,51	2016-2020	
11	Khu hỗn hợp	Tân Bình	1,10	1,10	2016-2020	Tờ 48, 49
12	Khu đất hỗn hợp	Củ Chi	5,11	2,11	2016-2020	
V	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng		568,59	268,59		
1	Khu du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng cù lao Bà Sang (Công ty Cổ phần Đức Khải)	Quận 9	36,31	36,31	2016-2020	
2	Dự án nuôi trồng thủy sản kết hợp với du lịch sinh thái nhà vườn tại ấp An Phước	Cần Giờ	110,00	80,00	2016-2020	
3	Dự án khu nuôi trồng thủy sản kết hợp du lịch sinh thái Lý Nhơn	Cần Giờ	300,00	80,00	2016-2020	
4	Dự án khu nuôi trồng thủy sản kết hợp du lịch sinh thái Lý Nhơn	Cần Giờ	100,00	50,00	2016-2020	
5	Dự án Khu du lịch sinh thái tại Thạnh An	Cần Giờ	10,00	10,00	2016-2020	
6	Dự án khu nuôi trồng thủy sản kết hợp du lịch sinh thái Lý Nhơn	Cần Giờ	10,00	10,00	2016-2020	
7	Xây dựng địa điểm phát triển du lịch	Cần Giờ	0,10	0,10	2016-2020	
8	Khu đô thị du lịch biển Cần Giờ 1 (600ha, không tổng hợp vào DTTN)	Cần Giờ			2016-2020	
9	Khu đô thị du lịch biển Cần Giờ 2 (480ha, không tổng hợp vào DTTN)	Cần Giờ			2016-2020	
10	Khu đô thị du lịch biển Cần Giờ 3 (300ha, không tổng hợp vào DTTN)	Cần Giờ			2016-2020	
11	Lấn sông Thêu (150ha, không tổng hợp vào DTTN)	Cần Giờ			2016-2020	
12	Khu nghỉ dưỡng sinh thái, chăm sóc người cao tuổi	Củ Chi	2,18	2,18	2016-2020	
VI	Đất TMDV khác		15,00	10,00		
1	Dự án xây dựng khu nghiên cứu và chuyển giao các giải pháp công nghệ cấp, thoát, xử lý nước trong nuôi trồng thủy sản các tỉnh phía Nam.	Cần Giờ	5,00	5,00	2016-2020	
2	Chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân	Nhà Bè	10,00	5,00	2016-2020	

BẢNG 6: DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Trong đó: Đất SXPN	Năm thực hiện	Ghi chú
	Tổng cộng		1.648,24	965,24		
1	Xí nghiệp suất ăn Công Nghiệp (233 Bến Chương Dương)	Quận 1	0,07	0,07	2016-2020	
2	Đất sản xuất kinh doanh	Quận 2	1,93	1,93	2016-2020	Bình An
3	Đất sản xuất kinh doanh	Quận 2	0,15	0,15	2016-2020	Bình An
4	Đất sản xuất kinh doanh	Quận 2	4,00	4,00	2016-2020	Bình Trưng Tây
5	Đất sản xuất kinh doanh	Quận 2	6,85	6,85	2016-2020	Cát Lái
6	Đất phát triển sản xuất kinh doanh	Quận 2	105,45	59,45	2016-2020	Thanh Mỹ Lợi
7	Dự án chuyển đổi công năng Cụm tiêu thủ công nghiệp Q2	Quận 2	18,43	18,43	2016-2020	Thanh Mỹ Lợi
8	Khu đất KCN sạch (khu 15)	Quận 8	0,26	0,26	2016-2020	Phường 7
9	Công nghiệp sạch (Khu số 15 quy hoạch Nam Sài Gòn)	Quận 8	48,22	48,22	2016-2020	Phường 7
10	Xây dựng Công viên Khoa học và Công nghệ TPHCM	Quận 9	200,00	100,00	2016-2020	Long Phước
11	Mở rộng cụm công nghiệp tại Phú Hữu (HT năm 2010 là 54,56ha)	Quận 9	37,50	37,50	2016-2020	Phú Hữu
12	Cty CP đầu tư CK thiết bị Tradaco	Quận 9	0,41	0,41	2016-2020	Long Thạnh Mỹ
13	Xưởng sản xuất kinh doanh - Cty TNHH Sản xuất Xây dựng Giao thông Tài Lộc	Quận 9	5,44	5,44	2016-2020	Trường Thạnh
14	Xưởng sản xuất Công ty TNHH Tài Lộc	Quận 9	2,75	2,75	2016-2020	Trường Thạnh
15	Công ty TNHH Vân Trúc	Quận 9	0,05	0,05	2016-2020	Trường Thạnh
16	Rà soát DT đất Cụm công nghiệp Tân Thới Hiệp	Quận 12	14,77	14,77	2016-2020	Hiệp Thành
17	CCN Hiệp Thành	Quận 12	22,20	22,20	2016-2020	Hiệp Thành
18	CCN Tân Thới Nhất	Quận 12	23,50	23,50	2016-2020	Tân Thới Nhất
19	Đất dự trữ phát triển sản xuất kinh doanh	Bình Tân	25,00	25,00	2016-2020	10 phường
20	Cửa hàng Coop food Vĩnh Lộc, đường Nguyễn Thị Tú	Bình Tân	0,10	0,10	2016-2020	Bình Hòa Hưng B
21	Coop food Hương Lộ 2 (669 Hương Lộ 2)	Bình Tân	0,10	0,10	2016-2020	Bình Trị Đông A
22	Coop food Lê Văn Quới (441 Lê Văn Quới)	Bình Tân	0,10	0,10	2016-2020	Bình Trị Đông A
23	Đất sản xuất kinh doanh khu đô thị Tân Tạo	Bình Tân	37,11	37,11	2016-2020	Tân Tạo A
24	Dự án Cty Nam Phong	Bình Thạnh			2016-2020	Phường 13
25	Công viên Làng Hoa (giai đoạn 2)	Gò Vấp	0,96	0,96	2016-2020	Phường 8
26	Nhà kho, xưởng (7 Hoàng Minh Giám)	Phú Nhuận	0,45	0,45	2016-2020	Phường 9
27	Đất hỗn hợp (Xưởng sản xuất Lạc Tân)	Tân Bình	0,06	0,06	2016-2020	Phường 6
28	Xí nghiệp may 10	Tân Bình	0,11	0,11	2016-2020	Phường 10

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Trong đó: Đất SXPN	Năm thực hiện	Ghi chú
29	Mở rộng công ty may Sài Gòn 3	Thủ Đức	0,20	0,20	2016-2020	Bình Chiểu
30	Cty Thép Nguyễn Minh	Bình Chánh	1,49	1,49	2016-2020	Tân Túc
31	Cty TNHH SXTMDV Thủy Tiên	Bình Chánh	0,69	0,69	2016-2020	Hưng Long
32	Xây dựng kho chứa hàng	Bình Chánh	3,69	3,69	2016-2020	Tân Kiên
33	Xây dựng kho chứa hàng - Cty Thành Gia	Bình Chánh	1,03	1,03	2016-2020	Tân Kiên
34	Công ty Tầm Nhìn Xanh	Bình Chánh	1,15	1,15	2016-2020	Tân Kiên
35	Công ty TNHH TMDV Thiên Nam Việt	Bình Chánh	0,85	0,85	2016-2020	Tân Kiên
36	Nhà xưởng, kho ch.hàng - CT bao bì, cơ đ.lạnh Ba Huân	Bình Chánh	2,98	2,98	2016-2020	Tân Nhựt
37	CTCP cơ khí XD-TM Đại Dũng	Bình Chánh	1,04	1,04	2016-2020	Tân Nhựt
38	Xưởng sản xuất cửa nhựa cao cấp	Bình Chánh	1,08	1,08	2016-2020	Phong Phú
39	Công ty TNHH SX TM Sơn Hải	Bình Chánh	2,52	2,52	2016-2020	Vĩnh Lộc B
40	Đất sản xuất kinh doanh xen cài trong khu dân cư nông thôn, khu đô thị	Bình Chánh	587,89	213,89	2016-2020	
41	Mở rộng xưởng sản xuất trứng gia cầm	Bình Chánh	2,85	2,85	2016-2020	
42	Công ty TNHH thương mại và sản xuất dây cáp điện Đại Long	Bình Chánh	1,55	1,55	2016-2020	
43	Nhà máy tái chế và xử lý chất thải công nghiệp - nguy hại công suất 500 tấn/ngày	Bình Chánh	17,01	17,01	2016-2020	
44	Mở rộng Công ty TNHH thương mại và sản xuất dây và cáp điện Đại Long	Bình Chánh	25,21	25,21	2016-2020	
45	Quỹ đất dự trữ sản xuất kinh doanh	Cần Giờ	44,05	24,05	2016-2020	Cần Thạnh, An Thới Đông, Bình Khánh, Lý Nhơn, Tam Thôn Hiệp
46	Trung tâm thủy sản 100 ha TP. HCM	Cần Giờ	100,00	50,00	2016-2020	Xã Bình Khánh
47	Khu nuôi trồng thủy sản công nghệ cao Hào Võ	Cần Giờ	89,00	39,00	2016-2020	Xã Long Hòa
48	Khu sản xuất kinh doanh tập trung	Cần Giờ	50,18	20,18	2016-2020	Xã Lý Nhơn
49	Dự án xây dựng phân xưởng may tại thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ	Cần Giờ	1,14	1,14	2016-2020	Cần Thạnh
50	Dự án nhà máy sản xuất và chế biến Muối	Cần Giờ	5,00	5,00	2016-2020	Lý Nhơn
51	Xây dựng xí nghiệp gia công, chế biến gỗ, sản xuất vật liệu xây dựng và khu dân cư nhà vườn tại xã Tam Thôn Hiệp	Cần Giờ	10,14	10,14	2016-2020	Tam Thôn Hiệp

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Trong đó: Đất SXPNN	Năm thực hiện	Ghi chú
52	Xây dựng nhà máy xử lý chế biến muối ấp Thiềng Liềng	Cần Giờ	0,05	0,05	2016-2020	Thanh An
53	Kho 360	Cần Giờ	0,14	0,14	2016-2020	Cần Thạnh
54	Khu sản xuất kinh doanh	Củ Chi	35,50	22,50	2016-2020	Phạm Văn Cội
55	Xưởng may	Củ Chi	0,57	0,57	2016-2020	Phước Thạnh
56	Khu giết mổ gia súc	Củ Chi	6,20	6,20	2016-2020	Phước Thạnh
57	Nhà máy giết mổ gia súc	Củ Chi	12,56	12,56	2016-2020	Tân Thạnh Tây
58	Đất sản xuất kinh doanh (QH xã Thái Mỹ)	Củ Chi	21,29	21,29	2016-2020	Thái Mỹ
59	Đất sản xuất kinh doanh (3 công trình)	Củ Chi	5,00	5,00	2016-2020	Thái Mỹ
60	Đất sản xuất kinh doanh (6 công trình thuộc QH Khu Đô thị Tây Bắc)	Củ Chi	24,85	24,85	2016-2020	Tân Thông Hội
61	Cty TNHH thực phẩm Lộc An	Củ Chi	5,38	5,38	2016-2020	Bình Mỹ
62	Nhà máy giết mổ gia súc (Cty TNHH dịch vụ An Hạ)	Củ Chi	3,34	3,34	2016-2020	Tân Phú Trung
63	Dự án Nhà máy giết mổ và chế chế biến gia cầm (Cty TNHH Phạm Tôn)	Củ Chi			2016-2020	
64	Nhà máy giết mổ gia súc	Hóc Môn	8,59	8,59	2016-2020	
65	Dự án nhà máy giết mổ bò (Cty cổ phần Delta)	Hóc Môn	5,00	5,00	2016-2020	
66	Nhà máy Thực phẩm Tân Hiệp	Hóc Môn	3,27	3,27	2016-2020	
67	Dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại xã Đông Thạnh	Hóc Môn	0,71	0,71	2016-2020	
68	Văn phòng, Kho, Cửa hàng kinh doanh Thực phẩm chay.	Hóc Môn	4,59	4,59	2016-2020	
69	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (QHCT xây dựng đô thị khu Nhơn Đức - Phước Lộc)	Nhà Bè	3,38	3,38	2016-2020	Nhơn Đức
70	Công ty Nhất Thống (gần trạm điện)	Nhà Bè	1,11	1,11	2016-2020	Phước Kiển

BẢNG 7: DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẤT DI TÍCH LỊCH SỬ-VĂN HÓA

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
	Tổng cộng		63,03	
1	Cơ sở cất giấu vũ khí của Biệt động Thành	Quận 3	0,02	2016-2020
2	Ngôi mộ của Bộ binh Kiểm duyệt ty Thừa vụ lang họ Trần	Quận 3	0,01	2016-2020
3	Đình Tân Kiên	Quận 5	0,07	2016-2020
4	Xây dựng tôn tạo di tích lịch sử Gò Ô Môi tại phường Phú Thuận, quận 7	Quận 7	0,10	2016-2020
5	Khu di tích lịch sử cách mạng 6 xã Vùng Bưng	Quận 9	12,30	2016-2020
6	Sửa chữa, trùng tu các di tích Đình Bình Trường	Bình Chánh	0,19	2016-2020
7	Sửa chữa, trùng tu các di tích Đình Phú Lạc	Bình Chánh	0,24	2016-2020
8	Khu di tích bảo vệ Căn cứ Vườn Thơm	Bình Chánh	4,30	2016-2020
9	Xây mới nhà bia tưởng niệm Tiểu Đoàn 6 Bình Tân tại xã Bình Lợi	Bình Chánh	0,50	2016-2020
10	Khu tưởng niệm di tích bộ đội An Điền	Bình Chánh	0,50	2016-2020
11	Xây dựng khu di tích căn cứ Vườn Thơm Tại xã Bình Lợi	Bình Chánh	0,50	2016-2020
12	Sửa chữa, trùng tu các di tích Đình Tân Túc	Bình Chánh	0,50	2016-2020
13	Xây mới nhà bia tưởng niệm Tiểu đoàn 6 Bình Tân tại xã Bình Lợi	Bình Chánh	1,20	2016-2020
14	Khu tưởng niệm di tích bộ đội An Điền	Bình Chánh	1,20	2016-2020
15	Xây dựng khu di tích căn cứ Vườn Thơm Tại xã Bình Lợi	Bình Chánh	4,30	2016-2020
16	Sửa chữa, trùng tu các di tích Đình Tân Túc	Bình Chánh	0,26	2016-2020
17	Sửa chữa, trùng tu các di tích Đình Rạch Già	Bình Chánh	0,27	2016-2020
18	Sửa chữa, trùng tu các di tích Nhà cổ dân dụng	Bình Chánh	0,23	2016-2020
19	Lăng ông Thủy tướng	Cần Giờ	0,08	2016-2020
20	Xây dựng đường vào, hàng rào dự án trùng tu khu di chỉ Giồng Cá Vồ	Cần Giờ	3,81	2016-2020
21	Khu di tích Gò Chùa	Cần Giờ	0,25	2016-2020
22	Đình Bình Khánh	Cần Giờ	0,15	2016-2020
23	Đình Dương Văn Hạnh	Cần Giờ	0,48	2016-2020
24	Bia chiến tích - X. Nhuận Đức	Củ Chi	0,01	2016-2020
25	Khu địa đạo Tân Phú Trung	Củ Chi	13,00	2016-2020
26	Khu địa đạo Tân Phú Trung	Củ Chi	7,00	2016-2020
27	Bia chiến tích - X. Trung Lập Thượng	Củ Chi	0,03	2016-2020
28	Bia chiến tích - X. Bình Mỹ	Củ Chi	0,03	2016-2020
29	Khu di tích Bến Đình	Củ Chi	11,50	2016-2020

BẢNG 8: DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẤT BÃI THẢI, XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
	Tổng cộng		498,21	
I	Khu xử lý chất thải rắn		418,01	
1	Khu XLCTR Đa Phước (XD nhà máy XLCT nguy hại - Cty CP giao nhận ngoại thương Mộc An Châu)	Bình Chánh	17,01	2016-2020
2	Khu XLCTR Tây Bắc (Phần DT còn lại)	Củ Chi	401,00	2016-2020
II	Trạm ép kín		18,42	
1	Trạm rác ép kín phường Thạnh Mỹ Lợi	Quận 2	0,30	2016-2020
2	Trạm rác ép kín đường Đào Trí	Quận 7	3,00	2016-2020
3	Trạm xử lý nước thải, tập kết rác và đặt máy nghiền nát nhánh cây, làm phân bón - P. Phú Thuận	Quận 7	1,60	2016-2020
4	Trạm trung chuyển rác - P Tân Kiểng	Quận 7	0,09	2016-2020
5	Trạm trung chuyển rác - P Tân Thuận Đông	Quận 7	1,01	2016-2020
6	Trạm ép rác kín (P.Long Bình)	Quận 9	0,06	2016-2020
7	03 trạm ép rác kín	Bình Tân	1,50	2016-2020
8	Xây dựng trạm ép rác kín P. Phú Thọ Hòa	Tân Phú	0,10	2016-2020
9	Trạm ép rác Trường Thọ	Thủ Đức	0,22	2016-2020
10	Bô rác Sờ Gà (trạm rác ép kín sờ gà)	Thủ Đức	3,00	2016-2020
11	Trạm xử lý rác	Thủ Đức	0,50	2016-2020
12	Trạm xử lý bùn	Thủ Đức	5,64	2016-2020
13	Trạm ép rác kín xã Lê Minh Xuân	Bình Chánh	0,20	2016-2020
14	Trạm ép kín rác các xã (0,1ha/trạm)	Bình Chánh	1,20	2016-2020
III	Khu xử lý rác thải		103,27	
1	Nhà máy xử lý nước thải khu vực tham lương Bến Cát (An Phú Đông)	Quận 12	5,56	2016-2020
2	Dự án Xây dựng lò đốt rác sinh hoạt tại huyện Cần Giờ (Khu xử lý chất thải 30ha)	Cần Giờ	30,00	2016-2020
3	KDC Hà Thanh_khu xử lý nước thải 10ha GĐ1	Cần Giờ	5,00	2016-2020
4	KDC Hà Thanh_khu xử lý nước thải 10ha GĐ 2	Cần Giờ	5,00	2016-2020
5	Khu xử lý nước thải 4ha giai đoạn 1	Cần Giờ	2,00	2016-2020
6	Khu xử lý nước thải 4ha giai đoạn 2	Cần Giờ	2,00	2016-2020
7	Lò đốt rác sinh hoạt tại huyện Cần Giờ.	Cần Giờ	2,5	2016-2020
8	Xây dựng địa điểm xử lý rác (X. Thạnh An)	Cần Giờ	0,1	2016-2020
9	Nhà máy xử lý nước thải lưu vực Nam Sài Gòn	Nhà Bè	20,00	2016-2020
10	Trạm ép rác kín Nhơn Đức	Nhà Bè	1,00	2016-2020
11	Trạm ép rác kín Phước Lộc	Nhà Bè	1,00	2016-2020
12	Khu xử lý nước thải dự kiến Nhơn Đức	Nhà Bè	29,11	2016-2020
IV	Trạm trung chuyển		4,61	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
1	Trạm trung chuyển rác Bình An	Quận 2	0,50	2016-2020
2	Trạm trung chuyển rác và ép rác kín Bình Trưng Đông	Quận 2	0,21	2016-2020
3	Trạm trung chuyển rác phường An Phú	Quận 2	0,50	2016-2020
4	Trạm trung chuyển rác (Điểm 2 đường Giang Cự Vọng - phường Trung Mỹ Tây)	Quận 12	0,20	2016-2020
5	Trạm trung chuyển rác (Tân Chánh Hiệp)	Quận 12	0,10	2016-2020
6	Trạm trung chuyển rác (Hiệp Thành)	Quận 12	0,15	2016-2020
7	Trạm trung chuyển rác (Điểm 2 rạch Rổng Tùng - P. Thạnh Xuân)	Quận 12	0,25	2016-2020
8	Trạm trung chuyển rác (Điểm 2 khu 38ha tái định cư - P. Tân Thới Nhất)	Quận 12	0,05	2016-2020
9	Trạm trung chuyển rác (Phường Thới An)	Quận 12	0,50	2016-2020
10	Trạm trung chuyển rác (Phường Thạnh Lộc)	Quận 12	0,11	2016-2020
11	Trạm trung chuyển rác (Phường Đông Hưng Thuận)	Quận 12	0,10	2016-2020
12	Trạm trung chuyển rác (Phường Tân Hưng Thuận)	Quận 12	0,20	2016-2020
13	Trạm trung chuyển rác (Khu cầu Bình Phước - P. An Phú Đông)	Quận 12	0,10	2016-2020
14	Trạm trung chuyển rác P.14	Gò Vấp	1,50	2016-2020
15	Bãi trung chuyển rác	Bình Chánh	0,14	2016-2020
V	Bãi rác di dời		46,10	
1	Di dời các bãi rác	Bình Tân	35,00	2016-2020
2	Di dời các bãi rác	Bình Tân	11,00	2016-2020
3	Chuyển mục đích trạm trung chuyển rác tại số 348/26 Phan Văn Trị, P11 sang đất thương mại dịch vụ	Bình Thạnh	0,10	2016-2020

BẢNG 9: DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẤT TÔN GIÁO

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
	Tổng cộng		11,18	
1	QH Cơ quan giáo lý (khu Mã Lạng)	Quận 1	0,05	2016-2020
2	Khu mộ cổ Gò Quéo (P. Bình Trưng Đông)	Quận 2	0,44	2016-2020
3	Đất tôn giáo (P. An Phú)	Quận 2	0,51	2016-2020
4	Đất tôn giáo (P. An Phú)	Quận 2	3,50	2016-2020
5	Mở rộng chùa Xá Lợi	Quận 3	0,02	2016-2020
6	Nhà thờ Thánh Giuse thợ	Quận 9	0,20	2016-2020
7	Thánh đường Hồi giáo	Quận 9	0,02	2016-2020
8	Đình Tân Nhơn (P. Tân Phú)	Quận 9	0,20	2016-2020
9	Dự án bồi thường, giải tỏa khôi phục khuôn viên di tích chùa Phụng Sơn Tự (P.2)	Quận 11	1,90	2016-2020
10	Dự án bồi thường, giải tỏa khôi phục khuôn viên di tích chùa Giác Viên (P.3)	Quận 11	1,26	2016-2020
11	Đất tôn giáo-tín ngưỡng	Bình Tân	0,86	2016-2020
12	Mở rộng đình Hanh Thông	Gò Vấp	0,04	2016-2020
13	Mở rộng tu viện Phước Minh	Thủ Đức	0,03	2016-2020
14	XD mới Pháp Bảo Tự	Bình Chánh	1,07	2016-2020
15	Chùa Pháp Lạc	Bình Chánh	0,04	2016-2020
16	Tịnh xá Đại Quang	Bình Chánh	0,06	2016-2020
17	Tịnh xá Ngọc Hiệp	Bình Chánh	0,16	2016-2020
18	Hội Thánh Tin Lành (X. Phạm Văn Hai)	Bình Chánh	0,82	2016-2020

BẢNG 10: DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẤT NGHĨA TRANG NGHĨA ĐỊA

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
	Tổng cộng		218,70	
I	Công trình cấp Quốc gia/ cấp Tỉnh		19,68	
I.1	Công trình xây mới		73,29	
1	Nghĩa trang liệt sĩ Thành phố (mở rộng)	Quận 9	2,85	2016-2020
2	Nhà Tang Lễ Thành Phố	Bình Tân	1,27	2016-2020
3	Khu nghĩa trang Đa Phước	Bình Chánh	69,17	2016-2020
I.2	Công trình chuyển mục đích sử dụng đất		53,61	
1	Di dời nghĩa trang Bình Hưng Hòa	Bình Tân	53,61	2016-2020
II	Công trình cấp dưới		199,02	
II.1	Công trình xây mới		203,38	
1	Xây dựng nhà tang lễ số 1, khu Lò Cốt	Bình Tân	1,00	2016-2020
2	Xây dựng nhà tang lễ số 2, khu Lò Cốt	Bình Tân	1,00	2016-2020
3	Nhà tang lễ, lưu giữ tro cốt	Tân Phú	0,22	2016-2020
4	Nghĩa trang hoa viên	Bình Chánh	5,00	2016-2020
5	Nghĩa trang hoa viên Bình Lợi	Bình Chánh	50,00	2016-2020
6	Nghĩa Trang xã Phạm Văn Hai	Bình Chánh	0,30	2016-2020
7	Nghĩa trang 30ha giai đoạn 1	Cần Giờ	22,17	2016-2020
8	Nghĩa trang 30ha giai đoạn 2	Cần Giờ	7,83	2016-2020
9	Dự án XD mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Long Hòa	Cần Giờ	4,00	2016-2020
10	QH mới nghĩa trang huyện	Củ Chi	20,60	2016-2020
11	Nghĩa trang ấp Ràng-X.Nhuận Đức	Củ Chi	1,55	2016-2020
12	Nghĩa trang ấp Vân Hàm-X.Trung Lập Thượng	Củ Chi	1,14	2016-2020
13	Nghĩa trang ấp Bàu Chứa-X.Nhuận Đức	Củ Chi	14,90	2016-2020
14	Nghĩa trang ấp Vườn Trầu-X.Phước Thạnh	Củ Chi	1,39	2016-2020
15	Nghĩa trang ấp Mây Đắng - X.Phước Thạnh	Củ Chi	1,17	2016-2020
16	Nghĩa trang ấp Giồng Sao-X.Tân Phú Trung	Củ Chi	3,80	2016-2020
17	Nghĩa trang ấp 3B-X.Tân Thạnh Tây	Củ Chi	3,61	2016-2020
18	Nghĩa trang ấp 6A-X.Tân Thạnh Tây	Củ Chi	3,37	2016-2020
19	Nghĩa trang ấp 2-X.Tân Thạnh Tây	Củ Chi	0,98	2016-2020
20	Nghĩa trang ấp 3-X.Tân Thạnh Tây	Củ Chi	0,30	2016-2020
21	Nghĩa trang ấp Hòa Phú-X.Phú Mỹ Hưng	Củ Chi	4,40	2016-2020
22	MR Nghĩa địa Ba Sa-X.Phước Hiệp	Củ Chi	0,90	2016-2020
23	MR Nghĩa trang Hòa Bình-X.An Phú	Củ Chi	1,92	2016-2020
24	Nghĩa trang nhân dân (ấp 7-X.Bình Mỹ)	Củ Chi	5,19	2016-2020
25	Mở rộng nghĩa trang, nghĩa địa X.Thái Mỹ	Củ Chi	3,12	2016-2020
26	MR Nghĩa địa ấp Phú Hiệp-X.Phú Hòa Đông	Củ Chi	1,00	2016-2020
27	Nghĩa trang Đông Thạnh (nghĩa trang liệt sỹ và đài tưởng niệm)	Hóc Môn	1,40	2016-2020
28	Nghĩa trang Nhơn Đức mở rộng	Nhà Bè	41,12	2016-2020
I.2	Công trình chuyển mục đích sử dụng đất		4,36	
1	Đất nghĩa địa chuyển mục đích khác	Quận 1	0,02	2016-2020
2	Bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư để phục vụ di dời nghĩa trang Văn Giáp (P. Bình Trưng Đông)	Quận 2	1,78	2016-2020
3	Bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư để phục vụ di dời nghĩa trang Cao Đài (P. Bình Trưng Tây)	Quận 2	0,18	2016-2020
4	Bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư để phục vụ di dời nghĩa trang Trần Hưng Đạo (P. Cát Lái)	Quận 2	2,40	2016-2020
5	Đất nghĩa địa chuyển mục đích khác	Quận 3	0,58	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
6	Đất nghĩa địa chuyển mục đích khác	Quận 5	0,17	2016-2020
7	Đất nghĩa địa chuyển mục đích khác	Quận 6	0,06	2016-2020
8	Đất nghĩa địa chuyển mục đích khác	Quận 8	3,48	2016-2020
9	Đất nghĩa địa chuyển mục đích khác	Quận 10	0,10	2016-2020
10	Đất nghĩa địa chuyển mục đích khác	Quận 11	0,34	2016-2020
11	Đất nghĩa địa chuyển mục đích khác	Bình Thạnh	2,69	2016-2020
12	Đất nghĩa địa chuyển mục đích khác	Phú Nhuận	0,05	2016-2020
13	Đất nghĩa địa chuyển mục đích khác	Gò Vấp	18,28	2016-2020
14	Đất nghĩa địa chuyển mục đích khác	Tân Bình	2,81	2016-2020
15	Đất nghĩa địa chuyển mục đích khác	Tân Phú	12,05	2016-2020

BẢNG 11: DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẤT GIAO THÔNG

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
	Tổng cộng		6.863,16	
I	Đường cao tốc		410,60	
1	Cao tốc Bến Lức - Long Thành (Cao tốc liên vùng Phía Nam)	C.Giờ, B.Chánh, N.Bè	121,20	2016-2020
2	Cao tốc TP Hồ Chí Minh - Mộc Bài	Củ Chi	285,00	2016-2020
3	Cao tốc TP Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành	Thủ Đức	4,40	2016-2020
II	Đường quốc lộ		345,23	
1	Quốc lộ 1A phía Bắc	T.Đức, Q9	15,90	2016-2020
2	Quốc lộ 1A phía Nam	B. Tân, B. Chánh	93,73	2016-2020
3	Quốc lộ 50	Bình Chánh, Q.8	11,80	2016-2020
4	Đường song hành Quốc lộ 50	Bình Chánh	25,16	2016-2020
5	Quốc lộ 1K	Thủ Đức	20,30	2016-2020
6	Quốc lộ 13	Thủ Đức	13,50	2016-2020
7	Quốc lộ 22	C. Chi, H.Môn, Q12	164,84	2016-2020
III	Đường vành đai		1.174,57	
1	Vành đai 2	Q2, Q9, T.Đức, B.Tân, B.Chánh	111,57	2016-2020
2	Vành đai 3	Q9, T.Đức, C.Chi, H.Môn, B.Chánh	611,00	2016-2020
3	Vành đai 4	Củ Chi, Nhà Bè	452,00	2016-2020
IV	Đường tỉnh hướng tâm		274,00	
1	Đường tỉnh 12	Quận 12	12,65	2016-2020
2	Đường song hành Hà Huy Giáp	Quận 12	16,00	2016-2020
3	Đường tỉnh 15	C. Chi, Q12	126,79	2016-2020
4	Đường tỉnh 16	C. Chi, H.Môn, Q12	30,97	2016-2020
5	Đường mở mới phía Tây-Bắc	Bình Chánh	51,00	2016-2020
6	Đường Trần Văn Giàu (Đường tỉnh lộ 10)	B.Tân, B.Chánh	15,17	2016-2020
7	Đường tỉnh 14	H. Môn, Q12	21,42	2016-2020
V	Trục chính đô thị		242,59	
1	Trục Bắc Nam			2016-2020
-	Đoạn từ Hoàng Diệu - Vành đai 4	Q4, Q7, N.Bè	31,95	2016-2020
2	Trục Đông Tây			2016-2020
-	Đoạn từ Lò Gốm - Vành đai 3	Bình Chánh	78,00	2016-2020
3	Trục Phạm Văn Đồng - Trường Sơn - H.V.Thụ - Th.Ngọc Hầu - Vành Đai trong kéo đến Nguyễn Văn Linh	T.Đức, B.Thạnh, G.Vấp, T.Bình, T.Phú, B.Chánh, Q8	92,74	2016-2020
4	Đường nối QL1 - Vành đai 3	Quận 9	39,90	2016-2020
VI	Đường trên cao		17,76	
1	Đường trên cao số 1	T.Bình, P.Nhuận, B.Thạnh	4,16	2016-2020
2	Đường trên cao số 2	Q. Tân Bình, 10, 11, Bình Tân	2,58	2016-2020
3	Đường trên cao số 3	Quận 5, 7, 10, Bình Chánh	1,77	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
4	Đường trên cao số 4	Quận 12, Bình Thạnh	1,82	2016-2020
5	Đường trên cao số 5	Q. Thủ Đức, 12, Bình Tân	7,44	2016-2020
VII	Đường sắt		514,37	
VII.1	Đường sắt quốc gia		27,16	
VII.1.1	Những tuyến thực hiện trong giai đoạn 2016-2020		27,16	
1	Đường sắt nhẹ Thủ Thiêm - Cảng hàng không quốc tế Long Thành	Quận 9	12,00	2016-2020
-	Ga Thủ Thiêm	Quận 2	15,16	2016-2020
VII.1.2	Những tuyến thực hiện sau năm 2020		216,34	
1	Tuyến đường sắt tốc độ cao Tp. Hồ Chí Minh - Mỹ Tho - Cần Thơ	T.Đức, Q12, H.Môn, T.Phú, B.Tân, B.Chánh	152,00	Sau 2020
-	Ga Thạnh Xuân	Quận 12	3,20	Sau 2020
-	Ga Tân Chánh Hiệp	Quận 12	1,74	Sau 2020
-	Ga Vĩnh Lộc	Bình Chánh	5,80	Sau 2020
2	Tuyến đường sắt Tp. Hồ Chí Minh - Tây Ninh	Q12, C.Chi, H.Môn	32,00	Sau 2020
3	Đường sắt tốc độ cao Tp. Hồ Chí Minh - Nha Trang	Q2, Q9	12,00	Sau 2020
4	Tuyến đường sắt chuyên dụng nối từ đường sắt quốc gia tới Cảng Hiệp Phước	Nhà Bè	9,60	Sau 2020
VII.2	Đường sắt đô thị:		435,86	
1	Tuyến metro số 2: Đô thị Tây Bắc - Thủ Thiêm	Q1, Q2, Q3, Q10, T.Bình, T.Phú, C. Chi, H. Môn	118,79	2016-2020
1.1	Giai đoạn 1: Bến Thành - Tham Lương		37,77	2016-2020
-	Đoạn đi trên mặt đất			2016-2020
-	Đoạn đi ngầm			2016-2020
-	Số lượng ga: 11 ga (10 ga ngầm và 01 ga trên cao)	Tân Bình		2016-2020
-	Depot Tham Lương (tuyến số 2 + 6)	Quận 12	25,70	2016-2020
-	Diện tích chiếm dụng đất		12,07	2016-2020
1.2	Giai đoạn 2: Đoạn Bến Thành - Thủ Thiêm và Tham Lương - Bến xe Tây Ninh - KĐT Tây Bắc	Q1, Q2; Q12, C. Chi	81,02	2016-2020
-	Đoạn đi trên mặt đất			2016-2020
-	Đoạn đi ngầm			2016-2020
-	Depot Phước Hiệp (tuyến số 2)	Củ Chi	26,70	2016-2020
-	Diện tích chiếm dụng đất		54,32	2016-2020
2	Tuyến metro số 3a: Bến Thành - Tân Kiên	Quận 1, 5, 6, H. Bình Chánh	37,83	2016-2020
-	Đoạn đi trên mặt đất			2016-2020
-	Đoạn đi ngầm			2016-2020
-	Số lượng ga: 10 ga (ga ngầm)			2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
-	Depot Tân Kiên (DT 20,15ha)	Bình Chánh		2016-2020
-	Diện tích chiếm dụng đất		37,83	2016-2020
3	Tuyến metro số 3b: Ngã 6 Cộng Hòa - Hiệp Bình Phước	Q1, Q3, B.Thạnh, T.Đức	53,77	2016-2020
-	Đoạn đi trên mặt đất			2016-2020
-	Đoạn đi ngầm			2016-2020
-	Số lượng ga: 10 ga (08 ga ngầm và 02 ga trên cao)			2016-2020
-	Depot Hiệp Bình Phước (tuyến số 3b): Tổng diện tích là 24,41ha, trong đó diện tích khu Depot là 22,41ha, Khu tái định cư - P. Hiệp Bình Phước là 2,0ha	Thủ Đức	22,41	2016-2020
-	Diện tích chiếm dụng đất		31,36	2016-2020
4	Tuyến metro số 4: Thạnh Xuân - Khu đô thị Hiệp Phước	Quận 1, 4, 7, 12, Gò Vấp, P. Nhuận, Nhà Bè	113,00	2016-2020
4.1	Đoạn Thạnh Xuân - Nguyễn Văn Linh		73,29	2016-2020
-	Đoạn đi trên mặt đất			2016-2020
-	Đoạn đi ngầm			2016-2020
-	Số lượng ga: 20 ga (01 ga trên mặt đất, 04 ga trên cao và 15 ga ngầm)	Quận 7	2,65	2016-2020
-	Depot Thạnh Xuân (tuyến số 4)	Quận 12	34,80	2016-2020
-	Diện tích chiếm dụng đất		35,84	2016-2020
4.2	Đoạn Nguyễn Văn Linh - Khu đô thị Hiệp Phước		39,71	2016-2020
-	Đoạn đi trên mặt đất			2016-2020
-	Đoạn đi ngầm			2016-2020
-	Số lượng ga: 12 ga (đi trên cao)			2016-2020
-	Depot Hiệp Phước (tuyến số 4)	Nhà Bè	21,30	2016-2020
-	Diện tích chiếm dụng đất		18,41	2016-2020
5	Tuyến metro số 4b: Ga công viên Gia Định - ga Lăng Cha Cả	Gò Vấp, Tân Bình	19,24	2016-2020
-	Đoạn đi trên mặt đất			2016-2020
-	Đoạn đi ngầm			2016-2020
-	Depot trong công viên Hoàng V. Thụ (2ha)	Tân Bình		2016-2020
-	Diện tích chiếm dụng đất		19,24	2016-2020
6	Tuyến metro số 5: Bến xe Cần Giuộc mới - cầu Sài Gòn	B. Chánh, Q8, Q5, Q11, T. Bình, P. Nhuận, B. Thạnh	72,04	2016-2020
6.1	Giai đoạn 1: Ngã 4 Bảy Hiền - cầu Sài Gòn		22,70	2016-2020
-	Đoạn đi trên mặt đất			2016-2020
-	Đoạn đi ngầm			2016-2020
-	Số lượng ga: 09 ga			2016-2020
-	Depot trong công viên Hoàng V. Thụ (2ha)	Tân Bình		2016-2020
-	Diện tích chiếm dụng đất		22,70	2016-2020
6.2	Giai đoạn 1: Ngã 4 Bảy Hiền - Bến xe Cần Giuộc mới		49,34	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
-	Đoạn đi trên mặt đất			2016-2020
-	Đoạn đi ngầm			2016-2020
-	Số lượng ga: 13 ga (08 ga ngầm và 05 ga trên cao)			2016-2020
-	Depot Đa Phước (tuyến số 5)	Bình Chánh	31,68	2016-2020
-	Diện tích chiếm dụng đất		17,66	2016-2020
7	Tuyến metro số 6: Bà Quẹo - vòng xoay Phú Lâm	Quận 6, Tân Bình, TP.HCM	21,19	2016-2020
-	Đoạn đi trên mặt đất			2016-2020
-	Đoạn đi ngầm			2016-2020
-	Số lượng ga: 07 ga (ga ngầm)			2016-2020
-	Diện tích chiếm dụng đất		21,19	2016-2020
VII.3	Tuyến xe điện mặt đất		51,35	
1	Tuyến tramway số 1: Ba Son - Bến xe Miền Tây	Q.1, Q.5, Q.6, B. Chánh	8,96	2016-2020
-	Đoạn đi trên mặt đất			2016-2020
-	Đoạn đi ngầm			2016-2020
-	Số lượng ga: 06 ga chính và 17 bến khách			2016-2020
-	Depot tại Bến xe Miền Tây (2,1ha)	Bình Chánh		2016-2020
-	Diện tích chiếm dụng đất		8,96	2016-2020
2	Tuyến monorail số 2: Quốc lộ 50 - Khu đô thị Bình Quới	Q.2, Q.4, Q.7, B. Thạnh, B. Chánh	24,94	2016-2020
-	Đoạn đi trên mặt đất			2016-2020
-	Đoạn đi ngầm			2016-2020
-	Depot tại đường Nguyễn Văn Linh	Bình Chánh	5,90	2016-2020
-	Diện tích chiếm dụng đất		19,04	2016-2020
3	Tuyến monorail số 3: Ngã tư Phan Văn Trị - Nguyễn Oanh - Ga Tân Chánh Hiệp	G. Váp, Q12	17,45	2016-2020
-	Đoạn đi trên mặt đất			2016-2020
-	Đoạn đi ngầm			2016-2020
-	Depot tại đường Tân Chánh Hiệp	Quận 12	5,90	2016-2020
-	Diện tích chiếm dụng đất		11,55	2016-2020
VIII	Hệ thống đường quận, huyện		2.500,14	
1	Dự án cầu+đường Bình Tiên	Bình Chánh	6,05	2016-2020
2	Đường nối đại lộ Đông Tây và đường ô tô cao tốc TP. HCM - Trung Lương	Bình Chánh	32,00	2016-2020
3	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Vĩnh Lộc (hướng lộ 80 từ đường TL10 đến ranh huyện Hóc Môn)	Bình Chánh	12,81	2016-2020
4	Vành đai trong nối dài	Bình Chánh	24,53	2016-2020
5	Đường dọc tuyến điện 110Kv	Bình Chánh	24,16	2016-2020
6	Đường dọc tuyến điện 220Kv	Bình Chánh	8,95	2016-2020
7	Đường thanh niên nối dài	Bình Chánh	4,94	2016-2020
8	Đường Hưng Long - Quy Đức nối dài	Bình Chánh	2,86	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
9	Lập dự án Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Cửu Phú (Hương lộ 4) trên địa bàn huyện Bình Chánh	Bình Chánh	7,80	2016-2020
10	Đường vòng cung Tây Bắc	Bình Chánh	10,90	2016-2020
11	Đường Nguyễn Thị Thập nối dài	Bình Chánh	9,96	2016-2020
12	Nâng cấp, mở rộng Đường Võ Hữu Lợi	Bình Chánh	4,67	2016-2020
13	Đường Láng Le Bàu Cò nối dài	Bình Chánh	12,20	2016-2020
14	Mở rộng đường An Phú Tây – Hưng Long (đoạn từ Quốc lộ 1A đến Hương lộ 11)	Bình Chánh	11,70	2016-2020
15	Đường trục phía Tây	Bình Chánh	5,24	2016-2020
16	Hương lộ 2 nối dài	Bình Chánh	5,83	2016-2020
17	Đường Võ Văn Vân nối dài	Bình Chánh	0,31	2016-2020
18	Đường ba xã cánh Nam nối dài	Bình Chánh	15,50	2016-2020
19	Đất giao thông - Khu số 20	Bình Chánh	5,69	2016-2020
20	Đường nối đường Nguyễn Văn Linh với khu Trung tâm điều hành đường cao tốc TP.Hồ Chí Minh - Trung Lương	Bình Chánh	0,46	2016-2020
21	Đường nối Đại lộ Võ Văn Kiệt với đường cao tốc TP Hồ Chí Minh - Trung Lương	Bình Chánh	32,00	2016-2020
22	Nâng cấp mở rộng đường Tân Túc	Bình Chánh	1,71	2016-2020
23	Cầu chợ Đệm	Bình Chánh	1,79	2016-2020
24	Nâng cấp, mở rộng đoạn 1,6 km QL 50 (km6+665 đường dẫn vào Khu liên hợp chất thải rắn Đa Phước	Bình Chánh	0,60	2016-2020
25	Đường vào học viện phật giáo VN của giáo hội phật giáo Việt Nam (giai đoạn 1)	Bình Chánh	4,85	2016-2020
26	Nâng cấp, mở rộng đường Huỳnh Văn Trí	Bình Chánh	3,57	2016-2020
27	Cầu Kênh Xáng Ngang	Bình Chánh	2,65	2016-2020
28	Hệ thống thoát nước và mở rộng đường Võ Văn Vân.	Bình Chánh	6,98	2016-2020
29	Các cầu trên đường Liên ấp 1-2 Bình Lợi	Bình Chánh	0,77	2016-2020
30	Nâng cấp mở rộng đường Thế Lữ	Bình Chánh	3,21	2016-2020
31	Cầu Bà Tỵ	Bình Chánh	0,33	2016-2020
32	Mở rộng Quốc lộ 1A (đoạn từ nút Tân Kiên đến nút Bình Thuận)	Bình Chánh	0,99	2016-2020
33	Nâng cấp, mở rộng đường Đoàn Nguyễn Tuấn	Bình Chánh	3,00	2016-2020
34	Nâng cấp, mở rộng Đường Lê Đình Chi	Bình Chánh	4,39	2016-2020
35	Nâng cấp mở rộng đường Tân Liêm	Bình Chánh	2,00	2016-2020
36	Nâng cấp đường Kênh Liên Vùng (xã Bình Lợi)	Bình Chánh	3,20	2016-2020
37	Đường Tập đoàn Liên doanh	Bình Chánh	1,06	2016-2020
38	Đường Đinh Văn Ước (3-4-5)	Bình Chánh	2,66	2016-2020
39	Nâng cấp, mở rộng Đường Thích Thiện Hòa	Bình Chánh	5,36	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
40	Cầu Út Nhiều	Bình Chánh	0,03	2016-2020
41	Trạm dịch vụ phục vụ vận hành khai thác thu phí tuyến đường	Bình Chánh	4,99	2016-2020
42	Dự án thành phần xây dựng nút giao giữa tuyến nối Tân Tạo - Chợ Đệm với đường Trần Đại Nghĩa	Bình Chánh	2,13	2016-2020
43	Đường Nguyễn Văn Long	Bình Chánh	1,16	2016-2020
44	Dự án Xây dựng hệ thống thoát nước và mở rộng đường Trần Đại Nghĩa (từ cầu Cái Trung đến Khu công nghiệp Lê Minh Xuân	Bình Chánh	5,51	2016-2020
45	Lập dự án Nâng cấp đường Lại Hùng Cường	Bình Chánh	2,35	2016-2020
46	Nâng cấp mở rộng đường Đa Phước	Bình Chánh	4,39	2016-2020
47	Nâng cấp, mở rộng đường Phạm Thị Tánh (Hưng Long-Quy Đức)	Bình Chánh	5,81	2016-2020
48	Lập dự án Nâng cấp, mở rộng đường Kinh Trung Ương, xã Vĩnh Lộc A	Bình Chánh	4,88	2016-2020
49	Lập dự án cải tạo nâng cấp đường Trần Đại Nghĩa (từ đường Tân Kiên đến Bình Lợi) từ cầu Kênh B đến đường Mai Bá Hương, huyện Bình Chánh	Bình Chánh	6,86	2016-2020
50	Lập dự án Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Cửu Phú(Hương lộ 4) trên địa bàn huyện Bình Chánh)	Bình Chánh	10,92	2016-2020
51	Lập dự án nâng cấp đường Kết nối với khu tái định cư Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh	Bình Chánh	0,13	2016-2020
52	Đường liên ấp 2-3	Bình Chánh	3,10	2016-2020
53	Đường Liên ấp 6-2, xã Vĩnh Lộc A	Bình Chánh	3,60	2016-2020
54	Đường Nữ Dân Công, xã Vĩnh Lộc A	Bình Chánh	2,60	2016-2020
55	Đường Liên ấp 6-5, xã Vĩnh Lộc A	Bình Chánh	1,30	2016-2020
56	Đường Trần Hải Phụng, xã Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	2,89	2016-2020
57	Nâng cấp mở rộng đường Liên ấp 1-2-3, xã Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	2,75	2016-2020
58	Đường Hưng Nhơn, xã Tân Kiên	Bình Chánh	2,20	2016-2020
59	Đường Bùi Thanh Khiết , thị trấn Tân Túc	Bình Chánh	3,10	2016-2020
60	Đường Lô 2, xã Bình Lợi	Bình Chánh	4,20	2016-2020
61	Đường Kênh Liên Vùng, xã Phạm Văn Hai	Bình Chánh	4,30	2016-2020
62	Đường Trần Hải phụng, xã Phạm Văn Hai	Bình Chánh	4,30	2016-2020
63	Đường Ông Đội, xã Hưng Long	Bình Chánh	2,60	2016-2020
64	Đường Quách Điêu, xã Vĩnh Lộc A	Bình Chánh	2,50	2016-2020
65	Đường Cây Cắm đoạn 2, xã Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	0,50	2016-2020
66	Đường vào nông trường Lê Minh Xuân, xã Lê Minh Xuân	Bình Chánh	0,70	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
67	Đường kết nối từ cầu kênh Xáng Ngang qua ranh Long An	Bình Chánh	0,90	2016-2020
68	Hung Long -Quy Đức đoạn từ UBND Qui Đức đến cầu Ông Thìn, xã Qui Đức	Bình Chánh	0,56	2016-2020
69	Đường Xương Cá 2, xã Đa Phước	Bình Chánh	1,20	2016-2020
70	Đường vào trường Tiểu học 6, xã Tân Nhựt	Bình Chánh	0,25	2016-2020
71	Đường Trương Văn Đa đoạn từ đường Tân Long đến Sai Gòn - Trung Lương, xã Tân Nhựt	Bình Chánh	0,56	2016-2020
72	Đường Trần Hải Phụng	Bình Chánh	2,90	2016-2020
73	Dự án xây dựng mới cầu Rạch Gia trên đường An Phú Tây - Hưng Long	Bình Chánh	39,60	2016-2020
74	Xây dựng tuyến đường gom thuộc tuyến đường dẫn cao tốc Tp.HCM - Trung Lương	Bình Chánh	3,96	2016-2020
75	Dự án Xây dựng đường Kênh B Láng Le - Bàu Cò	Bình Chánh	3,83	2016-2020
76	Xây dựng đường hướng tâm phía Tây Bắc (từ ranh Long An đến KCN Vĩnh Lộc)	Bình Chánh	75,00	2016-2020
77	Nhựa hóa tuyến đường Thiên Giang, kết hợp cống thoát nước	Bình Chánh	0,45	2016-2020
78	Nhựa hóa tuyến đường Tập đoàn 7 - 11	Bình Chánh	0,44	2016-2020
79	Bê tông hóa đường tổ 5, 5A, 6 KP4, kết hợp cống thoát nước	Bình Chánh	0,30	2016-2020
80	Bê tông hóa đường tổ 8, kết hợp cống thoát nước	Bình Chánh	0,28	2016-2020
81	Bê tông hóa đường tổ 9 KP3, kết hợp cống thoát nước	Bình Chánh	0,40	2016-2020
82	Bê tông hóa đường tổ 5 Tây KP3, kết hợp cống thoát nước	Bình Chánh	0,26	2016-2020
83	Nhựa hóa Đê bao Kênh A	Bình Chánh	0,44	2016-2020
84	Nhựa hóa Đê bao Kênh B	Bình Chánh	0,46	2016-2020
85	Đường liên ấp 2 - 3 - 4 kết nối với chùa Liên Hương, xã Vĩnh Lộc A	Bình Chánh	1,53	2016-2020
86	Đường kinh số 1, xã Bình Lợi	Bình Chánh	1,16	2016-2020
87	Đường kinh số 2, xã Bình Lợi	Bình Chánh	1,27	2016-2020
88	Lập dự án nâng cấp, mở rộng Đường liên ấp 4 - 5, xã Đa Phước	Bình Chánh	4,40	2016-2020
89	Lập dự án xây dựng cầu Tân Bửu	Bình Chánh	2,44	2016-2020
90	Lập dự án xây dựng cầu Rạch Rô Đa Phước	Bình Chánh	0,48	2016-2020
91	Cầu Bún Xeo	Bình Chánh	0,20	2016-2020
92	Cầu kênh Xáng Dọc, xã Bình Lợi	Bình Chánh	0,31	2016-2020
93	Cầu Láng Le Bàu Cò, xã Tân Nhựt	Bình Chánh	0,05	2016-2020
94	Cầu Dân Sinh, xã Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	0,06	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
95	Cầu Gò Đình, xã Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	0,03	2016-2020
96	Xây dựng cầu 1A, xã Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	0,05	2016-2020
97	Cầu Kênh B (cầu thứ 2), xã Lê Minh Xuân	Bình Chánh	0,08	2016-2020
98	Cầu Ông Giáo, thị trấn Tân Túc	Bình Chánh	0,02	2016-2020
99	Cầu Cái Tâm, xã Tân Nhựt	Bình Chánh	0,12	2016-2020
100	Cầu Cây Cám Cũ	Bình Chánh	0,15	2016-2020
101	Cầu Ba Lạc, xã Bình Lợi	Bình Chánh	0,06	2016-2020
102	Dự án nâng cấp đường Trương Văn Đa, xã Bình Lợi	Bình Chánh	0,66	2016-2020
103	Bến ca nô phục vụ chương trình phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn	Bình Chánh	0,14	2016-2020
104	Nâng cấp mở rộng đường Đê bao ông Cốm	Bình Chánh	1,63	2016-2020
105	Nâng cấp mở rộng đường Kinh Trung Ương	Bình Chánh	1,37	2016-2020
106	Nâng cấp mở rộng đường T23	Bình Chánh	0,10	2016-2020
107	Mở rộng đường Bờ Thao	Bình Chánh	0,33	2016-2020
108	Mở rộng đường Xóm Hồ	Bình Chánh	0,83	2016-2020
109	Nâng cấp mở rộng đường T24	Bình Chánh	0,11	2016-2020
110	Công trình cải tạo, mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ nút giao thông An Lạc đến giáp ranh tỉnh Long An thuộc dự án đầu tư bổ sung hợp đồng "Dự án BOT cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn An Sương - An Lạc thuộc địa phận TP.HCM"	Bình Chánh	18,64	2016-2020
111	Cầu Thầy Thuốc	Bình Chánh	0,15	2016-2020
112	Dự án xây dựng hệ thống giao thông thông minh (ITS) đường ô tô cao tốc TP. HCM-Trung Lương	Bình Chánh	2,98	2016-2020
113	Công trình cải tạo, mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ nút giao thông Bình Thuận đến ranh tỉnh Long An	Bình Chánh	18,64	2016-2020
114	Đường 7 Cá - 8 Luông	Bình Chánh		2016-2020
115	Đường T8	Bình Chánh	11,17	2016-2020
116	Đường T5	Bình Chánh	15,60	2016-2020
117	Đường ấp 2	Bình Chánh	10,74	2016-2020
118	Xây dựng tuyến đường kết nối với khu tái định cư Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	23,14	2016-2020
119	Đường Xương cá 1	Bình Chánh	15,27	2016-2020
120	Đường Xương Cá 2	Bình Chánh	3,60	2016-2020
121	Đường dân sinh T14	Bình Chánh	0,76	2016-2020
122	Dự án Nâng cấp đường và xây dựng hệ thống thoát nước đường Dương Đình Cúc, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh	Bình Chánh	2,59	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
123	Xây dựng tuyến đường gom thuộc tuyến đường dẫn cao tốc TP.HCM – Trung Lương	Bình Tân	26,34	2016-2020
124	Dự án nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thị Tú (đoạn từ QL 1A đến khu công nghiệp Vĩnh Lộc)	Bình Tân	1,44	2016-2020
125	Dự án BTHT GPMB 02 hộ bị giải tỏa trắng và khu thổ mộ dự án Nâng cấp đường Liên khu 8-9	Bình Tân	0,004	2016-2020
126	Dự án BTHT GPMB và tái định cư dự án sửa chữa lớn nâng cấp đường Gò xoài	Bình Tân	0,02	2016-2020
127	Lập DA bồi thường giải phóng mặt bằng phục vụ dự án Xây dựng nút giao thông giữa tuyến nối Tân Tạo-Chợ Đệm với đường Tỉnh Lộ 10B	Bình Tân	4,52	2016-2020
128	Nâng cấp mở rộng đường Bình Long (đoạn từ Tân Kỳ Tân Quý đến Ngã tư Bốn Xã)	Bình Tân	2,23	2016-2020
129	Nâng cấp mở rộng đường Hương Lộ 3 (đoạn từ kênh 19 tháng 5 đến Tân Kỳ Tân Quý)	Bình Tân	0,68	2016-2020
130	Mở rộng hương lộ 2	Bình Tân	2,50	2016-2020
131	Nâng cấp đường Liên khu 5-6 (Hệ thống thoát nước)	Bình Tân	0,01	2016-2020
132	Nâng cấp đường Số 16 phường	Bình Tân	0,02	2016-2020
133	Nâng cấp mở rộng đường lô Tư	Bình Tân	0,02	2016-2020
134	Đường dọc tuyến điện	Bình Tân	15,00	2016-2020
135	Đường dọc kênh Tham Lương	Bình Tân	12,00	2016-2020
136	Đường dọc kênh 19/5	Bình Tân	17,00	2016-2020
137	Bình Trị Đông nối dài	Bình Tân	15,50	2016-2020
138	Lý Chiêu Hoàng nối dài	Bình Tân	17,00	2016-2020
139	Đường trục phía Tây	Bình Tân	10,00	2016-2020
140	Mở rộng các tuyến đường hiện hữu theo lộ giới	Bình Tân	50,00	2016-2020
141	Dự án xây dựng tuyến đường An Dương Vương (đoạn từ Bà Hom - đường Hùng Vương)	Bình Tân	1,00	2016-2020
142	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Phan Anh (từ ngã tư Bốn Xã đến Bà Hom)	Bình Tân	1,85	2016-2020
143	Nâng cấp mở rộng Lê Tấn Bê (đoạn từ đường Kinh Dương Vương đến đại lộ Võ Văn Kiệt), phường An Lạc	Bình Tân	0,25	2016-2020
144	Nâng cấp mở rộng đường số 47 phường Bình Trị Đông A	Bình Tân	0,49	2016-2020
145	Nâng cấp đường số 4 phường Bình Hưng Hòa	Bình Tân	0,24	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
146	Nâng cấp đường số 7 phường Bình Hưng Hòa	Bình Tân	0,42	2016-2020
147	Nâng cấp mở rộng đường Sông Suối, quận Bình Tân	Bình Tân	0,61	2016-2020
148	Sửa chữa cầu, cống kênh Chiến Lược, phường Bình Trị Đông quận Bình Tân	Bình Tân		2016-2020
149	Sửa chữa đường Sinco nối dài phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân	Bình Tân	0,80	2016-2020
150	Xây dựng cống Mương Lê phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân	Bình Tân	0,82	2016-2020
151	Nâng cấp đường Nguyễn Cửu Phú (Hương Lộ 4) trên địa bàn quận Bình Tân	Bình Tân	7,01	2016-2020
152	Nâng cấp mở rộng đường Lê Tấn Bê (đoạn từ đại lộ Đông Tây đến ranh quận 8), phường An Lạc	Bình Tân	0,96	2016-2020
153	Nâng cấp mở rộng Đường Liên khu 3-4 Phường An Lạc	Bình Tân	1,74	2016-2020
154	Nâng cấp mở rộng Đường Lê Cơ Phường An Lạc	Bình Tân	1,32	2016-2020
155	Nâng cấp, mở rộng đường Tên Lửa (đoạn từ Đường số 29 đến Tỉnh Lộ 10) phường Bình Trị Đông B	Bình Tân	1,40	2016-2020
156	Xây dựng mới đường Vành đai trong (đoạn nối ra đường Kinh Dương Vương và Tỉnh lộ 10) quận Bình Tân	Bình Tân	4,80	2016-2020
157	Nâng cấp Đường số 13 phường Bình Hưng Hòa A	Bình Tân	0,38	2016-2020
158	Nâng cấp Đường số 18A phường Bình Hưng Hòa A	Bình Tân	0,38	2016-2020
159	Nâng cấp Đường số 18E phường Bình Hưng Hòa A	Bình Tân	0,27	2016-2020
160	Nâng cấp Đường Lê Ngung phường Tân Tạo A (đoạn từ Tỉnh lộ 10B đến Cao tốc Sài Gòn Trung Lương)	Bình Tân	1,80	2016-2020
161	Nâng cấp mở rộng Đường Sông Suối phường Tân Tạo (đoạn từ Cao tốc Sài Gòn Trung Lương đến kênh Tham Lương - Bến Cát)	Bình Tân	0,15	2016-2020
162	Nâng cấp Đường Bình Thành phường Bình Hưng Hòa B (đoạn từ Đường số A9 đến Hương Lộ 80)	Bình Tân	3,00	2016-2020
163	Sửa chữa nâng cấp Đường số 11 (đoạn từ Đường Bình Long đến Đường số 17) phường Bình Hưng Hòa A	Bình Tân	0,72	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
164	Sửa chữa, nâng cấp đường số 8 phường Bình Hưng Hòa (đoạn từ hẻm 688 Tân Kỳ Tân Quý đến Hương Lộ 3)	Bình Tân	1,22	2016-2020
165	Sửa chữa, nâng cấp đường Bùi Tư Toàn (đoạn từ Kinh Dương Vương đến Rạch Ruột Ngựa) phường An Lạc	Bình Tân	1,03	2016-2020
166	Xây dựng cống hộp tại vị trí cầu Ruột Ngựa phường An Lạc	Bình Tân	0,00	2016-2020
167	Sửa chữa, nâng cấp chống ngập, đảm bảo giao thông, chỉnh trang đường Nguyễn Quý Yêm, phường An Lạc, quận Bình Tân	Bình Tân	0,34	2016-2020
168	Công trình Sửa chữa nâng cấp chống ngập đường số 8 và hẻm 197A đường Liên Khu 5-6, Phường Bình Hưng Hòa B	Bình Tân	0,50	2016-2020
169	Sửa chữa , nâng cấp chống ngập, chỉnh trang Đường số 9 phường Bình Hưng Hòa	Bình Tân	0,65	2016-2020
170	Sửa chữa , nâng cấp chống ngập, chỉnh trang Đường số 10 phường Bình Hưng Hòa	Bình Tân	0,50	2016-2020
171	Sửa chữa , nâng cấp Đường Sinco (đoạn từ Cống Bà Mua đến Hồ Ngọc Lâm) phường Bình Trị Đông B	Bình Tân	0,50	2016-2020
172	Công trình kết nối liên thông, giải quyết nút thắt cổ chai cải tạo giao lộ 7 tuyến đường	Bình Tân		2016-2020
173	Sửa chữa, nâng cấp đường Cầu Kinh phường Tân Tạo A	Bình Tân	0,84	2016-2020
174	Công trình kết nối liên thông, giải quyết nút thắt cổ chai cải tạo giao lộ 13 tuyến hẻm	Bình Tân		2016-2020
175	Nâng cấp đường số 17 phường Bình Hưng Hòa A	Bình Tân	0,17	2016-2020
176	Nâng cấp đường Phan Đình Thông phường An Lạc	Bình Tân	0,22	2016-2020
177	Sửa chữa, nâng cấp Đường Y tế Kỹ thuật cao phường An Lạc A	Bình Tân	0,69	2016-2020
178	Sửa chữa, nâng cấp đường Dương Tự Quán phường An Lạc A	Bình Tân	0,34	2016-2020
179	Sửa chữa, nâng cấp Đường số 5 phường Bình Hưng Hòa	Bình Tân	1,39	2016-2020
180	Sửa chữa, nâng cấp Đường số 1 phường Bình Hưng Hòa A	Bình Tân	0,60	2016-2020
181	Sửa chữa, nâng cấp Đường số 2 phường Bình Hưng Hòa B	Bình Tân	0,52	2016-2020
182	Sửa chữa, nâng cấp đường Trương Phước Phan phường Bình Trị Đông	Bình Tân	2,35	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
183	Sửa chữa nâng cấp đường Ngô Y Linh (đoạn từ An Dương Vương đến rạch Ruột Ngựa) phường An Lạc	Bình Tân	0,30	2016-2020
184	Sửa chữa nâng cấp đường Nguyễn Hới (đoạn từ Kinh Dương Vương đến Lò Gốm) phường An Lạc	Bình Tân	0,31	2016-2020
185	Sửa chữa nâng cấp Đường số 17 phường Bình Hưng Hòa A	Bình Tân	0,21	2016-2020
186	Sửa chữa nâng cấp Đường số 17A phường Bình Hưng Hòa A	Bình Tân	0,64	2016-2020
187	Sửa chữa nâng cấp đường Bờ Tuyền phường Tân Tạo A	Bình Tân	0,84	2016-2020
188	Sửa chữa nâng cấp Đường số 3 phường Tân Tạo A	Bình Tân	0,34	2016-2020
189	Nâng cấp Đường số 18D phường Bình Hưng Hòa A	Bình Tân	0,60	2016-2020
190	Nâng cấp đường Gò Xoài	Bình Tân	0,02	2016-2020
191	Xây dựng mới Cầu Bung	Bình Tân	1,39	2016-2020
192	Nâng cấp mở rộng đường 18B (đoạn từ Quốc lộ 1A đến đường Mã Lò)	Bình Tân	0,83	2016-2020
193	Xây dựng hệ thống thoát nước và mở rộng đường Trần Đại Nghĩa (từ Quốc lộ 1A đến cầu Cái Trung)	Bình Tân	0,17	2016-2020
194	Dự án bồi thường giải phóng mặt bằng đường Miếu Bình Đông	Bình Tân	0,02	2016-2020
195	Cổng điều tiết kết hợp với âu thuyền tại cửa Rạch Nước Lên	Bình Tân	1,64	2016-2020
196	Xây dựng cầu nối giữa đường TTN08, quận 12 và đường Phạm Đăng Giảng	Bình Tân	0,46	2016-2020
197	Nâng cấp mở rộng đường Hồ Học Lãm	Bình Tân	5,18	2016-2020
198	Nút giao thông giữa tuyến nối Tân Tạo - Chợ Đệm với đường Trần Đại Nghĩa	Bình Tân	0,19	2016-2020
199	Xây dựng mới cầu đường sắt Bình Lợi	Bình Thạnh	0,30	2016-2020
200	Dự án đường giao thông Lô 13-14	Bình Thạnh	0,26	2016-2020
201	Dự án mở rộng đường Chu Văn An	Bình Thạnh	1,07	2016-2020
202	Mở rộng đường Ngô Tất Tố kết nối từ cầu Thủ Thiêm (nhánh N4) đến đường Xô Viết Nghệ Tĩnh hiện hữu.	Bình Thạnh	2,00	2016-2020
203	Dự án xây dựng đường nối từ ngã ba Nơ Trang Long-Nguyễn Xí vào đường trục KCN và KDC Bình Hòa	Bình Thạnh	1,20	2016-2020
204	Mở rộng đường Nơ Trang Long	Bình Thạnh	5,50	2016-2020
205	Xây dựng đường Phan Chu Trinh nối dài	Bình Thạnh	6,76	2016-2020
206	Xây dựng đường Phan Chu Trinh (Từ rạch Lãng đến đường Nơ Trang Long)	Bình Thạnh	0,86	2016-2020
207	Mở rộng, nối dài đường D2	Bình Thạnh	0,80	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
208	Mở rộng đường Phan Văn Trị	Bình Thạnh	2,10	2016-2020
209	Mở rộng đường Ung Văn Khiêm (BOT Bình Triệu)	Bình Thạnh	6,02	2016-2020
210	Mở rộng, nối dài đường D5	Bình Thạnh	0,40	2016-2020
211	Mở rộng đường 12AB	Bình Thạnh	6,40	2016-2020
212	Mở rộng đường Bùi Đình Túy	Bình Thạnh	1,80	2016-2020
213	Mở rộng đường Nguyễn Văn Đậu	Bình Thạnh	1,02	2016-2020
214	Mở rộng đường Nguyễn Xí	Bình Thạnh	2,00	2016-2020
215	Mở rộng đường Điện Biên Phủ	Bình Thạnh	7,98	2016-2020
216	Mở rộng đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Bình Thạnh	2,41	2016-2020
217	Mở rộng đường Bùi Hữu Nghĩa	Bình Thạnh	0,78	2016-2020
218	Mở rộng đường Lê Quang Định	Bình Thạnh	1,20	2016-2020
219	Đất quy hoạch cá đường giao thông ở các phường	Bình Thạnh	23,47	2016-2020
220	Nâng cấp cầu Hang Trong	Bình Thạnh		2016-2020
221	XD cầu hẻm 118 Bạch Đằng	Bình Thạnh	0,70	2016-2020
222	XD cầu Bình Quới - Thủ Đức 1	Bình Thạnh	4,50	2016-2020
223	XD cầu Bình Quới - Thủ Đức 2	Bình Thạnh	4,50	2016-2020
224	XD cầu Bình Quới - Quận 2	Bình Thạnh	5,00	2016-2020
225	Đường ống cấp nước Ø 2000	Bình Thạnh		2016-2020
226	Xây dựng đường A9 (Khu Tân Cảng - Sài Gòn)	Bình Thạnh	0,31	2016-2020
227	Dự án xây dựng cầu Bình triệu II-Giai đoạn 2	Bình Thạnh	19,40	2016-2020
228	Xây dựng đường chui dưới cầu Bình Triệu	Bình Thạnh	0,39	2016-2020
229	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn phía bờ quận Bình Thạnh, kết nối từ đầu cầu Sài Gòn đến bán đảo Thanh Đa – Bình Quới	Bình Thạnh	9,00	2016-2020
230	Xây dựng cầu Kinh 2	Bình Thạnh	0,65	2016-2020
231	Xây dựng công trình cầu Rạch Lãng trên đường Phan Chu Trinh hiện hữu, kể cả đường dẫn hai bên để kết nối đến đường Nơ Trang Long	Bình Thạnh	0,29	2016-2020
232	Mở rộng cầu Văn Thánh, quận Bình Thạnh	Bình Thạnh	0,15	2016-2020
233	Xây dựng mới cầu nối hẻm 118 Bạch Đằng và hẻm 47 Bùi Đình Túy, phường 24, quận Bình Thạnh;	Bình Thạnh	0,03	2016-2020
234	Xây dựng cầu Long Vân Tự	Bình Thạnh	0,03	2016-2020
235	Xây dựng cầu Bình Quới 1 kết nối giao thông từ bán đảo Thanh Đa – Bình Quới đến Thảo Điền (quận 2), kết nối vào đường Xuân Thủy ra Xa lộ Hà Nội	Bình Thạnh	4,18	2016-2020
236	Mở rộng đường D1, quận Bình Thạnh	Bình Thạnh	0,26	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
237	xây dựng mới tuyến đường từ đường D1 đến đường ven rạch Văn Thánh (Đường kết nối Hẻm 20 đường D1)	Bình Thạnh	0,15	2016-2020
238	XD mới tuyến đường ven rạch Văn Thánh (từ ĐBP đến đường D3)	Bình Thạnh	0,77	2016-2020
239	Xây dựng cầu Vàm Thuật	Bình Thạnh	1,68	2016-2020
240	Đường D3	Bình Thạnh	0,40	2016-2020
241	Mở rộng hẻm 5/8 Nơ Trang Long	Bình Thạnh		2016-2020
242	Đường ven sông phường 19-22	Bình Thạnh		2016-2020
243	Dự án xây dựng cầu Bình triệu II-Giai đoạn 2	Thủ Đức	19,40	2016-2020
244	Nâng cấp đường bê tông xi măng Tổ 10, KP Hưng Thạnh	Cần Giờ	0,02	2016-2020
245	Sửa chữa Cầu Khánh Vân	Cần giờ	0,23	2016-2020
246	Đường Lương Văn Nho	Cần giờ	11,01	2016-2020
247	Trạm An toàn Hàng hải	Cần giờ	0,55	2016-2020
248	Đường Lâm Viên - Đồng Đình	Cần Giờ	6,40	2016-2020
249	Xây dựng mới cầu bến Bà Năm	Cần Giờ	0,72	2016-2020
250	Xây dựng Đường Thạnh Thới - Đồng Đình	Cần Giờ	5,37	2016-2020
251	Đường Liên xã An Thới Đông - Lý Nhơn	Cần Giờ	5,70	2016-2020
252	Nâng cấp đường Giồng Ao	Cần Giờ	3,50	2016-2020
253	Nâng cấp đường Đào Cừ - Giai đoạn 2	Cần Giờ	3,90	2016-2020
254	Đường dẫn vào bến phà Cần Giờ - Cần Giuộc	Cần Giờ	0,95	2016-2020
255	Xây dựng mới đường bến Bà Năm	Cần Giờ	1,84	2016-2020
256	Xây dựng cầu Mương Thông nối đê muối Tiên Giang và khu vực sản xuất đuôi Sam	Cần Giờ	0,04	2016-2020
257	Xây dựng nút giao thông đường Rừng Sác và đường cao tốc Bến Lức - Long Thành	Cần Giờ	13,48	2016-2020
258	Nâng cấp, mở rộng đường Hà Quang Vóc	Cần Giờ	1,66	2016-2020
259	Đường Đê Rạch Lá	Cần Giờ	3,86	2016-2020
260	Cầu Rạch Giồng II	Cần Giờ	0,20	2016-2020
261	Đường ra bến đò Doi Lầu	Cần Giờ	1,31	2016-2020
262	Cầu Bình Khánh	Cần Giờ		2016-2020
263	Đường trục dọc sông Hà Thanh nối dài đường Lương Văn Nho (từ cầu Hà Thanh - Khu dân cư Đồng Hòa)	Cần Giờ	5,50	2016-2020
264	Đường Tỉnh lộ 7	Củ Chi	24,98	2016-2020
265	Dự án đầu tư xây dựng đường dọc Kênh số 5 Khu đô thị Tây Bắc thành phố	Củ Chi	17,85	2016-2020
266	Dự án đầu tư xây dựng đường dọc Kênh số 8 Khu đô thị Tây Bắc thành phố	Củ Chi	21,23	2016-2020
267	Dự án đầu tư xây dựng đường nối kênh 5&7 khu đô thị Tây Bắc thành phố	Củ Chi	3,42	2016-2020
268	Sửa chữa, nâng cấp đường Tỉnh lộ 8 (đoạn từ Tân Quy đến TL9)	Củ Chi	14,72	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
269	Nhánh rẽ đường cao tốc	Củ Chi	2,79	2016-2020
270	Sửa chữa nâng cấp đường Liêu Bình Hương	Củ Chi	2,66	2016-2020
271	Cầu qua kênh chính Đức Hòa	Củ Chi	0,60	2016-2020
272	Cầu kênh N31A trên Tỉnh lộ 8	Củ Chi	1,41	2016-2020
273	Sửa chữa nâng cấp đường vào Trung tâm giáo dục dạy nghề thanh thiếu niên 2	Củ Chi	2,16	2016-2020
274	Sửa chữa nâng cấp đường Phạm Văn Cội	Củ Chi	12,10	2016-2020
275	Sửa chữa nâng cấp đường Nguyễn Văn Khạ (Đồng Dù - cuối tuyến)	Củ Chi	6,40	2016-2020
276	Sửa chữa nâng cấp đường Nguyễn Thị Lăng (Tỉnh lộ 8 - Quốc lộ 22)	Củ Chi	8,60	2016-2020
277	Sửa chữa và nâng cấp đường Tỉnh Lộ 9 (Hà Duy Phiên).	Củ Chi	14,65	2016-2020
278	Xây dựng cầu Quyết Thắng	Củ Chi	0,15	2016-2020
279	Xây dựng cầu Cây Đa	Củ Chi	0,27	2016-2020
280	Xây dựng cầu Chuối Nước	Củ Chi	0,27	2016-2020
281	Xây dựng cầu Rạch Kinh	Củ Chi	0,27	2016-2020
282	Xây dựng cầu Rạch Kè	Củ Chi	0,30	2016-2020
283	Nâng cấp mở rộng đường Tỉnh lộ 15 vào hợp tác xã Một Thoáng Việt Nam	Củ Chi	1,89	2016-2020
284	Sửa chữa mở rộng Hương lộ 10 (Từ Tỉnh lộ 7 đến chợ cũ Trảng Bàng - Tây Ninh)	Củ Chi	3,80	2016-2020
285	Sửa chữa nâng cấp đường nối từ cầu Tân Thái đến ngã ba Tân Mỹ	Củ Chi	4,10	2016-2020
286	Sửa chữa nâng cấp Tỉnh lộ 7	Củ Chi	24,98	2016-2020
287	Sửa chữa nâng cấp đường Nguyễn Thị Nê	Củ Chi	7,20	2016-2020
288	Sửa chữa nâng cấp đường Nguyễn Văn Khạ (Tỉnh lộ 15 - Bến Mương)	Củ Chi	8,10	2016-2020
289	Sửa chữa nâng cấp đường Nguyễn Văn Khạ (Quốc lộ 22 -Đồng Dù)	Củ Chi	3,70	2016-2020
290	Sửa chữa nâng cấp đường Bà Thiên (Tỉnh lộ 15 - Nguyễn Thị Ranh)	Củ Chi	7,80	2016-2020
291	Sửa chữa nâng cấp đường Bến Than	Củ Chi	4,10	2016-2020
292	Sửa chữa nâng cấp đường Huỳnh Minh Mương	Củ Chi	3,00	2016-2020
293	Sửa chữa nâng cấp đường Nguyễn Kim Cương (Tỉnh lộ 15 - Tỉnh lộ 8)	Củ Chi	9,00	2016-2020
294	Hệ thống thoát nước Thị Trấn - Tân An Hội (dọc đường Nguyễn Văn Khạ)	Củ Chi	0,27	2016-2020
295	Sửa chữa nâng cấp đường Vườn Ươm (đường số 9)	Củ Chi	1,25	2016-2020
296	Sửa chữa nâng cấp Huỳnh Thị Bằng	Củ Chi	2,28	2016-2020
297	Sửa chữa nâng cấp đường Bình Mỹ	Củ Chi	9,80	2016-2020
298	Sửa chữa nâng cấp đường Võ Văn Điều	Củ Chi	6,66	2016-2020
299	Sửa chữa nâng cấp đường Võ Văn Bích	Củ Chi	13,40	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
300	SCNC đường N2 thuộc đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 khu nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái và dân cư nhà vườn xã Phú Mỹ Hưng - Phân khu 1	Củ Chi	0,43	2016-2020
301	SCNC đường N5 (đường 804) thuộc đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 khu nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái và dân cư nhà vườn xã An Phú - Phân khu 2	Củ Chi	1,92	2016-2020
302	SCNC đường N9 thuộc đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 khu nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái và dân cư nhà vườn xã An Phú và xã An Nhơn Tây - Phân khu 3	Củ Chi	1,56	2016-2020
303	Xây dựng mới đường D9 thuộc đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 khu nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái và dân cư nhà vườn xã Phú Hòa Đông- Phân khu 6	Củ Chi	0,93	2016-2020
304	Xây dựng mới đường thuộc đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 khu nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái và dân cư nhà vườn xã Trung An- Phân khu 7	Củ Chi	2,72	2016-2020
305	Xây dựng mới đường N23 và N25 thuộc đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 khu nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái và dân cư nhà vườn xã Hòa Phú - Phân khu 8	Củ Chi	2,40	2016-2020
306	SCNC đường N2 thuộc đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 khu nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái và dân cư nhà vườn xã Hòa Phú và xã Bình Mỹ - Phân khu 9	Củ Chi	0,52	2016-2020
307	SCNC đường D2 thuộc đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 khu nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái và dân cư nhà vườn xã Hòa Phú và xã Bình Mỹ - Phân khu 9	Củ Chi	0,91	2016-2020
308	SCNC đường D3 thuộc đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 khu nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái và dân cư nhà vườn xã Hòa Phú và xã Bình Mỹ - Phân khu 9	Củ Chi	0,60	2016-2020
309	SCNC đường D3 thuộc đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 khu nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái và dân cư nhà vườn xã Hòa Phú và xã Bình Mỹ - Phân khu 9	Củ Chi	0,52	2016-2020
310	SCNC đường D13 thuộc đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 khu nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái và dân cư nhà vườn xã Bình Mỹ - Phân khu 10	Củ Chi	1,25	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
311	Cầu Rạch Tra	Hóc Môn	6,04	2016-2020
312	Sửa chữa nâng cấp Hương Lộ 70 (đường Lê Thị Hà)	Hóc Môn	4,24	2016-2020
313	Đường Nam Thới 1	Hóc Môn	1,90	2016-2020
314	Xây dựng hầm chui tại nút giao thông An Sương	Hóc Môn	4,20	2016-2020
315	Sửa chữa, nâng cấp Tỉnh lộ 9 (Đặng Thúc Vịnh)	Hóc Môn	15,70	2016-2020
316	Sửa chữa, nâng cấp cầu 19/5	Hóc Môn	0,12	2016-2020
317	Đường vào Trường Phổ thông trung học Tân Hiệp	Hóc Môn	0,86	2016-2020
318	Đường vào Trường Trung học cơ sở Phan Công Hớn và Trường Mầm non Bà Điểm 1	Hóc Môn	0,90	2016-2020
319	Đường vào trường Tiểu học Bùi Văn Ngừ	Hóc Môn	0,80	2016-2020
320	Dự án Bồi thường: Nâng cấp, mở rộng đường Tô Ký (đoạn từ Đặng Thúc Vịnh đến ngã Ba Bầu)	Hóc Môn	4,71	2016-2020
321	Xây dựng đường song hành Phan Văn Hớn	Hóc Môn	2,55	2016-2020
322	Đường Thị trấn - Thới Tam Thôn	Hóc Môn	0,90	2016-2020
323	Mở rộng, nâng cấp đường Trần Văn Mười (QL22 - Phan Văn Hớn)	Hóc Môn	3,30	2016-2020
324	Dự án Mở rộng, nâng cấp đường và HTTN đường Phan Văn Đối (đoạn từ đường Phan Văn Hớn đến Rạch Cầu Sa)	Hóc Môn	1,56	2016-2020
325	Đường Nguyễn Ảnh Thủ nối dài (Hương lộ 80 cũ) đoạn từ đường Phan Văn Hớn (huyện Hóc Môn) đến đường Vĩnh Lộc (huyện Bình Chánh)	Hóc Môn	1,20	2016-2020
326	Mở rộng, nâng cấp đường HL80B (đoạn từ Nguyễn Ảnh Thủ đến Lê Văn Khương)	Hóc Môn	3,87	2016-2020
327	Mở rộng, nâng cấp đường Nguyễn Oanh, Hà Huy Giáp (đoạn từ đường Phan Văn Trị đến cầu vượt Ngã tư Ga)	Gò Vấp	3,05	2016-2020
328	Mở rộng nâng cấp đường Lê Lai	Gò Vấp	0,21	2016-2020
329	Mở rộng đường Lê Quang Định	Gò Vấp	1,37	2016-2020
330	Mở rộng ga Gò Vấp (ga đường sắt)	Gò Vấp	1,73	2016-2020
331	Mở rộng đường Nguyễn Văn Nghi	Gò Vấp	5,20	2016-2020
332	Mở rộng, nâng cấp đường Nguyễn Kiệm	Gò Vấp	15,20	2016-2020
333	Mở rộng nâng cấp đường Dương Quảng Hàm (đoạn từ Quận Bình Thạnh đến Công viên Văn hóa)	Gò Vấp	7,97	2016-2020
334	Mở rộng nâng cấp đường Dương Quảng Hàm (đoạn từ Công viên văn hóa đến đường Thống Nhất)	Gò Vấp	10,40	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
335	Mở rộng nâng cấp đường Dương Quảng Hàm (đoạn từ đường Thống Nhất đến cầu Trường Đại).	Gò Vấp	5,70	2016-2020
336	Mở rộng đường Nguyễn Oanh	Gò Vấp	0,42	2016-2020
337	Mở rộng đường Nguyễn Du	Gò Vấp	6,80	2016-2020
338	Dự án Sửa chữa đường Lê Đức Thọ (đoạn từ cầu Trường Đại đến cầu Cụt)	Gò Vấp	1,08	2016-2020
339	Dự án Mở rộng nâng cấp đường Lê Đức Thọ (đoạn từ đường Lê Văn Thọ đến đường Nguyễn Oanh)	Gò Vấp	1,62	2016-2020
340	Mở rộng đường Lê Văn Thọ	Gò Vấp	4,77	2016-2020
341	Mở rộng đường Phạm Văn Chiêu	Gò Vấp	3,08	2016-2020
342	Mở rộng đường Phan Huy Ích	Gò Vấp	1,42	2016-2020
343	Mở rộng đường Thống Nhất	Gò Vấp		2016-2020
344	Dự án Mở rộng nâng cấp đường Phan Văn Trị (đoạn từ cầu Hang Trong đến đường Phạm Văn Đồng)	Gò Vấp	0,62	2016-2020
345	Đầu hẻm 79 đường số 6-36 đường số 12	Gò Vấp	0,04	2016-2020
346	Đầu hẻm 32 đường 6-68 đường số 6, phường 5	Gò Vấp	0,62	2016-2020
347	Đường dự phóng 16m (từ trường Trần Hưng Đạo đến đường Nguyễn Văn Dung)	Gò Vấp	1,42	2016-2020
348	Mở mới đường GT cạnh CV Văn Hóa phường 17	Gò Vấp	0,11	2016-2020
349	Mở rộng hẻm 261 + MR hẻm 7	Gò Vấp	0,26	2016-2020
350	Cầu vượt thép nút giao Ngã Sáu Gò Vấp	Gò Vấp	3,21	2016-2020
351	Xây dựng cầu vượt thép tại nút giao Nguyễn Thái Sơn - Nguyễn Kiệm, quận Gò Vấp	Gò Vấp	0,21	2016-2020
352	Hẻm KP1	Gò Vấp	0,15	2016-2020
353	Đường Thông Tây Hội, phường 10	Gò Vấp	0,04	2016-2020
354	Hẻm khu phố 7	Gò Vấp	0,04	2016-2020
355	Hẻm khu phố 4	Gò Vấp	0,03	2016-2020
356	Đường số 1	Gò Vấp	0,40	2016-2020
357	Nút giao thông Nguyễn Oanh - Nguyễn Văn Lượng - Lê Hoàng Phái (đường kính 80m)	Gò Vấp	0,08	2016-2020
358	Đường số 2	Gò Vấp	0,90	2016-2020
359	Mở rộng đường vào trường THCS An Nhơn	Gò Vấp	0,93	2016-2020
360	Mở rộng đường vào trường Tân Sơn - Tiểu học P.12	Gò Vấp	2,48	2016-2020
361	Hẻm từ nhà số 57-57/40,KP3, phường 13	Gò Vấp	0,02	2016-2020
362	Hẻm từ nhà số 56/4-9D,KP2, phường 13	Gò Vấp	0,01	2016-2020
363	Hẻm từ nhà số 56/9-58/10, KP3, phường 13	Gò Vấp	0,02	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
364	Hẻm từ nhà số 68/8-63/4, KP3, phường 13	Gò Vấp	0,02	2016-2020
365	Hẻm từ nhà số 68/14-72/18, KP3, phường 13	Gò Vấp	0,02	2016-2020
366	Hẻm từ nhà số 53/11 -53/7, KP3, phường 13	Gò Vấp	1,02	2016-2020
367	Xây dựng đường vào khu tái định cư phường 14	Gò Vấp	0,14	2016-2020
368	Đường vào chung cư 93/13A Phan Huy Ích	Gò Vấp	0,21	2016-2020
369	Đường vào cụm dân cư Thành Ủy	Gò Vấp	1,13	2016-2020
370	Mở rộng đường vào trường Trung học P.14 - Tiểu học P.14	Gò Vấp	0,95	2016-2020
371	Đường số 2	Gò Vấp	0,70	2016-2020
372	Đường số 8	Gò Vấp	0,46	2016-2020
373	Hẻm nhánh liên tổ 82 - 83 P 15	Gò Vấp	0,03	2016-2020
374	Hẻm nhánh đường số 9 phường 15	Gò Vấp	0,29	2016-2020
375	Sửa chữa nâng cấp đường khu phố 5, Phường 6	Gò Vấp	1,62	2016-2020
376	Sửa chữa nâng cấp đường số 47-48, Phường 14, quận Gò Vấp	Gò Vấp	0,70	2016-2020
377	Mở rộng nâng cấp đường khu phố 2, Phường 13	Gò Vấp	0,76	2016-2020
378	Mở rộng nâng cấp đường số 6, Phường 16, quận Gò Vấp	Gò Vấp	0,42	2016-2020
379	Mở rộng nâng cấp Hẻm 371 Nguyễn Oanh (đường vào trường tiểu học và THCS Phường 17)	Gò Vấp	0,42	2016-2020
380	Mở rộng nâng cấp Đường An Nhơn, Phường 17, quận Gò Vấp.	Gò Vấp	1,16	2016-2020
381	Mở rộng nâng cấp Hẻm 875 Phạm Văn Bạch, Phường 12, quận Gò Vấp	Gò Vấp	0,12	2016-2020
382	Sửa chữa nâng cấp đường số 54, Phường 14, quận Gò Vấp	Gò Vấp	1,30	2016-2020
383	Sửa chữa nâng cấp đường số 7, Phường 15, quận Gò Vấp	Gò Vấp	0,77	2016-2020
384	Đường Vào Trường tiểu học Lê Đức Thọ	Gò Vấp	0,69	2016-2020
385	Kết nối giao thông đường Phạm Văn Bạch - hẻm Khu dân cư Địa ốc Chợ Lớn	Gò Vấp	0,08	2016-2020
386	Kết nối giao thông đường Nguyễn Tư Giản với đường Phạm Văn Bạch	Gò Vấp	0,05	2016-2020
387	Mở rộng, nâng cấp hẻm 236, đường Nguyễn Tư Giản	Gò Vấp	0,18	2016-2020
388	Mở rộng, nâng cấp hẻm 47, đường số 19	Gò Vấp	0,24	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
389	Mở rộng nâng cấp Hẻm 158/48 đường Phạm Văn Chiêu kết nối với Hẻm số 548 Đường số 10 và cải tạo nâng cấp Hẻm số 158/50 đường Phạm Văn Chiêu, Hẻm số 458/6 đường số 10, Phường 9.	Gò Vấp	0,45	2016-2020
390	Cầu Hang Ngoài	Gò Vấp	0,01	2016-2020
391	Xây dựng cầu thép tại nút giao Nguyễn Thái Sơn - Nguyễn Kiệm	Gò Vấp	1,1	2016-2020
392	Mở rộng đường Trần Thị Nghi (P.7)	Gò Vấp	0,50	2016-2020
393	Mở rộng, nâng cấp đường vào trạm trung chuyển rác và Đội CS PCCC khu vực	Gò Vấp	1,87	2016-2020
394	Mở rộng, nâng cấp đường vào trường mầm non P.14	Gò Vấp	0,22	2016-2020
395	Mở rộng đường D3, P.10 (đoạn từ Phan Văn Trị đến đường Quang Trung)	Gò Vấp	0,72	2016-2020
396	Nâng cấp mở rộng hẻm 764/50 Phạm Văn Chiêu	Gò Vấp	0,03	2016-2020
397	Đường vào trường TH Trần Quang Khải	Gò Vấp	0,20	2016-2020
398	Xây dựng cầu Phước Lộc	Nhà Bè	2,41	2016-2020
399	Đường Đặng Nhữ Lâm nối dài	Nhà Bè	6,05	2016-2020
400	Mở rộng đường Nguyễn Văn Tạo	Nhà Bè	11,75	2016-2020
401	Mở rộng đường Đào Sư Tích (đoạn qua Phước Kiển)	Nhà Bè	2,20	2016-2020
402	Đường kho dầu B ngã 3 Nhơn Đức (đoạn Phước Kiển)	Nhà Bè	11,01	2016-2020
403	Đường Vĩnh Phước (đoạn Phước Kiển)	Nhà Bè	5,70	2016-2020
404	Mở rộng đường Nhơn Đức - Phước Lộc	Nhà Bè	4,78	2016-2020
405	Đường Vĩnh Phước - Cây Khô	Nhà Bè	2,40	2016-2020
406	Mở rộng đường Đào sư Tích	Nhà Bè	5,62	2016-2020
407	Dự án xây dựng cầu Phú Xuân 2	Nhà Bè	2,37	2016-2020
408	Cầu Rạch Đĩa trên đường Lê Văn Lương	Nhà Bè	1,43	2016-2020
409	Dự án Xây dựng cầu Rạch Tôm	Nhà Bè	4,28	2016-2020
410	Cầu Long Kiểng trên đường Lê Văn Lương	Nhà Bè	2,26	2016-2020
411	Dự án Xây dựng cầu Rạch Dơi	Nhà Bè	4,43	2016-2020
412	Đường 15B	Nhà Bè	9,25	2016-2020
413	Đường cao tốc Bến Lức-Long Thành mở rộng	Nhà Bè	1,10	2016-2020
414	Đường Trung tâm hành chính huyện nối dài	Nhà Bè	1,59	2016-2020
415	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Bình giai đoạn 2 (đoạn từ Nguyễn Văn Tạo đến Lê Văn Lương)	Nhà Bè	4,70	2016-2020
416	Nâng cấp, mở rộng đường Long Thới - Nhơn Đức (đoạn đầu tuyến đường Nguyễn Văn Tạo-LT NĐ)	Nhà Bè	0,60	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
417	Nâng cấp, mở rộng đường Phạm Hữu Lầu (Đoạn từ cầu Phước Long đến hẻm 360)	Nhà Bè	0,36	2016-2020
418	Xây dựng Cầu Bàu Le xã Hiệp Phước	Nhà Bè	0,54	2016-2020
419	Xây Dựng cầu bắt qua kênh Cây Khô	Nhà Bè	3,53	2016-2020
420	Xây dựng cầu Giáp Quạ - xã Phước Lộc	Nhà Bè	0,71	2016-2020
421	Xây Dựng cầu Mương Bằng	Nhà Bè	0,77	2016-2020
422	Xây dựng đường vào Trung Tâm Văn Hóa huyện Nhà Bè	Nhà Bè	0,55	2016-2020
423	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư di dời sạt lở trên địa bàn	Nhà Bè	0,97	2016-2020
424	Ga tiền cảng Hiệp Phước và đường sắt đô thị	Nhà Bè	51,25	2016-2020
425	Xây dựng Nút giao kho B trên đường Nguyễn Hữu Thọ	Nhà Bè	15,52	2016-2020
426	Xây dựng nút giao thông vòng xoay cầu Bà Chiêm và đường cao tốc Bến Lức - Long Thành	Nhà Bè	8,84	2016-2020
427	Xây dựng đường D3 kết nối vào cảng Sài Gòn - Hiệp Phước, huyện Nhà Bè	Nhà Bè	5,93	2016-2020
428	Mở rộng hẻm 29/84 Đoàn Thị Điểm	Phú Nhuận	0,00	2016-2020
429	Mở rộng hẻm 19 đường Cô Bắc	Phú Nhuận	0,03	2016-2020
430	Mở rộng hẻm 19/43 Cô Bắc đến nhà số 270/2 Phan Đình Phùng	Phú Nhuận	0,05	2016-2020
431	Xây dựng hệ thống thoát nước Rạch Cầu Cụt	Phú Nhuận	0,23	2016-2020
432	Công trình Nâng cấp Cầu Kiệu “Làm via hè 3.0m hai bên hông mố cầu Kiệu kết nối công trình xây dựng cầu Kiệu”	Phú Nhuận	0,003	2016-2020
433	Mở rộng hẻm 12 Cù Lao	Phú Nhuận	0,01	2016-2020
434	Mở rộng hẻm 508 Cù Lao	Phú Nhuận	0,01	2016-2020
435	Mở rộng hẻm 142D Cô Giang	Phú Nhuận	0,07	2016-2020
436	Mở rộng hẻm 162 Phan Đăng Lưu	Phú Nhuận	0,06	2016-2020
437	Mở rộng hẻm 124 Nguyễn Đình Chiểu	Phú Nhuận	0,02	2016-2020
438	Mở rộng hẻm 694/33 Nguyễn Kiệm	Phú Nhuận	0,01	2016-2020
439	Mở rộng hẻm 622 Nguyễn Kiệm	Phú Nhuận	0,02	2016-2020
440	Mở rộng hẻm 694 Nguyễn Kiệm	Phú Nhuận	0,03	2016-2020
441	Mở rộng hẻm 120/86 Thích Quảng Đức	Phú Nhuận	0,03	2016-2020
442	Mở rộng hẻm 247 Hoàng Hoa Thám.	Phú Nhuận	0,04	2016-2020
443	Dự án giải tỏa, mở rộng "Nút thắt cổ chai" đường Nhiêu Tứ	Phú Nhuận	0,00	2016-2020
444	Mở rộng cụm hẻm 71 Nguyễn Công Hoan (Hẻm 198 Trần Kế Xương cũ-Đoạn sau)	Phú Nhuận	0,00	2016-2020
445	Mở rộng hẻm 164 Nguyễn Văn Trỗi (thông ra hẻm 223 Hoàng Văn Thụ)	Phú Nhuận	0,01	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
446	Mở rộng hẻm 270 Hoàng Văn Thụ (thông ra hẻm 205 Hoàng Văn Thụ)	Phú Nhuận	0,04	2016-2020
447	Mở rộng hẻm 152 Nguyễn Trọng Tuyển (thông ra hẻm 221 Trần Huy Liệu)	Phú Nhuận	0,01	2016-2020
448	Hẻm 347 Huỳnh Văn Bánh	Phú Nhuận	0,04	2016-2020
449	Mở rộng hẻm 45 Trần Huy Liệu	Phú Nhuận	0,03	2016-2020
450	Mở rộng hẻm nhánh 175 Huỳnh Văn Bánh	Phú Nhuận	0,02	2016-2020
451	Mở rộng hẻm 63 Lê Văn Sỹ	Phú Nhuận	0,04	2016-2020
452	Mở rộng hẻm 63/14 Lê Văn Sỹ	Phú Nhuận	0,01	2016-2020
453	Mở rộng hẻm 95 Lê Văn Sỹ	Phú Nhuận	0,02	2016-2020
454	Mở rộng hẻm 541 Huỳnh Văn Bánh	Phú Nhuận	0,03	2016-2020
455	Mở rộng hẻm 9 Hoàng Văn Thụ	Phú Nhuận	0,03	2016-2020
456	Mở rộng hẻm 23 Trần Khắc Chân (thông ra hẻm 104 Nguyễn Trọng Tuyển)	Phú Nhuận	0,02	2016-2020
457	Mở rộng hẻm 54 Duy Tân	Phú Nhuận	0,03	2016-2020
458	Mở rộng hẻm 14 Đào Duy Từ	Phú Nhuận	0,01	2016-2020
459	Mở rộng hẻm 65 Huỳnh Văn Bánh	Phú Nhuận	0,03	2016-2020
460	Mở rộng đường Hoàng Minh Giám	Phú Nhuận	1,33	2016-2020
461	Mở rộng đường Cẩm Bá Thước	Phú Nhuận	0,06	2016-2020
462	Mở rộng đường Ngô Thời Nhiệm (6m)	Phú Nhuận	0,09	2016-2020
463	Mở rộng đường Trương Quốc Dung	Phú Nhuận	0,08	2016-2020
464	Mở rộng đường Nguyễn Công Hoan (8m)	Phú Nhuận	0,16	2016-2020
465	Đường nối T.V.Lung đến Đ.TĐThắng	Quận 1	0,03	2016-2020
466	Đất giao thông	Quận 1	6,00	2016-2020
467	Nhà ga S2 Tao Đàn	Quận 1	1,05	2016-2020
468	Đường Cô Giang nối dài	Quận 1	2,46	2016-2020
469	Đường giao thông của dự án	Quận 1	0,43	2016-2020
470	Đất giao thông (khu Mã Lạn)	Quận 1	0,40	2016-2020
471	Đất vòng xoay (khu Mã Lạn)	Quận 1	0,08	2016-2020
472	Đường song hành Nguyễn Trãi (LG:14m)	Quận 1	0,55	2016-2020
473	Đường Trần Đình Xu nối dài (LG: 20m)	Quận 1	1,17	2016-2020
474	Đường Nguyễn Khắc Nhu nối dài	Quận 1	0,41	2016-2020
475	Đường Cô Giang nối dài	Quận 1	0,38	2016-2020
476	Chuyển sang đất giao thông	Quận 1	0,01	2016-2020
477	Đường Đặng Tất - Hoàng Sa nối dài	Quận 1	0,19	2016-2020
478	Đường Đặng Dung nối dài	Quận 1	0,24	2016-2020
479	Dự án thông hẻm 133 Hòa Hưng	Quận 10	0,20	2016-2020
480	Đường trước BV 115 (từ Thành Thái đến Sư Vạn Hạnh)	Quận 10	0,73	2016-2020
481	Nâng cấp mở rộng đường và hệ thống thoát nước đường Trần Bình Trọng	Quận 10	0,61	2016-2020
482	Hẻm 247 Bà Hạt	Quận 10	0,00	2016-2020
483	Hẻm 288 Nguyễn Duy Dương	Quận 10	0,01	2016-2020
484	Đất giao thông còn lại từ trường MN, TT cung cấp bữa ăn P6	Quận 10	0,01	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
485	Phần GT của DA mở rộng Trường Mầm non phường 10	Quận 10	0,00	2016-2020
486	Nâng cấp mở rộng hẻm 384 Lý Thái Tổ	Quận 10	0,11	2016-2020
487	Nâng cấp mở rộng hẻm 702 Điện Biên Phủ	Quận 10	0,26	2016-2020
488	GT từ hoán đổi Trụ sở UB BVBMTE TP	Quận 10	0,02	2016-2020
489	GT từ DA TT Dạy nghề Q 10	Quận 10	0,37	2016-2020
490	Đường Hoàng Dư Khương	Quận 10	0,69	2016-2020
491	Đường Bộ Tư lệnh Thành	Quận 10	2,54	2016-2020
492	Mở rộng hẻm 499 CMT8	Quận 10	0,54	2016-2020
493	Mở rộng hẻm 463B CMT8	Quận 10	0,21	2016-2020
494	Mở rộng hẻm 493 CMT8	Quận 10	0,11	2016-2020
495	Mở rộng hẻm 493A CMT8	Quận 10	0,07	2016-2020
496	Mở rộng hẻm 170 Hòa Hưng	Quận 10	0,02	2016-2020
497	Mở rộng hẻm 246 Hòa Hưng	Quận 10	0,18	2016-2020
498	Đường Bộ tư lệnh Thành - đoạn P 13	Quận 10	0,64	2016-2020
499	Đường Tam Đảo	Quận 10	1,09	2016-2020
500	Đường nội bộ Khu C30	Quận 10	1,15	2016-2020
501	Đường 11 Khu C30	Quận 10	0,19	2016-2020
502	Đường 5 Khu C30	Quận 10	0,13	2016-2020
503	Đường 6 Khu C30	Quận 10	0,83	2016-2020
504	Đường 8 Khu C30	Quận 10	1,18	2016-2020
505	Đường 9 Khu C30	Quận 10	0,32	2016-2020
506	Đường 10 Khu C30	Quận 10	0,31	2016-2020
507	Đường 8m Khu C30	Quận 10	0,16	2016-2020
508	Đường 10m Khu C30	Quận 10	0,27	2016-2020
509	Đường số 7 Khu C30	Quận 10	1,07	2016-2020
510	Mở rộng hẻm 334 Lý Thường Kiệt P.14	Quận 10	0,22	2016-2020
511	Đường GT từ DA CVP14 và Trường THCS và phân dôi ra của 2 dự án	Quận 10	0,15	2016-2020
512	Đường Đồng Nai (từ Tô Hiến Thành đến Tam Đảo)	Quận 10	0,19	2016-2020
513	Đường Nguyễn Giản Thanh	Quận 10	0,58	2016-2020
514	Mở rộng hẻm 539 CMT8 P.15	Quận 10	0,01	2016-2020
515	Mở rộng hẻm 575 CMT8 P.15	Quận 10	0,02	2016-2020
516	Mở rộng hẻm 595 CMT8 P.15	Quận 10	0,06	2016-2020
517	Mở rộng hẻm 623 CMT8 P.15	Quận 10	0,06	2016-2020
518	GT từ DA XD điểm SHVH P.15	Quận 10	0,01	2016-2020
519	Đường Bắc Hải	Quận 10	1,06	2016-2020
520	Dự án nâng cấp. mở rộng hẻm 78 Hồ Thị Kỷ	Quận 10	0,06	2016-2020
521	Đường giao thông trong dự án 332-334 Tô Hiến Thành, phường 14 (đường D1, D8)	Quận 10	1,10	2016-2020
522	Xây dựng cầu vượt thép tại nút giao ngã 5 Nguyễn Tri Phương - Ngô Gia Tự - Nguyễn Chí Thanh	Quận 10	0,36	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
523	Dự án Xây dựng cầu vượt bằng thép tại ngã sáu công trường Dân Chủ	Quận 10	0,20	2016-2020
524	Dự án Xây dựng cầu vượt bằng thép tại ngã bảy Điện Biên Phủ	Quận 10	0,40	2016-2020
525	Dự án mở rộng đường Lạc Long Quân (đoạn Bình Thới - Tân Hóa)	Quận 11	1,41	2016-2020
526	Dự án mở rộng nút giao thông 3/2- Lê Đại Hành - Lãn Bình Thăng. Phó Cơ Điều	Quận 11	1,42	2016-2020
527	Dự án mở rộng nút giao thông Bình Thới - Ông Ích Khiêm - Lãn Bình Thăng	Quận 11	1,44	2016-2020
528	Dự án mở rộng nút giao thông Tôn Thất Hiệp - Lãn Bình Thăng	Quận 11	0,02	2016-2020
529	Thông tuyến hẻm 762 Hồng Bàng, phường 01 quận 11	Quận 11	0,16	2016-2020
530	Cải tạo, mở rộng hẻm 129 Lạc Long Quân, phường 01 quận 11	Quận 11	0,21	2016-2020
531	Chỉnh trang hẻm 106 Phú Thọ, phường 02 quận 11	Quận 11	0,02	2016-2020
532	Cải tạo mở rộng hẻm 416 Lạc Long Quân phường 05 quận 11	Quận 11	0,16	2016-2020
533	Cải tạo mở rộng 2 tuyến hẻm bên hông nhà thờ Phú Bình, phường 05 quận 11	Quận 11	0,10	2016-2020
534	Đường dự phóng C (Lê Thị Bạch Cát nối dài, đoạn từ Chung cư 312 Lạc Long Quân đến đường Bình Dương Thi Xã)	Quận 11	0,04	2016-2020
535	Dự án chỉnh trang, mở rộng đường Xóm Đất	Quận 11	0,32	2016-2020
536	Thông tuyến đường Nguyễn Văn Phú ra Hòa Bình	Quận 11	0,28	2016-2020
537	Đường vành đai Đầm Sen	Quận 11	1,32	2016-2020
538	Nâng cấp, mở rộng đường An Phú Đông 09	Quận 12	0,45	2016-2020
539	Nâng cấp, mở rộng đường Thạnh Xuân 24	Quận 12	0,33	2016-2020
540	Đường vào trường mầm non Thạnh Lộc	Quận 12	0,34	2016-2020
541	Đường Trung Mỹ Tây 17	Quận 12	0,08	2016-2020
542	Đường cạp Rạch Tư Trang	Quận 12	0,26	2016-2020
543	Đường Thới An 12	Quận 12	0,09	2016-2020
544	Đường Thạnh Lộc 51	Quận 12	0,15	2016-2020
545	Đường Thới An 08	Quận 12	0,15	2016-2020
546	Đường Tân Chánh Hiệp 04	Quận 12	0,10	2016-2020
547	Đường 638 Tô Ký	Quận 12	0,13	2016-2020
548	Đường Thạnh Lộc 08	Quận 12	0,56	2016-2020
549	Đường Tân Thới Nhất 1A	Quận 12	0,16	2016-2020
550	Nâng cấp, mở rộng đường Đình Giao Khẩu	Quận 12	1,60	2016-2020
551	Mở rộng đường Tân Thới Hiệp 21	Quận 12	1,08	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
552	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường vào khu tái định cư phường Tân Thới Nhất, quận 12 (TTN17)	Quận 12	0,62	2016-2020
553	Xây dựng đường Liên đường Thới An-Thạnh Xuân (tuyến 2)	Quận 12	4,51	2016-2020
554	Mở rộng, nâng cấp đường Nguyễn Ảnh Thủ (đoạn từ Tô Ký đến Lê Văn Khương)	Quận 12	10,34	2016-2020
555	Mở rộng, nâng cấp đường Nguyễn Oanh, Hà Huy Giáp (đoạn từ cầu An Lộc đến cầu vượt ngã tư Ga)	Quận 12	9,90	2016-2020
556	Xây dựng đường Đông -Nam (TCH10)	Quận 12	0,40	2016-2020
557	Đường Đông Hưng Thuận 02 (ĐHT 02)	Quận 12	1,77	2016-2020
558	Đường An Phú Đông (APĐ 01)	Quận 12	0,71	2016-2020
559	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Văn Khương	Quận 12	7,12	2016-2020
560	Nâng cấp, mở rộng Đường An Phú Đông 25	Quận 12	2,04	2016-2020
561	Nâng cấp, mở rộng Đường An Phú Đông 03	Quận 12	2,87	2016-2020
562	Nâng cấp, mở rộng Đường vào cầu Chín Mặn	Quận 12	7,15	2016-2020
563	Nâng cấp, mở rộng Đường Thanh Xuân 25	Quận 12	22,60	2016-2020
564	Nâng cấp, mở rộng Đường Tân Thới Nhất 07	Quận 12	1,02	2016-2020
565	Xây dựng cầu nối giữa đường TTN08, quận 12 và đường Phạm Đăng Giảng, quận Bình Tân.	Quận 12	0,21	2016-2020
566	Xây dựng đường Vườn Lài, Q12	Quận 12	8,91	2016-2020
567	Nâng cấp đường Trịnh Thị Miếng (Tỉnh lộ 15 mới)	Quận 12	16,80	2016-2020
568	Xây dựng cầu nối đường Tân Thới Nhất 08, quận 12 với đường Phạm Đăng Giảng, quận Bình Tân	Quận 12	0,20	2016-2020
569	Đường vào trường tiểu học APĐ	Quận 12	0,08	2016-2020
570	Đường Thanh Lộc 56	Quận 12	0,09	2016-2020
571	Nâng cấp mở rộng đường Thanh Lộc 27	Quận 12	1,40	2016-2020
572	Nâng cấp mở rộng đường Thanh Lộc 13	Quận 12	2,10	2016-2020
573	Nâng cấp mở rộng đường Thanh Lộc 19	Quận 12	2,30	2016-2020
574	Nâng cấp mở rộng đường Thanh Lộc 29	Quận 12	0,29	2016-2020
575	Nâng cấp mở rộng đường bờ hữu sông Sài Gòn	Quận 12	2,80	2016-2020
576	Mở rộng đường Tân Thới Hiệp 07	Quận 12	1,17	2016-2020
577	Nâng cấp, mở rộng Đường Tân Thới Nhất 08	Quận 12	1,68	2016-2020
578	Dự án xây dựng đường vào trường Trung học cơ sở Thảo Điền	Quận 2	0,24	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
579	Dự án hạ tầng khu công nghiệp Cát Lái (Cụm 2)	Quận 2	69,20	2016-2020
580	Dự án kết nối đường Lê Thước đến Xa lộ Hà Nội	Quận 2	0,03	2016-2020
581	Dự án nâng cấp, mở rộng đường 2, đường 3 phường Bình An	Quận 2	0,08	2016-2020
582	Dự án xây dựng đường trục chính trong khu liên hợp TDTT Rạch Chiếc	Quận 2	11,28	2016-2020
583	Nâng cấp đường số 11 Thảo Điền	Quận 2	0,12	2016-2020
584	Mở rộng đường 26 phường Cát Lái	Quận 2	0,32	2016-2020
585	Mở rộng đường 12 phường Cát Lái	Quận 2	0,25	2016-2020
586	Mở rộng đường Đỗ Xuân Hợp	Quận 2	0,69	2016-2020
587	Đường Nguyễn Duy Trinh (đoạn từ cầu Giồng Ông Tố đến cầu Xây dựng)	Quận 2	8,93	2016-2020
588	Dự án nút giao thông Mỹ Thủy	Quận 2	16,53	2016-2020
589	Cầu bộ hành kết nối dự án Thảo Điền Pearl (SSG2) với ga Thảo Điền	Quận 2	0,03	2016-2020
590	Xây dựng đường 60 nối dài đến đường 66	Quận 2	0,13	2016-2020
591	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Trung Nguyệt	Quận 2	0,96	2016-2020
592	Nâng cấp, mở rộng đường số 3	Quận 2	1,60	2016-2020
593	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Tư Nghiêm	Quận 2	0,17	2016-2020
594	Nâng cấp mở rộng đường 42	Quận 2	1,17	2016-2020
595	Nâng cấp mở rộng đường số 24	Quận 2	0,95	2016-2020
596	Mở rộng đường Lê Văn Thịnh	Quận 2	0,82	2016-2020
597	Nâng cấp mở rộng đường và lắp đặt HTTN hẻm 85 đường số 30	Quận 2	0,28	2016-2020
598	Nâng cấp và mở rộng đường số 30	Quận 2	0,29	2016-2020
599	Nâng cấp mở rộng đường Số 25	Quận 2	0,08	2016-2020
600	Dự án xây dựng mới đường ven sông: 1.630m x 20m	Quận 2	1,90	2016-2020
601	Đường nối từ đường Nguyễn Văn Hưởng đến Xa lộ Hà Nội	Quận 2	4,89	2016-2020
602	Xây dựng nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thị Định (đoạn từ cầu Giồng Ông Tố đến cầu Mỹ Thủy)	Quận 2	6,63	2016-2020
603	Nâng cấp mở rộng đường 43	Quận 2	0,10	2016-2020
604	Nâng cấp mở rộng đường 46	Quận 2	0,08	2016-2020
605	Nâng cấp mở rộng đường 47	Quận 2	0,08	2016-2020
606	Nâng cấp mở rộng đường số 6	Quận 2	0,24	2016-2020
607	Nâng cấp mở rộng đường số 5	Quận 2	1,14	2016-2020
608	Nâng cấp mở rộng mở rộng đường số 30	Quận 2	0,51	2016-2020
609	Quy hoạch đường Kênh đào Bắc	Quận 2	0,83	2016-2020
610	Quy hoạch đường Kênh đào Nam	Quận 2	0,89	2016-2020
611	Cầu Bình Quới	Quận 2	0,75	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
612	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Nãi	Quận 2	3,92	2016-2020
613	Đất giao thông Khu 149,36 ha (khu 154 ha cũ)	Quận 2	3,66	2016-2020
614	Đất giao thông phát triển mới (Quyết định số 6707/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt đồ án điều chỉnh Quận 2 đến năm 2020)	Quận 2	3,82	2016-2020
615	Đất giao thông (Quyết định số 6707/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt đồ án điều chỉnh Quận 2 đến năm 2020)	Quận 2	31,44	2016-2020
616	Đất giao thông (Quyết định số 6707/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt đồ án điều chỉnh Quận 2 đến năm 2020)	Quận 2	9,10	2016-2020
617	Đất giao thông (Quyết định số 6707/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt đồ án điều chỉnh Quận 2 đến năm 2020)	Quận 2	12,45	2016-2020
618	Đất giao thông (Quyết định số 6707/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt đồ án điều chỉnh Quận 2 đến năm 2020)	Quận 2	6,57	2016-2020
619	Trục đường số 1, số 2 kết nối giao thông và khu đất 1,36ha lân cận khu tái định cư 38,4ha	Quận 2	2,27	2016-2020
620	Đầu tư xây dựng đường vào trường tiểu học An Phú - Quận 2	Quận 2	0,29	2016-2020
621	Đường xuyên tâm kết nối Đồng Văn Cống với đường Vành Đai 2	Quận 2	9,24	2016-2020
622	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Hữu Kiều	Quận 2	0,24	2016-2020
623	Bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng tuyến đường vành đai phía Bắc tiếp giáp dự án Khu dân cư và Trung tâm y tế P. Bình Trưng Tây.	Quận 2	0,24	2016-2020
624	Xây dựng mới cầu Giồng Ông Tố 1 và nút giao thông 2 đầu cầu	Quận 2	5,24	2016-2020
625	Xây dựng đường chui dưới cầu Bà Dạt	Quận 2	0,40	2016-2020
626	Dự án Xây dựng đường Lương Định Của và nút giao thông Trần Nãi - Lương Định Của	Quận 2	12,61	2016-2020
627	Xây dựng nút giao thông An Phú, Quận 2	Quận 2	5,70	2016-2020
628	Dự án đường liên cảng Cát Lái - Phú Hữu	Quận 2	2,65	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
629	Cải tạo, nâng cấp, hoàn thiện mặt đường tuyến vành đai phía Đông (đoạn từ nút giao thông Mỹ Thủy đến cầu Rạch Chiếc) quận 2	Quận 2		2016-2020
630	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thị Định (đoạn từ nút giao Mỹ Thủy đến phà Cát Lái)	Quận 2		2016-2020
631	Xây dựng cầu Bà Cua – Nhánh phải trên đường Vành đai phía Đông	Quận 2		2016-2020
632	Xây dựng cầu Nam Lý	Quận 2	0,68	2016-2020
633	Đường ven sông Sài Gòn	Quận 2	1,08	2016-2020
634	Đường giao thông - trong các khu chính trang (P. Thảo Điền)	Quận 2	2,38	2016-2020
635	Nâng cấp mở rộng đường và lắp đặt HTTN đường tổ 4	Quận 2	0,16	2016-2020
636	Đất giao thông phát triển mới - KDC Cát Lái (P. Cát Cỏi)	Quận 2	0,48	2016-2020
637	Đất giao thông phát triển mới - khu 50ha (P. Cát Lái)	Quận 2	4,63	2016-2020
638	Đường giao thông - trong các khu chính trang (P. Bình Khánh)	Quận 2	25,50	2016-2020
639	Cải tạo nâng cấp mở rộng đường Số 2 - P. Thạnh Mỹ Lợi	Quận 2	0,20	2016-2020
640	Cải tạo nâng cấp mở rộng đường Số 19 - P. Thạnh Mỹ Lợi	Quận 2	0,25	2016-2020
641	Đất giao thông - trong các khu dự án, khu dân cư (P. Thạnh Mỹ Lợi)	Quận 2	22,38	2016-2020
642	Cầu Thủ Thiêm 2 (quận 1 - quận 2)	Quận 2	0,70	2016-2020
643	Cầu Thủ Thiêm 3 (quận 2 - quận 7)	Quận 2	0,60	2016-2020
644	Cầu Thủ Thiêm 4 (quận 2 - quận 7)	Quận 2	0,80	2016-2020
645	Giải tỏa đường dọc kênh ra Cầu Kiệu	Quận 3	0,06	2016-2020
646	Giải tỏa 3 hộ dân (làm đất giao thông)	Quận 3	0,00	2016-2020
647	Trừ lộ giới nút giao thông dự án xây dựng trụ sở Công an quận	Quận 3	-0,19	2016-2020
648	Giải tỏa nhà	Quận 3	0,00	2016-2020
649	Tuyến đường của dự án thoát nước Kênh Bao Ngạn	Quận 3	0,07	2016-2020
650	Đường trên cao số 1	Quận 3		2016-2020
651	Đường trên cao số 2	Quận 3		2016-2020
652	Nút giao thông ngã bảy Lý Thái Tổ	Quận 3	0,08	2016-2020
653	Nút giao thông ngã sáu Cộng Hòa	Quận 3	0,15	2016-2020
654	Vòng xoay Dân Chủ	Quận 3	0,23	2016-2020
655	Xây dựng cầu vượt thép tại nút giao ngã 6 Công trường Dân Chủ	Quận 3	0,07	2016-2020
656	Ga Hòa Hưng	Quận 3	0,50	2016-2020
657	Hẻm 611	Quận 3	0,01	2016-2020
658	Hẻm 166/1 Lý Thái Tổ	Quận 3	0,01	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
659	Hẻm 585 Nguyễn Đình Chiểu	Quận 3	0,07	2016-2020
660	Hẻm 635 Nguyễn Đình Chiểu	Quận 3	0,01	2016-2020
661	Hẻm 595 Nguyễn Đình Chiểu	Quận 3	0,06	2016-2020
662	Hẻm 16/55 Nguyễn Thiện Thuật	Quận 3	0,02	2016-2020
663	Hẻm 16/47 Nguyễn Thiện Thuật	Quận 3	0,02	2016-2020
664	Hẻm 16/41 Nguyễn Thiện Thuật	Quận 3	0,02	2016-2020
665	Hẻm 549 Nguyễn Đình Chiểu	Quận 3	0,05	2016-2020
666	Hẻm 563 Nguyễn Đình Chiểu	Quận 3	0,05	2016-2020
667	Hẻm 575 Nguyễn Đình Chiểu	Quận 3	0,06	2016-2020
668	Hẻm 629 Nguyễn Đình Chiểu	Quận 3	0,07	2016-2020
669	Hẻm 51/22 Cao Thắng	Quận 3	0,02	2016-2020
670	Hẻm 51/36	Quận 3	0,02	2016-2020
671	Hẻm 212 Nguyễn Thiện Thuật	Quận 3	0,02	2016-2020
672	Hẻm 4 đường số 3	Quận 3	0,01	2016-2020
673	Hẻm 335 Điện Biên Phủ	Quận 3	0,02	2016-2020
674	Hẻm 335/43 Điện Biên Phủ	Quận 3	0,00	2016-2020
675	Hẻm 329/64 Điện Biên Phủ	Quận 3	0,01	2016-2020
676	Hẻm 87 Đường số 4	Quận 3	0,01	2016-2020
677	Hẻm 95 Đường số 4	Quận 3	0,01	2016-2020
678	Hẻm 95/31 Đường số 4	Quận 3	0,00	2016-2020
679	Hẻm 80 Cao Thắng	Quận 3	0,01	2016-2020
680	Hẻm 94 Cao Thắng	Quận 3	0,02	2016-2020
681	Hẻm 20 đường số 3	Quận 3	0,01	2016-2020
682	Hẻm 362 Nguyễn Đình Chiểu	Quận 3	0,01	2016-2020
683	Hẻm 134 Đường số 4	Quận 3	0,01	2016-2020
684	Hẻm 47 Nguyễn Hiền	Quận 3	0,00	2016-2020
685	Hẻm 322 Nguyễn Đình Chiểu	Quận 3	0,02	2016-2020
686	Hẻm 275 Nguyễn Đình Chiểu	Quận 3	0,03	2016-2020
687	Hẻm 453 Nguyễn Đình Chiểu	Quận 3	0,01	2016-2020
688	Hẻm 285 Võ Văn Tần	Quận 3	0,01	2016-2020
689	Hẻm 1 Trương Quyền	Quận 3	0,01	2016-2020
690	Hẻm 134/109 Lý Chính Thắng	Quận 3	0,02	2016-2020
691	Hẻm 134/109 Lý Chính Thắng	Quận 3	0,03	2016-2020
692	Hẻm 160 Võ Thị Sáu	Quận 3	0,02	2016-2020
693	Hẻm 256 Pasteur	Quận 3	0,02	2016-2020
694	Hẻm 47 Trần Quốc Toản	Quận 3	0,05	2016-2020
695	Hẻm 37 Trần Quốc Toản	Quận 3	0,01	2016-2020
696	Hẻm 451 Hai Bà Trưng	Quận 3	0,03	2016-2020
697	Hẻm 475 Hai Bà Trưng	Quận 3	0,01	2016-2020
698	Hẻm 62 Lý Chính Thắng	Quận 3	0,001	2016-2020
699	Hẻm 82 Lý Chính Thắng	Quận 3	0,03	2016-2020
700	Hẻm 280/33 Cách Mạng Tháng Tám	Quận 3	0,00	2016-2020
701	Hẻm 266 Cách Mạng Tháng Tám	Quận 3	0,01	2016-2020
702	Mở lối thoát hiểm cho trường mầm non phường 10	Quận 3	0,001	2016-2020
703	Mở rộng hẻm 205	Quận 3	0,02	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
704	Hèm 453 Lê Văn Sỹ	Quận 3	0,03	2016-2020
705	Hèm 453/155 Lê Văn Sỹ	Quận 3	0,00	2016-2020
706	Hèm 453 KC Lê Văn Sỹ	Quận 3	0,01	2016-2020
707	Hèm khu 453 KA	Quận 3	0,07	2016-2020
708	Hèm 80 Trần Quang Diệu (liên quan đến dự án chung cư)	Quận 3	0,06	2016-2020
709	Hèm 108 Trần Quang Diệu (liên quan đến dự án chung cư)	Quận 3	0,08	2016-2020
710	Hèm 284 Lê Văn Sỹ	Quận 3	0,02	2016-2020
711	Hèm 490 Lê Văn Sỹ	Quận 3	0,01	2016-2020
712	Bồi thường và giải phóng mặt bằng và tái định cư để xây dựng đường Lê Văn Linh nối dài (đoạn từ Nguyễn Hữu Hào đến đường Vĩnh Khánh)	Quận 4	0,38	2016-2020
713	Bồi thường và giải phóng mặt bằng và tái định cư để xây dựng đường Vĩnh Hội nối dài (đoạn từ Chung cư Phường 3 đến đường Nguyễn Khoái)	Quận 4	1,47	2016-2020
714	XD đường xung quanh trường tiểu học P9, Q4	Quận 4	0,28	2016-2020
715	XD đường số 1 (từ đường Tôn Thất Thuyết đến hèm số 326 Đoàn Văn Bơ), Q4	Quận 4	0,50	2016-2020
716	Bồi thường và giải phóng mặt bằng và tái định cư để xây dựng đường Hoàng Diệu nối dài (đoạn từ đường Khánh Hội đến đường Nguyễn Khoái)	Quận 4	1,47	2016-2020
717	XD đường D3 phường 16 và 18 (đoạn từ đường Tôn Thất Thuyết đến đường Nguyễn Tất Thành)	Quận 4	1,20	2016-2020
718	Đường Bắc - Nam (đoạn từ đường Hoàng Diệu đến Tôn Đản)	Quận 4	4,63	2016-2020
719	Đường Đoàn Văn Bơ (dự phòng) từ Nguyễn Thần Hiến đến Tôn Thất Thuyết	Quận 4	0,55	2016-2020
720	XD đường số 5 P1, Q4 (Đoạn từ Bến Vân Đồn đến ĐB1)	Quận 4	0,27	2016-2020
721	Đường Lê Văn Linh nối dài (Nguyễn Hữu Hào – Đoàn Văn Bơ)	Quận 4	0,79	2016-2020
722	Mở rộng đường Tôn Đản	Quận 4	0,40	2016-2020
723	Mở rộng đường Xóm Chiếu	Quận 4	1,54	2016-2020
724	Mở rộng đường Nguyễn Tất Thành	Quận 4	10,10	2016-2020
725	Xây dựng Cải tạo , mở rộng đường Tôn Thất Thuyết và công viên cây xanh dọc bờ kênh Tê, Quận 4	Quận 4	6,21	2016-2020
726	Mở rộng đường Đoàn văn Bơ	Quận 4	2,20	2016-2020
727	Xây dựng cầu đường Nguyễn Khoái	Quận 4	4,85	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
728	Xây dựng đường nội bộ giữa City TNHH MTV Hoi Kỹ Nghệ Que Hàn, Trung tâm Hành chính và trường Trung học phổ thông Nguyễn Hữu Thọ, P.12, Q.4	Quận 4	0,01	2016-2020
729	Mở rộng đường Lê Hồng Phong	Quận 5	0,14	2016-2020
730	Đường Lê Hồng Phong nối dài	Quận 5	0,75	2016-2020
731	Lộ giới Khu thương mại 226-242 Trần Phú	Quận 5	0,05	2016-2020
732	Lộ giới xây dựng Chung cư 258 Lê Hồng Phong	Quận 5	0,01	2016-2020
733	Lộ giới xây dựng khu Thương mại- dịch vụ	Quận 5	0,09	2016-2020
734	Lộ giới xây dựng cao ốc văn phòng, Trung tâm- thương mại- dịch vụ và căn hộ 152 Trần Phú	Quận 5	0,10	2016-2020
735	Lộ giới xây dựng Bệnh viện Quận 5	Quận 5	0,004	2016-2020
736	Lộ giới xây dựng chung cư 147 Nguyễn Chí Thanh	Quận 5	0,002	2016-2020
737	Vòng xoay	Quận 5	0,08	2016-2020
738	Đường Bạch Vân nối dài	Quận 5	0,36	2016-2020
739	Đường Phan Văn Trị dự phóng	Quận 5	0,29	2016-2020
740	Mở rộng đường Phạm Hữu Chí	Quận 5	0,34	2016-2020
741	Đường Võ Trường Toàn dự phóng	Quận 5	0,50	2016-2020
742	Lộ giới xây dựng chung cư 33 tân Thành	Quận 5	0,01	2016-2020
743	Dự án Xây dựng cầu kết nối giữa cầu Nguyễn Tri Phương với đường Võ Văn Kiệt	Quận 5	1,76	2016-2020
744	Dự án Xây dựng đoạn kênh Hàng Bàng đường Mai Xuân Thưởng đến kênh Vạn Tượng	Quận 5	1,98	2016-2020
745	Đường Bình Phú nối dài	Quận 6	0,57	2016-2020
746	Dự án cầu, đường Bình Tiên P3,P7	Quận 6	1,27	2016-2020
747	Dự án đường Bình Tiên P4,P8	Quận 6	0,39	2016-2020
748	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Văn Luông	Quận 6	0,30	2016-2020
749	Dự án mở rộng đường số 6 và nâng cấp đường Gia Phú (Đoạn từ đường số 6 đến Mai Xuân Thưởng)	Quận 6	0,18	2016-2020
750	Nâng cấp, mở rộng đường Ngô Nhâm Tịnh	Quận 6	0,36	2016-2020
751	Nâng cấp, mở rộng đường Minh Phụng	Quận 6	0,48	2016-2020
752	Nâng cấp, mở rộng đường Lý Chiêu Hoàng	Quận 6	1,04	2016-2020
753	Nâng cấp, mở rộng đường Phạm Đình Hồ	Quận 6	0,04	2016-2020
754	Nâng cấp, mở rộng đường Cao Văn Lầu	Quận 6	0,06	2016-2020
755	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Văn Khóc	Quận 6	0,77	2016-2020
756	Nâng cấp, mở rộng đường Bãi Sậy	Quận 6	0,95	2016-2020
757	Đường Mai Xuân Thưởng nối dài	Quận 6	0,41	2016-2020
758	Đường Gia Phú nối dài	Quận 6	0,20	2016-2020
759	Đường Bà Lài nối dài	Quận 6	0,16	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
760	Mở rộng hẻm 165 Nguyễn Văn Luông	Quận 6	0,02	2016-2020
761	Đường dự phóng số 13	Quận 6	0,20	2016-2020
762	Đường dự phóng số 11	Quận 6	0,13	2016-2020
763	Đường dự phóng số 5, 10	Quận 6	0,93	2016-2020
764	Đường dự phóng số 1, 3, 7	Quận 6	0,30	2016-2020
765	Nâng cấp và mở rộng đường Hậu Giang	Quận 6	1,75	2016-2020
766	Nâng cấp và mở rộng đường An Dương Vương	Quận 6	0,81	2016-2020
767	Nâng cấp và mở rộng đường Phan Anh	Quận 6	0,17	2016-2020
768	Nâng cấp và mở rộng đường Đặng Nguyên Cẩn	Quận 6	0,86	2016-2020
769	Nâng cấp và mở rộng đường Lê Quang Sung	Quận 6	0,79	2016-2020
770	Nâng cấp và mở rộng đường Phạm Phú Thứ	Quận 6	0,32	2016-2020
771	Nâng cấp và mở rộng đường Chu Văn An	Quận 6	0,09	2016-2020
772	Nâng cấp và mở rộng đường Hoàng Lê Kha	Quận 6	0,12	2016-2020
773	Nâng cấp và mở rộng đường Nguyễn Đình Chi P9	Quận 6	0,23	2016-2020
774	Đường số 9 (nối Phạm Văn Chí với Lò Gốm)	Quận 6	0,55	2016-2020
775	Nâng cấp mở rộng đường Bến Phú Lâm	Quận 6	0,45	2016-2020
776	Xây dựng cầu Mỹ Thuận	Quận 6	0,13	2016-2020
777	Đường DỰ ĐỊNH 61	Quận 6	1,10	2016-2020
778	Nâng cấp mở rộng Đ. Nguyễn Phạm Tuấn	Quận 6	0,56	2016-2020
779	Đường Chợ Lớn (đoạn nối NVL-rạch Lò Gốm và đường số 23- An Dương Vương)	Quận 6	0,57	2016-2020
780	Đường Bình Phú nối dài (thuộc khu 752 Hậu Giang) P12	Quận 6	0,52	2016-2020
781	Đường dự phóng số 01 (trục Bắc Nam)	Quận 6	0,33	2016-2020
782	Đường dự phóng trục Đông Tây	Quận 6	0,42	2016-2020
783	Nâng cấp đường An Dương Vương	Quận 6	0,83	2016-2020
784	Mở rộng hẻm giới tại địa bàn Phường 01	Quận 6	1,74	2016-2020
785	Mở rộng hẻm giới tại địa bàn Phường 02	Quận 6	0,74	2016-2020
786	Mở rộng hẻm giới tại địa bàn Phường 03	Quận 6	1,55	2016-2020
787	Mở rộng hẻm giới tại địa bàn Phường 04	Quận 6	1,76	2016-2020
788	Mở rộng hẻm giới tại địa bàn Phường 05	Quận 6	2,24	2016-2020
789	Mở rộng hẻm giới tại địa bàn Phường 06	Quận 6	2,72	2016-2020
790	Mở rộng hẻm giới tại địa bàn Phường 07	Quận 6	2,75	2016-2020
791	Mở rộng hẻm giới tại địa bàn Phường 08	Quận 6	3,75	2016-2020
792	Mở rộng hẻm giới tại địa bàn Phường 09	Quận 6	1,97	2016-2020
793	Mở rộng hẻm giới tại địa bàn Phường 10	Quận 6	4,17	2016-2020
794	Mở rộng hẻm giới tại địa bàn Phường 11	Quận 6	3,61	2016-2020
795	Mở rộng hẻm giới tại địa bàn Phường 12	Quận 6	5,73	2016-2020
796	Mở rộng hẻm giới tại địa bàn Phường 13	Quận 6	4,49	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
797	Mở rộng hẻm giới tại địa bàn Phường 14	Quận 6	3,61	2016-2020
798	Cải tạo mở rộng giao lộ Huỳnh Tấn Phát – Bùi Văn Ba	Quận 7	0,38	2016-2020
799	Công trình thực hiện dự án đường 15B giai đoạn II	Quận 7	4,62	2016-2020
800	Dự án khu phức hợp Bến xe kết hợp tháp đậu xe cao tầng- khu thương mại-cao ốc văn phòng và khách sạn	Quận 7	5,55	2016-2020
801	Đường Lý Phục Man nối dài	Quận 7	0,20	2016-2020
802	Công trình công cộng tại Phú Mỹ Hưng (Lô đất thuộc khu S13)	Quận 7	0,16	2016-2020
803	Bồi thường GPMB DA nâng cấp đô thị thành phần số 2	Quận 7	3,50	2016-2020
804	Xây dựng cầu nối đường số 9 qua khu Tân Quy Đông	Quận 7		2016-2020
805	Nâng cấp hẻm 257 Nguyễn Thị Thập	Quận 7	0,08	2016-2020
806	Đường N1 (nối dự án Riviera Point với đường Phú Thuận)	Quận 7	0,12	2016-2020
807	Đường vào Trung tâm dạy nghề quận 7	Quận 7	0,52	2016-2020
808	Nâng cấp hẻm số 9 - P Phú Thuận	Quận 7		2016-2020
809	Mở rộng đường Phú Thuận (đoạn từ trường Lê Minh Xuân đến Dự án Tấn Trường)	Quận 7		2016-2020
810	Nâng cấp vỉ hè đường Phú Thuận (đoạn từ Huỳnh Tấn Phát đến dự án Nam Long)	Quận 7	0,22	2016-2020
811	Dự án đầu tư xây dựng đường D1 (kết nối ĐH Sài Gòn với đường Nguyễn Văn Linh và KDC Him Lam), quận 7	Quận 7	3,42	2016-2020
812	Nút giao thông Nguyễn Văn Linh - Nguyễn Hữu Thọ	Quận 7	1,36	2016-2020
813	Cầu Rạch Đĩa trên đường Lê Văn Lương	Quận 7	1,43	2016-2020
814	Dự án xây dựng đường Đào Trí nối dài	Quận 7	2,36	2016-2020
815	Xây dựng đường số 9 - P Tân Thuận Đông	Quận 7	0,19	2016-2020
816	Xây dựng đường số 5 - P Phú Mỹ	Quận 7		2016-2020
817	Xây dựng đường vào sân vận động	Quận 7	0,42	2016-2020
818	Nâng cấp mở rộng hẻm 6 Trần Văn Khánh nối dài hẻm 167 Huỳnh Tấn Phát	Quận 7	0,15	2016-2020
819	Nâng cấp hẻm Mai Lan nối dài - Tân Kiểng	Quận 7		2016-2020
820	Đường số 43 - Bình Thuận	Quận 7	0,12	2016-2020
821	Đường số 45 nối dài - Bình Thuận	Quận 7		2016-2020
822	Đường số 45 nối dài - Tân Quy	Quận 7		2016-2020
823	Nút giao thông đầu cầu Kênh Tẻ	Quận 7	0,73	2016-2020
824	Mở rộng, nâng cấp đường Nguyễn Hữu Thọ (đoạn từ cầu Kênh Tẻ đến nút giao Nguyễn Văn Linh, quận 7)	Quận 7	4,32	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
825	Xây dựng cầu Phước Long	Quận 7	1,86	2016-2020
826	Xây dựng cải tạo, mở rộng nút giao thông đường Huỳnh Tấn Phát - Lưu Trọng Lư	Quận 7	0,52	2016-2020
827	Nâng cấp đường Huỳnh Tấn Phát (đoạn từ đường Trần Xuân Soạn đến cầu Phú Xuân)	Quận 7	0,07	2016-2020
828	Nâng cấp, mở rộng đường An Dương Vương (đoạn bên Phú Định đến Võ Văn Kiệt)	Quận 8	2,73	2016-2020
829	Dự án cầu+đường Bình Tiên	Quận 8	5,03	2016-2020
830	Dự án bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư di dời nhà sạt lở khu vực hẻm số 283 đường Bông Sao Phường 5 Quận 8	Quận 8	0,02	2016-2020
831	Cầu Kênh Xáng (Giai đoạn II)	Quận 8	0,60	2016-2020
832	Xây dựng kè dọc Kênh Đồi (từ cầu chữ Y đến cầu Nguyễn Văn Cừ)	Quận 8	2,37	2016-2020
833	Nâng cấp, mở rộng đường Cao Lỗ	Quận 8	3,50	2016-2020
834	Nâng cấp, mở rộng đường Huỳnh Thị Phụng nối dài	Quận 8	0,23	2016-2020
835	Nâng cấp đường số 9, 21 Phường 4 Quận 8	Quận 8	0,32	2016-2020
836	Đường số 25	Quận 8	0,13	2016-2020
837	Đường số 27	Quận 8	0,14	2016-2020
838	Đường số 29	Quận 8	0,14	2016-2020
839	Đường số 17	Quận 8	0,13	2016-2020
840	Đường 1107 Phường 5 Quận 8	Quận 8	2,12	2016-2020
841	Đường số 8 nối dài (xung quanh Trung tâm Bồi dưỡng chính trị Quận 8)	Quận 8	0,36	2016-2020
842	Nâng cấp đường vào trường mầm non Tuổi Ngọc	Quận 8	0,17	2016-2020
843	Đường D4 (đoạn từ đường Phạm Thế Hiển đến đường Bình Đăng)	Quận 8	0,85	2016-2020
844	Đường nối từ đường Bùi Minh Trục đến đường Tạ Quang Bửu	Quận 8	0,65	2016-2020
845	Lập dự án đường Bình Đăng Phường 6 Quận 8	Quận 8	4,96	2016-2020
846	Đường vào trường tiểu học Bùi Minh Trục	Quận 8	0,30	2016-2020
847	Đường vào trung tâm Y tế dự phòng Quận 8	Quận 8	0,55	2016-2020
848	Đường nối Phạm Thế Hiển - Tạ Quang Bửu	Quận 8	0,75	2016-2020
849	Mở mới đường cạp rạch Bà Tăng	Quận 8	7,38	2016-2020
850	Nâng cấp vỉa hè đường Phạm Thế Hiển nối dài (từ đường Trịnh Quang Nghị đến khu dân cư Phú Lợi) Phường 7 Quận 8	Quận 8	0,78	2016-2020
851	Trạm đăng kiểm cơ giới	Quận 8	0,58	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
852	Quy hoạch mở rộng đường Dã Tượng	Quận 8	0,45	2016-2020
853	Dự phóng đường Lưu Quý Kỳ đến đường Ba Đình	Quận 8	0,06	2016-2020
854	Quy hoạch mở rộng đường Ba Đình	Quận 8	1,62	2016-2020
855	Nâng cấp, mở rộng đường Mạc Văn Phưởng 13	Quận 8	0,25	2016-2020
856	Đường vào trường mầm non Phường 14	Quận 8	0,12	2016-2020
857	Quy hoạch đường dọc rạch Ruột Ngựa	Quận 8	5,40	2016-2020
858	Dự án cải tạo rạch Nhảy - rạch Ruột Ngựa	Quận 8	4,30	2016-2020
859	Đường vào trường Trung học phổ thông năng khiếu Nguyễn Thị Định	Quận 8	0,04	2016-2020
860	Quy hoạch mở rộng đường, hẻm trong khu dân cư tại các Phường	Quận 8	17,22	2016-2020
861	Bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng cầu Rạch Cát Phường 15, 16	Quận 8	2,43	2016-2020
862	Xây dựng cầu qua Đình Bình Đông	Quận 8	0,38	2016-2020
863	Nâng cấp, mở rộng đường Bình Đông	Quận 8	5,10	2016-2020
864	Cải tạo nâng cấp đường Chánh Hưng - rạch Sông Xáng	Quận 8	3,05	2016-2020
865	Dự án Bồi thường giải phóng mặt bằng 04 giao lộ Hưng Phú - Võ Trứ, Hưng Phú - Dã Tượng, Nguyễn Duy - Võ Trứ và Nguyễn Duy - Dã Tượng	Quận 8	0,09	2016-2020
866	Dự án Sửa chữa nâng cấp cầu Nhị Thiên Đường 1	Quận 8	0,10	2016-2020
867	Nâng cấp, mở rộng đường Bến Ba Đình - Bến Bình Đông	Quận 8	3,33	2016-2020
868	Đường nối Ba Tơ - Phạm Thế Hiển	Quận 8	1,49	2016-2020
869	Đường Tạ Quang Bửu (Đoạn qua trường tiểu học Thái Hưng)	Quận 8	1,98	2016-2020
870	Đường vào trường Đại học Kinh tế	Quận 8	0,62	2016-2020
871	Đường vào trường mầm non Phường 5	Quận 8	0,36	2016-2020
872	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Duy Trinh (đoạn từ vành đai 2 đến đường vào Khu công nghiệp Phú Hữu)	Quận 9	4,80	2016-2020
873	Đường giao thông dẫn vào Dự án Trung tâm đào tạo cán bộ ngành tài chính	Quận 9	1,22	2016-2020
874	Đường vào khu TĐC Long Sơn	Quận 9	0,34	2016-2020
875	Mở rộng đường Đỗ Xuân Hợp	Quận 9	5,38	2016-2020
876	Xây dựng cầu Nam Lý	Quận 9	2,99	2016-2020
877	Đường Bưng ông Thoàn	Quận 9	12,31	2016-2020
878	Đường Lã Xuân Oai (đoạn từ Lê văn Việt đến cầu Tăng Long và từ đường Lò Lu đến Nguyễn Duy Trinh)	Quận 9	16,52	2016-2020
879	Mở rộng đường Long Phước	Quận 9	5,88	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
880	Cầu Long Đại	Quận 9	0,42	2016-2020
881	Đường vào nhà lưu trú công nhân Khu công nghệ cao	Quận 9	0,49	2016-2020
882	Mở rộng đường Hoàng Hữu Nam	Quận 9	1,11	2016-2020
883	Nâng cấp mở rộng đường Tăng Nhơn Phú	Quận 9	2,40	2016-2020
884	Nâng cấp mở rộng Cầu Tăng Long (từ đường D2 đến đường Lò Lu)	Quận 9	1,80	2016-2020
885	Đường Tổ A8 phường Long Bình	Quận 9	1,20	2016-2020
886	Xây dựng đường song hành với đường cao tốc TP.Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây và cầu Ông Cày (đoạn từ đường Đỗ Xuân Hợp đến đường D11)	Quận 9	0,80	2016-2020
887	Lập dự án Xây dựng mới cầu Chùm Chụp	Quận 9	0,11	2016-2020
888	Lập dự án Xây dựng mới cầu Lấp	Quận 9	0,11	2016-2020
889	Lập dự án Xây dựng mới cầu Làng	Quận 9	0,11	2016-2020
890	Lập dự án Xây dựng mới cầu Ông Bồn	Quận 9	0,08	2016-2020
891	Lập dự án Xây dựng mới cầu Vàm Xuồng	Quận 9	0,11	2016-2020
892	Nâng cấp mở rộng đường Lê Văn Việt (gđ1)	Quận 9	9,18	2016-2020
893	Nâng cấp mở rộng đường Lê Văn Việt (gđ2)	Quận 9	1,64	2016-2020
894	Mở rộng đường Phạm Văn Bạch	Tân Bình	1,30	2016-2020
895	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Trường Chinh	Tân Bình	0,81	2016-2020
896	Đường Bùi Thị Xuân (liên phường 1,2,3) - Đường trên cao số 2	Tân Bình	0,63	2016-2020
897	Phần đất còn lại của Trường mầm non 1A (phân hiệu 1) chuyển sang đất giao thông	Tân Bình	0,004	2016-2020
898	Mở mới đường nối Hồng Hà và Phổ Quang	Tân Bình	0,41	2016-2020
899	Phần đất còn lại của dự án Văn phòng - khách sạn thương mại (đất tại Công ty len Sài Gòn) chuyển sang đất giao thông	Tân Bình	0,01	2016-2020
900	Đường Bùi Thị Xuân (liên phường 1,2,3)	Tân Bình	1,81	2016-2020
901	Đường Tự Lập	Tân Bình	0,03	2016-2020
902	Đường Tự Cường	Tân Bình	0,14	2016-2020
903	Phần đất còn lại của dự án Khu nhà ở (Bệnh viện Tân Bình cũ) chuyển sang giao thông	Tân Bình	0,05	2016-2020
904	Phần đất còn lại của dự án Tổ quản lý được chuyển sang giao thông	Tân Bình	0,00	2016-2020
905	Hẻm hông Nhà thờ Tân Dân	Tân Bình	0,03	2016-2020
906	Đường Hưng Hóa	Tân Bình	0,07	2016-2020
907	Đường Chấn Hưng	Tân Bình	0,05	2016-2020
908	Phần đất còn lại của dự án khu vườn rau Bưu điện chuyển thành	Tân Bình	1,02	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
909	Hệ thống đường giao thông khu C30	Tân Bình	1,70	2016-2020
910	Đường giao thông dự phóng (hông Bệnh viện Thống Nhất)	Tân Bình	0,22	2016-2020
911	Đường Bành Văn Trân	Tân Bình	0,54	2016-2020
912	Phần đất còn lại của dự án chung cư 3-5 Phú Hòa chuyển sang đất giao thông	Tân Bình	0,02	2016-2020
913	Phần đất còn lại của dự án Trung tâm thương mại cao ốc văn phòng Tân Bình chuyển sang đất giao thông	Tân Bình	0,06	2016-2020
914	Phần đất còn lại của dự án mở rộng trường Phạm Ngọc Thạch chuyển sang đất giao thông	Tân Bình	0,01	2016-2020
915	Đường vào trường học Trần Văn Quang (đất ông Sáu Thốt)	Tân Bình	0,04	2016-2020
916	Phần đất còn lại của dự án điểm sinh hoạt văn hóa Phường 10 chuyển sang đất giao thông	Tân Bình	0,01	2016-2020
917	Đường hông Nhà thờ Phú Trung	Tân Bình	0,14	2016-2020
918	Phần đất còn lại của dự án (khu phức hợp cao ốc căn hộ cao cấp - thương mại văn phòng) chuyển sang đất giao thông	Tân Bình	0,01	2016-2020
919	Đường dự phóng từ hẻm 383 Nguyễn Thái Bình ra đường Trường Chinh	Tân Bình	0,20	2016-2020
920	Đường Trường Chinh (đoạn Bà Queo)	Tân Bình	0,37	2016-2020
921	Đường C12	Tân Bình	0,09	2016-2020
922	Đường Tân Kỳ Tân Quý	Tân Bình	0,11	2016-2020
923	Nút giao thông Tân Kỳ Tân Quý - Trường Chinh (liên phường 13, 15)	Tân Bình	0,07	2016-2020
924	Nút giao thông Trường Chinh - Âu Cơ (liên phường 13, 14)	Tân Bình	0,60	2016-2020
925	Phần đất còn lại của dự án chung cư (kho 85B Âu Cơ) chuyển sang đất giao thông	Tân Bình	0,01	2016-2020
926	Phần đất còn lại của dự án chung cư thương mại Tân Phú Cường chuyển sang đất giao thông	Tân Bình	0,01	2016-2020
927	Phần đất còn lại của dự án nhà ở xã hội chuyển sang đất giao thông	Tân Bình	0,01	2016-2020
928	Phần đất còn lại của dự án tại góc Âu Cơ - Thoại Ngọc Hầu chuyển sang đất giao thông	Tân Bình	0,75	2016-2020
929	Kênh Tân Trụ	Tân Bình	1,67	2016-2020
930	Kênh Hy vọng 20 m	Tân Bình	1,54	2016-2020
931	Bồi thường giải phóng tỏa, mở rộng đường nối thông từ chung cư Tân Trụ ra Phạm Văn Bạch	Tân Bình	0,26	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
932	Đường Trường Chinh LG 60m (đoạn Tân Kỳ Tân Quý đến nút giao thông Trường Chinh)	Tân Bình	0,88	2016-2020
933	Dự án Xây dựng cầu vượt bằng thép tại nút giao Cộng Hòa - Hoàng Hoa Thám	Tân Bình	0,50	2016-2020
934	Nút giao thông Tân Kỳ Tân Quý - Trường Chinh (liên phường 13, 15)	Tân Bình	0,11	2016-2020
935	Đường Tân Kỳ Tân Quý LG 30m (liên phường 13, 15)	Tân Bình	0,13	2016-2020
936	Đường khu vực (tại khu quy hoạch phân lô Bùi Thị Thảo - cạnh trường THPT Tân Sơn)	Tân Bình	0,18	2016-2020
937	Đường nội bộ khu vực trường THCS Trần Thái Tông và khu tái định cư	Tân Bình	0,18	2016-2020
938	Phần đất còn lại của dự án khu phức hợp (đất Cty Vitaly) chuyển thành đất giao thông	Tân Bình	0,06	2016-2020
939	Phần đất còn lại của dự án Trường Tiểu học (đất Cty Sông trà) chuyển thành đất giao thông	Tân Bình	0,11	2016-2020
940	Phần đất còn lại của dự án khu phức hợp thương mại BMC chuyển thành đất giao thông	Tân Bình	0,13	2016-2020
941	Dự án nâng cấp mở rộng hẻm 654 - P.9	Tân Bình	0,15	2016-2020
942	Bồi thường, giải tỏa đường Trần Mai Ninh	Tân Bình	0,18	2016-2020
943	Mở rộng đường Trường Chinh (từ ngã 3 Trường Chinh-Cộng Hòa đến ngã 3 đường Trường Chinh - Âu Cơ)	Tân Bình	1,61	2016-2020
944	Nối dài Hẻm 281 Võ Thành Trang ra Phạm Phú Thứ	Tân Bình	0,05	2016-2020
945	Bồi thường, giải tỏa đường Hoàng Hao thám	Tân Bình	1,63	2016-2020
946	Bồi thường, giải tỏa, mở rộng thông hẻm 31 Phạm Phú thứ ra hẻm 1017 Lạc Long Quân	Tân Bình	0,02	2016-2020
947	Bồi thường, giải tỏa mở rộng đường Hồng Lạc	Tân Bình	0,62	2016-2020
948	Bồi thường, giải tỏa mở rộng hẻm 97 Phạm Phú Thứ thông ra đường Võ Thành Trang	Tân Bình	0,03	2016-2020
949	Bồi thường, giải tỏa mở rộng đường Đông Hồ	Tân Bình	0,41	2016-2020
950	Bồi thường, giải tỏa mở rộng hẻm 373 Lý Thường Kiệt	Tân Bình	0,32	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
951	Bồi thường, giải tỏa, mở rộng hẻm 1017 Lạc Long Quân (từ đường Bảy Hiền đến hẻm 97 Phạm Phú Thứ)	Tân Bình	0,11	2016-2020
952	Bồi thường giải tỏa kênh A41	Tân Bình	0,54	2016-2020
953	Dự án mở rộng, nâng cấp hẻm 99 Nguyễn Thái Bình	Tân Bình	0,05	2016-2020
954	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường Trường Chinh (đoạn từ Cộng Hòa đến Âu Cơ)	Tân Bình	1,98	2016-2020
955	Xây dựng cầu vượt bằng thép tại nút giao Trường Chinh - Cộng Hòa	Tân Bình	0,03	2016-2020
956	Xây dựng cầu vượt tại nút giao đường Trường Sơn – đường nối Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành Đai Ngoài	Tân Bình	0,00	2016-2020
957	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Phan Anh (từ ngã tư Bốn Xã đến Bà Hom)	Tân Phú	1,85	2016-2020
958	Hẻm 39 Nguyễn Cửu Đàm	Tân Phú	0,26	2016-2020
959	Hẻm 87 Tô Hiệu	Tân Phú	0,07	2016-2020
960	Dự án mở rộng đường Tân kỳ Tân Quý (Từ Lê Trọng Tấn - Cộng Hòa)	Tân Phú	1,64	2016-2020
961	Nâng cấp mở rộng đường B1	Tân Phú	0,47	2016-2020
962	Nguyễn Hữu Dật nối dài thông ra đường Chế Lan Viên	Tân Phú	0,90	2016-2020
963	Dự án Cầu Bưng	Tân Phú	1,23	2016-2020
964	Đường giao thông nối đường Bờ Bao Tân Thắng ra đường Lê Trọng Tấn (cuối Đường D2)	Tân Phú	3,33	2016-2020
965	Đường quy hoạch giao thông nối đường Cầu Xéo thông ra đường Bờ Bao Tân Thắng	Tân Phú	0,99	2016-2020
966	Đường Phùng Chí Kiên	Tân Phú	0,28	2016-2020
967	Đường D1-2	Tân Phú	0,91	2016-2020
968	Đường N2	Tân Phú	0,64	2016-2020
969	Mở rộng đường Điện cao thế (từ Thống Nhất đến Vườn Lài)	Tân Phú	0,46	2016-2020
970	Giao lộ Nguyễn Hậu - Vườn Lài	Tân Phú	0,06	2016-2020
971	Giao lộ Thống Nhất - Kênh Nước Đen	Tân Phú	0,06	2016-2020
972	Đường điện cao thế nối từ Trương Vĩnh Ký đến Độc Lập	Tân Phú	0,56	2016-2020
973	Đường điện cao thế nối từ đường Phú Thọ Hòa đến hẻm 76 Lê Văn Phan	Tân Phú	0,90	2016-2020
974	Thông tuyến đường Đỗ Bí (từ Nguyễn Chích đến Lê Lộ)	Tân Phú	0,17	2016-2020
975	Mở rộng và mới cuối đường Hiền Vương (Đoạn Văn Cao đến Bình Long)	Tân Phú	0,21	2016-2020
976	Mở rộng đường Lê Khôi (từ Thạch Lam đến Nguyễn Sơn)	Tân Phú	0,22	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
977	Mở rộng đường Nguyễn Chích (từ Thạch Lam đến Nguyễn Sơn)	Tân Phú	0,36	2016-2020
978	Mở rộng đường Bình Long (từ Thoại Ngọc Hầu đến Nguyễn Sơn)	Tân Phú	0,87	2016-2020
979	Mở rộng hẻm đường điện cao thế	Tân Phú	0,41	2016-2020
980	Mở rộng đường Hiền Vương (đoạn từ Phan Văn Năm đến Hẻm 61 Nguyễn Sơn)	Tân Phú	0,23	2016-2020
981	Lý Thánh Tông nối thông ra Lũy Bán Bích	Tân Phú	1,20	2016-2020
982	Đất giao thông (XN Cầu Tre)	Tân Phú	1,00	2016-2020
983	Dự án Xây dựng cầu vượt bằng thép tại ngã tư Bốn xã	Tân Phú	0,40	2016-2020
984	Mở rộng, nâng cấp hẻm 23 Nguyễn Hữu Tiến	Tân Phú	0,53	2016-2020
985	Sửa chữa, nâng cấp hẻm 21 Phan Chu Trinh	Tân Phú	0,02	2016-2020
986	Đường quy hoạch nối đường Tân Sơn Nhì thông ra đường Lê Trọng Tấn	Tân Phú	0,38	2016-2020
987	Mở rộng đường Trường Chinh (từ ngã 3 Trường Chinh-Cộng Hòa đến ngã 3 đường Trường Chinh - Âu Cơ)	Tân phú	2,13	2016-2020
988	Vòng xoay Âu Cơ - Lũy Bán Bích	Tân Phú	0,11	2016-2020
989	Đường nối Khuông Việt- HVC-Kênh Tân Hóa	Tân Phú	0,36	2016-2020
990	Đường Nguyễn Minh Châu	Tân Phú	0,35	2016-2020
991	Đường 5A khu Tái cư phường Tân Thới Hòa (hiện là hẻm số 9 Tô Hiệu)	Tân Phú	0,14	2016-2020
992	Đường nội bộ Khối C Chung cư Tái định cư phường Tân Thới Hòa	Tân Phú	0,09	2016-2020
993	Nâng cấp và mở rộng cầu Hương Việt	Thủ Đức	0,02	2016-2020
994	Đường số 8 (KP 4 - phường Hiệp Bình Phước)	Thủ Đức	0,30	2016-2020
995	Đường số 2 vào chợ Đầu Mối	Thủ Đức	1,23	2016-2020
996	Cầu Bình Triệu 2 (hạng mục cầu Ông Dầu)	Thủ Đức	0,37	2016-2020
997	Hai tuyến vận tải hành khách công cộng bằng đường thủy trên địa bàn TP.HCM theo hình thức đối tác công tư (Hợp đồng BOO)	Thủ Đức	3,34	2016-2020
998	Đường D4	Thủ Đức	0,47	2016-2020
999	Đường Tổ 56 Hiệp Bình Chánh	Thủ Đức	3,00	2016-2020
1000	Mở rộng đường Lê Văn Chí	Thủ Đức	0,46	2016-2020
1001	Đường vào trường TH Hiệp Bình Phước	Thủ Đức	0,07	2016-2020
1002	Đường số 2 (N5)	Thủ Đức	1,38	2016-2020
1003	Cầu Bình Quới - Thủ Đức 1	Thủ Đức	2,10	2016-2020
1004	Cầu Bình Quới - Thủ Đức 2	Thủ Đức	2,10	2016-2020
1005	Đường và cầu Bà Cả	Thủ Đức	2,34	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
1006	Đường và hệ thống thoát nước QL13 cũ	Thủ Đức	4,40	2016-2020
1007	Mở rộng hẻm số 115, đường số 5, khu phố 2, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức để làm đường vào Khu trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới 50-02S	Thủ Đức	0,12	2016-2020
1008	Cải tạo, mở rộng nút giao thông cầu vượt Linh Xuân	Thủ Đức	4,00	2016-2020
1009	Dự án Sửa chữa đảm bảo ATGT cầu Ông Dầu trên Quốc lộ 13	Thủ Đức	0,05	2016-2020
IX	Bến bãi đậu xe:		837,19	
IX.1	Bến kỹ thuật chuyên dụng xe buýt		60,15	
1	Bến xe buýt khu vực quảng trường Thủ Thiêm	Quận 2	2,00	2016-2020
2	Bến xe buýt Tân Thuận Đông	Quận 7	1,00	2016-2020
3	Mở rộng bến xe bus Quận 8	Quận 8	0,89	2016-2020
4	Bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng Bến xe buýt Quận 8	Quận 8	20,89	2016-2020
5	Bến kỹ thuật chuyên dụng xe buýt Nam Đồng Nai	Quận 9	3,00	2016-2020
6	Bến kỹ thuật chuyên dụng xe buýt Trường Thạnh	Quận 9	3,00	2016-2020
7	Bến kỹ thuật chuyên dụng xe buýt Thạnh Xuân	Quận 12	7,20	2016-2020
8	Trạm trung chuyển xe buýt 152 ĐBP	Bình Thạnh	1,85	2016-2020
9	Bến kỹ thuật chuyên dụng xe buýt Hiệp Bình Phước (Vĩnh Bình)	Thủ Đức	2,00	2016-2020
10	Bến kỹ thuật chuyên dụng xe buýt Vĩnh Lộc (khu vực lân cận 03 xã Vĩnh Lộc A, Vĩnh Lộc B và Phạm Văn Hai)	Bình Chánh	4,00	2016-2020
11	Bến kỹ thuật chuyên dụng xe buýt Tỉnh Lộ 10 (gần TL10, trong KDC Bình Lợi)	Bình Chánh	4,00	2016-2020
12	Bến kỹ thuật chuyên dụng xe buýt Cần Giuộc (gần BX Đa Phước, QL50)	Bình Chánh	3,00	2016-2020
13	Bến kỹ thuật chuyên dụng xe buýt Bình Chánh (giao lộ VĐ 3 và QL1A, xã Bình Chánh)	Bình Chánh	3,00	2016-2020
14	Dự án nâng cấp bến xe Buýt Cần Giờ	Cần Giờ	0,50	2016-2020
15	Bến kỹ thuật chuyên dụng xe buýt Củ Chi (ấp Bàu Tre, xã Tân An hội)	Củ Chi	1,02	2016-2020
16	Xây dựng bến xe buýt Hóc Môn	Hóc Môn	1,00	2016-2020
17	Bến kỹ thuật chuyên dụng xe buýt Bình Khánh (đường Huỳnh Tấn Phát, xã Phú Xuân, lấy đất nghĩa địa hiện hữu)	Nhà Bè	0,50	2016-2020
18	Bến kỹ thuật chuyên dụng xe buýt Bãi xe buýt giao lộ Nguyễn Văn Tạo và đường dự phóng	Nhà Bè	1,30	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
IX.2	Bến xe liên tỉnh		69,00	
1	Bến xe Miền Đông mới (P. Long Bình)	Quận 9	13,00	2016-2020
2	Bến xe liên tỉnh: Bến xe Sông Tắc (P. Long Trường)	Quận 9	12,00	2016-2020
3	Bến xe liên tỉnh: Bến xe Miền Tây mới (đang điều chỉnh)	Bình Chánh	14,00	2016-2020
4	Bến xe liên tỉnh: Bến xe Đa Phước (QL50)	Bình Chánh	5,00	2016-2020
5	Bến xe liên tỉnh: Bến xe Xuyên Á (đường Trần Văn Mười, ấp Dân Thắng, xã Tân Thới Nhì)	Hóc Môn	25,00	2016-2020
IX.3	Đầu mối trung chuyển hành khách		12,50	
1	Đầu mối trung chuyển hành khách: Ga Thủ Thiêm (đường sắt cao tốc Bắc - Nam)	Quận 2	1,50	2016-2020
2	Đầu mối trung chuyển hành khách: khu vực cảng Sài Gòn	Quận 4	1,00	2016-2020
3	Đầu mối trung chuyển hành khách: Khu đô thị Nam Sài Gòn	Quận 7	1,00	2016-2020
4	Đầu mối trung chuyển hành khách: Bến xe (chuyển đổi tại khu vực phường Tây Thạnh)	Tân Phú	0,50	2016-2020
5	Đầu mối trung chuyển hành khách: hành lang XLHN (khu vực trước Suối Tiên)	Thủ Đức	1,70	2016-2020
6	Đầu mối trung chuyển hành khách: Bến xe KCN Lê Minh Xuân	Bình Chánh	1,00	2016-2020
7	Đầu mối trung chuyển hành khách: Bến xe buýt Củ Chi (ấp Bàu Tre, xã Tân An Hội, hoán đổi vị trí bến xe Củ Chi hiện hữu)	Củ Chi	1,00	2016-2020
8	Đầu mối trung chuyển hành khách: Bến xe An Suông hiện hữu	Hóc Môn	3,20	2016-2020
9	Đầu mối trung chuyển hành khách: Bến xe Nhà Bè (đường Huỳnh Tấn Phát, xã Phú Xuân, lấy đất khu nghĩa trang)	Nhà Bè	1,60	2016-2020
IX.4	Bãi đậu xe ô tô		304,17	
1	Bãi đậu xe (trong khu đô thị phát triển P. An Phú)	Quận 2	0,31	2016-2020
2	Bãi đậu xe (trong ga Thủ Thiêm)	Quận 2	2,00	2016-2020
3	Bãi xe ô tô Cát Lái khu vực Cát Lái 1	Quận 2	5,10	2016-2020
4	Bãi đậu xe (Thạnh Mỹ Lợi)	Quận 2	0,53	2016-2020
5	Hệ thống bãi đậu xe đô thị Thủ Thiêm	Quận 2	2,38	2016-2020
6	Bãi đậu xe	Quận 4	0,67	2016-2020
7	Các bãi đậu xe ô tô: Cao ốc hỗn hợp, 621 Phạm Văn Chí, P7	Quận 6	18,20	2016-2020
8	Các bãi đậu xe ô tô: Sông Tắc 1 (QHCT 1/2000 KĐT Tam Đa)	Quận 9	10,00	2016-2020
9	Các bãi đậu xe ô tô: Sông Tắc 2 (QHCT 1/2000 KĐT Tam Đa)	Quận 9	15,00	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
10	Bãi đậu xe ô tô Quận 11 (thuộc khu đất trường đua Phú Thọ, P.15)	Quận 11	1,00	2016-2020
11	Các bãi đậu xe ô tô: Thanh Lộc (vị trí tiếp giáp đường vòng cung Tây Bắc, P. Thới An)	Quận 12	2,00	2016-2020
12	Bãi đậu xe Hiệp Thành, trên đường Lê Văn Khương	Quận 12	0,21	2016-2020
13	Các bãi đậu xe ô tô: P. Bình Trị Đông A (giao lộ HL2 và QL1A)	Bình Tân	3,50	2016-2020
14	Các bãi đậu xe ô tô: Khu dịch vụ bay Sacco (trong sân bay Tân Sơn Nhất)	Tân Bình	2,20	2016-2020
15	Các bãi đậu xe ô tô: Bán đảo Trường Thọ (chuyển đổi từ CN ô nhiễm sang)	Thủ Đức	4,00	2016-2020
16	Các bãi đậu xe ô tô: Linh xuân (chuyển chức năng từ cụm CN Truong Tre)	Thủ Đức	5,00	2016-2020
17	Các bãi đậu xe ô tô: Ga Bình Triệu	Thủ Đức	5,00	2016-2020
18	Các bãi đậu xe ô tô: Ga Depot (tuyến metro 3b)	Thủ Đức	4,00	2016-2020
19	Các bãi đậu xe ô tô: P. Hiệp Bình Phước (KDC và CV giải trí)	Thủ Đức	3,00	2016-2020
20	Các bãi đậu xe ô tô: Khu đất của Cty Đường Việt - Khu 19 (địa bàn khu Nam)	Bình Chánh	1,07	2016-2020
21	Các bãi đậu xe ô tô: Khu E -Nam Sài Gòn 4 (địa bàn khu Nam)	Bình Chánh	2,50	2016-2020
22	Các bãi đậu xe ô tô: Bãi đậu xe KDC194-Khu 9 B10 (địa bàn khu Nam)	Bình Chánh	1,20	2016-2020
23	Các bãi đậu xe ô tô: Vĩnh Lộc (bố trí trong KCN Lê Minh Xuân dự kiến mở rộng)	Bình Chánh	20,00	2016-2020
24	Các bãi đậu xe ô tô: Lê Minh Xuân 2 (Bến xe Đa Phước, góc đường vào nghĩa trang Đa Phước và QL50)	Bình Chánh	6,00	2016-2020
25	Các bãi đậu xe ô tô: Khu D -Nam Sài Gòn 3 (địa bàn khu Nam)	Bình Chánh	2,80	2016-2020
26	Các bãi đậu xe ô tô: xã Bình Khánh (01 vị trí)	Cần Giờ	5,00	2016-2020
27	Các bãi đậu xe ô tô: xã Long Hòa (03 vị trí)	Cần Giờ	12,70	2016-2020
28	Các bãi đậu xe ô tô: xã Lý Nhơn (03 vị trí)	Cần Giờ	0,50	2016-2020
29	Các bãi đậu xe ô tô: thị trấn Cần Thạnh (01 vị trí)	Cần Giờ	0,20	2016-2020
30	Các bãi đậu xe ô tô: Ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội	Củ Chi	8,00	2016-2020
31	Các bãi đậu xe ô tô: Bãi đậu xe trong các KTM-DV và khu nhà ở từ khu I-khu VIII (địa bàn khu Tây Bắc)	Củ Chi	85,60	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
32	Các bãi đậu xe ô tô: Vị trí kế cận khu kho bãi, xã Phước Hiệp (khu IX), phục vụ cho nhà ga tuyến metro nối tiếp tuyến số 2	Củ Chi	28,00	2016-2020
33	Các bãi đậu xe ô tô: Tân Thạnh Tây (gồm 3 vị trí)	Củ Chi	26,00	2016-2020
34	Các bãi đậu xe ô tô: Đường Long Thới	Nhà Bè	1,00	2016-2020
35	Các bãi đậu xe ô tô: KĐT cảng Hiệp Phước	Nhà Bè	2,00	2016-2020
36	Các bãi đậu xe ô tô: Nhà Bè 1 (xã Phước Kiển, thuộc đồ án Sadeco III)	Nhà Bè	0,50	2016-2020
37	Các bãi đậu xe ô tô: Nhà Bè 2 (xã Phước Lộc, tiếp giáp khu T30)	Nhà Bè	2,00	2016-2020
38	Các bãi đậu xe ô tô: Cây Khô 1 (thuộc quỹ đất dự trữ trong đồ án KDC xã Phước Kiển)	Nhà Bè	4,00	2016-2020
39	Các bãi đậu xe ô tô: Cây Khô 2 (thuộc đồ án KDC cảng Cây Khô)	Nhà Bè	3,00	2016-2020
40	Các bãi đậu xe ô tô: Nhơn Đức (phía Bắc cảng Cây Khô, góc Rạch Tôm-Ngọn Đình-Bà Lào)	Nhà Bè	8,00	2016-2020
IX.5	Bến đậu xe taxi		20,32	
1	Bến đậu xe taxi ngã 3 Cát Lái (khu TDTT Rạch Chiếc)	Quận 2	1,50	2016-2020
2	Bến đậu xe taxi KCN Cát Lái (kế cận KCN Sài Gòn)	Quận 2	1,00	2016-2020
3	Bến đậu xe taxi khu vực P. Bình Khánh	Quận 2	0,50	2016-2020
4	Bãi đậu xe taxi khu vực Cát Lái 2	Quận 2	1,60	2016-2020
5	Bến đậu xe taxi Sông Tắc 3 (P. Long Trường, thuộc khu TTHC Q9)	Quận 9	1,70	2016-2020
6	Bến đậu xe taxi Bãi Trâu (P. Long Thạnh Mỹ)	Quận 9	0,72	2016-2020
7	Bến đậu xe taxi An Suông (khu vực ga Tân Thới Hiệp)	Quận 12	0,60	2016-2020
8	Bến đậu xe taxi Ngã Tư Ga 1 (giáp QL1A-Hà Huy Giáp)	Quận 12	0,20	2016-2020
9	Bến đậu xe taxi công viên và TTHC quận Thủ Đức	Thủ Đức	2,00	2016-2020
10	Bến đậu xe taxi Nam Sài Gòn 1 (Khu 10-CV vui chơi giải trí)	Bình Chánh	1,00	2016-2020
11	Bến đậu xe taxi Lê Minh Xuân 1 (bố trí trong KCN Lê Minh Xuân dự kiến mở rộng)	Bình Chánh	2,00	2016-2020
12	Bến đậu xe taxi các xã Tân Phú Trung, Phước Thạnh và Tân Quy	Củ Chi	7,00	2016-2020
13	Bến đậu xe taxi Bình Khánh (cuối đường Huỳnh Tấn Phát)	Nhà Bè	0,50	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
IX.6	Trung tâm chuyển tiếp hàng hóa		322,50	
1	Khu dịch vụ cảng - kho bãi (Cát Lái)	Quận 2	7,90	2016-2020
2	Khu dịch vụ cảng - kho tổng hợp (Cát Lái)	Quận 2	27,64	2016-2020
3	Đất dịch vụ, kho cảng, bến bãi - P. Thạnh Mỹ Lợi (QH chung XD)	Quận 2	32,90	2016-2020
4	Bãi hậu cần kỹ thuật và bến cuối tuyến BRT số 1	Quận 2	2,36	2016-2020
5	Bến tàu, bến cảng	Quận 4	1,58	2016-2020
6	Trung tâm chuyển tiếp hàng hóa Sông Tắc 3 P. Long Trường (thuộc khu TTHC quận 9)	Quận 9	30,00	2016-2020
7	Trung tâm chuyển tiếp hàng hóa Ngã Tư Ga 2 (Tô Ngọc Vân - đường vòng cung Tây Bắc)	Quận 12	10,00	2016-2020
8	Trung tâm chuyển tiếp hàng hóa giao lộ QL1A-HL2 (nút vành đai 2)	Bình Tân	17,00	2016-2020
9	Trung tâm chuyển tiếp hàng hóa dọc theo phía Tây QL1A	Bình Tân	6,00	2016-2020
10	Trung tâm chuyển tiếp hàng hóa ngã tư XLHN-QL1K (gần NM cocacola)	Thủ Đức	8,00	2016-2020
11	Trung tâm chuyển tiếp hàng hóa ranh Thủ Đức - Bình Dương	Thủ Đức	18,00	2016-2020
12	Trung tâm chuyển tiếp hàng hóa phía Tây KCX Linh Trung II	Thủ Đức	20,00	2016-2020
13	Trung tâm chuyển tiếp hàng hóa KCX Linh Trung II	Thủ Đức	10,00	2016-2020
14	Trung tâm chuyển tiếp hàng hóa cụm CN Bình Chiểu	Thủ Đức	2,00	2016-2020
15	Trung tâm chuyển tiếp hàng hóa chợ đầu mối Tam Bình	Thủ Đức	12,00	2016-2020
16	Trung tâm chuyển tiếp hàng hóa tiếp giáp ga Tân Kiên (ĐL Đông Tây - cao tốc Sài Gòn Trung Lương)	Bình Chánh	22,00	2016-2020
17	Trung tâm chuyển tiếp hàng hóa trong KDC phía Nam xã Bình Chánh	Bình Chánh	20,00	2016-2020
18	Trung tâm chuyển tiếp hàng hóa giáp nút giao chợ Đệm xã Tân Túc	Bình Chánh	10,00	2016-2020
19	Trung tâm chuyển tiếp hàng hóa Nam Sài Gòn (nằm sát đường cao tốc Bến Lức - Long Thành, thuộc xã Nhơn Đức)	Nhà Bè	8,00	2016-2020
20	Trung tâm chuyển tiếp hàng hóa Bình Khánh (giáp sông Mương Chuối, thuộc xã Long Thới)	Nhà Bè	2,00	2016-2020
21	Bến bãi (thay thế phà Bình Khánh)	Nhà Bè	12,17	2016-2020
22	Bến bãi (Gần khu nghĩa địa và bãi rác)	Nhà Bè	11,09	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
23	Bến bãi (<i>Giáp đường Cao Tốc và xã Long Thới</i>)	Nhà Bè	20,00	2016-2020
24	Đất bến bãi (<i>gần trạm điện</i>)	Nhà Bè	11,86	2016-2020
IX.7	Kho thông quan nội địa		48,55	
1	Nâng cấp, mở rộng bến phà Cát Lái	Quận 2	0,55	2016-2020
2	Kho thông quan nội địa Long Trường - Phú Hữu	Quận 9	23,00	2016-2020
3	Kho thông quan nội địa Linh xuân	Thủ Đức	5,00	2016-2020
4	Kho thông quan nội địa bán đảo Trường Thọ (chuyển đổi từ cụm CN ô nhiễm sang)	Thủ Đức	10,00	2016-2020
5	Kho thông quan nội địa Tân Kiên	Bình Chánh	10,00	2016-2020
X	Hệ thống cảng sông, cảng biển		546,70	
1	Cảng khách		5,00	2016-2020
1.1	Hệ thống cảng sông, cảng biển: Bến tàu khách Nhà Rong	Quận 4	2,50	2016-2020
1.2	Hệ thống cảng sông, cảng biển: Bến tàu khách Cần Giờ	Cần Giờ	2,50	2016-2020
2	Cảng hàng hóa		541,70	2016-2020
2.1	Hệ thống cảng sông, cảng biển: Cảng sông Phú Định	Quận 8	50,05	2016-2020
2.2	Hệ thống cảng sông, cảng biển: Cảng sông Nhơn Đức	Nhà Bè	57,65	2016-2020
2.4	Khu cảng hạ lưu Hiệp Phước	Nhà Bè	434,00	2016-2020

BẢNG 12: DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẤT THỦY LỢI

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
	Tổng cộng		1.610,65	
I	Các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp:		148,25	
I.1	Tiểu vùng 1 (Củ Chi):		22,00	
1	Cải tạo mở rộng rạch Bà Phước	Củ Chi	0,60	2016-2020
2	Cải tạo mở rộng rạch Thai Thai	Củ Chi	0,36	2016-2020
3	Nạo vét kênh Địa Phận	Củ Chi	1,09	2016-2020
4	Công trình Thủy lợi bờ hữu ven Sông Sài Gòn từ Tỉnh lộ 8 đến rạch Tra (tổng DT 57,48ha, trong đó đã thực hiện 56,69ha, chuyển tiếp 0,79ha thực hiện trong kỳ 2016-2020)	Củ Chi	0,79	2016-2020
5	Các công trình thủy lợi phục vụ xây dựng nông thôn mới	Củ Chi	5,00	2016-2020
6	Khu tưới Thái Mỹ thuộc dự án thủy lợi Phước Hòa	Củ Chi	14,16	2016-2020
I.2	Tiểu vùng 2 (Hóc Môn-Bắc BC):		102,21	
1	Các công trình thủy lợi phục vụ xây dựng nông thôn mới	Bình Chánh	1,00	2016-2020
2	Nạo vét các kênh rạch thuộc hệ thống Bình Lợi A, B, Tân Kiên, Tân Nhựt	Bình Chánh	1,61	2016-2020
3	Nâng cấp hệ thống thủy lợi Hóc Môn - Bắc Bình Chánh	B.Chánh, H.Môn	99,60	2016-2020
I.3	Tiểu vùng 3 (Nam BC-Nhà Bè):		2,94	
1	Nâng cấp hệ thống thủy lợi rạch Cầu Già	Bình Chánh	0,44	2016-2020
2	Các công trình thủy lợi phục vụ xây dựng nông thôn mới	Nhà Bè	2,50	2016-2020
I.4	Tiểu vùng 4 (Cần Giờ):		21,09	
1	Hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất muối	Cần Giờ	9,16	2016-2020
2	Hệ thống thủy lợi phục vụ xây dựng nông thôn mới	Cần Giờ	1,53	2016-2020
3	Hệ thống thủy lợi phục vụ NTTS 4 xã phía bắc Cần Giờ	Cần Giờ	0,93	2016-2020
4	Xây dựng đường đê phục vụ vận chuyển muối (điểm đầu đê muối Tiền Giang, điểm cuối rạch bến bà Năm)	Cần Giờ	1,50	2016-2020
5	Công trình Thủy lợi phục vụ Nuôi trồng Thủy sản khu vực Tắc Ráng	Cần Giờ	5,78	2016-2020
6	Dự án Thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản khu vực Rạch Đước 250ha	Cần Giờ	1,30	2016-2020
7	Dự án Thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản khu vực kinh Ông Cả 200ha	Cần Giờ	0,90	2016-2020
II	Các công trình chống ngập và VSMT:		1.462,40	
II.1	Dự án hồ điều tiết, hồ cảnh quan		71,44	
1	Hồ cảnh quan Khu 110 ha	Quận 2	0,54	2016-2020
2	Hồ cảnh quan Trong khu đô thị mới phát triển phường An Phú 88,03	Quận 2	3,16	2016-2020
3	Hồ cảnh quan Trong khu đô thị phát triển phường An Phú - An Khánh	Quận 2	0,43	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
4	Hồ cảnh quan Thuộc khu ĐT chỉnh trang kế cận khu đô thị mới Thủ Thiêm 335,59 ha (HOK).	Quận 2	0,28	2016-2020
5	Hồ nước đa chức năng (cảnh quan, chứa, thấm nước) (khu 178 ha)	Quận 2	3,50	2016-2020
6	Hồ cảnh quan khu 149,36ha - P. Bình Trưng Đông	Quận 2	1,06	2016-2020
7	Hồ cảnh quan - khu 38,4ha ĐTM Thủ Thiêm P. Bình Khánh	Quận 2	0,76	2016-2020
8	Hồ nước đa chức năng - P. Cát Lái	Quận 2	2,70	2016-2020
9	Hồ điều tiết - KDC Thạnh Mỹ Lợi	Quận 2	0,31	2016-2020
10	Dự án hồ điều tiết Khánh Hội	Quận 4	4,80	2016-2020
11	Dự án hồ điều tiết Bàu Cát	Tân Bình	0,40	2016-2020
12	Dự án hồ điều tiết Gò Dưa phục vụ giảm ngập và ứng phó với biến đổi khí hậu	Thủ Đức	17,20	2016-2020
13	Hồ điều tiết (Hiệp Bình Phước)	Thủ Đức	16,30	2016-2020
14	Hồ đa chức năng CV Tam Phú	Thủ Đức	8,00	2016-2020
15	Hồ điều tiết (H.B.Chánh, Linh Đông, Tam Phú)	Thủ Đức	12,00	2016-2020
II.2	Dự án nhà máy xử lý nước thải:		178,87	
1	Nhà máy xử lý nước thải lưu vực Đông Sài Gòn	Quận 2	12,00	2016-2020
2	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải Nhiêu Lộc – Thị Nghè	Quận 2	38,48	2016-2020
3	Trạm xử lý nước thải - P. Bình Trưng Đông	Quận 2	0,73	2016-2020
4	Trạm xử lý nước thải - P. Thạnh Mỹ Lợi	Quận 2	0,70	2016-2020
5	Trạm xử lý nước thải - P. Thạnh Mỹ Lợi	Quận 2	0,66	2016-2020
6	Trạm xử lý nước thải - trong CCN quận 2	Quận 2	0,56	2016-2020
7	Trạm xử lý nước thải khu đô thị chỉnh trang kế cận KĐT mới Thủ Thiêm - P. Bình Khánh	Quận 2	0,52	2016-2020
8	Nhà máy xử lý nước thải lưu vực Bắc Sài Gòn II	Quận 9	7,00	2016-2020
9	TT Xử lý nước thải và CTCC Q10	Quận 10	0,17	2016-2020
10	Nhà máy xử lý nước thải lưu vực Bình Tân	Bình Tân	10,00	2016-2020
11	Dự án thành phần 5: Nhà máy xử lý nước thải lưu vực Tây Sài Gòn (thuộc dự án Tham Lương giai đoạn 2)	Tân Phú	11,00	2016-2020
12	Nhà máy xử lý nước thải lưu vực Bắc Sài Gòn I	Thủ Đức	10,00	2016-2020
13	Nhà máy xử lý nước thải lưu vực Tàu Hủ-Bến Nghé-kênh Đôi-kênh Tẻ	Bình Chánh	50,00	2016-2020
14	Nhà máy xử lý nước thải lưu vực Tân Hóa-Lò Gốm	Bình Chánh	20,00	2016-2020
15	Nhà máy xử lý nước thải lưu vực Tây - Bắc thành phố	Củ Chi	9,00	2016-2020
16	Nhà quản lý kết hợp trạm kiểm soát nước thải	Củ Chi	0,05	2016-2020
17	Nhà máy xử lý nước thải lưu vực rạch Cầu Dừa	Hóc Môn	8,00	2016-2020
II.3	Dự án đê bao:		394,27	
1	Đê bao bờ tả sông Sài Gòn (đoạn còn lại) từ rạch Cầu Ngang đến khu đô thị mới Thủ Thiêm.	Q.2, T.Đức	30,24	2016-2020
2	Tuyến đê bao dọc kênh Đôi (từ cầu Bà Tàng đến ngã ba sông Cần Giuộc)	Quận 8	3,88	2016-2020
3	Tuyến đê bao dọc kênh Đôi (từ cầu Nhị Thiên Đường đến cầu Bà Tàng)	Quận 8	1,88	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
4	Đê bao ven sông Sài Gòn từ Vàm Thuật đến sông Kinh (GD1)	Quận 12	27,66	2016-2020
5	Đê bao ngăn lũ ven sông Sài Gòn trên địa bàn quận Thủ Đức (đoạn từ Cầu Bình Phước đến rạch Cầu Ngang)	Thủ Đức	2,13	2016-2020
6	Dự án 500 mét tuyến đê bao liên vùng khu A	Bình Chánh	0,44	2016-2020
7	Dự án đầu tư công trình hệ thống đê bao ngăn lũ Khu B	Bình Chánh	65,14	2016-2020
8	Nâng cấp, mở rộng đường Đê bao Ông Côm	Bình Chánh	1,63	2016-2020
9	Bờ bao rạch cầu Già	Bình Chánh	1,40	2016-2020
10	Đê bao liên ấp 3 - 4, xã Phong Phú	Bình Chánh	0,72	2016-2020
11	Nâng cấp đê bao liên ấp 1 - 4, xã Qui Đức	Bình Chánh	0,72	2016-2020
12	Nâng cấp bờ bao ranh Long An, xã Tân Nhựt	Bình Chánh	1,32	2016-2020
13	Gia cố, tôn cao đê chống lũ ấp 3 - 4, xã Tân Nhựt	Bình Chánh	0,60	2016-2020
14	Bờ bao Lương Ngang (ấp Quán - sáu Oánh), xã Tân Nhựt	Bình Chánh	1,12	2016-2020
15	Bờ bao ấp 2 - 4, xã Tân Nhựt	Bình Chánh	1,36	2016-2020
16	Đê ngăn lũ ấp 3, xã Tân Nhựt	Bình Chánh	0,48	2016-2020
17	Đường đê bao Khu C, xã Đa Phước	Bình Chánh	3,45	2016-2020
18	Xây dựng nâng cấp đê biển Cần Giờ	Cần Giờ	53,60	2016-2020
19	Xây dựng hệ thống đê bao dọc sông Vàm Sát	Cần Giờ	1,00	2016-2020
20	Xây dựng hệ thống đê bao dọc sông Soài Rạp	Cần Giờ	3,00	2016-2020
21	Xây dựng đường đê số 1 từ đường Lý Nhơn đến sông Soài Rạp	Cần Giờ	1,00	2016-2020
22	Xây dựng đường đê nhánh số 2 từ đường Lý Nhơn đến sông Soài Rạp	Cần Giờ	1,00	2016-2020
23	Xây dựng đường đê nối đê nhánh số 2 đến đê bao sông Vàm Sát	Cần Giờ	1,10	2016-2020
24	Xây dựng đường đê nhánh số 3 từ đường Lý Nhơn đến sông Soài Rạp	Cần Giờ	1,20	2016-2020
25	Xây dựng hệ thống đê bao khu vực dọc sông Góc Tre nhỏ	Cần Giờ	1,50	2016-2020
26	Nâng cấp đường nhánh từ đường Lý Nhơn đến đê bao sông Góc Tre nhỏ	Cần Giờ	0,40	2016-2020
27	Nâng cấp đường đê từ sông Soài Rạp đến đường Lý Nhơn (tuyến số 1)	Cần Giờ	1,40	2016-2020
28	Xây dựng mới tuyến đê từ sông Soài Rạp đến đường Lý Nhơn (tuyến số 2)	Cần Giờ	1,20	2016-2020
29	Nâng cấp đường đê từ sông Soài Rạp đến đường Lý Nhơn (tuyến số 3)	Cần Giờ	1,70	2016-2020
30	Xây dựng đê bao nội đồng kết hợp giao thông nông thôn kết nối khu vực ra đường rừng sát (GD1)	Cần Giờ	1,00	2016-2020
31	Xây dựng đê bao nội đồng kết hợp giao thông nông thôn kết nối khu vực ra đường rừng sát (giai đoạn 02)	Cần Giờ	1,00	2016-2020
32	Xây dựng đê bao phía sông Soài Rạp (từ rạch Kho Mắm Lớn đến Kinh Ngay)	Cần Giờ	1,50	2016-2020
33	Xây dựng đường đê nội đồng khu vực 233 ha ấp rạch lá (giai đoạn 01)	Cần Giờ	1,50	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
34	Xây dựng đường đê nội đồng khu vực 233 ha ấp rạch lá (giai đoạn 02	Cần Giờ	1,50	2016-2020
35	Xây dựng đường đê nội đồng ngang rạch Đước (dọc rạch Ráng)	Cần Giờ	1,50	2016-2020
36	Xây dựng tuyến đê bao nội đồng	Cần Giờ	1,00	2016-2020
37	Xây dựng Đê, kênh nhánh	Cần Giờ	2,00	2016-2020
38	Xây dựng tuyến đê vận chuyển muối từ rạch Mương Thông đến đuôi Sam	Cần Giờ	4,00	2016-2020
39	Xây dựng hệ thống thủy lợi kênh Ngay (nạo vét kênh, đắp đê)	Cần Giờ	1,50	2016-2020
40	Xây dựng hệ thống thủy lợi kênh Hốc Quả Lớn (nạo vét kênh, đắp đê)	Cần Giờ	1,50	2016-2020
41	Xây dựng hệ thống thủy lợi kênh Bàu Thờ (nạo vét kênh, đắp đê)	Cần Giờ	1,50	2016-2020
42	Xây dựng tuyến đường từ rạch Đước kết nối với đường Rừng Sát	Cần Giờ	1,50	2016-2020
43	Xây dựng tuyến đường dọc rạch Đước	Cần Giờ	1,50	2016-2020
44	Xây dựng tuyến đê thủy lợi kết hợp giao thông nông thôn rạch Cá Súc kết nối với Kênh Ngay	Cần Giờ	0,60	2016-2020
45	Xây dựng tuyến đê thủy lợi kết hợp giao thông nông thôn rạch Cá Súc kết nối với Kênh Ông Cả	Cần Giờ	0,95	2016-2020
46	Xây dựng tuyến đê thủy lợi kết hợp giao thông nông thôn dọc Kênh Ngay kết nối với đường Rừng Sác	Cần Giờ	1,30	2016-2020
47	Xây dựng tuyến đê thủy lợi kết hợp giao thông nông thôn kết nối đường EC ra đường Rừng Sác	Cần Giờ	0,55	2016-2020
48	Xây dựng tuyến đê thủy lợi kết hợp giao thông nông thôn dọc Kênh Xáng kết nối với đường EC và đường Hà Quang	Cần Giờ	0,90	2016-2020
49	Đê bao rạch Bàu Nhum	Củ Chi	12,68	2016-2020
50	Đê bao rạch cây Da	Củ Chi	5,63	2016-2020
51	Đê bao rạch Chuối nước	Củ Chi	3,50	2016-2020
52	Đê bao rạch Kè	Củ Chi	4,85	2016-2020
53	Đê bao Rạch Kinh	Củ Chi	4,55	2016-2020
54	Đê bao rạch Láng The - sông Sài Gòn	Củ Chi	17,53	2016-2020
55	Đê bao rạch Miếu	Củ Chi	2,00	2016-2020
56	Đê bao ven sông Sài Gòn từ Láng The đến Sông Lu	Củ Chi	27,63	2016-2020
57	Đê bao ven sông Sài Gòn từ rạch Nàng Âm đến Láng The	Củ Chi	17,00	2016-2020
58	Đê bao ven sông Sài Gòn từ rạch Sơn đến rạch Cầu Đen	Củ Chi	20,32	2016-2020
59	Đê bao ven sông Sài Gòn từ Sông Lu đến rạch Bà Bép	Củ Chi	31,00	2016-2020
60	Dự án Đê kè từ Vàm Thuật đến sông Kinh	Nhà Bè	8,50	2016-2020
II.4	Dự án nạo vét, cải tạo kênh rạch:		406,77	
1	Quy hoạch kênh đào Bình An - An Phú	Quận 2	2,45	2016-2020
2	Rạch thoát nước Bình Khánh-Bình An	Quận 2	0,86	2016-2020
3	Mở rộng cải tạo sông Hàng Bàng	Quận 5	0,22	2016-2020
4	Cải tạo rạch Bàu Trâu	Q.6, T.Phú	20,26	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
5	Dự án Ven Kênh Tê	Quận 7	2,76	2016-2020
6	Cải tạo rạch Nhảy- rạch Ruột Ngựa	Q.8, B.Tân	4,89	2016-2020
7	Nạo vét trục thoát nước nội thị: - Rạch Thủ Đào: 18 ha - Rạch Bà Lớn: 30.4 ha - Rạch Lung Mân: 10.4ha - Rạch Xóm Cũi: 30.8 ha - Rạch Ông Bê: 13.6 ha - Rạch Thầy Tiêu: 10.4ha	Q.7, Q.8, Bình Chánh	81,46	2016-2020
8	Dự án Ao sông Tân	Quận 7	1,50	2016-2020
9	Nạo vét Sông Cần Giuộc	Quận 8, Bình Chánh	50,86	2016-2020
10	Chỉnh trang rạch U cây (đợt 1 giai đoạn 2)	Quận 8	0,61	2016-2020
11	Dự án Rạch Bò Đề Phường 5	Quận 8	0,35	2016-2020
12	Nạo vét đoạn rạch từ cửa xả đường Bông Sao đến sông Hiệp Ân	Quận 8	0,07	2016-2020
13	Nạo vét rạch Cây Cam	Quận 9	1,34	2016-2020
14	Nạo vét rạch Bà Đá - rạch Giáng	Quận 9	1,54	2016-2020
15	Nạo vét tuyến sông Tắc	Quận 9	1,72	2016-2020
16	Nạo vét tuyến rạch Giồng Ông Tố - rạch Đồng Trong - rạch Chiểu	Quận 9	5,92	2016-2020
17	Nạo vét rạch Bà Cua	Quận 9	2,10	2016-2020
18	Nạo vét khai thông tuyến rạch Ông Nhiêu	Quận 9	18,17	2016-2020
19	Dự án Khai thông tuyến đường thủy nối sông Sài Gòn – sông Đồng Nai qua ngã Rạch Chiểu	Quận 9	12,70	2016-2020
20	Nạo vét cải tạo kênh Cầu Suối	Quận 12	4,68	2016-2020
21	Nạo vét cải tạo kênh tiêu Đồng Tiến	Quận 12	0,81	2016-2020
22	Dự án kênh Trần Quang Cơ	Q.12, H.Môn	20,00	2016-2020
23	Dự án rạch Cầu Sa	B.Tân, B.Chánh, H.Môn	36,00	2016-2020
24	Nạo vét Rạch Tra - Kênh Xáng - An Hạ-Kênh Sáng lớn	Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi	74,19	2016-2020
25	Nạo vét rạch Ông Búp	Bình Tân	4,52	2016-2020
26	Cải tạo rạch Bà Tiếng (Tổng DT 2,6ha, đã thực hiện 2,4ha, chuyển tiếp 0,2ha thực hiện trong GD 2016-2020)	Bình Tân	0,20	2016-2020
27	Dự án Chống sạt lở bán đảo Thanh Đa (đoạn 3 Bình Quới, Cây Bàng, Rạch Chùa)	Bình Thạnh	11,69	2016-2020
28	Cải tạo rạch Bùi Hữu Nghĩa	Bình Thạnh	0,47	2016-2020
29	Cải tạo rạch Văn Thánh	Bình Thạnh		2016-2020
30	Dự án tiêu thoát nước và cải thiện ô nhiễm kênh Tham Lương - Bến Cát - Rạch Nước Lên (GD1): Tổng DT 159,1ha, trong đó đã thực hiện 153,46ha, chuyển tiếp 5,64ha thực hiện trong GD 2016-2020	Q.8, Q.12, B.Tân, G. Vấp, T.Bình, T.Phú, B.Chánh	5,64	2016-2020
31	Rạch xuyên tâm (đoạn Cầu Sơn - Cầu Bông)	Bình Thạnh	2,00	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
32	Cải tạo kênh Tân Trụ (từ Phạm Văn Bạch đến kênh Hy vọng)	Tân Bình	3,37	2016-2020
33	Cải tạo tuyến mương Nhật Bản (từ tường rào sân bay Tân Sơn Nhất đến Nguyễn Kiệm)	Tân Bình	0,28	2016-2020
34	Cải tạo Kênh Hiệp Tân	Tân Phú	4,05	2016-2020
35	cải tạo nâng cấp luồng sông Sài Gòn đoạn từ cầu đường sắt Bình Lợi tới cảng Bến Súc (BOT)	Thủ Đức	0,01	2016-2020
36	Nạo vét, cải tạo rạch Cầu Ngang	Thủ Đức	0,02	2016-2020
37	Nạo vét Kênh 7 Tấn (nhánh rạch Tân Nhiều)	Bình Chánh	0,64	2016-2020
38	Nạo vét rạch Tám Đức, xã Qui Đức	Bình Chánh	0,96	2016-2020
39	Nạo vét rạch cây Tri, xã An Phú Tây	Bình Chánh	1,62	2016-2020
40	Nạo vét kênh đường giao thông ấp 3, xã Tân Quý Tây	Bình Chánh	0,95	2016-2020
41	Kênh đường 2-3-4, xã Tân Quý Tây	Bình Chánh	1,45	2016-2020
42	Nạo vét kênh cặp đường Tân Quý Tây, xã Tân Quý Tây	Bình Chánh	1,05	2016-2020
43	Nạo vét kênh ấp 5, xã Đa Phước	Bình Chánh	0,85	2016-2020
44	Nạo vét kênh Tập Đoàn 7, xã Bình Chánh	Bình Chánh	0,56	2016-2020
45	Nạo vét kênh T12b (nối qua T10, xã Tân Quý Tây), xã Bình Chánh	Bình Chánh	0,48	2016-2020
46	Nạo vét kênh Tập Đoàn 5, xã Bình Chánh	Bình Chánh	0,52	2016-2020
47	Nạo vét kênh ấp 4 (sau chợ Bình Chánh), xã Bình Chánh	Bình Chánh	0,52	2016-2020
48	Nạo vét kênh TL (vào chùa cô Hiếu), xã Bình Chánh	Bình Chánh	0,48	2016-2020
49	Nạo vét kênh Tập Đoàn 8 cũ, xã Bình Chánh	Bình Chánh	0,48	2016-2020
50	Nạo vét kênh Tập Đoàn 9 Cũ, xã Bình Chánh	Bình Chánh	0,56	2016-2020
51	Nạo vét rạch cầu Ngang, xã Qui Đức	Bình Chánh	0,28	2016-2020
52	Nạo vét kênh một Dũ (H-Huru-Q-Đức), xã Hưng Long	Bình Chánh	0,34	2016-2020
53	Nạo vét rạch Xã Hai, xã Tân Nhựt	Bình Chánh	0,56	2016-2020
54	Nạo vét rạch cầu Ván, xã Tân Nhựt	Bình Chánh	3,50	2016-2020
55	Nạo vét rạch nhà Cổng, xã Tân Nhựt	Bình Chánh	0,32	2016-2020
56	Nạo vét rạch rọc Ngựa, xã Tân Nhựt	Bình Chánh	0,52	2016-2020
57	Nạo vét rạch xóm Giồng, xã Tân Nhựt	Bình Chánh	0,32	2016-2020
58	Nạo vét kênh Ba Ngay, xã Tân Kiên	Bình Chánh	0,32	2016-2020
59	Nạo vét kênh trường Tiểu học, xã Tân Kiên	Bình Chánh	0,28	2016-2020
60	Nạo vét kênh T25, xã Tân Kiên	Bình Chánh	0,34	2016-2020
61	Nạo vét kênh T24, xã Tân Kiên	Bình Chánh	0,51	2016-2020
62	Nạo vét rạch lương Ngang, xã Tân Kiên	Bình Chánh	1,08	2016-2020
63	Nạo vét kênh 8 Cả, xã Tân Kiên	Bình Chánh	0,32	2016-2020
64	Nạo vét kênh 5 Nghiêu, xã Tân Kiên	Bình Chánh	0,48	2016-2020
65	Nạo vét Kênh T15A, xã Phạm Văn Hai	Bình Chánh	0,06	2016-2020
66	Nạo vét Kênh T15B, xã Phạm Văn Hai	Bình Chánh	0,14	2016-2020
67	Gia cố tiêu năng rạch xóm Rẫy, xã Qui Đức	Bình Chánh	0,24	2016-2020
68	Dự án xây dựng kênh Xáng Ngang	Bình Chánh	4,47	2016-2020
69	Xây dựng hệ thống tiêu thoát nước lộ 2, 3, 4, 5 ấp Tân Lập - Tân Thông Hội	Củ Chi	0,23	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
70	Xây dựng hệ thống tiêu thoát nước lộ 6, 7, 8 ấp Tân Lập - Tân Thông Hội	Củ Chi	0,22	2016-2020
71	Xây dựng hệ thống tiêu thoát nước lộ 9, 10, 11, 13, 14, 16, 17, 19 ấp Tân Thành - Tân Thông Hội	Củ Chi	0,46	2016-2020
72	Xây dựng hệ thống tiêu thoát nước lộ 9, 10, 11 ấp Tân Thành - Tân Thông Hội	Củ Chi	0,20	2016-2020
73	Xây dựng hệ thống tiêu thoát nước lộ Giữa, ấp Tân Thành và đường liên ấp Tân Lập - Tân Thành - Tân Thông Hội	Củ Chi	0,20	2016-2020
74	Xây dựng hệ thống tiêu thoát nước lộ 2, 3, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12 và lộ Giữa, ấp Tân Tiến - Tân Thông Hội	Củ Chi	0,47	2016-2020
75	Xây dựng mương thoát nước đường 71 - Tân Phú Trung	Củ Chi	0,11	2016-2020
76	Xây dựng mương thoát nước đường Hồ Văn Tảng - Tân Phú Trung	Củ Chi	0,11	2016-2020
77	Xây dựng mương thoát nước đường Nguyễn Thị Lăng - Tân Phú Trung	Củ Chi	0,41	2016-2020
78	Xây dựng mương thoát nước đường Vườn Thuốc - Tân Phú Trung	Củ Chi	0,13	2016-2020
79	Xây dựng hệ thống tiêu thoát nước khu dân cư Phước An - Mây Đẳng - Phước Thạnh	Củ Chi	0,42	2016-2020
80	Xây dựng hệ thống tiêu thoát nước 2 bên đường Trung Lập - Xa Nhỏ - Trung Lập Thượng	Củ Chi	0,15	2016-2020
81	Xây dựng mương thoát nước đường Tỉnh Lộ 2 - Tân Phú Trung	Củ Chi	0,28	2016-2020
82	Nạo vét tuyến Ông Lớn 2 - Phước Kiếng - Mương Chuối	Nhà Bè	0,16	2016-2020
83	Nạo vét tuyến Rạch Tôm (nhánh Phú Xuân và Phước Kiếng)	Nhà Bè	0,14	2016-2020
84	Nạo vét tuyến Rạch Dơi Sông Kinh	Nhà Bè	0,16	2016-2020
II.5	Dự án công kiểm soát triều:		90,06	
1	Cổng kiểm soát triều Bến Nghé	Q.1, Q.4	0,62	2016-2020
2	Cổng kiểm soát triều Nhiêu Lộc - Thị Nghè: Tổng DT 1,12ha, trong đó đã thực hiện 1,05ha, chuyển tiếp 0,07ha thực hiện trong GD 2016-2020	Q1, B.Thạnh	0,07	2016-2020
3	Xây dựng cổng hộp và vãn ngăn triều khu phố 1 phường Thảo Điền, quận 2	Quận 2	0,03	2016-2020
4	Cổng kiểm soát triều Tân Thuận.	Q4, Q7	4,99	2016-2020
5	Cổng kiểm soát triều Phú Xuân	Q.7, N.Bè	2,28	2016-2020
6	Cổng Phú Định	Quận 8	3,94	2016-2020
7	Cổng ngăn triều rạch Ông Đụng	Quận 12	0,54	2016-2020
8	Cổng kiểm soát triều Rạch Tra	Củ Chi, Hóc Môn	17,54	2016-2020
9	Dự án thành phần 2: Cổng điều tiết kết hợp âu thuyền tại cửa rạch Nước Lên (thuộc dự án Quản lý rủi ro)	Bình Tân	2,34	2016-2020
10	Cổng Mương Lệ	Bình Tân	0,82	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
11	Dự án thành phần 2A: Công điều tiết kết hợp âu thuyền tại cửa sông Vàm Thuật (<i>thuộc dự án Quản lý rủi ro</i>)	Quận 12	2,34	2016-2020
12	Lắp đặt công hộp kênh Liên xã	Bình Tân	1,61	2016-2020
13	Kiểm soát triều rạch Văn Thánh	Bình Thạnh	0,26	2016-2020
14	Kiểm soát nước triều Cầu Bông-Bình Triệu-Bình Lợi-Rạch Lãng	G. Vấp, B. Thạnh	2,75	2016-2020
15	Cổng Gốc Tre 2	Cần Giờ	0,90	2016-2020
16	Cổng kiểm soát triều sông Kinh	Nhà Bè	6,00	2016-2020
17	Cổng kiểm soát triều Cây Khô	B.Chánh, N.Bè	13,01	2016-2020
18	Cổng kiểm soát triều Mương Chuối	Nhà Bè	26,26	2016-2020
19	Cổng kiểm soát triều Phú Định	Nhà Bè	3,76	2016-2020
II.6	Dự án bờ kè, hệ thống thoát nước		299,67	
1	Bờ kè Rạch Ông Chua	Quận 2	1,11	2016-2020
2	Bờ kè Rạch Ông Hóa	Quận 2	0,23	2016-2020
3	Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông khu vực cầu Giồng Ông Tố	Quận 2	0,23	2016-2020
4	Bờ kè sông Sài Gòn - P. Thảo Điền	Quận 2	0,77	2016-2020
5	Bờ kè sông Sài Gòn từ rạch cầu Nhum đến khu đô thị Thủ Thiêm	Quận 2	12,30	2016-2020
6	Kè chống sạt lở sông Sài Gòn, bờ trái, hạ lưu cách cầu Sài Gòn 500m	Quận 2	0,25	2016-2020
7	Dự án xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Sài Gòn khu phố 4, phường Thảo Điền	Quận 2	0,12	2016-2020
8	Cải tạo môi trường nước giai đoạn 2 (cải tạo hệ thống thoát nước lưu vực Kênh Hàng Bàng)	Quận 6	3,92	2016-2020
9	Hệ thống thoát nước đường Đào Trí	Quận 7	3,55	2016-2020
10	Các đoạn đê kè xung yếu và các cống nhỏ dưới đê từ Vàm Thuật đến Mương Chuối	Quận 7	3,01	2016-2020
11	Các đoạn đê kè xung yếu và các cống nhỏ dưới đê từ Vàm Thuật đến Mương Chuối	Quận 7	1,33	2016-2020
12	Các đoạn đê kè xung yếu và các cống nhỏ dưới đê từ Vàm Thuật đến Mương Chuối	Quận 7	4,46	2016-2020
13	Các đoạn đê kè xung yếu và các cống nhỏ dưới đê từ Vàm Thuật đến Mương Chuối	Quận 7	0,89	2016-2020
14	Đầu tư các hạng mục công trình công cộng	Quận 7	0,35	2016-2020
15	Xây dựng bờ kè số 3 - P. Tân Quy	Quận 7	0,37	2016-2020
16	Nâng cấp 4 cửa xã 2015-2017 (tại 3 phường Tân Thuận Tây, Tân Kiểng 2 cửa, Tân Quy)	Quận 7	0,05	2016-2020
17	Bờ kè chống ngập Phường 16	Quận 8	2,82	2016-2020
18	Xây dựng bờ kè chống sạt lở đoạn đường Bến Bình Đông (khu vực trước chùa Long Hoa)	Quận 8	0,12	2016-2020
19	Hệ thống thoát nước đường Rạch Cát (thuộc gói thầu B - dự án cải thiện môi trường nước giai đoạn 2)	Quận 8	0,23	2016-2020
20	Hệ thống thoát nước đường Mai Hắc Đế (thuộc gói thầu B - dự án cải thiện môi trường nước giai đoạn 2)	Quận 8	0,37	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
21	Nâng cấp cải tạo đường và hệ thống thoát nước đường Trần Bình Trọng (từ Lý Thái Tổ - Hùng Vương)	Quận 10	0,43	2016-2020
22	Dự án thành phần 6: Hệ thống thu gom nước mưa, nước thải và trạm bơm lưu vực Tham Lương - Bến Cát (<i>thuộc dự án Tham Lương giai đoạn 2</i>)	Quận 12	2,32	2016-2020
23	Công trình Thủy lợi bờ hữu ven sông Sài Gòn	Q12, Gò Vấp, Hóc Môn	68,53	2016-2020
24	Tuyến thoát nước phục vụ khu tái định cư	Quận 12	0,64	2016-2020
25	Thoát nước đường Nguyễn Văn Quá	Quận 12	0,08	2016-2020
26	Xây dựng hệ thống thoát nước QL1A (từ Lê Thị Riêng đến Ngã tư Ga)	Quận 12	0,20	2016-2020
27	Xây dựng hệ thống thoát nước và mở rộng đường Trần Đại Nghĩa (từ Quốc lộ 1A đến cầu Cái Trung)	Bình Tân	0,04	2016-2020
28	Hệ thống thoát nước Rạch Cầu Cụt	Phú Nhuận	0,23	2016-2020
29	Dự án thành phần 1: Xây dựng kè bờ kênh và hạ tầng kỹ thuật 2 bờ kênh (<i>thuộc dự án Quản lý rủi ro</i>)	B.Chánh, B.Tân, B.Thạnh, G.Vấp, H.Môn, Q.12, Q.8, T.Bình, T.Phú	17,80	2016-2020
30	Dự án thành phần 3: Hệ thống thoát nước mưa và ngăn triều lưu vực từ cầu Tham Lương đến sông Chợ Đệm (<i>thuộc dự án Tham Lương giai đoạn 2</i>)	Q.8, B.Tân, B.Chánh	4,03	2016-2020
31	Cải tạo hệ thống thoát nước khu vực QL13 - Đinh Bộ Lĩnh - Nguyễn Xí - Ung Văn Khiêm - P.25, P.26	Bình Thạnh	0,27	2016-2020
32	Xây dựng hệ thống thoát nước và nâng cấp mở rộng đường Chu Văn An (từ ngã năm Bình Hòa đến cầu Chu Văn An)	Bình Thạnh	1,09	2016-2020
33	Kè chống sạt lở bán đảo Thanh Đa - Đoạn 4 (Từ khu vực biệt thự Lý Hoàng đến nhà thờ La San Mai Thôn)	Bình Thạnh	4,83	2016-2020
34	Bờ kè sông Sài Gòn	Bình Thạnh	70,86	2016-2020
35	Cải tạo hệ thống kênh thoát nước, chống ngập A41	Tân Bình	2,24	2016-2020
36	Xây dựng kè chống sạt lở bờ tả sông Sài Gòn khu vực ký túc xá trường Đại học Mỹ thuật	Thủ Đức	0,50	2016-2020
37	Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Sài Gòn, bờ trái khu vực đình Hiệp Phước, ngã 3 rạch Vĩnh Bình- sông Sài Gòn, khu phố 1, Phường Hiệp Bình Phước	Thủ Đức	0,50	2016-2020
38	Kè chống sạt lở ven sông Sài Gòn (đoạn KP8, phường Linh Đông)	Thủ Đức	0,15	2016-2020
39	Xây dựng kè chống sạt lở ven sông Sài Gòn (đoạn từ rạch cầu Đức Nhỏ đến tiếp giáp dự án của công ty cổ phần đầu tư địa ốc Vạn Phúc)	Thủ Đức	0,80	2016-2020
40	Dự án thành phần 4: Cải tạo kênh cấp 2: Hy Vọng, Cầu Cụt, Bà Miêng, Ông Tổng, Ông Bầu, Chín Xiềng (<i>thuộc dự án Quản lý rủi ro</i>)	T. Bình, G.Vấp	2,86	2016-2020
41	Hệ thống thoát nước đường Lê Lợi - Nguyễn Văn Bảo	Gò Vấp	1,00	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
42	Hệ thống thoát nước đường Phạm Huy Thông - Q. Gò Vấp	Gò Vấp	5,55	2016-2020
43	Xây dựng hệ thống thoát nước P.14-Q.3 và P.12-Q. Phú Nhuận (kênh Bao Ngạn cũ)	Phú Nhuận	0,07	2016-2020
44	Kè bảo vệ bờ sông khu vực ngã ba sông Bến Lức-kênh xáng Lý Văn Mạnh	Bình Chánh	0,26	2016-2020
45	Xây dựng kè chống sạt lở bờ tả thượng lưu cầu Xóm Củi	Bình Chánh	1,00	2016-2020
46	Sửa chữa cống T11, xã Tân Quý Tây	Bình Chánh	0,00	2016-2020
47	Sửa chữa cống T12, xã Tân Quý Tây	Bình Chánh	0,00	2016-2020
48	Sửa chữa cống T13, xã Tân Quý Tây	Bình Chánh	0,00	2016-2020
49	Sửa chữa 4 cống (Tur đặt, 3 Quảng, 7 Sự, 7 Hỷ và bổ sung hệ thống điều tiết), xã Đa Phước	Bình Chánh	0,00	2016-2020
50	Xây dựng công trình cống Ngã Cây (vị trí gần đường vào nghĩa trang Đa Phước)	Bình Chánh	0,00	2016-2020
51	Đặt cống thoát nước qua đường Đoàn Nguyễn Tuấn	Bình Chánh	0,00	2016-2020
52	Kè chống sạt lở bờ sông Lòng Tàu khu dân cư tổ 13, 14, 15 ấp An Lộc.	Cần Giờ	0,9	2016-2020
53	Mương thoát nước và nạo vét rạch Tổ 11, KP Miếu Nhi	Cần Giờ	0,02	2016-2020
54	Lắp đặt công thoát nước Tổ 7, KP Giồng Ao.	Cần Giờ	0,01	2016-2020
55	Xây dựng kè chống sạt lở bờ tả tuyến Tắc Sông Chà (từ đầu rạch Tân đến ngã ba sông Tắc Sông Chà - sông Nhà Bè)	Cần Giờ	0,882	2016-2020
56	Xây dựng kè chống sạt lở bờ hữu tuyến Tắc Sông Chà	Cần Giờ	0,769	2016-2020
57	Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông khu vực ngã ba sông Nhà Bè – sông Lòng Tàu	Cần Giờ	0,3	2016-2020
58	Kè bảo vệ khu dân cư tổ 40 ấp Trần Hưng Đạo	Cần Giờ	0,98	2016-2020
59	Kè chống sạt lở bờ sông khu dân cư ấp An Hòa (giai đoạn 2) ven kênh Bà Tổng	Cần Giờ	0,53	2016-2020
60	Kè chống sạt lở bờ sông khu dân cư nhánh Sông Chà, ấp Bình Mỹ (xóm ghe đáy)	Cần Giờ	1,2	2016-2020
61	Kè chống sạt lở bờ sông khu dân cư tổ 39, ấp Trần Hưng Đạo	Cần Giờ	0,81	2016-2020
62	Kênh thoát nước Tân Thới Nhi	Hóc Môn	16,00	2016-2020
63	Hệ thống thoát nước Kênh T2 (Cống hộp)	Hóc Môn	2,70	2016-2020
64	Kè chống xói lở bờ sông khu vực xã Nhơn Đức	Nhà Bè	0,48	2016-2020
65	Xây dựng bờ kè chống sạt lở cầu Long Kiểng	Nhà Bè	0,16	2016-2020
66	Bờ kè chống sạt lở bờ kênh khu vực ngã 3 Rạch Dơi - sông Cần Giuộc	Nhà Bè	1,05	2016-2020
67	Bờ kè chống sạt lở bờ kênh khu vực ngã 3 Rạch Dơi	Nhà Bè	1,05	2016-2020
68	Bờ kè chống sạt lở cầu Phước Long	Nhà Bè	0,25	2016-2020
69	Dự án xây dựng kè chống sạt lở bờ trái phía hạ lưu cầu Phước Lộc	Nhà Bè	0,12	2016-2020
70	Dự án xây dựng kè chống sạt lở Rạch Ông Lớn 2 bờ hữu cầu Phước Lộc về phía hạ lưu 200m	Nhà Bè	0,23	2016-2020
71	Dự án xây dựng kè chống sạt lở bờ hữu kênh Cây Khô (đoạn từ đầu thượng lưu đến hạ lưu 350m)	Nhà Bè	0,37	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
72	Dự án xây dựng kè chống sạt lở bờ hữu rạch Tắc Bến Rô -kênh Cây Khô	Nhà Bè	0,17	2016-2020
73	Dự án xây dựng kè chống sạt lở bờ hữu sông Mương Chuối (đoạn từ cầu Phước Kiển -Rạch Bà Chiêm)	Nhà Bè	0,91	2016-2020
74	Dự án xây dựng kè chống sạt lở bờ Rạch Tôm Nhánh Phú Xuân từ đầu vàm Phú Xuân đến hạ lưu 1000m	Nhà Bè	0,29	2016-2020
75	Kè bảo vệ, chống sạt lở bờ sông khu vực xã Phước Kiển	Nhà Bè	1,04	2016-2020
76	Kè chống sạt lở bờ hữu rạch Dơi -Sông Kinh	Nhà Bè	0,40	2016-2020
77	Kè chống sạt lở bờ sông khu vực cầu Phước Lộc	Nhà Bè	0,43	2016-2020
78	Xây dựng kè chống sạt lở bờ hữu rạch Giồng - Sông Kinh Lộ	Nhà Bè	2,00	2016-2020
79	Xây dựng bờ kè chống sạt lở bờ tả thượng lưu rạch Ông Lớn 2	Nhà Bè	1,23	2016-2020
80	Xây dựng kè chống sạt lở bờ tả Rạch Giồng - sông Kinh Lộ	Nhà Bè	2,00	2016-2020
81	Xây dựng kè chống sạt lở bờ tả Rạch Tôm - sông Phước Kiển	Nhà Bè	2,00	2016-2020
82	Xây dựng kè bảo vệ chống sạt lở bờ sông khu vực khu dân cư xã Phước Kiển	Nhà Bè	1,04	2016-2020
83	Nạo vét chỉnh trị tuyến rạch Bà Chiêm – Bà Chùa – Lấp Dầu	Nhà Bè	3,43	2016-2020
84	Hệ thống thoát nước rạch Vĩnh Bình	Thủ Đức	3,73	2016-2020
85	Hệ thống thoát nước dọc kè Suối Nhum	Thủ Đức	4,33	2016-2020
86	Xây dựng bờ kè bằng công nghệ mới kết hợp phục vụ du lịch	Cần Giờ	5,86	2016-2020
87	Xây dựng kiên cố tuyến kè bảo vệ khu dân cư ấp Bình Mỹ	Cần Giờ	2,19	2016-2020
88	Xây dựng kè kiên cố bảo vệ khu dân cư ấp Bình Trường	Cần Giờ	2,10	2016-2020
89	Xây dựng kè kiên cố bảo vệ KDC ấp Bình Trường -Bình Thuận - Bình Phước xã Bình Khánh	Cần Giờ	2,31	2016-2020
90	Dự án Xây dựng kè bảo vệ khu dân cư Tắc Sông Chà thuộc ấp Bình Mỹ, xã Bình Khánh	Cần Giờ	1,83	2016-2020
91	Xây dựng kiên cố tuyến kè bảo vệ khu dân cư ấp Bình Trung	Cần Giờ	0,90	2016-2020
92	Kè chống sạt lở khu dân cư ấp An Lộc (đoạn 2) xã Tam Thôn Hiệp	Cần Giờ	1,95	2016-2020
93	Kè chống sạt lở khu dân cư ấp An Hòa (đoạn 2) xã Tam Thôn Hiệp	Cần Giờ	1,95	2016-2020
94	Kè chống sạt lở ven sông Soài Rạp	Cần Giờ	6,00	2016-2020
III	Các công trình khác:		21,34	
1	Nhà ven ao số 3 - P. Tân Quy	Quận 7	0,11	2016-2020
2	Trạm quan trắc nước ngầm	Bình Chánh	0,02	2016-2020
3	Bến bãi lấy nước phục vụ công tác PCCC xã Qui Đức	Bình Chánh	0,01	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
4	Bến bãi lấy nước phục vụ công tác PCCC xã Đa Phước	Bình Chánh	0,01	2016-2020
5	Bến bãi lấy nước phục vụ công tác PCCC xã An Phú Tây	Bình Chánh	0,01	2016-2020
6	Bến bãi lấy nước phục vụ công tác PCCC xã Tân Quý Tây	Bình Chánh	0,01	2016-2020
7	Bến bãi lấy nước phục vụ công tác PCCC xã Phạm Văn Hai	Bình Chánh	0,02	2016-2020
8	Bến bãi lấy nước phục vụ công tác PCCC xã Lê Minh Xuân	Bình Chánh	0,01	2016-2020
9	Tuyến ống cấp nước D900	Củ Chi	0,57	2016-2020
10	Trạm cấp nước (An Phú)	Củ Chi	0,13	2016-2020
11	Nhà máy cấp nước (Trung Lập Hạ)	Củ Chi	17,00	2016-2020
12	Trạm cấp nước (T.T.Đông)	Củ Chi	0,10	2016-2020
13	Trạm cấp nước (Bình Mỹ)	Củ Chi	0,05	2016-2020
14	Tuyến ống dẫn nước sạch Cần Giờ - Nhà Bè	Nhà Bè	3,28	2016-2020

BẢNG 13: DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẤT NĂNG LƯỢNG

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
	Tổng cộng		155,81	
A	Công trình cấp Quốc gia/ cấp Tỉnh		137,38	
I	Đường dây 500kv		66,64	
1	Gia cố, di dời - tái lập các trụ điện cao thế 500kV, 220kV, 110kV nằm trong ranh giải tỏa của dự án Tiêu thoát nước và cải thiện ô nhiễm kênh Tham Lương - Bến Cát - rạch Nước lên (giai đoạn 1)	Bình Tân	0,03	2016-2020
2	Đường dây 500kV Phú Lâm-Ô Môn	Bình Chánh	24,54	2016-2020
3	Đường dây 500kV Pleiku - Mỹ Phước - Cầu Bông	Củ Chi	1,97	2016-2020
4	Đường dây 500kV Rẽ Cầu Bông	Củ Chi	12,00	2016-2020
5	Đường dây 500Kv qua Long Thới	Nhà Bè	18,85	2016-2020
6	Di dời lưới điện qua khu Nhà Bè Metrocity (X.Nhơn Đức, X.Phước Kiển)	Nhà Bè	9,25	2016-2020
II	Trạm biến áp và đường dây 220kv		70,74	
II.1	Đường dây 220kv		56,82	
1	Đường dây 220KV Cát Lái - Công nghệ cao	Quận 9	0,36	2016-2020
2	Nhánh rẽ vào trạm 220kV Quận 9	Quận 9	5,94	2016-2020
3	Đường dây Phú Lâm - Đàm Sen	Quận 11, Bình Tân	2,64	2016-2020
4	Nâng cấp đường dây 220kV Cầu Bông - Hóc Môn (Nhánh rẽ Bình Tân)	Quận 12	0,20	2016-2020
5	Dự án nâng cấp đường dây 220kV Phú Lâm - Hóc Môn	Quận 12	0,63	2016-2020
6	Nâng cấp đường dây 220-110kV Hóc Môn-Hiệp Bình Phước	Quận 12	0,16	2016-2020
7	Đường điện cao thế 200kV Bình Hòa-Hóc Môn (P. Thạnh Lộc)	Quận 12	0,01	2016-2020
8	Cải tạo đường dây 220kV Phú Lâm - Hóc Môn (1 mạch thành 2 mạch)	Bình Tân	0,63	2016-2020
9	Đường dây 220kV: Cái Lân - Tân Cảng	Bình Thạnh	5,61	2016-2020
10	Đường dây 220/110kV: Nhánh rẽ Bình Hòa	Bình Thạnh	0,09	2016-2020
11	Đường dây trung thế	Bình Thạnh	18,26	2016-2020
12	Đường dây Hiệp Bình Phước - Tân Sơn Nhất	Tân Bình, Thủ Đức	3,25	2016-2020
13	Cải tạo nâng cấp đường dây 220kv Phú Lâm- Cai Lậy 2 đoạn đi qua huyện Bình Chánh	Bình Chánh	0,03	2016-2020
14	Đường dây 220kV Nam Sài Gòn-Quận 8	Bình Chánh	1,38	2016-2020
15	Xây dựng các móng trụ điện Đường dây 220 kV Cầu Bông	Bình Chánh	0,46	2016-2020
16	Nhánh rẽ vào trạm 220kV Bình Chánh	Bình Chánh	1,10	2016-2020
17	NĐ Hiệp Phước 2 - Nam Sài Gòn	Bình Chánh, Nhà Bè	4,29	2016-2020
18	Mạng lưới điện 220KV xuyên rừng cấp điện cho ấp đảo Thiêng Liêng	Cần Giờ	0,03	2016-2020
19	Xây dựng tuyến cáp ngầm 22kV vượt biển cấp điện cho xã Thạnh An, huyện Cần Giờ	Cần Giờ	0,01	2016-2020
20	Xây dựng các móng trụ điện Đường dây 220 kV Cầu Bông	Củ Chi	0,40	2016-2020
21	Đường dây 220 KV Cầu Bông-Đức Hòa	Củ Chi	1,10	2016-2020
22	Đường dây 220 KV Cầu Bông-Hóc Môn-rẽ Bình Tân	Củ Chi	1,72	2016-2020
23	Nhánh rẽ vào trạm 220kV Tây Bắc Củ Chi	Củ Chi	3,96	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
24	Nhánh rẽ vào trạm 220kV Phú Hòa Đông	Củ Chi	1,1	2016-2020
25	Đường dây 220KV Cầu Bông-Hóc Môn-rẽ Bình Tân.	Hóc Môn	0,45	2016-2020
26	Cải tạo đường dây 220KV Hóc Môn – Phú Lâm	Hóc Môn	0,08	2016-2020
27	Đường dây 220-110kV Cầu Bông - Bình Tân	Hóc Môn	0,72	2016-2020
28	Nhánh rẽ vào trạm 220kV Nam Hiệp Phước	Nhà Bè	2,20	2016-2020
II.2	Trạm biến áp tuyến 220kV		13,93	
1	Trạm biến áp 220kV Quận 8 (phường 5)	Quận 8	0,66	2016-2020
2	Trạm biến áp 220kV Quận 9	Quận 9	0,50	2016-2020
3	Trạm Biến áp 220KV Khu công nghệ cao	Quận 9	0,72	2016-2020
4	Trạm biến áp 220kV Đầm Sen	Quận 11	0,50	2016-2020
5	Trạm biến áp 220kV Tân Cảng	Bình Thạnh	0,30	2016-2020
6	Trạm biến áp 220kV Tân Sơn Nhất	Tân Bình	0,50	2016-2020
7	Trạm biến áp 220kV Nhà máy nước	Thủ Đức	0,50	2016-2020
8	Trạm biến áp 220kV Bình Chánh	Bình Chánh	0,50	2016-2020
9	Trạm biến áp 220kV Bình Chánh (Nam Sài Gòn)	Bình Chánh	0,04	2016-2020
10	Trạm biến áp 220kV Vĩnh Lộc	Bình Chánh	0,50	2016-2020
11	Trạm biến áp 220 KV Củ Chi và đường dây đầu nối 220Kv-110Kv	Củ Chi	8,71	2016-2020
12	Trạm biến áp 220kV Nam Hiệp Phước	Nhà Bè	0,50	2016-2020
B	Công trình cáp dưới		18,43	
I	Trạm biến áp và đường dây 110kv (ở các quận, huyện)		16,46	
I.1	Đường dây 110kv (ở các quận, huyện)		4,72	
1	Đường dây 110KV Nam Sài Gòn - Nam Sài Gòn 3	Quận 7	0,40	2016-2020
2	Cải tạo đường dây 110KV Nhà bè - Việt Thành 2 - Việt Thành 1	Quận 7	0,05	2016-2020
3	Dự án cáp ngầm 110kV đầu nối trạm Tham Lương	Quận 12	0,67	2016-2020
4	Cải tạo đường dây 110kV Phú Lâm - Bà Quẹo	Bình Tân	0,07	2016-2020
5	Đường dây 110kV Tân Cảng - Ba Son	Bình Thạnh	1,63	2016-2020
6	Dự án xây dựng 02 tuyến cáp ngầm 110kV phục vụ tuyến đường sắt đô thị số 1 Bến Thành - Suối Tiên	Thủ Đức	0,03	2016-2020
7	Đường dây 110kV Nam Sài Gòn - Nam Sài Gòn, đoạn 2.	Bình Chánh	0,24	2016-2020
8	Di dời trụ điện đường dây 110KV Phú Lâm - Bến Lức	Bình Chánh	0,05	2016-2020
9	Cải tạo đường dây 110kv Nhà Bè - An Nghĩa	Cần Giờ	0,69	2016-2020
10	Cải tạo đường dây 110KV Nhà Bè - An Nghĩa lên 2 mạch	Cần Giờ	0,33	2016-2020
11	Trồng trụ điện và kéo dây 110 KV	Củ Chi	0,03	2016-2020
12	Đường dây đầu nối 110 KV Bàu Đưng	Củ Chi	0,21	2016-2020
13	Xây dựng các móng trụ điện Đường dây 110KV Trảng Bàng - Củ Chi	Củ Chi	0,10	2016-2020
14	Cáp ngầm 110Kv đầu nối trạm Tham Lương.	Hóc Môn	0,11	2016-2020
15	Đường dây 110KV Bình Chánh - Nam Sài Gòn giai đoạn 2	Nhà Bè	0,10	2016-2020
I.2	Trạm biến áp tuyến 110kv (ở các quận, huyện)		11,74	
1	Trạm biến áp 110kV Công viên 23/9	Quận 1	0,12	2016-2020
2	Trạm biến áp 110kV Thủ Thiêm 1	Quận 2	1,16	2016-2020
3	Trạm biến áp 110kV Thủ Thiêm 2	Quận 2	0,16	2016-2020
4	Trạm biến áp 110kV Trạm Metro 1	Quận 2	0,16	2016-2020
5	Trạm biến áp 110kV Cảng Sài Gòn	Quận 4	0,16	2016-2020
6	Trạm biến áp 110kV Trạm A1	Quận 7	0,16	2016-2020
7	Trạm biến áp 110Kv (ĐH cảnh sát -P Tân phong)	Quận 7	0,04	2016-2020
8	Trạm biến áp 110kV Cát Lái 2	Quận 9	0,16	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
9	Trạm biến áp 110kV Công nghệ cao	Quận 9	0,16	2016-2020
10	Trạm biến áp 110kV Phước Long	Quận 9	0,16	2016-2020
11	Trạm biến áp 110kV Tăng Nhơn Phú	Quận 9	0,30	2016-2020
12	Trạm biến áp 110kV Trạm Metro 2	Quận 9	0,16	2016-2020
13	Trạm biến áp 110kV Gò Vấp 2	Quận 12	0,43	2016-2020
14	Trạm biến áp 110kV Tham Lương	Quận 12	0,22	2016-2020
15	Trạm biến áp 110kV Bình Trị Đông	Bình Tân	0,70	2016-2020
16	Trạm biến áp 110kV Metro CV Phú Lâm	Bình Tân	0,10	2016-2020
17	Trạm biến áp 110kV Ba Son	Bình Thạnh	0,50	2016-2020
18	Trạm biến áp 110kV Bình Chánh	Bình Chánh	1,46	2016-2020
19	Trạm biến áp 110kV KĐT Tân Tạo	Bình Chánh	0,16	2016-2020
20	Trạm biến áp 110kV Khu C	Bình Chánh	0,16	2016-2020
21	Trạm biến áp 110kV Phong Phú	Bình Chánh	0,44	2016-2020
22	Trạm biến áp 110kV Tân Kiên	Bình Chánh	0,16	2016-2020
23	Trạm biến áp 110kV Trạm Metro 3	Bình Chánh	0,16	2016-2020
24	Trạm biến áp 110kV Cải tạo Phú Hòa Đông	Củ Chi	0,23	2016-2020
25	Trạm biến áp 110kV Cầu Bông nổi cấp	Củ Chi	0,30	2016-2020
26	Trạm biến áp 110kV An Nhơn Tây	Củ Chi	0,61	2016-2020
27	Trạm biến áp 110kV Phước Hiệp	Củ Chi	0,16	2016-2020
28	Trạm biến áp 110kV Phước Thạnh	Củ Chi	0,16	2016-2020
29	Trạm biến áp 110kV Phước Vĩnh An	Củ Chi	0,16	2016-2020
30	Trạm biến áp 110kV Quy Đức	Củ Chi	0,16	2016-2020
31	Trạm biến áp 110kV Tân Phú Trung	Củ Chi	0,44	2016-2020
32	Trạm biến áp 110kV Hóc Môn 2	Hóc Môn	0,40	2016-2020
33	Trạm biến áp 110kV Hóc Môn 3	Hóc Môn	0,16	2016-2020
34	Trạm biến áp 110kV KCN Xuân Thới Thượng	Hóc Môn	0,16	2016-2020
35	Trạm biến áp 110kV Hiệp Phước 2	Nhà Bè	0,16	2016-2020
36	Trạm biến áp 110kV Hiệp Phước 3	Nhà Bè	0,16	2016-2020
37	Trạm biến áp 110kV Hiệp Phước	Nhà Bè	0,16	2016-2020
38	Trạm biến áp 110kV KĐT GS	Nhà Bè	0,16	2016-2020
39	Trạm biến áp 110kV KĐT Hiệp Phước	Nhà Bè	0,44	2016-2020
40	Trạm biến áp 110kV Trạm Metro 7	Nhà Bè	0,16	2016-2020
41	Trạm biến áp 110kV TT Thủy Sản	Nhà Bè	0,16	2016-2020
II	Trạm hạ thế (ở các quận, huyện)		1,73	
1	Trạm hạ thế Quận 1	Quận 1	0,04	2016-2020
2	Trạm hạ thế Quận 2	Quận 2	0,32	2016-2020
3	Trạm hạ thế Quận 4	Quận 4	0,00	2016-2020
4	Trạm hạ thế Quận 7	Quận 7	0,01	2016-2020
5	Trạm hạ thế Quận 9	Quận 9	0,09	2016-2020
6	Trạm hạ thế Quận 10	Quận 10	0,01	2016-2020
7	Trạm hạ thế Quận 11	Quận 11	0,02	2016-2020
8	Trạm hạ thế Quận 12	Quận 12	0,11	2016-2020
9	Trạm hạ thế Quận Bình Tân	Bình Tân	0,04	2016-2020
10	Trạm hạ thế Quận Bình Thạnh	Bình Thạnh	0,10	2016-2020
11	Trạm hạ thế Quận Gò Vấp	Gò Vấp	0,07	2016-2020
12	Trạm hạ thế Quận Phú Nhuận	Phú Nhuận	0,05	2016-2020
13	Trạm hạ thế Quận Tân Bình	Tân Bình	0,10	2016-2020
14	Trạm hạ thế Quận Tân Phú	Tân Phú	0,18	2016-2020
15	Trạm hạ thế Huyện Bình Chánh	Bình Chánh	0,36	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
16	Trạm hạ thế Huyện Cần Giờ	Cần Giờ	0,02	2016-2020
17	Trạm hạ thế Huyện Hóc Môn	Hóc Môn	0,07	2016-2020
18	Trạm hạ thế Huyện Nhà Bè	Nhà Bè	0,15	2016-2020
III	Trạm ngắt (ở các quận, huyện)		0,24	
1	Trạm ngắt Quận 1	Quận 1	0,04	2016-2020
2	Trạm ngắt Quận 2	Quận 2	0,01	2016-2020
3	Trạm ngắt Quận 10	Quận 10	0,03	2016-2020
4	Trạm ngắt Quận 11	Quận 11	0,04	2016-2020
5	Xây dựng trạm ngắt điện 3 vị trí móng trụ cao thế T23, T26, T27	Bình Thạnh	0,02	2016-2020
6	Trạm ngắt	Bình Thạnh	0,01	2016-2020
7	Trạm ngắt Quận Gò Vấp	Gò Vấp	0,02	2016-2020
8	Trạm ngắt điện Trường Chinh	Tân Phú	0,01	2016-2020
9	Trạm ngắt điện Lê Trọng Tấn	Tân Phú	0,01	2016-2020
10	Trạm ngắt điện Lũy Bán Bích	Tân Phú	0,01	2016-2020
11	Trạm ngắt Quận Thủ Đức	Thủ Đức	0,02	2016-2020
12	Trạm ngắt Huyện Cần Giờ	Cần Giờ	0,00	2016-2020
13	Trạm ngắt huyện Nhà Bè	Nhà Bè	0,02	2016-2020

BẢNG 14: DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẤT BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Số a	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
	Tổng cộng		2,25	
I	Công trình cấp Quốc gia/ cấp Tỉnh		0,50	
1	Nhà bưu điện trung tâm Sài Gòn - Bưu điện TP	Quận 7	0,50	2016-2020
II	Công trình cấp dưới		1,76	
1	Bưu cục - P. Bình Trưng Đông	Quận 2	0,39	2016-2020
2	Trạm thông tin liên lạc (lô H17)	Quận 7	0,04	2016-2020
3	Bưu cục viễn thông (Linh Trung)	Thủ Đức	0,23	2016-2020
4	Trụ sở chi nhánh điện thoại Cần Giờ	Cần Giờ	0,10	2016-2020
5	Xây dựng mới trạm điện thoại An Nghĩa	Cần Giờ	0,10	2016-2020
6	Bưu điện văn hóa xã Lý Nhơn	Cần Giờ	0,90	2016-2020

BẢNG 15: DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẤT VĂN HÓA

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
	TỔNG CỘNG		340,33	
A	Công trình cấp Quốc gia/ cấp Tỉnh		166,20	
I	Bia tưởng niệm , di tích		12,51	
1	Nhà bia tưởng niệm phùng Phú Hữu	Quận 9	0,32	2016-2020
2	Bia tưởng niệm Hóc Hưu	Bình Chánh	0,10	2016-2020
3	Khu tưởng niệm liệt sỹ Tết Mậu Thân	Bình Chánh	12,00	2016-2020
4	Đài Tưởng niệm kết hợp Bia ghi danh Cầu Xáng	Hóc Môn	0,09	2016-2020
II	Công trình văn hóa		153,69	
1	Đất văn hóa (dự án khu Ba Son)	Quận 1	0,05	2016-2020
2	Nhà hát nghệ thuật Tổng hợp Thủ Thiêm	Quận 2	1,00	2016-2020
3	Bảo tàng tổng hợp Thủ Thiêm	Quận 2	1,80	2016-2020
4	Nhà hát ca múa nhạc Việt Nam	Bình Chánh	1,05	2016-2020
5	Công viên nước	Củ Chi	21,78	2016-2020
6	Công viên giải trí Quốc tế	Củ Chi	128,00	2016-2020
B	Công trình cấp dưới		174,14	
I	Quận huyện:		51,03	
1	Nhà thiếu nhi Quận 3	Quận 3	0,27	2016-2020
2	Nhà văn hóa Phường 7	Quận 3	0,02	2016-2020
3	Trung tâm văn hóa Quận 5	Quận 5	2,20	2016-2020
4	Thương mại giải trí VHTT (rạp Hương Dương)	Quận 5	0,10	2016-2020
5	Trung tâm sinh hoạt giải trí đa năng	Quận 5	0,10	2016-2020
6	Nhà Thiếu nhi quận 7	Quận 7	0,58	2016-2020
7	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Văn hoá quận 7	Quận 7	0,84	2016-2020
8	Công viên văn hóa du lịch Đồng Điều Bắc (CVVH Bắc TQB (DNTN Minh Hằng)	Quận 8	13,48	2016-2020
9	Công viên văn hóa - du lịch - thể thao, trung tâm thương mại, văn phòng làm việc Đồng Điều Nam (Công ty TNHH TM - DV - XD Kinh doanh nhà Vạn Thái)	Quận 8	9,00	2016-2020
10	Trung tâm Văn hóa Quận	Quận 9	0,36	2016-2020
11	Nhà Văn hóa Liên đoàn Lao động	Quận 9	0,17	2016-2020
12	Trung tâm Văn hóa Hòa Bình (Lô B5, khu C30)	Quận 10	1,00	2016-2020
13	Rạp xiếc và biểu diễn đa năng Phú Thọ	Quận 11	1,00	2016-2020
14	Nhà thiếu nhi Quận 11 (số 1/2 Lãn Bình Thăng, phường 08 quận 11)	Quận 11	0,10	2016-2020
15	Công viên VH-TT quận 12	Quận 12	13,57	2016-2020
16	Nhà truyền thống (mở rộng ra cây xăng)	Quận 12	2,30	2016-2020
17	Trung tâm văn hóa quận	Bình Tân	2,00	2016-2020
18	Mở rộng nhà văn hóa, truyền thống Quận	Thủ Đức	0,16	2016-2020
19	Khu văn hóa, TDTT thanh niên, công nhân	Thủ Đức	1,50	2016-2020
20	Lập dự án xây dựng nhà thiếu nhi	Hóc Môn	1,99	2016-2020
21	Nhà Văn hóa lao động huyện	Hóc Môn	0,30	2016-2020
II	Phường, xã:		123,11	
1	Quy hoạch nhà văn hóa phường Bình An	Quận 2	0,07	2016-2020
2	Nhà văn hóa (Quyết định số 6707/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt đồ án điều chỉnh Quận 2 đến năm 2020.)	Quận 2	0,24	2016-2020
3	Nhà văn hóa phường (Khu 33 ha, Trong khu 177,44 ha)	Quận 2	0,07	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
4	Nhà văn hóa trong đô thị chính trang kế cận khu đô thị mới Thủ Thiêm 335,59 ha.	Quận 2	0,42	2016-2020
5	Xây dựng Trung tâm văn hóa quận 2 (giai đoạn 1)	Quận 2	2,10	2016-2020
6	Nhà văn hóa lao động Quận 2 (Giao bổ sung)	Quận 2	0,03	2016-2020
7	Nhà văn hóa phường 1	Quận 3	0,03	2016-2020
8	Nhà văn hóa phường 3	Quận 3	0,01	2016-2020
9	Mở rộng TT. TMDV Văn hóa Nam Quang (giai đoạn 1)	Quận 3	0,02	2016-2020
10	Di dời Nghĩa trang Hồi giáo	Quận 3	0,25	2016-2020
11	Khu vui chơi sinh hoạt văn hóa Phường 14	Quận 6	0,02	2016-2020
12	Nhà văn hóa Phường Tân Quy	Quận 7	0,02	2016-2020
13	Nhà văn hóa Phường Tân Thuận Đông	Quận 7	0,01	2016-2020
14	Sân vui chơi giải trí cho thiếu nhi - Bình Thuận	Quận 7	0,01	2016-2020
15	Nhà Văn hoá phường Bình Thuận	Quận 7	0,01	2016-2020
16	Nhà Văn hoá phường Tân Hưng	Quận 7	0,10	2016-2020
17	Nhà văn hóa Phường 9 (Bán đấu giá)	Quận 8	0,02	2016-2020
18	Quy hoạch điểm sinh hoạt văn hóa khu phố cho các Phường (1-> 16)	Quận 8	0,36	2016-2020
19	Nhà văn hóa Phường 1	Quận 8	0,08	2016-2020
20	Dự án ĐTXD Khu Công viên Văn hóa - Du lịch - Thể thao phía Nam đường Tạ Quang Bửu P.4, Q.8	Quận 8	11,73	2016-2020
21	Điểm SHVH P.12	Quận 10	0,03	2016-2020
22	Điểm SHVH P.6	Quận 10	0,04	2016-2020
23	Điểm SHVH P.7	Quận 10	0,05	2016-2020
24	Mở rộng điểm sinh hoạt văn hóa P.15	Quận 10	0,02	2016-2020
25	Nhà văn hóa Phường 05	Quận 11	0,07	2016-2020
26	TTVH liên phường Bình Hưng Hòa A	Bình Tân	0,32	2016-2020
27	TTVH liên phường Bình Trị Đông	Bình Tân	0,31	2016-2020
28	TTVH liên phường Tân Tạo A	Bình Tân	0,36	2016-2020
29	TTVH phường Bình Hưng Hòa B	Bình Tân	5,00	2016-2020
30	TTVH phường Bình Trị Đông A	Bình Tân	1,17	2016-2020
31	TTVH phường An Lạc	Bình Tân	0,57	2016-2020
32	TTVH phường An Lạc A	Bình Tân	0,18	2016-2020
33	TTVH phường Bình Trị Đông B	Bình Tân	4,00	2016-2020
34	TTVH phường Bình Hưng Hòa	Bình Tân	4,00	2016-2020
35	TTVH phường Tân Tạo	Bình Tân	1,50	2016-2020
36	Nhà văn hóa liên phường 3,4	Gò Vấp	0,03	2016-2020
37	Nhà văn hóa Phường 13	Gò Vấp	0,02	2016-2020
38	Trung tâm Văn hóa quận Phú Nhuận	Phú Nhuận	0,35	2016-2020
39	Trụ sở Văn hóa Khu phố 3- Phường 12	Phú Nhuận	0,01	2016-2020
40	Đất văn hóa (Giải tỏa Khu nhà ở cuối đường Nguyễn Kiệm, thuộc Công viên Gia Định)	Phú Nhuận	0,15	2016-2020
41	Điểm sinh hoạt văn hóa (P.8)	Tân Bình	0,02	2016-2020
42	Nhà văn hóa P10	Tân Bình	0,08	2016-2020
43	Nhà văn hóa (CLB hưu trí) P13	Tân Bình	0,10	2016-2020
44	Nhà văn hóa P6	Tân Bình	0,13	2016-2020
45	Nhà văn hóa phường 12	Tân Bình	0,12	2016-2020
46	Nhà văn hóa phường 15	Tân Bình	0,12	2016-2020
47	Tiểu đảo cây xanh tại kênh Tân Trụ	Tân Bình	0,04	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
48	Xây nhà văn hoá phường Linh Trung	Thủ Đức	0,38	2016-2020
49	Nhà văn hóa xã Bình Hưng (2 điểm, 0,5ha/điểm)	Bình Chánh	1,00	2016-2020
50	Nhà văn hóa xã Bình Lợi	Bình Chánh	0,50	2016-2020
51	Nhà văn hóa xã Đa Phước (ấp 4)	Bình Chánh	0,20	2016-2020
52	Nhà văn hóa xã Hưng Long	Bình Chánh	0,15	2016-2020
53	Nhà văn hóa xã Qui Đức	Bình Chánh	1,50	2016-2020
54	Nhà văn hóa xã Vĩnh Lộc A (khu hành chính mới)	Bình Chánh	2,00	2016-2020
55	Trung tâm văn hóa thị trấn Tân Túc (khu phố 3)	Bình Chánh	2,00	2016-2020
56	Trung tâm văn hóa xã An Phú Tây	Bình Chánh	0,30	2016-2020
57	Trung tâm văn hóa xã Tân Quý Tây	Bình Chánh	0,30	2016-2020
58	Trung tâm văn hóa xã Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	1,50	2016-2020
59	Trung tâm VHTT xã Phạm Văn Hai (ấp 3)	Bình Chánh	0,70	2016-2020
60	Lập dự án Nâng cấp trung tâm văn hóa TDTT huyện Bình Chánh	Bình Chánh	1,20	2016-2020
61	Dự án khu giải trí đa năng Parkcity	Bình Chánh	46,87	2016-2020
62	Nhà bia ghi danh liệt sĩ	Bình Chánh	0,11	2016-2020
63	Trung tâm Văn hóa xã Bình Khánh	Cần Giờ	0,39	2016-2020
64	Quy hoạch mới khu văn hóa - TDTT ấp LHH	Cần Giờ	1,32	2016-2020
65	Quy hoạch mới khu vui chơi thiếu nhi	Cần Giờ	3,00	2016-2020
66	Đất văn hóa	Củ Chi	0,60	2016-2020
67	Đất văn hóa	Củ Chi	1,09	2016-2020
68	Đất văn hóa	Củ Chi	0,58	2016-2020
69	Đất văn hóa KDC Bàu Đưng	Củ Chi	0,90	2016-2020
70	Nhà văn hóa thuộc khu DC Bàu Đưng ⁽⁵⁾	Củ Chi	0,56	2016-2020
71	Xây dựng khu vui chơi giải trí khuôn viên ao Bàu Đá	Củ Chi	0,98	2016-2020
72	Khu VHTT xã Phạm Văn Cội	Củ Chi	0,50	2016-2020
73	Xây dựng khu tưởng niệm Sông Lũu	Củ Chi	0,51	2016-2020
74	XD công trình Hoa viên trước trường THPT Củ Chi	Củ Chi	0,03	2016-2020
75	Điểm sinh hoạt khu phố KP4	Hóc Môn	0,04	2016-2020
76	Khu văn hóa - Giáo dục - Thể thao xã Bà Điểm	Hóc Môn	2,00	2016-2020
77	Nhà văn hóa xã Tân Xuân	Hóc Môn	0,59	2016-2020
78	Nhà văn hóa xã Thới Tam Thôn	Hóc Môn	0,50	2016-2020
79	Nhà văn hóa xã Xuân Thới Đông	Hóc Môn	1,40	2016-2020
80	Nhà văn hóa xã Xuân Thới Sơn	Hóc Môn	0,50	2016-2020
81	Trung tâm Giáo dục cộng đồng xã Tân Xuân	Hóc Môn	0,55	2016-2020
82	Trung tâm học tập cộng đồng	Hóc Môn	0,27	2016-2020
83	Trung tâm văn hóa - TDTT ấp Dân Thắng	Hóc Môn	0,62	2016-2020
84	Trung tâm văn hóa - TDTT xã Nhị Bình	Hóc Môn	0,29	2016-2020
85	Trung tâm văn hóa thể thao xã Tân Thới Nhì	Hóc Môn	2,00	2016-2020
86	Trung tâm văn hóa TT Hóc Môn	Hóc Môn	1,00	2016-2020
87	Trung tâm văn hóa xã Xuân Thới Thượng	Hóc Môn	2,00	2016-2020
88	Trung tâm VH-TT (xã Đông Thạnh)	Hóc Môn	2,00	2016-2020
89	Nhà văn hóa (Khu Bắc Bờ Bàng) - Phú Xuân	Nhà Bè	0,99	2016-2020
90	Trung tâm công cộng bờ Tây - - Phước Lộc	Nhà Bè	1,31	2016-2020
91	Trung tâm VH - QHCT khu dân cư xã Nhơn Đức (65,85 ha) - Nhơn Đức	Nhà Bè	0,77	2016-2020
92	Nhà văn hóa xã Long Thới	Nhà Bè	0,35	2016-2020
93	Xây mới nhà VH xã Phước Lộc	Nhà Bè	2,35	2016-2020

BẢNG 16: DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH - VĂN HÓA - THỂ THAO

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Trong đó			Năm thực hiện
				Đất dành cho văn hóa	Đất dành cho thể thao	Đất công viên cây xanh	
	TỔNG CỘNG		2.901,21	1.611,26	522,60	767,35	
I	Công trình cấp Quốc gia/ cấp Tỉnh						
1	Khôi phục công viên Tao Đàn	Quận 1	7,24	7,24			2016-2020
2	Bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng công viên Hồ Khánh Hội (giai đoạn 3)	Quận 4	1,66	1,66			2016-2020
3	Công viên Cù lao Nguyễn Kiệu	Quận 4	1,82	1,82			2016-2020
4	Khôi phục công viên Gia Định	Gò Vấp	0,54	0,54			2016-2020
6	Bến thủy nội địa và cây xanh cách ly	Bình Chánh	27,00	2,00		25,00	2016-2020
II	Công trình cấp dưới						
1	QH Công viên cây xanh (Khu bến Bạch Đằng)	Quận 1	0,53	0,53			2016-2020
2	QH Công viên cây xanh (Khu Ba Son)	Quận 1	2,51	2,51			2016-2020
3	Công Viên Thanh Niên phường Cát Lái	Quận 2	2,06	2,06			2016-2020
4	Đất văn hóa - cây xanh (Phát triển mới trong KDC phường Bình Trưng Đông)	Quận 2	0,49	0,49			2016-2020
5	Đất văn hóa - cây xanh Khu 17,97 ha	Quận 2	0,53	0,53			2016-2020
6	Đất văn hóa - cây xanh Dọc sông Giồng Ông Tố	Quận 2	0,84	0,84			2016-2020
7	Đất văn hóa - cây xanh Ven sông Sài Gòn	Quận 2	0,50	0,50			2016-2020
8	Đất văn hóa - cây xanh Khu dân cư Bắc Xa Lộ Hà Nội	Quận 2	2,50	2,50			2016-2020
9	Đất văn hóa - cây xanh Khu 33 ha, Trong khu 177,44 ha	Quận 2	1,36	1,36			2016-2020
10	Đất văn hóa - cây xanh Khu 110 ha	Quận 2	4,63	4,63			2016-2020
11	Đất văn hóa - cây xanh Trong KDC đô thị Cát Lái (ĐC từ khu DV dân sinh - Khu DV Cảng và Hàng hải và khu du lịch sinh thái Cát Lái, cụm 4)	Quận 2	4,07	4,07			2016-2020
12	Đất văn hóa - cây xanh (Quyết định số 6707/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt đồ án điều chỉnh Quận 2 đến năm 2020)	Quận 2	4,01	4,01			2016-2020
13	Đất văn hóa - cây xanh Thuộc khu ĐT chính trang kế cận khu đô thị mới Thủ Thiêm 335,59 ha (HOK).	Quận 2	13,77	13,77			2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Trong đó			Năm thực hiện
				Đất dành cho văn hóa	Đất dành cho thể thao	Đất công viên cây xanh	
14	Đất văn hóa - cây xanh . Dọc tuyến đường ven sông Sài Gòn	Quận 2	4,71	4,71			2016-2020
15	Đất văn hóa, công viên phường An Phú	Quận 2	6,30	6,30			2016-2020
16	Đất văn hóa - cây xanh Dọc tuyến đường ven sông Sài Gòn	Quận 2	2,01	2,01			2016-2020
17	Đất văn hóa - cây xanh (Quyết định số 6707/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt đồ án điều chỉnh Quận 2 đến năm 2020)	Quận 2	0,83	0,83			2016-2020
18	Đất văn hóa - cây xanh Khu 149,36 ha (khu 154 ha cũ)	Quận 2	3,02	3,02			2016-2020
19	Đất văn hóa - cây xanh dọc rạch Bà Cua Khu 149,36 ha (khu 154 ha cũ)	Quận 2	1,14	1,14			2016-2020
20	Đất văn hóa - cây xanh Trong khu 177,44 ha. Dọc đường Đỗ Xuân Hợp	Quận 2	1,38	1,38			2016-2020
21	Đất văn hóa - cây xanh Khu 149,36 ha (khu 154 ha cũ)	Quận 2	4,13	4,13			2016-2020
22	Đất văn hóa - cây xanh trong các KDC chính trang (P. Bình Trưng Tây)	Quận 2	2,48			2,48	2016-2020
23	Đất văn hóa - cây xanh dọc sông Giồng Ông Tố (P. Bình Trưng Đông)	Quận 2	0,65			0,65	2016-2020
24	Đất văn hóa - cây xanh trong KDC thuộc Cty phát triển và KD nhà Thành phố (P. Bình Trưng Đông)	Quận 2	0,73			0,73	2016-2020
25	Đất văn hóa - cây xanh thuộc khu ĐTM Thủ Thiêm (P. Bình Khánh)	Quận 2	20,89			20,89	2016-2020
26	Đất văn hóa - cây xanh trong các dự án, KDC (P. Bình An)	Quận 2	0,17			0,17	2016-2020
27	Đất văn hóa - cây xanh Khu đô thị mới Thủ Thiêm (P. Bình An)	Quận 2	0,44			0,44	2016-2020
28	Công viên cây xanh (phường 7)	Quận 3	0,13	0,13			2016-2020
29	Công viên cây xanh (khu dân cư chính trang phường Khu 1-1)	Quận 3	0,27			0,27	2016-2020
30	Công viên cây xanh (khu dân cư chính trang phường Khu 1-2)	Quận 3	0,03			0,03	2016-2020
31	Công viên cây xanh (khu dân cư chính trang phường Khu 1-3)	Quận 3	0,56			0,56	2016-2020
32	Công viên cây xanh (khu dân cư chính trang phường Khu 2-1)	Quận 3	0,04			0,04	2016-2020
33	Công viên cây xanh (khu dân cư chính trang phường Khu 4-1)	Quận 3	0,24			0,24	2016-2020
34	Công viên cây xanh (khu dân cư chính trang phường Khu 4-2)	Quận 3	0,32			0,32	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Trong đó			Năm thực hiện
				Đất dành cho văn hóa	Đất dành cho thể thao	Đất công viên cây xanh	
35	Công viên cây xanh (khu dân cư chính trang phường Khu 4-3)	Quận 3	0,43			0,43	2016-2020
36	Công viên cây xanh (khu dân cư chính trang phường Khu 4-4)	Quận 3	0,06			0,06	2016-2020
37	Công viên cây xanh (khu dân cư chính trang phường Khu 4-5)	Quận 3	0,07			0,07	2016-2020
38	Công viên cây xanh (khu dân cư chính trang phường Khu 5-1)	Quận 3	0,04			0,04	2016-2020
39	Công viên cây xanh (khu dân cư chính trang phường Khu 5-2)	Quận 3	0,15			0,15	2016-2020
40	Công viên cây xanh (khu dân cư chính trang phường Khu 5-3)	Quận 3	0,15			0,15	2016-2020
41	Công viên cây xanh	Quận 3	0,13			0,13	2016-2020
42	Công viên cây xanh (khu dân cư chính trang phường Khu 7-1)	Quận 3	0,34			0,34	2016-2020
43	Công viên cây xanh (khu dân cư chính trang phường Khu 8-3)	Quận 3	0,12			0,12	2016-2020
44	Công viên cây xanh (khu dân cư chính trang phường Khu 8-1)	Quận 3	0,35			0,35	2016-2020
45	Công viên cây xanh (khu dân cư chính trang phường Lô 9-12)	Quận 3	1,06			1,06	2016-2020
46	Công viên cây xanh (phần đất khu Nghĩa trang Hồi giáo sau khi di dời)	Quận 3	0,25			0,25	2016-2020
47	Công viên cây xanh (khu dân cư chính trang phường Lô 12-1)	Quận 3	0,23			0,23	2016-2020
48	Công viên cây xanh (khu dân cư chính trang phường Lô 13-1)	Quận 3	0,14			0,14	2016-2020
49	Công viên cây xanh (khu dân cư chính trang phường Khu 14-1)	Quận 3	0,33			0,33	2016-2020
50	Bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng công viên cây xanh bờ Kênh Tê (GĐ1)	Quận 4	14,25	14,25			2016-2020
51	Bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng công viên cây xanh bờ Kênh Tê (GĐ2)	Quận 4	12,60	12,60			2016-2020
52	Bồi thường giải phóng mặt bằng để XD công viên Hồ Khánh Hội (giai đoạn 4)	Quận 4	3,94	3,94			2016-2020
53	Bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư để xây dựng mở rộng đường Tôn Thất Thuyết và Công viên cây xanh bờ Kênh Tê kết hợp giải tỏa nhà trên và vên kênh rạch (giai đoạn 3)	Quận 4	3,53			3,53	2016-2020
54	Khu cây xanh khu 752 Hậu Giang	Quận 6	0,32	0,32			2016-2020
55	Chuyển công năng từ đất chợ sang đất Công viên (chợ Tân Hòa Đông)	Quận 6	0,02			0,02	2016-2020
56	Khu cây xanh 180-184 Nguyễn Văn Luông	Quận 6	0,13			0,13	2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Trong đó			Năm thực hiện
				Đất dành cho văn hóa	Đất dành cho thể thao	Đất công viên cây xanh	
57	DA khu công viên đa năng Hương Tràm	Quận 7	0,53	0,53			2016-2020
58	Công viên sinh thái Nam Long	Quận 7	2,75	2,75			2016-2020
59	CV cây xanh Tân Thuận Đông	Quận 7	2,09	2,09			2016-2020
60	DA cây xanh ven rạch Tân Hưng	Quận 7	1,57	1,57			2016-2020
61	Đất cây xanh TDTT Tân Thuận Tây	Quận 7	4,00	4,00			2016-2020
62	Dự án công viên cây xanh	Quận 7	0,10	0,10			2016-2020
63	Khu công viên cây xanh - Khu số 20 (P.Tân Phong)	Quận 7	0,60			0,60	2016-2020
64	Công viên Mũi Đèn Đỏ - P. Phú Thuận	Quận 7	16,90	16,90			2016-2020
65	Công viên 442 Phạm Thế Hiển P.4	Quận 8	0,13	0,13			2016-2020
66	Hành lang cây xanh dọc rạch Hiệp Ân (tính từ mép bờ cao vào 20m)	Quận 8	35,30			35,30	2016-2020
67	Công viên cây xanh bờ Nam Kênh Đôi (Phường 5)	Quận 8	56,00			56,00	2016-2020
68	Công viên cây xanh bờ Nam Kênh Đôi (Phường 6)	Quận 8	76,00			76,00	2016-2020
69	Công viên cây xanh bờ Nam Kênh Đôi (từ cầu Bà Tàng đến ngã ba sông Cần Giuộc)	Quận 8	7,40			7,40	2016-2020
70	Công viên 77 Bến Bình Đông P.11	Quận 8	0,05	0,05			2016-2020
71	Công viên 113 Bùi Huy Bích P.12	Quận 8	0,01	0,01			2016-2020
72	Công viên 986 Bùi Huy Bích P.12	Quận 8	0,11	0,11			2016-2020
73	Công viên 24/2 Bông Sao P.5	Quận 8	0,41	0,41			2016-2020
74	Khu công viên Suối Tiên mở rộng	Quận 9	47,13	47,13			2016-2020
75	Các công viên trong khu C30 (lô B12, B15, B30.2)	Quận 10	0,68	0,68			2016-2020
76	Công viên B4, khu C30	Quận 10	2,35	2,35			2016-2020
77	Công viên Chung cư Nguyễn Kim P.7	Quận 10	0,19	0,19			2016-2020
78	Công viên Chung cư Ngô Gia Tự P.3	Quận 10	0,15	0,15			2016-2020
79	Công viên phường 13	Quận 10	2,19	2,19			2016-2020
80	Công viên trong dự án 332-334 Tô Hiến Thành	Quận 10	0,37	0,37			2016-2020
81	Công viên kho số 7 Thành Thái	Quận 10	0,41	0,41			2016-2020
82	Xây dựng Công viên khu trường đua Phú Thọ - khu vui chơi giải trí phục vụ thanh thiếu niên	Quận 11	8,70	8,70			2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Trong đó			Năm thực hiện
				Đất dành cho văn hóa	Đất dành cho thể thao	Đất công viên cây xanh	
83	Xây dựng Công viên đường Dương Đình Nghệ	Quận 11	0,55	0,55			2016-2020
84	Xây dựng Công viên khu Thiện Thanh	Quận 11	0,07	0,07			2016-2020
85	Công viên cấp nhà thờ Phú Bình	Quận 11	0,10	0,10			2016-2020
86	Công viên cây xanh tại Tam Tông Miếu	Quận 11	0,19	0,19			2016-2020
87	Công viên cây xanh khu Phước Kiến Nghĩa Từ	Quận 11	0,10	0,10			2016-2020
88	Công viên cây xanh 178 Lê Đại Hành, P.7	Quận 11	0,17	0,17			2016-2020
89	Công viên cây xanh (giáp đường Thiên Phước)	Quận 11	0,30	0,30			2016-2020
90	Khu cây xanh tại 299/2 Lý Thường Kiệt, phường 15 quận 11	Quận 11	0,15	0,15			2016-2020
91	Khu cây xanh tại góc đường Lý Thường Kiệt và hẻm số 2 Lý Thường Kiệt (giáp Phòng Cảnh sát PCCC Quận 11)	Quận 11	0,08	0,08			2016-2020
92	Khu cây xanh - văn hoá - TDTT Thạnh Xuân - Thới An	Quận 12	150,00	150,00			2016-2020
93	Công viên cây xanh	Bình Tân	0,40	0,40			2016-2020
94	Công viên cây xanh	Bình Tân	4,19	4,19			2016-2020
95	Công viên cây xanh	Bình Tân	6,56	6,56			2016-2020
96	Công viên cây xanh	Bình Tân	0,30			0,30	2016-2020
97	Công viên cây xanh	Bình Tân	1,02	1,02			2016-2020
98	Công viên CX (Cụm CN-TTCN An Lạc)	Bình Tân	4,00	4,00			2016-2020
99	Công viên cây xanh (KCN Tân Tạo mở rộng)	Bình Tân	2,29	2,29			2016-2020
100	Công viên cây xanh (KDC 16ha)	Bình Tân	1,80	1,80			2016-2020
101	Công viên cây xanh (KDC ấp 4 Tân Tạo)	Bình Tân	2,00	2,00			2016-2020
102	Công viên cây xanh (KDC ấp 4 Tân Tạo)	Bình Tân	0,50	0,50			2016-2020
103	Công viên cây xanh (KDC Bình Trị Đông)	Bình Tân	1,00	1,00			2016-2020
104	Công viên CX (KDC đô thị mới Vĩnh Lộc)	Bình Tân	12,00	3,00		9,00	2016-2020
105	Công viên CX (KDC phía Nam Đại lộ Đông Tây)	Bình Tân	1,00	1,00			2016-2020
106	Công viên cây xanh (KDC Quốc lộ 1A)	Bình Tân	2,00	2,00			2016-2020
107	Công viên cây xanh (KDC Tây Bắc Tỉnh lộ 10)	Bình Tân	7,00	1,00	6,00		2016-2020
108	Công viên cây xanh khu y tế kỹ thuật cao	Bình Tân	4,29		4,29		2016-2020
109	Công viên khu đô thị mới Tân Tạo	Bình Tân	51,00	5,00	46,00		2016-2020
110	Công viên tại vị trí bãi rác Gò Cát hiện hữu	Bình Tân	19,00		19,00		2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Trong đó			Năm thực hiện
				Đất dành cho văn hóa	Đất dành cho thể thao	Đất công viên cây xanh	
111	Công viên tại vị trí nghĩa trang Bình Hưng Hòa	Bình Tân	50,00	50,00			2016-2020
112	CVCX (KDC Đông Bắc ngã tư Tân Tạo)	Bình Tân	0,50	0,50			2016-2020
113	CVCX (KDC Đông Bắc ngã tư Tân Tạo)	Bình Tân	1,50	1,50			2016-2020
114	CVCX (KDC phía Nam đường Hùng Vương)	Bình Tân	1,00		1,00		2016-2020
115	Khu CVCX - hồ sinh học (trong các DA dân cư)	Bình Tân	15,00		15,00		2016-2020
116	Khu CVCX - hồ sinh thái	Bình Tân	1,00	1,00			2016-2020
117	Đất CVCX phân tán tại các phường	Bình Thạnh	16,74	16,74			2016-2020
118	Công viên cuối đường D1	Bình Thạnh	0,32	0,32			2016-2020
119	Công viên Vissan (50% diện tích)	Bình Thạnh	2,60	2,60			2016-2020
120	Công viên (QH VH TT) P.12	Bình Thạnh	4,20	4,20			2016-2020
121	Khu đất văn hóa (cây xanh khu chung cư Thanh Yển)	Bình Thạnh	0,04	0,04			2016-2020
122	Công viên cây xanh	Tân Bình	0,35			0,35	2016-2020
123	Công viên cây xanh	Tân Bình	0,13			0,13	2016-2020
124	Công viên cây xanh (P15)	Tân Bình	2,30	2,30			2016-2020
125	Công viên cây xanh p10	Tân Bình	0,22			0,22	2016-2020
126	Công viên cây xanh p14	Tân Bình	0,52			0,52	2016-2020
127	Công viên cây xanh p15	Tân Bình	0,66			0,66	2016-2020
128	Công viên cây xanh p15	Tân Bình	0,16			0,16	2016-2020
129	Công viên cây xanh p9	Tân Bình	0,09			0,09	2016-2020
130	Công viên cây xanh p9	Tân Bình	0,05			0,05	2016-2020
131	Công viên cây xanh p9	Tân Bình	0,06			0,06	2016-2020
132	Công viên cây xanh p9	Tân Bình	0,05			0,05	2016-2020
133	Công viên cây xanh p9	Tân Bình	0,06			0,06	2016-2020
134	Công viên cây xanh p9	Tân Bình	0,04			0,04	2016-2020
135	Khu công viên - CX (khu vườn rau bưu điện)	Tân Bình	1,03			1,03	2016-2020
136	Khu công viên cây xanh- TDTT (Ngọc Đức)	Tân Phú	0,05	0,05			2016-2020
137	Khu công viên cây xanh -TDTT (Tây Thạnh)	Tân Phú	0,05	0,05			2016-2020
138	Mở rộng CV trước UB quận	Tân Phú	0,37	0,37			2016-2020
139	Công viên cây xanh (Tân Thới Hòa)	Tân Phú	0,40	0,40			2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Trong đó			Năm thực hiện
				Đất dành cho văn hóa	Đất dành cho thể thao	Đất công viên cây xanh	
140	Công viên cây xanh (Tân Thới Hòa)	Tân Phú	0,20	0,20			2016-2020
141	Công viên văn hóa (trong dự án chung cư kết hợp thương mại Gia Định - Plaza)	Thủ Đức	0,57	0,57			2016-2020
142	Cây xanh cách ly khu XLCTR Đa Phước	Bình Chánh	300,00	200,00		100,00	2016-2020
143	Cây xanh cảnh quan ven sông rạch	Bình Chánh	216,39		216,39		2016-2020
144	Công viên cây xanh khu TTHC Huyện	Bình Chánh	1,30	1,30			2016-2020
145	Công viên Phạm Văn Hai	Bình Chánh	1,40	1,40			2016-2020
146	Khu công viên giải trí (Cty TNHH Xuân Lan)	Bình Chánh	12,96	12,96			2016-2020
147	Hành lang cây xanh cách ly	Bình Chánh	268,79	268,79			2016-2020
148	Công viên, TDTT - khu số 19	Bình Chánh	14,20	14,20			2016-2020
149	Cây xanh cách ly	Cần Giờ	67,99			67,99	2016-2020
150	Cây xanh cách ly	Cần Giờ	7,18			7,18	2016-2020
151	KDC An Nghĩa	Cần Giờ	19,51	1,00		18,51	2016-2020
152	KDC An Nghĩa mở rộng	Cần Giờ	72,49	2,00		70,49	2016-2020
153	KDC Bình Khánh 2 _đất công viên cây xanh	Cần Giờ	0,05	0,05			2016-2020
154	KDC Bình Phước _đất công viên cây xanh	Cần Giờ	0,42	0,42			2016-2020
155	KDC Bình Thuận _đất công viên cây xanh	Cần Giờ	0,02	0,02			2016-2020
156	KDC Cần Thạnh khu 2 _đất công viên cây xanh	Cần Giờ	1,08			1,08	2016-2020
157	KDC Cọ Dầu _đất công viên cây xanh	Cần Giờ	7,18	1,00		6,18	2016-2020
158	KDC Dân An	Cần Giờ	17,52	1,00		16,52	2016-2020
159	KDC điều chỉnh Đồng Hòa _đất công viên cây xanh	Cần Giờ	58,67	5,00	53,67		2016-2020
160	KDC dọc Rừng Sát _đất công viên cây xanh	Cần Giờ	10,60	1,00		9,60	2016-2020
161	KDC Dơi Mỹ Khánh _đất công viên cây xanh	Cần Giờ	27,49	1,00		26,49	2016-2020
162	KDC Đồng Tranh _đất công viên cây xanh	Cần Giờ	5,03	1,00		4,03	2016-2020
163	KDC Giồng Ao _đất công viên cây xanh	Cần Giờ	19,78	1,00	18,78		2016-2020
164	KDC Hà Thanh _đất công viên cây xanh	Cần Giờ	14,23	2,00		12,23	2016-2020
165	KDC Kho Đồng _đất công viên cây xanh	Cần Giờ	2,57	2,57			2016-2020
166	KDC Long Thạnh _đất công viên cây xanh	Cần Giờ	7,01	1,00		6,01	2016-2020
167	KDC nhà vườn Tân An Huy _đất CVCX	Cần Giờ	1,08	1,08			2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Trong đó			Năm thực hiện
				Đất dành cho văn hóa	Đất dành cho thể thao	Đất công viên cây xanh	
168	KDC nhà vườn Tân An Huy_đất CVCX	Cần Giờ	37,18	2,00	35,18		2016-2020
169	KDC Rạch Lá	Cần Giờ	8,87	1,00		7,87	2016-2020
170	KDC Sadeco_đất công viên cây xanh	Cần Giờ	9,90	1,00		8,90	2016-2020
171	KDC Thủ Hy_đất công viên cây xanh	Cần Giờ	5,84	1,00		4,84	2016-2020
172	KDC trung tâm TT. Cần Thạnh_đất CVCX	Cần Giờ	17,17	1,50		15,67	2016-2020
173	KĐT lấn biển_đất công viên cây xanh	Cần Giờ	7,94	1,00		6,94	2016-2020
174	KĐT lấn biển_đất công viên CX (phần lấn biển)	Cần Giờ	17,06	1,00		16,06	2016-2020
175	KĐT lấn biển_Quảng trường (phần lấn biển)	Cần Giờ	1,56	1,56			2016-2020
176	Khu nhà vườn Cần Thạnh_đất công viên cây xanh	Cần Giờ	12,42			12,42	2016-2020
177	Quy hoạch mới công trình dịch vụ công cộng ấp LTB	Cần Giờ	2,23	2,23			2016-2020
178	Quy hoạch mới công viên cây xanh ấp LHH_GĐ1	Cần Giờ	12,90	1,00		11,90	2016-2020
179	Quy hoạch mới công viên cây xanh ấp LHH_GĐ2	Cần Giờ	3,33	3,33			2016-2020
180	Quy hoạch mới công viên cây xanh ấp Tân Điền	Cần Giờ	3,87	3,87			2016-2020
181	Quy hoạch mới công viên cây xanh trước UB xã_GĐ1	Cần Giờ	10,02	1,00		9,02	2016-2020
182	Quy hoạch mới công viên cây xanh trước UB xã_GĐ2	Cần Giờ	12,62	1,00		11,62	2016-2020
183	Cây xanh Khu TĐC PVC	Củ Chi	0,39			0,39	2016-2020
184	Cây xanh Khu TĐC PVC	Củ Chi	3,80			3,80	2016-2020
185	Cây xanh Khu TĐC PVC	Củ Chi	0,40			0,40	2016-2020
186	Cây xanh thuộc khu DC Bàu Đưng ⁽⁵⁾	Củ Chi	4,70	0,50		4,20	2016-2020
187	Công viên cây xanh	Củ Chi	1,86	1,86			2016-2020
188	Công viên cây xanh	Củ Chi	2,80			2,80	2016-2020
189	Công viên cây xanh	Củ Chi	3,68			3,68	2016-2020
190	Công viên cây xanh	Củ Chi	3,33			3,33	2016-2020
191	Công viên cây xanh	Củ Chi	4,01			4,01	2016-2020
192	Công viên cây xanh	Củ Chi	2,80			2,80	2016-2020
193	Công viên cây xanh - thể dục thể thao KDC T.P.Trung (Khu 3)	Củ Chi	5,70	0,50	5,20		2016-2020
194	Công viên cây xanh - thể dục thể thao KDC T.P.Trung (Khu 3)	Củ Chi	10,10	1,00	9,10		2016-2020
195	Công viên cây xanh KDC An Nhơn Tây (Khu 2) ⁽²⁾	Củ Chi	0,98	0,98			2016-2020

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Trong đó			Năm thực hiện
				Đất dành cho văn hóa	Đất dành cho thể thao	Đất công viên cây xanh	
196	Công viên cây xanh KDC T.P.Trung (Khu 3)	Củ Chi	0,32	0,32			2016-2020
197	Công viên cây xanh KDC T.P.Trung (Khu 4)	Củ Chi	1,09	1,09			2016-2020
198	Công viên cây xanh KDC T.P.Trung (Khu 4)	Củ Chi	1,66	1,66			2016-2020
199	Công viên cây xanh KDC T.P.Trung (Khu 4)	Củ Chi	7,28	0,50	6,78		2016-2020
200	Công viên cây xanh KDC T.P.Trung (Khu 4)	Củ Chi	2,64	0,50	2,14		2016-2020
201	Công viên trung tâm	Củ Chi	16,00	16,00			2016-2020
202	Đất cây xanh khu TĐC Safari ⁽¹⁾	Củ Chi	6,95	1,00		5,95	2016-2020
203	Đất cây xanh Khu TĐC T.P.Trung - Tân Thông Hội	Củ Chi	4,07		4,07		2016-2020
204	Đất cây xanh tập trung	Củ Chi	6,99			6,99	2016-2020
205	Đất cây xanh tập trung	Củ Chi	3,35			3,35	2016-2020
206	Đất cây xanh tập trung	Củ Chi	2,60			2,60	2016-2020
207	Đất cây xanh tập trung	Củ Chi	3,08			3,08	2016-2020
208	Đất CX ven sông thuộc KDC An Nhơn Tây Khu 2 ⁽²⁾	Củ Chi	8,10			8,10	2016-2020
209	Đất công viên cây xanh KDC Bàu Đưng	Củ Chi	3,70			3,70	2016-2020
210	Đất công viên cây xanh KDC Bàu Đưng ⁽³⁾	Củ Chi	2,60	2,60			2016-2020
211	Khu cây xanh KDC An Nhơn Tây (Khu 2) ⁽²⁾	Củ Chi	6,31	1,00		5,31	2016-2020
212	Khu cây xanh KDC An Nhơn Tây (Khu 2) ⁽²⁾	Củ Chi	2,06	0,50		1,56	2016-2020
213	Khu CV cây xanh (khu đô thị Tây Bắc)	Củ Chi	256,10	256,10			2016-2020
214	Khu vui chơi công cộng	Củ Chi	0,80	0,80			2016-2020
215	Hoa viên trước Trường Trung học phổ thông Củ Chi	Củ Chi	0,03	0,03			2016-2020
216	Trồng cây xanh cách ly (Bãi rác giai đoạn 2)	Củ Chi	197,10	197,10			2016-2020
217	Khu Công viên cây xanh	Hóc Môn	200,00	120,00	80,00		2016-2020
218	Khu công viên cây xanh nghĩa trang Đông Thạnh	Hóc Môn	2,40			2,40	2016-2020

BẢNG 17: DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẤT Y TẾ

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
	Tổng cộng		423,06	
I	Công trình cấp Quốc gia/cấp Tỉnh		352,98	
1	Khôi phục Bệnh viện Nhi Đồng 2	Quận 1	0,45	2016-2020
2	Bệnh viện đa khoa Sài Gòn	Quận 1	1,00	2016-2020
3	Bệnh viện Y học cổ truyền (Bệnh viện Công an)	Quận 2	5,69	2016-2020
4	Bệnh viện sản nhi (P. Tân Hưng)	Quận 7	4,00	2016-2020
5	Bệnh viện phụ sản Phương Nam (P. Trung Sơn)	Quận 7	0,50	2016-2020
6	Đất y tế (Trung tâm xét nghiệm y khoa Thành phố-khu Nam theo quy hoạch trước đây)	Quận 7	1,80	2016-2020
7	Xây dựng mới bệnh viện Ung bướu (cơ sở 2).	Quận 9	5,60	2016-2020
8	Bệnh viện đa khoa	Bình Tân	10,00	2016-2020
9	TT nghiên cứu phòng chống thảm họa	Bình Tân	5,00	2016-2020
10	Khu Y tế Kỹ Thuật cao	Bình Tân	37,40	2016-2020
11	Cơ sở đào tạo y tế kỹ thuật cao	Bình Tân	2,31	2016-2020
12	Bệnh viện Khu dân cư trung tâm Tân Tạo	Bình Tân	2,00	2016-2020
13	Bệnh viện đa khoa (P. Hiệp Bình Phước - Khu Vạn Phúc)	Thủ Đức	2,26	2016-2020
14	Bệnh viện Chợ Rẫy 2 (X. Lê Minh Xuân)	Bình Chánh	10,00	2016-2020
15	Bệnh viện chuyên khoa	Bình Chánh	5,00	2016-2020
16	Bệnh viện đa khoa	Bình Chánh	6,00	2016-2020
17	Bệnh viện đa khoa Phú Mỹ	Bình Chánh	9,61	2016-2020
18	Dự án đầu tư xây dựng mới Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình	Bình Chánh	5,08	2016-2020
19	Phòng khám đa khoa y học cổ truyền	Bình Chánh	0,14	2016-2020
20	Cụm Bệnh viện Nhi đồng Thành phố (gồm bệnh viện nhi, ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch, BV Tai Mũi Họng, BV Truyền máu huyết học, Viện Tim); KH 2016: Bệnh viện Nhi đồng 21,44ha	Bình Chánh	73,00	2016-2020
21	Trung tâm thực nghiệm y học (BV Chợ Rẫy)	Bình Chánh		2016-2020
22	Tổ hợp bệnh viện – khu số 19	Bình Chánh	8,37	2016-2020
23	Bệnh viện huyện Cần Giờ	Cần Giờ	6,45	2016-2020
24	Bệnh viện dưỡng lão kết hợp phòng khám đa khoa (GD 1 + 2)	Cần Giờ	8,40	2016-2020
25	Viện trường Củ Chi	Củ Chi	105,98	2016-2020
26	Khu Hóa Dược	Củ Chi	10,00	2016-2020
27	Bệnh viện Đa Khoa	Củ Chi	2,82	2016-2020
28	Bệnh viện Đa khoa Củ Chi	Củ Chi	6,48	2016-2020
29	TT nghiên cứu SX Dược và Trang thiết bị (KĐT Tây Bắc)	Củ Chi	10,00	2016-2020
30	Bệnh viện đa khoa	Hóc Môn	4,13	2016-2020
31	Cải tạo, mở rộng, nâng cấp Viện Sốt rét-KST-CT	Hóc Môn	0,64	2016-2020
32	Mở rộng Bệnh viện Nhà Bè	Nhà Bè	2,10	2016-2020
33	Bệnh viện Sản Nhi Quốc tế Sài Gòn (Phước Kiển)	Nhà Bè	0,77	2016-2020
II	Công trình cấp dưới		70,08	
II.1	Công trình tuyến Quận, Huyện		60,52	
II.1.1	Bệnh viện		20,08	
1	XD mới Cơ sở 2 - BV Quận 1	Quận 1	0,07	2016-2020
2	Bệnh viện đa khoa 200 giường (Cty TNHH TM-DV Mỹ Mỹ)	Quận 2	0,72	2016-2020
3	Bệnh viện (KĐTM Thủ Thiêm 657ha)	Quận 2	3,94	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
4	Bệnh viện (Khu nhà ở và chung cư cao tầng P. Thanh Mỹ Lợi)	Quận 2	0,92	2016-2020
5	Mở rộng Bệnh viện Quận 3	Quận 3	0,06	2016-2020
6	Bệnh viện (Công ty Phương Thiện Mỹ)	Quận 7	0,30	2016-2020
7	Bệnh viện ung bướu Việt Phú An	Quận 7	0,81	2016-2020
8	Mở rộng nâng cấp bệnh viện quận 8	Quận 8	0,10	2016-2020
9	Bệnh viện Khu C30	Quận 10	0,95	2016-2020
10	Mở rộng bệnh viện quận 12	Quận 12	1,10	2016-2020
11	Đất kêu gọi đầu tư BV Tư nhân	Bình Tân	4,00	2016-2020
12	Mở rộng bệnh viện quận Bình Thạnh	Bình Thạnh	0,29	2016-2020
13	Bệnh viện quận Phú Nhuận- Cơ sở 2	Phú Nhuận	0,10	2016-2020
14	Bệnh viện Q. Tân Bình (Cty Pilot&Tokai P14)	Tân Bình	0,70	2016-2020
15	Bệnh viện (đất Cty Roussel)	Tân Bình	0,28	2016-2020
16	Mở rộng bệnh viện đa khoa Thủ Đức (GD3)	Thủ Đức	0,10	2016-2020
17	Bệnh viện huyện Bình Chánh	Bình Chánh	1,64	2016-2020
18	Bệnh viện	Củ Chi	4,00	2016-2020
II.1.2	Trung tâm y tế		3,97	
1	TT y tế dự phòng quận 2	Quận 2	0,30	2016-2020
2	Trung tâm trực thuộc chi cục VSATTP	Quận 2	0,03	2016-2020
3	Trung tâm y tế dự phòng Quận 4	Quận 4	0,27	2016-2020
4	Trung tâm Y tế dự phòng Quận 5 (01 Đặng Thái Thân)	Quận 5	0,13	2016-2020
5	Trung tâm trực thuộc chi cục VSATTP	Quận 7	0,03	2016-2020
6	Mở rộng TT y tế dự phòng Q7	Quận 7	0,25	2016-2020
7	Xây dựng mới trung tâm y tế dự phòng quận 8	Quận 8	0,54	2016-2020
8	Trung tâm trực thuộc chi cục VSATTP	Quận 9	0,03	2016-2020
9	Trung tâm trực thuộc chi cục VSATTP	Quận 12	0,03	2016-2020
10	Xây mới trung tâm y tế dự phòng Q. Bình Tân	Bình Tân	0,50	2016-2020
11	Trung tâm trực thuộc chi cục VSATTP	Bình Tân	0,03	2016-2020
12	Trung tâm Phòng chống chấn thương và các bệnh không lây	Phú Nhuận	0,06	2016-2020
13	Phòng khám khoa tham vấn công đồng và phòng khám Lao và bệnh Phổi (118/5 Lũy Bán Bích)	Tân Phú	0,08	2016-2020
14	TT y tế dự phòng quận Tân Phú	Tân Phú	0,14	2016-2020
15	Trung tâm trực thuộc chi cục VSATTP	Tân Phú	0,03	2016-2020
16	Trung tâm trực thuộc chi cục VSATTP	Thủ Đức	0,03	2016-2020
17	Trung tâm trực thuộc chi cục VSATTP	Bình Chánh	0,03	2016-2020
18	TT kiểm định, sửa chữa TTB y tế	Củ Chi	0,15	2016-2020
19	Trung tâm trực thuộc chi cục VSATTP	Củ Chi	0,03	2016-2020
20	Trung Tâm y tế dự phòng huyện Củ Chi	Củ Chi	0,40	2016-2020
21	Trung tâm trực thuộc chi cục VSATTP	Hóc Môn	0,03	2016-2020
22	Trung Tâm y tế dự phòng huyện Hóc Môn	Hóc Môn	0,56	2016-2020
23	TT y tế dự phòng huyện Nhà Bè	Nhà Bè	0,26	2016-2020
24	Trung tâm trực thuộc chi cục VSATTP	Nhà Bè	0,03	2016-2020
II.1.3	Phòng khám đa khoa và các công trình y tế khác		36,48	
1	Công trình y tế - Khu 335,59ha (Khu chỉnh trang kề cận KĐTMT Thủ Thiêm)	Quận 2	2,60	2016-2020
2	PKĐK - khu C (131ha)	Quận 2	1,21	2016-2020
3	PKĐK (khu 88,3ha)	Quận 2	0,92	2016-2020
4	BVĐK (khu 174ha)	Quận 2	2,91	2016-2020
5	BVĐK quốc tế (khu 335,92ha)	Quận 2	0,60	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
6	BVĐK (khu 178ha)	Quận 2	2,09	2016-2020
7	BV KDC Nam Rạch Chiếc (90ha)	Quận 2	1,05	2016-2020
8	BVĐK (KDC Invesco)	Quận 2	2,16	2016-2020
9	Công trình y tế khu đô thị mới Thủ Thiêm	Quận 2	2,64	2016-2020
10	Đất y tế khu 149,36ha (P. Bình Trưng Đông)	Quận 2	0,54	2016-2020
11	Đất y tế khu 110ha (P. Cát Lái)	Quận 2	0,44	2016-2020
12	Đất y tế khu dịch vụ cảng (P. Cát Lái)	Quận 2	0,10	2016-2020
13	Bệnh viện đa khoa + Viện Tim	Quận 2	6,66	2016-2020
14	Đất y tế trong KDC P. An Phú	Quận 2	0,84	2016-2020
15	Đất mở rộng các cơ sở y tế (tư nhân, KDC mới)	Bình Tân	8,00	2016-2020
16	Khu cách ly điều trị dịch bệnh	Phú Nhuận	0,05	2016-2020
17	Phòng khám đa khoa Bình Khánh - An Nghĩa	Cần Giờ	0,92	2016-2020
18	Đất y tế Khu DC Bàu Đưng ⁽⁵⁾	Củ Chi	0,30	2016-2020
19	Đất Y tế (Phòng Khám đa khoa) ⁽²⁾	Củ Chi	0,67	2016-2020
20	Đất y tế khu dân cư An Nhơn Tây(khu 3) ⁽¹⁾	Củ Chi	0,15	2016-2020
21	Đất y tế khu TĐC Bàu Đưng ⁽³⁾	Củ Chi	0,70	2016-2020
22	Đất y tế KDC T.P.Trung (Khu 3)	Củ Chi	0,60	2016-2020
23	Phòng khám đa khoa	Củ Chi	0,33	2016-2020
II.2	Công trình tuyến phường, xã		9,56	
1	QH đất y tế (khu Ba Son)	Quận 1	0,05	2016-2020
2	Mở rộng trạm y tế phường Bình An	Quận 2	0,08	2016-2020
3	Trạm y tế phường Bình Khánh	Quận 2	0,05	2016-2020
4	Trạm y tế phường (khu dân cư chính trang phường Lô 2)	Quận 3	0,05	2016-2020
5	Trạm y tế phường 1	Quận 3	0,02	2016-2020
6	Trạm y tế phường 3	Quận 3	0,01	2016-2020
7	Trạm y tế phường 7	Quận 3	0,01	2016-2020
8	Trạm y tế các phường	Quận 4	0,16	2016-2020
9	Trạm y tế phường 2	Quận 5	0,01	2016-2020
10	Trạm y tế phường 3	Quận 5	0,01	2016-2020
11	Trạm y tế phường 8	Quận 5	0,01	2016-2020
12	Trạm Y tế Phường 03	Quận 6	0,02	2016-2020
13	Trạm Y tế Phường 06	Quận 6	0,01	2016-2020
14	Trạm y tế phường Tân Phú	Quận 7	0,03	2016-2020
15	Trạm y tế phường Bình Thuận	Quận 7	0,02	2016-2020
16	Trạm y tế phường Tân Thuận Tây	Quận 7		2016-2020
17	Trạm y tế phường Tân Kiểng	Quận 7		2016-2020
18	Trạm y tế phường Tân Hưng	Quận 7	0,10	2016-2020
19	Trạm y tế phường Tân Quy	Quận 7	0,05	2016-2020
20	Trạm y tế phường 10	Quận 8	0,01	2016-2020
21	Trạm y tế P.11	Quận 8	0,02	2016-2020
22	Trạm y tế P.12	Quận 8	0,02	2016-2020
23	Trạm y tế P.13	Quận 8	0,02	2016-2020
24	Trạm y tế phường Hiệp Phú	Quận 9	0,24	2016-2020
25	Trạm y tế phường 07	Quận 10	0,01	2016-2020
26	Trạm y tế phường Tân Thới Hiệp	Quận 12	0,10	2016-2020
27	Trạm y tế phường An Phú Đông	Quận 12	0,09	2016-2020
28	Trạm y tế phường Thạch Lộc	Quận 12	0,08	2016-2020
29	Xây dựng trạm y tế phường Trung Mỹ Tây	Quận 12	0,05	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
30	Trạm Y tế mới (tách phường)	Bình Tân	0,80	2016-2020
31	Trạm y tế phường 5	Bình Thạnh	0,04	2016-2020
32	Trạm y tế phường 6	Bình Thạnh	0,02	2016-2020
33	Trạm y tế phường 7	Bình Thạnh	0,02	2016-2020
34	Trạm y tế phường 12	Bình Thạnh	0,05	2016-2020
35	Trạm y tế phường 15	Bình Thạnh	0,02	2016-2020
36	Trạm y tế phường 17	Bình Thạnh	0,04	2016-2020
37	Trạm y tế phường 22	Bình Thạnh	0,02	2016-2020
38	Trạm y tế phường 26	Bình Thạnh	0,04	2016-2020
39	Trạm Y tế Phường 1	Phú Nhuận	0,01	2016-2020
40	Mở rộng Trạm Y tế Phường 7	Phú Nhuận	0,01	2016-2020
41	Trạm Y tế Phường 10	Phú Nhuận	0,01	2016-2020
42	Trạm Y tế Phường 13	Phú Nhuận	0,01	2016-2020
43	Trạm Y tế Phường 14	Phú Nhuận	0,01	2016-2020
44	Phòng Khám khu vực ấp Dơi	Gò Vấp	0,90	2016-2020
45	Mở rộng trạm y tế P. Tam Bình	Thủ Đức	0,06	2016-2020
46	Trạm y tế: Phong Phú, Vĩnh Lộc B, Quy Đức, Hưng Long, Bình Lợi, An Phú Tây	Bình Chánh	0,25	2016-2020
47	Trạm y tế Tân Túc	Bình Chánh	0,10	2016-2020
48	Quy hoạch mới trạm y tế tại ấp LHH	Cần Giờ	0,54	2016-2020
49	Đất y tế	Củ Chi	0,73	2016-2020
50	Đất y tế	Củ Chi	0,45	2016-2020
51	Đất y tế	Củ Chi	3,50	2016-2020
52	Trạm y tế	Củ Chi	0,05	2016-2020
53	Trạm y tế Tân Thới Nhì	Hóc Môn	0,19	2016-2020
54	Trạm y tế xã Đông Thạnh	Hóc Môn	0,15	2016-2020
55	Trạm y tế xã Bà Điểm	Hóc Môn	0,10	2016-2020
56	Trạm y tế Thị trấn Hóc Môn	Hóc Môn	0,10	2016-2020
57	Trạm y tế xã Nhị Bình	Hóc Môn	0,10	2016-2020
58	Đất kêu gọi đầu tư	Hóc Môn		2016-2020
59	Trạm y tế xã Xuân Thới Sơn	Hóc Môn	0,15	2016-2020

BẢNG 18: DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẤT GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
	Tổng cộng		3.245,22	
A	Công trình cấp Quốc gia/ cấp Tỉnh		2.214,93	
I	Hệ thống trường ĐH - CĐ		2.000,22	
I.1	Thuộc khu quy hoạch các trường ĐH-CĐ		1.946,70	
I.1.1	Cụm Tây Bắc:		800,34	
1	Quy hoạch làng Đại học	Củ Chi	109,00	2016-2020
2	Trường ĐH Sư Phạm	Củ Chi	45,42	2016-2020
3	Khu ĐH-CĐ thuộc KĐT Tây Bắc (Khu ĐTDH VIUT-Tân Thông Hội): ĐH mở Tp.HCM, CĐN Nam Việt, CĐN Kinh tế - Kỹ thuật TPHCM, CĐ kinh tế TP.HCM, Trung tâm dạy nghề Nông nghiệp Công nghệ cao, Công ty TNHH MTV Công nghệ Sinh học Sạch Xanh Toàn Cầu, TCN công nghệ Bách Khoa...	Củ Chi	304,70	2016-2020
4	Khu giáo dục (gồm: CĐN Du lịch SG, TC Đại Việt, TC Âu Việt, TC Tây Bắc, hội CTĐ Thành phố...)	Củ Chi	45,00	2016-2020
5	Trường Đại học Y khoa Quốc tế Hoàn Mỹ	Củ Chi	6,02	2016-2020
6	Trường Cao đẳng Y dược Hồng Đức	Củ Chi	5,00	2016-2020
7	Trường CĐ văn hóa nghệ thuật và du lịch Sài Gòn	Củ Chi	5,20	2016-2020
8	Trường cao đẳng kỹ thuật Lý Tự Trọng cơ sở 2	Củ Chi	30,00	2016-2020
9	Khu ĐH-CĐ thuộc KĐT Tây Bắc	Hóc Môn	247,00	2016-2020
10	Trường cao đẳng kinh tế Sài Gòn	Hóc Môn	3,00	2016-2020
I.1.2	Cụm phía Đông:		233,06	
1	Trường ĐH sân khấu điện ảnh	Quận 9	10,00	2016-2020
2	Trường CB ngành tài chính	Quận 9	7,65	2016-2020
3	Khu GD-ĐT (gồm ĐH Kinh tế, ĐH Luật, ĐH BC Marketing, ĐH Nguyễn Tất Thành, CĐ Tài chính hải quan, CĐ Công nghệ Thủ Đức, CĐ nghề Sài Gòn, Trung tâm dạy nghề Lái xe Bạch Đằng, TTDN Tokyo Beauty Art, Công ty Cổ phần Hướng nghiệp Á Âu...)	Quận 9	172,92	2016-2020
4	Học viện Tư pháp - P. Long Phước	Quận 9	17,00	2016-2020
5	Nhạc viện TPHCM	Quận 9	25,49	2016-2020
I.1.3	Cụm phía Nam:		913,30	2016-2020
1	Trường ĐH dân lập Hùng Vương - Xã Tân Kiên	Bình Chánh	25,57	2016-2020
2	Khu đô thị BV quốc tế đa khoa và giáo dục	Bình Chánh	30,00	2016-2020
3	Khu đô thị ĐH Hưng Long (gồm: ĐH Y dược Sài Gòn, TCN Nhân Đạo; CĐN KT-CN TP.HCM; CĐN Nguyễn Trường Tộ; TCN Nhân Đạo; TCN Lê Thị Riêng; TCN Quang Trung; TCN công nghiệp và XD FICO; TCN CN Tàu Thủy II; TCN số 7; Thêm 03 trường CĐ nghề (5ha/trường) và 03 trường TC nghề (3ha/trường))	Bình Chánh	583,00	2016-2020
4	Đất giáo dục khu số 12-Nam Sài Gòn (gồm các trường: ĐH tư thục Kinh tế - Tài chính; ĐH TDTT; ĐH DL Hồng Bàng)	Bình Chánh	92,00	2016-2020
5	Trường Đại học Kinh tế tại khu số 15 - Khu đô thị mới Nam Thành phố	Bình Chánh	10,34	2016-2020
6	Trường Đại học Văn Hiến	Bình Chánh	5,69	2016-2020
7	Học viện Mật mã (Phân hiệu 2)	Bình Chánh	6,05	2016-2020
8	Xây dựng mới cơ sở 2 Trường Cao đẳng Thủ Đức (Khu 20-ĐTM Nam Thành phố)	Bình Chánh	30,00	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
9	Khu đại học dự kiến (ĐH Tài nguyên Môi trường; ĐH Kỹ thuật Công nghệ; Cao đẳng kinh tế TPHCM cơ sở 2; TCN KTCN Hùng Vương; TCN kỹ thuật nghiệp vụ Tôn Đức Thắng, TCN tư thực Việt Giao, TCN quản lý khách sạn Việt Úc)	Nhà Bè	116,00	2016-2020
10	Trung cấp Kỹ thuật- Nghiệp vụ Nam Sài Gòn	Nhà Bè	5,00	2016-2020
11	Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh cơ sở 2 (tên cũ: xây dựng mới Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Phú Lâm cơ sở 2)	Nhà Bè	4,66	2016-2020
12	Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Nguyễn Hữu Cánh cơ sở 2 (trong khu Nhơn Đức)	Nhà Bè	5,00	2016-2020
I.2	Ngoài khu quy hoạch các trường ĐH-CD		53,52	
1	Trường đại học (trong khu INVESCO)	Quận 2	5,70	2016-2020
2	Ký túc xá sinh viên P.16 (ĐH Sài Gòn)	Quận 8	0,19	2016-2020
3	Ký túc xá sinh viên P.16 (ĐH Kinh tế)	Quận 8	1,20	2016-2020
4	Quy hoạch Khu đại học	Quận 8	14,45	2016-2020
5	Trường Đại học Công nghiệp	Quận 12	26,70	2016-2020
6	Trường Đại học y Triều An	Bình Tân	4,30	2016-2020
7	Trường nhân lực Quốc tế	Gò Vấp	0,16	2016-2020
8	Xây dựng cơ sở 2 trường Đại học Ngoại ngữ Tin Học	Hóc Môn	0,82	2016-2020
II	Hệ thống trường dạy nghề		67,84	
1	Mở rộng Trung học công nghiệp TP	Quận 1	0,03	2016-2020
2	Trường cao đẳng nghề+THCS+tiểu học (trong đó trường CDN Quận 2: 3ha)	Quận 2	7,50	2016-2020
3	Trường múa TP Hồ Chí Minh	Quận 2	5,67	2016-2020
4	Trường TCN Nhân Đạo giai đoạn II, P11	Quận 3	0,08	2016-2020
5	Trường trung cấp Nam Việt	Quận 7	0,62	2016-2020
6	Trung tâm dạy nghề P Phú Thuận	Quận 7	0,58	2016-2020
7	Trung tâm hướng nghiệp - P Phú Thuận	Quận 7		2016-2020
8	Trường TCN Đông Sài Gòn	Quận 9	1,90	2016-2020
9	Trung tâm dạy nghề quận 10 - P12	Quận 10	0,18	2016-2020
10	TT cung cấp bữa ăn các trường toàn quận	Quận 10	0,09	2016-2020
11	Trường dạy nghề dân lập	Quận 11	0,43	2016-2020
12	Trường Cao đẳng, trung cấp nghề	Quận 12	7,00	2016-2020
13	Nâng cấp mở rộng cơ sở 2 Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Quận 12	Quận 12	0,86	2016-2020
14	Trung tâm hướng nghiệp Quận 12	Quận 12	1,48	2016-2020
15	Trung tâm học tập cộng đồng (P. Hiệp Thành)	Quận 12	0,16	2016-2020
16	Trường Trung cấp dạy nghề thuộc quận	Gò Vấp	1,24	2016-2020
17	Đầu tư , nâng cấp trường Cao đẳng nghề Nguyễn Trường Tộ	Gò Vấp	0,97	2016-2020
18	Trung tâm Học tập cộng đồng	Phú Nhuận	0,01	2016-2020
19	Trung Tâm bồi dưỡng chính trị (Khu A74)	Thủ Đức	0,67	2016-2020
20	Trường Trung cấp nghề Trần Đại Nghĩa (Phân hiệu)	Bình Chánh	1,60	2016-2020
21	Trung tâm dạy nghề Tiến Phát - Xã An Phú Tây	Bình Chánh	1,13	2016-2020
22	Trung Tâm bồi dưỡng chính trị Bình Chánh	Bình Chánh	0,29	2016-2020
23	Trường bồi dưỡng giáo dục	Bình Chánh	0,30	2016-2020
24	TT.Kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp Bình Chánh	Bình Chánh	0,60	2016-2020
25	Trung tâm kỹ thuật hướng nghiệp	Cần Giờ	1,00	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
26	Mở rộng Trường Bồi dưỡng giáo dục huyện	Cần Giờ	1,00	2016-2020
27	Trung tâm dạy nghề huyện Cần Giờ	Cần giờ	3,46	2016-2020
28	Trường dạy lái xe	Củ Chi	8,65	2016-2020
29	Trung tâm đào tạo cộng đồng	Củ Chi	0,52	2016-2020
30	Trường Trung cấp Ánh sáng	Hóc Môn	0,54	2016-2020
31	Nâng cấp mở rộng Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Hóc Môn	Hóc Môn	4,20	2016-2020
32	Dự án trường Bồi dưỡng Giáo dục Hóc Môn - TT Hóc Môn	Hóc Môn	0,54	2016-2020
33	Dự án xây dựng Trung tâm kỹ thuật hướng nghiệp - TT Hóc Môn	Hóc Môn	0,51	2016-2020
34	Dự án xây dựng xưởng thực hành - Xuân Thới Thượng	Hóc Môn	2,00	2016-2020
35	Trường dạy nghề - QHCT khu tái định cư xã Nhơn Đức (35,60 ha)	Nhà Bè	0,40	2016-2020
36	Trường dạy nghề (Khu du lịch Bờ Bàng)	Nhà Bè	11,64	2016-2020
III	Hệ thống trường chuyên biệt		6,64	
1	Trường chuyên biệt Tương Lai	Quận 5	0,06	2016-2020
2	Trường Hy Vọng - P10	Quận 6	0,16	2016-2020
3	Trường trẻ em chuyên biệt	Quận 9	0,94	2016-2020
4	Nâng cấp Trường chuyên biệt Cần Thạnh	Cần Giờ	0,24	2016-2020
5	Dự án xây dựng trung tâm điều trị, nuôi dưỡng và dạy nghề (Dioxin chất độc da cam) - Xuân Thới Thượng	Hóc Môn	4,90	2016-2020
6	Trường khuyết tật Tân Thới Nhì	Hóc Môn	0,34	2016-2020
IV	Trung tâm giáo dục thường xuyên		6,02	
1	Trung tâm giáo dục thường xuyên quận 2	Quận 2	1,30	2016-2020
2	Trung tâm giáo dục thường xuyên Q4	Quận 4	0,26	2016-2020
3	Trung tâm giáo dục thường xuyên Q6	Quận 6	0,29	2016-2020
4	Xây dựng mới Trung tâm Giáo dục thường xuyên	Bình Tân	0,70	2016-2020
5	TT. Giáo dục thường xuyên H. Bình Chánh	Bình Chánh	0,45	2016-2020
6	Trung tâm GDTX Tam Thôn Hiệp	Cần Giờ	1,00	2016-2020
7	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Lý Nhơn	Cần Giờ	1,00	2016-2020
8	Trung tâm GDTX Bình Khánh (mở rộng)	Cần Giờ	1,02	2016-2020
V	Trường trung học phổ thông		134,21	
1	Trường THPT năng khiếu thể dục thể thao Hoa Lư	Quận 1	0,32	2016-2020
2	Xây dựng trường THPT chất lượng cao Cát Lái và đường vào trường	Quận 2	4,82	2016-2020
3	Trường THPT Thảo Điền	Quận 2	0,86	2016-2020
4	Trường THPT Khu 149,36 ha (khu 154 ha cũ)	Quận 2	1,22	2016-2020
5	Xây dựng Trường THPT Nguyễn Khuyến	Quận 4	1,08	2016-2020
6	Trường THPT phường 1	Quận 4	1,07	2016-2020
7	Trường THPT Nguyễn Trãi mở rộng	Quận 4	1,05	2016-2020
8	Mở rộng trường Lê Hồng Phong	Quận 5	1,00	2016-2020
9	Trường THPT P.13	Quận 6	1,27	2016-2020
10	Trường THPT P.3	Quận 6	0,82	2016-2020
11	Dự án mở rộng Trường THPT Bình Phú	Quận 6	0,06	2016-2020
12	THPT Tân Hưng - p. Tân Hưng	Quận 7	2,52	2016-2020
13	Trường THPT (Cty ACC)	Quận 7	1,10	2016-2020
14	Trường THPT Tăng Nhơn Phú A	Quận 9	1,60	2016-2020
15	Trường THPT (trong khu trường đua Phú Thọ)	Quận 11	2,50	2016-2020
16	Trường THPT Thới An (tờ bản đồ 16)	Quận 12	2,03	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
17	Trường THPT An Phú Đông 2	Quận 12	2,80	2016-2020
18	Trường THPT Thạnh Xuân	Quận 12	2,40	2016-2020
19	Trường THPT An Lạc 1	Bình Tân	1,53	2016-2020
20	Trường THPT An Lạc 2	Bình Tân	0,75	2016-2020
21	Trường THPT An Lạc 3	Bình Tân	0,56	2016-2020
22	Trường THPT An Lạc 4	Bình Tân	0,48	2016-2020
23	Trường THPT Bình Trị Đông 2	Bình Tân	1,54	2016-2020
24	Trường THPT Bình Trị Đông 3	Bình Tân	1,61	2016-2020
25	Trường THPT Bình Hưng Hoà 6	Bình Tân	1,71	2016-2020
26	Trường THPT Tân Tạo 1	Bình Tân	2,30	2016-2020
27	Trường THPT Tân Tạo 2	Bình Tân	2,62	2016-2020
28	Trường THPT Dân lập Ngôi Sao	Bình Tân	0,40	2016-2020
29	THPT P26 (đường Nguyễn Xí, P26)	Bình Thạnh	0,88	2016-2020
30	Trường THPT Gia Định	Bình Thạnh	1,70	2016-2020
31	Trường THPT phường 5-xây mới	Gò Vấp	1,20	2016-2020
32	Trường THPT phường 8-xây mới	Gò Vấp	0,94	2016-2020
33	Trường THPT phường 9-xây mới	Gò Vấp	1,40	2016-2020
34	Trường THPT phường 12- xây mới (gồm trường THPT Phan Huy Ích 0,23ha và phần còn lại đang xin chủ trương)	Gò Vấp	0,71	2016-2020
35	Trường THPT phường 12- xây mới	Gò Vấp	1,75	2016-2020
36	Trường THPT phường 14-xây mới	Gò Vấp	1,29	2016-2020
37	Trường THPT phường 15-xây mới	Gò Vấp	1,00	2016-2020
38	Xây dựng trường THPT quận Gò Vấp	Gò Vấp	1,10	2016-2020
39	Trường THPT dự kiến (678 Âu Cơ, P14)	Tân Bình	1,02	2016-2020
40	Trường cấp 3 Huỳnh Thúc Kháng tại Khu C30 - A5	Tân Bình	0,90	2016-2020
41	Trường THPT Trần Thái Tông và THPT Tân Sơn (P15)	Tân Bình	1,96	2016-2020
42	Trường THPT Hiệp Tân	Tân Phú	1,00	2016-2020
43	Trường THPT Tô Hiệu (XN Cầu Tre)	Tân Phú	1,00	2016-2020
44	Trường THPT P. Tân Thới Hòa	Tân Phú	0,70	2016-2020
45	Trường THPT Hiệp Bình Chánh	Thủ Đức	1,34	2016-2020
46	Trường THPT Linh Trung	Thủ Đức	1,50	2016-2020
47	Trường PTTH Trường Thọ	Thủ Đức	1,96	2016-2020
48	Trường THPT Tam Bình	Thủ Đức	2,00	2016-2020
49	Trường THPT + THCS Bình Chiểu	Thủ Đức	1,80	2016-2020
50	Trường THPT Linh Đông	Thủ Đức	2,00	2016-2020
51	Trường THPT Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	2,18	2016-2020
52	THPT Tân Túc	Bình Chánh	2,25	2016-2020
53	THPT Vĩnh Lộc A	Bình Chánh	2,10	2016-2020
54	THPT Bình Hưng (KDC Bình Hưng Nam)	Bình Chánh	2,03	2016-2020
55	THPT Tân Kiên (khu A - KDC)	Bình Chánh	2,03	2016-2020
56	THPT Phong Phú (KDC Phong Phú II)	Bình Chánh	2,03	2016-2020
57	THPT Hưng Long (KDC xã Hưng Long)	Bình Chánh	2,03	2016-2020
58	THPT Lê Minh Xuân (KĐT Sing Việt)	Bình Chánh	2,03	2016-2020
59	Nâng cấp mở rộng Trường THPT Bình Chánh	Bình Chánh	2,25	2016-2020
60	Lập dự án xây dựng trường THPT Năng khiếu Thể dục thể thao huyện Bình Chánh (giai đoạn 2)	Bình Chánh	4,50	2016-2020
61	Xây dựng trường THPT Vĩnh Lộc A	Bình Chánh	2,00	2016-2020
62	Lập dự án xây dựng trường THPT Năng khiếu Thể dục thể thao huyện Bình Chánh (giai đoạn 2)	Bình Chánh	4,35	2016-2020
63	Khu công trình công cộng - khu số 19 (trường THPT)	Bình Chánh	2,71	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
64	Trường THPT Long Hòa 1	Cần Giờ	3,04	2016-2020
65	Trường THPT Long Hòa 2	Cần Giờ	3,04	2016-2020
66	Trường THPT Bình Khánh 1	Cần Giờ	3,04	2016-2020
67	Trường THPT Lý Nhơn	Cần Giờ	3,04	2016-2020
68	Trường THPT Tam Thôn Hiệp	Cần Giờ	3,04	2016-2020
69	Trường Trung học phổ thông (Mở rộng)	Củ Chi	2,07	2016-2020
70	Trường PTTH Nguyễn Hữu Cầu - Trung Chánh	Hóc Môn	1,09	2016-2020
71	Xây mới trường THPT Phạm Văn Sáng - Xuân Thới Sơn	Hóc Môn	1,79	2016-2020
72	Trường THPT thị trấn	Hóc Môn	2,17	2016-2020
73	Trường cấp III xây dựng mới	Hóc Môn	1,40	2016-2020
74	Trường THPT Nhân Văn (X. Bà Điểm)	Hóc Môn	1,54	2016-2020
75	Trường THPT Bà Điểm	Hóc Môn	0,27	2016-2020
76	Trường THPT (Khu III - QHCT)	Nhà Bè	2,60	2016-2020
77	Trường THPT Long Thới	Nhà Bè	1,03	2016-2020
78	Quy hoạch mới 1 trường THPT (KDC HP2)	Nhà Bè	1,43	2016-2020
B	Công trình cấp dưới		1.030,29	
VI.1	QH đất giáo dục chưa có công trình cụ thể		189,27	
1	Đất giáo dục (.Khu 33 ha, Trong khu 177,44 ha)	Quận 2	0,92	2016-2020
2	Đất giáo dục Khu 110 ha	Quận 2	4,20	2016-2020
3	Đất giáo dục Trong KDC và tái định cư Nam Rạch Chiếc	Quận 2	8,00	2016-2020
4	Đất giáo dục Trong khu đô thị mới phát triển phường An Phú 88,03ha	Quận 2	6,00	2016-2020
5	Đất giáo dục Trong quy hoạch chỉnh trang KDC liên phường Bình Trưng Tây - Thạnh Mỹ Lợi	Quận 2	4,07	2016-2020
6	Đất giáo dục KDC Thạnh Mỹ Lợi 180,8 ha (khu 174 ha cũ)	Quận 2	1,44	2016-2020
7	Đất giáo dục Thuộc khu ĐT chỉnh trang kế cận khu đô thị mới Thủ Thiêm 335,59 ha (HOK).	Quận 2	6,23	2016-2020
8	Đất giáo dục Khu 149,36 ha (khu 154 ha cũ)	Quận 2	0,22	2016-2020
9	Đất giáo dục trong KDC P. An Phú	Quận 2	3,24	2016-2020
10	Đất giáo dục KĐT mới Thủ Thiêm (khu 38,4ha)	Quận 2	2,26	2016-2020
11	Đất giáo dục KĐT mới Thủ Thiêm (khu 38,4ha)	Quận 2	2,01	2016-2020
12	Dự án xây dựng trường học tại số 276 Nguyễn Tất Thành	Quận 4	0,39	2016-2020
13	Xây dựng trường học (Xí nghiệp Đại Thắng) - P Tân Hưng	Quận 7	1,14	2016-2020
14	Trường học (CT CP Giáo dục và Đào tạo Hòa Thuận Phát)	Quận 7	0,63	2016-2020
15	Đất giáo dục (khu Thành Hiếu) - P. Tân Hưng	Quận 7	0,40	2016-2020
16	Cụm 02 Trường Phường 16 (Tiểu học, Trung học cơ sở)	Quận 8	1,47	2016-2020
17	Cụm 03 Trường Phường 15 (Mầm non. Tiểu học. Trung học cơ sở)	Quận 8	4,32	2016-2020
18	Cụm 03 Trường Phường 4 (Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở)	Quận 8	2,27	2016-2020
19	Trường học dự kiến P2	Tân Bình	0,52	2016-2020
20	Trường học (khu vườn rau bưu điện)	Tân Bình	1,00	2016-2020
21	Trường học dự kiến (Công ty may Việt Tiến)	Tân Bình	0,33	2016-2020
22	Trường học dự kiến (Nhựa Tân Tiến, P9)	Tân Bình	0,20	2016-2020
23	Trường học dự kiến (Xưởng sản xuất ruột xe ShinFa)	Tân Bình	0,30	2016-2020
24	Trường học dự kiến p15	Tân Bình	0,30	2016-2020
25	Nhu cầu đất giáo dục MN+TH+THCS	Thủ Đức	16,25	2016-2020
26	Đất giáo dục (phường Hiệp Bình Chánh)	Thủ Đức	3,00	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
27	Nhà công vụ cho giáo viên Bình Khánh	Cần Giờ	0,25	2016-2020
28	Nhà công vụ cho giáo viên Cần Thạnh	Cần Giờ	0,17	2016-2020
29	Đất giáo dục	Củ Chi	2,30	2016-2020
30	Khu đất giáo dục	Củ Chi	2,00	2016-2020
31	Quỹ đất giáo dục (Khu DC TT xã)	Củ Chi	2,00	2016-2020
32	QH khu đất giáo dục	Củ Chi	1,50	2016-2020
33	Đất giáo dục - QH khu đô thị mới Phước Kiển - Nhơn Đức (349,36 ha)Nhơn Đức	Nhà Bè	1,23	2016-2020
34	Đất giáo dục - QH khu đô thị mới Phước Kiển - Nhơn Đức (349,36 ha)Nhơn Đức	Nhà Bè	1,38	2016-2020
35	Đất giáo dục - QHCT khu dân cư nông thôn số 1 (190,73 ha)Nhơn Đức	Nhà Bè	1,00	2016-2020
36	Đất dự trữ giáo dục - QHCT khu dân cư ấp 3 (75,47 ha)Nhơn Đức	Nhà Bè	2,19	2016-2020
37	Đất giáo dục (LVL-SLK-ROB)Phước Kiển	Nhà Bè	0,56	2016-2020
38	Đất giáo dục (Phú Long)Phước Kiển	Nhà Bè	1,50	2016-2020
39	Đất giáo dục (Nhơn Đức - Phước Kiển)Phước Kiển	Nhà Bè	8,52	2016-2020
40	Quy hoạch mới trường học (9 điểm trường - khu đô thị cảng Hiệp Phước)	Nhà Bè	38,34	2016-2020
41	Đất dự trữ phát triển giáo dục	Nhà Bè	35,21	2016-2020
42	Đất giáo dục (trong Khu phát triển tổng hợp TĐTT, vui chơi giải trí, nhà ở, văn phòng)	Nhà Bè	20,00	2016-2020
VI.2	Hệ thống trường mầm non, mẫu giáo		260,33	
1	XD mới trường học ở hẻm 42 Trần Đình Xu	Quận 1	0,93	2016-2020
2	QH Đất giáo dục (khu Ba Son)	Quận 1	0,80	2016-2020
3	XD mới trường mầm non Đa Kao (18 Nguyễn Huy Tự)	Quận 1	0,07	2016-2020
4	Trường MN thuộc Khu nhà ở cán bộ chiến sỹ Công an	Quận 2	0,11	2016-2020
5	Các điểm trường Mầm non (KP4)	Quận 2	1,63	2016-2020
6	Trường Mầm non Nova	Quận 2	0,10	2016-2020
7	Trường Mầm non Australia	Quận 2	0,05	2016-2020
8	Trường Mầm non Quốc tế và khu ký túc xá	Quận 2	0,41	2016-2020
9	Trường Mầm non (Quyết định 3319/QĐ-UBND ngày 01 tháng 08 năm 2008. Khu dân cư Bắc Xa Lộ Hà Nội)	Quận 2	0,79	2016-2020
10	Trường mầm non .KDC Thạnh Mỹ Lợi (157,97 ha)	Quận 2	0,42	2016-2020
11	Trường mầm non KP1	Quận 2	0,95	2016-2020
12	Trường mầm non KP3	Quận 2	0,48	2016-2020
13	Trường mầm non Trong khu 177,44 ha.Trong khu đất Cty XD và KD nhà Phú Nhuận	Quận 2	1,11	2016-2020
14	Trường mầm non Trong khu 177,44 ha.Trong khu dự án nhà ở Cty CP kinh doanh địa ốc Phúc Điền	Quận 2	0,02	2016-2020
15	Các điểm trường mầm non . Khu 149,36 ha (khu 154 ha cũ)	Quận 2	2,16	2016-2020
16	Trường mầm non Công ty Caric	Quận 2	0,24	2016-2020
17	Mở rộng trường Mầm non Thảo Điền	Quận 2	0,17	2016-2020
18	Mở rộng mầm non 1 cơ sở 3 (giai đoạn 2)	Quận 3	0,01	2016-2020
19	Chuyển mục đích Mầm non 3	Quận 3	-0,01	2016-2020
20	Chuyển mục đích Mầm non 3	Quận 3	-0,02	2016-2020
21	Mở rộng Mầm non 3	Quận 3	0,05	2016-2020
22	Hoán đổi mở rộng Trường Mầm non 3	Quận 3	0,01	2016-2020
23	Mở rộng trường Mầm non 5	Quận 3	0,01	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
24	Trường Mầm non Quận 3	Quận 3	0,08	2016-2020
25	Mở rộng trường Mầm non 7 A	Quận 3	0,03	2016-2020
26	Chuyển mục đích trường MN tuổi thơ 7C	Quận 3	-0,12	2016-2020
27	Mở rộng Mầm non 8	Quận 3	0,10	2016-2020
28	Mở rộng Mầm non 8 (chuyển thành MN tuổi thơ 8)	Quận 3	0,11	2016-2020
29	Mở lối thoát hiểm cho trường mầm non phường 10	Quận 3	0,00	2016-2020
30	Chuyển mục đích Mầm non 1	Quận 3	-0,01	2016-2020
31	Chuyển mục đích Mầm non 1 cơ sở 2 (đầu giá)	Quận 3	-0,01	2016-2020
32	Chuyển mục đích Mầm non 10	Quận 3	-0,01	2016-2020
33	Chuyển mục đích Mầm non 10	Quận 3	0,00	2016-2020
34	Chuyển mục đích tiểu học Nguyễn Việt Hồng 2	Quận 3	0,01	2016-2020
35	Trường Mầm non Phường 10	Quận 3	0,08	2016-2020
36	Mầm non 11	Quận 3	0,04	2016-2020
37	Chuyển mục đích Mầm non 11	Quận 3	-0,01	2016-2020
38	Chuyển mục đích Mầm non 11	Quận 3	-0,01	2016-2020
39	Chuyển mục đích Mầm non 11	Quận 3	-0,01	2016-2020
40	Trường mầm non phường 11 (Nhà trẻ thuộc dự án nhà ở CB CNV)	Quận 3	0,11	2016-2020
41	Mở rộng trường mầm non 13	Quận 3	0,02	2016-2020
42	Chuyển mục đích Mầm non 14	Quận 3	-0,02	2016-2020
43	Chuyển mục đích Mầm non 14	Quận 3	-0,02	2016-2020
44	Chuyển mục đích Mầm non 14A	Quận 3	-0,02	2016-2020
45	Mở rộng Mầm non 14	Quận 3	0,06	2016-2020
46	Xây dựng trường mẫu giáo phường 4	Quận 4	0,06	2016-2020
47	Trường mầm non 16	Quận 4	0,68	2016-2020
48	Trường mầm non 3	Quận 4	1,00	2016-2020
49	Trường mầm non 4	Quận 4	0,11	2016-2020
50	Trường mầm non 10	Quận 4	0,03	2016-2020
51	Trường Mầm non phường 1 (trong Bạt Hồ mở dự án 299)	Quận 4	0,34	2016-2020
52	Trường Mầm non phường 6	Quận 4	0,05	2016-2020
53	Trường Mầm non liên phường 8 và 9	Quận 4	0,44	2016-2020
54	Trường Mầm non phường 10	Quận 4	0,03	2016-2020
55	Trường học trong khu 930 ha	Quận 4	0,98	2016-2020
56	Xây dựng mới Trường Mầm non 12	Quận 4	0,08	2016-2020
57	Xây dựng mới Trường Mầm Non 6 (đất trống đã giải tỏa ở Khu nhà ở Phường 6)	Quận 4	0,08	2016-2020
58	Trường mầm non 10	Quận 5	0,13	2016-2020
59	Trường mầm non khu 3 Nam Lý Chiêu Hoàng	Quận 6	0,20	2016-2020
60	Trường mầm non phường 14	Quận 6	0,09	2016-2020
61	Trường MN bán công Rạng Đông 5	Quận 6	0,07	2016-2020
62	Trường mầm non Rạng Đông Phường 12 (336/17/10 Nguyễn Văn Luông P12)	Quận 6	0,21	2016-2020
63	Trường mầm non Rạng Đông 8(nhận giữ trẻ từ 6 tháng-18 tháng tuổi)	Quận 6	0,01	2016-2020
64	Trường mầm non Rạng Đông 13 (76/1/4-8 Bà Hom)	Quận 6	0,31	2016-2020
65	Trường mầm non Rạng Đông 13 (361 Đặng nguyên Cẩn)	Quận 6	0,15	2016-2020
66	Trường mầm non Rạng Đông 8	Quận 6	0,13	2016-2020
67	Trường mầm non Rạng Đông 7	Quận 6	0,07	2016-2020
68	Trường Mầm non Rạng Đông 3	Quận 6	0,11	2016-2020
69	Dự án xây trường MG Cty Nam Long	Quận 7	0,05	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
70	Trường mầm non (Cty Việt Hàn)	Quận 7	0,43	2016-2020
71	Nhà trẻ mẫu giáo (Cty ĐT XD Tân Thuận-TQĐ)	Quận 7	0,73	2016-2020
72	Trường mầm non (Cty Thanh Bình)	Quận 7	0,24	2016-2020
73	Trường mẫu giáo (Cty Khải Huy Quân)	Quận 7	0,38	2016-2020
74	Nhà trẻ mẫu giáo (Cty ĐT XD Tân Thuận-Ven sông)	Quận 7	0,50	2016-2020
75	Trường tiểu học (Cty DVCI Q4)	Quận 7	0,88	2016-2020
76	Đất giáo dục (Cty Phát Đạt-The Everich II)	Quận 7	0,57	2016-2020
77	Trường tiểu học (Cty Hoàn Cầu)	Quận 7	1,22	2016-2020
78	Trường tiểu học (Cty Tấn Trường-Riveira Point)	Quận 7	0,90	2016-2020
79	Đất giáo dục (Công ty KDN Sài Gòn)	Quận 7	1,95	2016-2020
80	Trường tiểu học (Cty KND Chợ lớn)	Quận 7	0,57	2016-2020
81	Đất giáo dục (Công ty ADC)	Quận 7	1,05	2016-2020
82	Đất giáo dục (Công ty Tấn trường 1)	Quận 7	0,19	2016-2020
83	Đất giáo dục (Công ty SG Thương tín)	Quận 7	1,30	2016-2020
84	Trường mầm non Phú Thuận	Quận 7	0,37	2016-2020
85	Trường Mầm non Phạm Hữu Lầu	Quận 7	0,30	2016-2020
86	Trường mầm non 19/5 - Tân Thuận Đông	Quận 7	0,26	2016-2020
87	Trường mầm non Phú Mỹ	Quận 7	0,32	2016-2020
88	Trường mầm non Phú Mỹ (khu đất hoán đổi)	Quận 7	0,10	2016-2020
89	Cải tạo mở rộng trường MN 30/4- Tân kiểng	Quận 7	0,02	2016-2020
90	Trường Việt Úc - Tân Phú	Quận 7	1,00	2016-2020
91	Xây dựng mở rộng trường mầm non Tân Hưng	Quận 7		2016-2020
92	XD trường mầm non Sông Tân	Quận 7	0,90	2016-2020
93	Trường mầm non Tân Phong	Quận 7	0,74	2016-2020
94	Trường mầm non Vàng Anh (cơ sở 2)	Quận 8	0,14	2016-2020
95	Trường mầm non Bình Đăng (phường 5)	Quận 8		2016-2020
96	Trường mầm non phường 1	Quận 8	0,67	2016-2020
97	Trường mầm non phường 1	Quận 8	0,50	2016-2020
98	Dự án Bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng Trường Mầm non Hòa Mi tại Phường 01 Quận 8	Quận 8	0,58	2016-2020
99	Dự án Bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng Trường Mầm non Hòa Mi tại Phường 12 Quận 8	Quận 8	0,41	2016-2020
100	Trường mầm non Phường 15 (Khu dân cư Rạch Lào)	Quận 8	0,35	2016-2020
101	Trường mầm non Vạn Nguyên	Quận 8		2016-2020
102	Chuyển mục đích đất ở Nắng Mai (Chim Non) 355 Nguyễn Duy	Quận 8	0,00	2016-2020
103	Chuyển mục đích đất ở Nắng Mai (Chim Non) 600 Nguyễn Duy	Quận 8	0,00	2016-2020
104	Chuyển đổi mục đích cơ sở cũ của trường mầm non Tuổi Hoa (bán nhà và chuyển nhượng Quyền sử dụng đất)	Quận 8	0,00	2016-2020
105	Trường mầm non tại 132/62 đường Cây Sung	Quận 8	0,16	2016-2020
106	Trường mầm non phường 15	Quận 8	0,38	2016-2020
107	QH trường Tiểu học- Trung học cơ sở Khu Rạch Lào	Quận 8	14,99	2016-2020
108	Trường mầm non Phú Định (p16)	Quận 8	0,60	2016-2020
109	Trường mầm non tại dự án Khu dân cư Phú Lợi	Quận 8	0,34	2016-2020
110	Trường mầm non tại dự án Khu nhà ở - Phú Lợi	Quận 8	0,16	2016-2020
111	Trường mầm non phường 6	Quận 8	1,12	2016-2020
112	Trường mầm non khu Bình Đăng (p6)	Quận 8	0,82	2016-2020
113	Trường mầm non KDC Hai Thành	Quận 8	0,49	2016-2020
114	Trường mầm non phường 7 (khu Nam TP)	Quận 8	1,00	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
115	Trường mầm non tại dự án Khu nhà ở P.7	Quận 8	0,07	2016-2020
116	Trường mầm non tại dự án Khu nhà ở Phường 7	Quận 8	0,08	2016-2020
117	Trường mầm non tại dự án Khu TĐC Trương Đình Hội 2	Quận 8	0,50	2016-2020
118	Trường mầm non tại dự án Khu nhà ở Phường 16	Quận 8	0,07	2016-2020
119	Trường mầm non thuộc dự án Khu tái định cư Cảng sông Phú Định	Quận 8	0,30	2016-2020
120	Trường mầm non Tuổi Thơ Phường 5	Quận 8	0,46	2016-2020
121	Trường mầm non Phường 10	Quận 8	0,33	2016-2020
122	Dự án Bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư Cụm 3 trường tại Phường 15 Quận 8	Quận 8	4,32	2016-2020
123	Dự án Bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư Cụm 2 trường tại Phường 16 Quận 8	Quận 8	1,85	2016-2020
124	Dự án Bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng Trường Mầm non Hòa Mi tại Phường 01 Quận 8	Quận 8	0,58	2016-2020
125	Dự án Bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng Trường Mầm non Hòa Mi tại Phường 12 Quận 8	Quận 8	0,41	2016-2020
126	Trường mầm non 1458 Hoài Thanh	Quận 8	0,26	2016-2020
127	Trường mầm non P.4 (ĐA Kiến Á)	Quận 8	0,10	2016-2020
128	Trường mầm non Phường 9	Quận 8	0,14	2016-2020
129	Trường mầm non Phường 9-10	Quận 8	0,49	2016-2020
130	Trường mầm non Phường 13	Quận 8	0,49	2016-2020
131	Trường Mầm non Rạng Đông 8	Quận 8	0,11	2016-2020
132	Trường mầm non Phường 4	Quận 8	0,10	2016-2020
133	Quy hoạch xây mới trường mầm non Phường 12	Quận 8	0,25	2016-2020
134	Trường MN tại dự án Khu TĐC Trương Đình Hội 2	Quận 8	0,50	2016-2020
135	Trường Mầm non Tăng Nhơn Phú A	Quận 9	0,40	2016-2020
136	Trường mầm non Long Thạnh Mỹ	Quận 9	0,39	2016-2020
137	Trường mầm non Phước Bình	Quận 9	0,32	2016-2020
138	Trường mầm non Phước Long A	Quận 9	0,47	2016-2020
139	Trường MN Phước Long B	Quận 9	0,51	2016-2020
140	Trường MN Tăng Nhơn Phú B	Quận 9	0,49	2016-2020
141	Trường MN Long Trường	Quận 9	0,40	2016-2020
142	Trường MN Tân Phú	Quận 9	0,48	2016-2020
143	Trường MN Trường Thạnh	Quận 9	0,45	2016-2020
144	Mầm non phường 5 (mở rộng)	Quận 10	0,12	2016-2020
145	Trường Mầm non phường 10	Quận 10	0,01	2016-2020
146	Mầm non phường 6	Quận 10	0,09	2016-2020
147	Xây dựng trường mầm non Phường 04 (186 Dương Tử Giang, phường 04 quận 11)	Quận 11	0,20	2016-2020
148	Xây dựng mới trường mầm non Khu TMDV nhà ở Tổng Văn Trăn	Quận 11	0,40	2016-2020
149	Trường mầm non phường 06	Quận 11	0,04	2016-2020
150	Mầm non sơn ca phường 7	Quận 11	0,17	2016-2020
151	Mầm non Quê Hương (khu Nam Long - P. Thạnh Lộc)	Quận 12	0,12	2016-2020
152	Trường MN An Phú Đông 1 (thửa 434, tờ 7)	Quận 12	0,59	2016-2020
153	Trường MN Tân Thới Nhất	Quận 12	0,20	2016-2020
154	Trường MN Thạnh Lộc 4	Quận 12	0,61	2016-2020
155	Trường MN Tân Hưng Thuận (kêu gọi đầu tư)	Quận 12	0,26	2016-2020
156	Trường MN Đông Hưng Thuận 1	Quận 12	0,35	2016-2020
157	Trường Mầm non P. Thới An	Quận 12	0,76	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
158	Trường MN Hòa Mi (Hiệp Thành 2)	Quận 12	0,79	2016-2020
159	Trường MN Thạnh Xuân 2	Quận 12	0,33	2016-2020
160	Trường MN An Phú Đông 3	Quận 12	0,79	2016-2020
161	Trường MN Hiệp Thành (quỹ phát triển nhà 12ha)	Quận 12	1,00	2016-2020
162	Trường MN Hiệp Thành 1	Quận 12	0,17	2016-2020
163	Trường MN Thới An	Quận 12	0,44	2016-2020
164	Trường MN Thới An 2	Quận 12	0,26	2016-2020
165	Trường MN Thới An 3	Quận 12	0,18	2016-2020
166	Trường MN Tân Thới Hiệp	Quận 12	0,24	2016-2020
167	Trường MN 5 Tân Thới Nhất	Quận 12	0,20	2016-2020
168	Mầm non Phong Lan phường Bình Hưng Hòa.	Bình Tân	0,17	2016-2020
169	Mầm non Bình Hưng Hòa (đất ao).	Bình Tân	0,87	2016-2020
170	Mầm non Thiên Tuế	Bình Tân	0,23	2016-2020
171	Mầm non Hồng Ngọc	Bình Tân	0,38	2016-2020
172	Mầm non Cát Đằng	Bình Tân	0,23	2016-2020
173	Mầm Non Tường Vi.	Bình Tân	0,82	2016-2020
174	Mầm Non Mộc Trà.	Bình Tân	0,35	2016-2020
175	Mầm Non Hải Âu.	Bình Tân	0,27	2016-2020
176	Mầm Non Diên Vỹ	Bình Tân	0,68	2016-2020
177	Mầm Non Hương Lan.	Bình Tân	0,56	2016-2020
178	Mầm Non Phong Lữ.	Bình Tân	0,48	2016-2020
179	Mầm Non Oải Hương	Bình Tân	0,88	2016-2020
180	Mầm Non Hoa Lư.	Bình Tân	0,50	2016-2020
181	Mầm Non Lan Anh	Bình Tân	0,40	2016-2020
182	Mầm non Nguyệt Quế	Bình Tân	0,34	2016-2020
183	Mầm non Hoàng Lan	Bình Tân	0,66	2016-2020
184	Mầm Non Hoa Phượng Đỏ.	Bình Tân	0,25	2016-2020
185	Mầm Non Đình Hương.	Bình Tân	0,31	2016-2020
186	Mầm Non Ngô Đồng.	Bình Tân	0,15	2016-2020
187	Mầm Non Bông Sen.	Bình Tân	0,39	2016-2020
188	Mầm Non Thủy Cúc.	Bình Tân	0,56	2016-2020
189	Mầm Non Hạnh Đào.	Bình Tân	0,83	2016-2020
190	Mầm Non Chuối Ngọc.	Bình Tân	0,48	2016-2020
191	Mầm Non Hải Đường	Bình Tân	0,56	2016-2020
192	Mầm Non Hoa TiGôn.	Bình Tân	0,36	2016-2020
193	Mầm Non Thiên Thanh.	Bình Tân	0,49	2016-2020
194	Mầm Non Bách Hợp.	Bình Tân	0,17	2016-2020
195	Mầm Non Bồ Công Anh.	Bình Tân	0,37	2016-2020
196	Mầm Non Phi Yến	Bình Tân	0,63	2016-2020
197	Mầm Non Anh Thảo.	Bình Tân	0,66	2016-2020
198	Mầm Non Sen Trắng.	Bình Tân	0,56	2016-2020
199	Mầm Non Mặt Trời Bé Con	Bình Tân	0,69	2016-2020
200	Mầm Non Hoàng Mai.	Bình Tân	0,56	2016-2020
201	Mầm Non Hoa Sứ	Bình Tân	1,45	2016-2020
202	Mầm Non Trạng Nguyên	Bình Tân	0,99	2016-2020
203	Mầm Non Hoàng Yến.	Bình Tân	0,37	2016-2020
204	Mầm Non Sơn Trà.	Bình Tân	0,41	2016-2020
205	Mầm Non Vân Anh.	Bình Tân	0,63	2016-2020
206	Mầm Non Mẫu Đơn.	Bình Tân	0,27	2016-2020
207	Mầm Non Cẩm Nhung.	Bình Tân	0,76	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
208	Mầm Non Mộc Lan.	Bình Tân	0,65	2016-2020
209	Mầm Non Hoa Hồng Đỏ	Bình Tân	0,26	2016-2020
210	Mầm Non Sương Mai	Bình Tân	0,42	2016-2020
211	Mầm non 1 (116 Đinh Tiên Hoàng)	Bình Thạnh	0,30	2016-2020
212	Mầm non 12B (Bờ tây đường Phan Chu Trinh)	Bình Thạnh	0,36	2016-2020
213	Mầm non 12B (23 Trần Quý Cáp - P12)	Bình Thạnh	0,33	2016-2020
214	Mầm non 25C (khu QH bờ sông SG)	Bình Thạnh	0,47	2016-2020
215	Mầm non 26	Bình Thạnh	0,12	2016-2020
216	Trường mầm non Phường 1-xây mới	Gò Vấp	0,24	2016-2020
217	Trường mầm non phường 5 -xây mới	Gò Vấp	0,11	2016-2020
218	Trường mầm non phường 5 -xây mới	Gò Vấp	0,30	2016-2020
219	Trường mầm non phường 6 -xây mới	Gò Vấp	0,20	2016-2020
220	Trường mầm non phường 6 -xây mới	Gò Vấp	0,09	2016-2020
221	Trường mầm non phường 8-xây mới	Gò Vấp	0,42	2016-2020
222	Trường mầm non phường 9-xây mới	Gò Vấp	0,70	2016-2020
223	Trường mầm non phường 9-xây mới	Gò Vấp	0,37	2016-2020
224	Trường mầm non phường 10-xây mới	Gò Vấp	0,17	2016-2020
225	Trường mầm non phường 10-xây mới	Gò Vấp	0,16	2016-2020
226	Trường mầm non phường 11 -xây mới	Gò Vấp	0,30	2016-2020
227	Trường mầm non phường 12-xây mới	Gò Vấp	0,40	2016-2020
228	Trường mầm non phường 12-xây mới	Gò Vấp	0,10	2016-2020
229	Trường mầm non 13A (cơ sở mới)	Gò Vấp	0,37	2016-2020
230	Trường mầm non phường 14-xây mới	Gò Vấp	0,69	2016-2020
231	Trường mầm non phường 14-xây mới	Gò Vấp	0,45	2016-2020
232	Trường mầm non phường 14-xây mới	Gò Vấp	0,65	2016-2020
233	Trường mầm non phường 15-xây dựng mới	Gò Vấp	0,13	2016-2020
234	Trường mầm non phường 15-xây dựng mới	Gò Vấp	0,29	2016-2020
235	Trường mầm non phường 15-xây dựng mới	Gò Vấp	0,10	2016-2020
236	Trường mầm non phường 15-xây dựng mới	Gò Vấp	0,67	2016-2020
237	Trường mầm non phường 15	Gò Vấp	0,19	2016-2020
238	Trường mầm non phường 16-xây mới	Gò Vấp	0,33	2016-2020
239	Trường mầm non phường 16-xây mới	Gò Vấp	0,34	2016-2020
240	Xây dựng trường MN Sơn ca liên phường 13-14	Phú Nhuận	0,10	2016-2020
241	Xây dựng trường MN Sơn ca 1 - Phân hiệu 1	Phú Nhuận	0,13	2016-2020
242	Trường MN Sơn ca 2	Phú Nhuận	0,03	2016-2020
243	Xây dựng trường MN Sơn ca 15 - Phân hiệu 2	Phú Nhuận	0,04	2016-2020
244	Xây dựng trường MN Sơn ca 10	Phú Nhuận	0,23	2016-2020
245	Xây dựng trường MN Sơn ca 10 - Phân hiệu 2	Phú Nhuận	0,04	2016-2020
246	Trường MN Sơn ca 3	Phú Nhuận	0,08	2016-2020
247	Xây dựng trường MN Sơn ca 11 - Phân hiệu 2	Phú Nhuận	0,03	2016-2020
248	Trường học tại 191 Bùi Thị Xuân, P1	Tân Bình	0,33	2016-2020
249	Trường mầm non xây mới (Cty Rượu bia NGK SG)	Tân Bình	0,19	2016-2020
250	Trường Nguyễn Gia Thiều (khu C30) - A1	Tân Bình	0,20	2016-2020
251	Trường Mầm non (khu vườn rau bưu điện p6)	Tân Bình	0,42	2016-2020
252	Trường Mầm non Minh Quang	Tân Bình	0,13	2016-2020
253	Trường mầm non xây mới (Cty Hiệp Phát) P15	Tân Bình	0,40	2016-2020
254	Mầm non phường Tân Sơn Nhì 2	Tân Phú	0,09	2016-2020
255	Trường Mầm non phường Tây Thạnh	Tân Phú	0,49	2016-2020
256	Trường mầm non Tân Quý	Tân Phú	0,36	2016-2020
257	Trường mầm non Tân Quý 1 (Cty Điện lực bàn giao)	Tân Phú	0,19	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
258	Trường Mầm non phường Tân Thành	Tân Phú	0,20	2016-2020
259	Trường Mầm Non Phường Hồng	Tân Phú	0,14	2016-2020
260	Trường Mầm Non Phú Thạnh	Tân Phú	0,28	2016-2020
261	Trường Mầm Non Hòa Thạnh 2	Tân Phú	0,15	2016-2020
262	Trường Mầm non phường Hiệp Tân	Tân Phú	0,30	2016-2020
263	Trường Mầm Non Tân Thới Hòa	Tân Phú	0,16	2016-2020
264	Trường MN Hiệp Bình Phước	Thủ Đức	0,05	2016-2020
265	Trường mầm non Linh Đông	Thủ Đức	0,67	2016-2020
266	Trường mầm non Linh Xuân	Thủ Đức	1,20	2016-2020
267	Mở rộng trường mầm non Hoa Phượng	Thủ Đức	0,19	2016-2020
268	Mở rộng trường mầm non Linh Chiểu	Thủ Đức	0,41	2016-2020
269	MN Trường Thọ	Thủ Đức	0,50	2016-2020
270	Trường mầm non (dự kiến chuyển từ trường dạy nghề người khuyết tật trước đây (khu bãi bùn)	Thủ Đức	0,60	2016-2020
271	Mở rộng trường mầm non Tam Phú 1	Thủ Đức	0,40	2016-2020
272	Trường mầm non Linh Xuân 1 (Đường số 8)	Thủ Đức	0,40	2016-2020
273	Trường mầm non Linh Xuân 2 (khu xi măng Hà Tiên)	Thủ Đức	0,60	2016-2020
274	Nhà trẻ (P. Tam phú) - Cty CP N.V.T	Thủ Đức	0,79	2016-2020
275	Trường mầm non tư thục (xã hội hóa) - P. Hiệp Bình Phước - Cty Địa ốc Vạn Phúc	Thủ Đức	4,00	2016-2020
276	Trường mầm non Hiệp Bình Phước - Đồng Sài Gòn	Thủ Đức	0,24	2016-2020
277	Trường mầm non India Grandi	Thủ Đức	0,65	2016-2020
278	Trường Mầm non Hoa Thiên Lý - Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	0,18	2016-2020
279	Trường Mẫu giáo Hoa Phượng - Vĩnh Lộc A	Bình Chánh	0,33	2016-2020
280	Trường mẫu giáo Tân Kiên	Bình Chánh	0,50	2016-2020
281	Trường Mẫu giáo Tân Nhựt	Bình Chánh	0,74	2016-2020
282	Xây dựng Trường Mầm non - Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	0,18	2016-2020
283	Mầm non Tân Túc	Bình Chánh	0,17	2016-2020
284	Mầm non Hoàng Anh (Khu phố 5)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
285	Mầm non Tân Túc (KDC Hưng Phú)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
286	Mầm non Phạm Văn Hai (KDC An Hạ)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
287	Mầm non Quỳnh Hương (ấp 4)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
288	Mầm non Phạm Văn Hai (KDC kế cụm CN An Hạ)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
289	Mầm non Vĩnh Lộc A (Khu TĐC Vĩnh Lộc A)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
290	Mầm non Vĩnh Lộc A	Bình Chánh	0,50	2016-2020
291	Mầm non Vĩnh Lộc A	Bình Chánh	0,50	2016-2020
292	Mầm non Vĩnh Lộc A (Khu TĐC Vĩnh Lộc A)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
293	Mầm non Vĩnh Lộc B (Khu DC Vĩnh Lộc B)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
294	Mầm non Vĩnh Lộc B (Khu TĐC Vĩnh Lộc B)	Bình Chánh	0,59	2016-2020
295	Mầm non Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	0,50	2016-2020
296	Mầm non Vĩnh Lộc B (Khu DC dọc Tỉnh lộ 10)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
297	MN Vĩnh Lộc B (Khu TĐC Vĩnh Lộc B)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
298	Mầm non Bình Lợi (khu tiếp giáp THCS Gò Xoài)	Bình Chánh	0,52	2016-2020
299	Mầm non Lê Minh Xuân (khu I)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
300	Mầm non Lê Minh Xuân (khu đô thị SingViet)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
301	Mầm non Lê Minh Xuân (khu II - KDC)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
302	MN Tân Nhựt (giáp khu tương niệm Mậu Thân)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
303	Mầm non Tân Kiên (ấp 2)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
304	Mầm non Tân Kiên (KDC phía Đông QL1A)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
305	Mầm non Tân Kiên (khu B - KDC)	Bình Chánh	0,50	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
306	MN Tân Kiên (KDC phía Tây đường Nguyễn.C.Phú)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
307	Mẫu giáo Bình Hưng (KDC Rạch Bà Tánh)	Bình Chánh	0,45	2016-2020
308	Mầm non Bình Hưng (KDC Nguyễn Sơn)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
309	Mầm non Bình Hưng (Khu DC Bình Hưng)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
310	MN Bình Hưng (KDC Hải Yến)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
311	MN Phong Phú (Khu nhà ở CBCNV BV Chợ Rẫy)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
312	Mầm non Phong Phú (Khu TĐC 87ha)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
313	Mầm non An Phú Tây (KDC An Phú Tây)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
314	Mầm non Hưng Long (ấp 3)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
315	Mầm non Đa Phước (Kế bên khu TĐC Đa Phước)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
316	Mầm non Tân Quý Tây	Bình Chánh	0,32	2016-2020
317	Mẫu giáo Bình Chánh (ấp 3)	Bình Chánh	0,43	2016-2020
318	Mầm non Bình Chánh (KDC 132ha)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
319	Mầm non Bình Chánh (KDC 124ha)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
320	Mầm non Phong Lan (ấp 2)	Bình Chánh	0,35	2016-2020
321	Xây dựng trường mầm non xã Qui Đức	Bình Chánh	0,86	2016-2020
322	Trường Mẫu giáo Quỳnh Anh	Bình Chánh	0,50	2016-2020
323	Trường Mầm non Lê Minh Xuân	Bình chánh	0,53	2016-2020
324	Xây dựng trường mầm non Bình Chánh	Bình chánh	0,66	2016-2020
325	Trường Mầm non Hoa Sen	Bình chánh	0,52	2016-2020
326	Dự án Trường Mầm non Hoàng Anh	Bình Chánh	0,50	2016-2020
327	Mầm non Bình Hưng	Bình Chánh	0,61	2016-2020
328	Mầm non Phong Phú (Khu TĐC 87ha)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
329	Trường Mầm non Vĩnh Lộc A (ấp 1)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
330	Trường Mầm non Đa Phước	Bình Chánh	0,55	2016-2020
331	Trường Mầm non Phạm văn Hai	Bình Chánh	0,50	2016-2020
332	Xây mới Trường Mầm non Nam Sài Gòn (P3, khu A - Khu đô thị Nam Thành phố)	Bình Chánh	1,00	2016-2020
333	Cải tạo, nâng cấp mở rộng trường Mầm non Hoa Phượng 1	Bình Chánh	0,50	2016-2020
334	Dự án trường mẫu giáo Tân Nhựt 6	Bình Chánh	0,52	2016-2020
335	Mầm non Bình Chánh	Bình Chánh	0,58	2016-2020
336	Mầm non Lê Minh Xuân	Bình Chánh	0,53	2016-2020
337	Trường mầm non trong khu công nghiệp Lê Minh Xuân	Bình Chánh	0,20	2016-2020
338	Xây dựng trường MN Hoa Phượng 1	Bình Chánh	0,63	2016-2020
339	Xây dựng trường MN Tân Túc 1	Bình Chánh	0,40	2016-2020
340	Xây dựng trường MN Tân Túc	Bình Chánh	0,75	2016-2020
341	Trường MN Phạm văn Hai 2	Bình Chánh	0,65	2016-2020
342	Nâng cấp, mở rộng trường MN Quỳnh Hương	Bình Chánh	0,65	2016-2020
343	Xây dựng trường MN Phạm Văn Hai	Bình Chánh	0,52	2016-2020
344	Xây dựng trường MN Vĩnh Lộc A (Khu tái định cư Vĩnh Lộc A)	Bình Chánh	0,75	2016-2020
345	Xây dựng trường MN Vĩnh Lộc A (ấp 6)	Bình Chánh	0,75	2016-2020
346	Xây dựng trường MN Vĩnh Lộc A (ấp 5)	Bình Chánh	1,02	2016-2020
347	Xây dựng trường MN Vĩnh Lộc A (ấp 3)	Bình Chánh	0,63	2016-2020
348	Xây dựng trường MN Vĩnh Lộc B khu 2	Bình Chánh	0,64	2016-2020
349	Xây dựng trường MN Vĩnh Lộc B (Khu tái định cư Vĩnh Lộc B)	Bình Chánh	0,52	2016-2020
350	Xây dựng trường MN Vĩnh Lộc B khu 3	Bình Chánh	0,71	2016-2020
351	Xây dựng trường MN Lê Minh Xuân (khu 1)	Bình Chánh	0,50	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
352	Xây dựng trường MN Lê Minh Xuân2 (Khu đô thị Sing Việt)	Bình Chánh	0,50	2016-2020
353	Xây dựng trường MN Tân Kiên	Bình Chánh	0,60	2016-2020
354	Xây dựng trường MN Tân Kiên (ấp 2)	Bình Chánh	0,60	2016-2020
355	Xây dựng trường MN Tân Kiên 1	Bình Chánh	0,50	2016-2020
356	Xây dựng trường MN Bình Hưng 3	Bình Chánh	0,76	2016-2020
357	Xây dựng trường MN Bình Hưng2	Bình Chánh	0,75	2016-2020
358	Xây dựng trường MN Bình Hưng (ấp 5)	Bình Chánh	0,54	2016-2020
359	Xây dựng trường MN Đa Phước	Bình Chánh	0,55	2016-2020
360	Xây dựng trường mầm non Bình Chánh	Bình Chánh	0,60	2016-2020
361	Xây dựng trường mầm non xã Qui đức	Bình Chánh	0,37	2016-2020
362	Xây dựng trường Mn Hoa Anh Đào	Bình Chánh	0,74	2016-2020
363	Xây dựng trường MN Phong Phú1 (Khu dân cư ấp 5 xã Phong Phú)	Bình Chánh	0,64	2016-2020
364	Xây dựng trường mầm non Hưng Long	Bình Chánh	0,74	2016-2020
365	Xây dựng trường MN Bình Chánh 1	Bình Chánh	0,70	2016-2020
366	Xây dựng trường MN An Phú Tây	Bình Chánh	0,70	2016-2020
367	Xây dựng trường MN Phong Phú 2	Bình Chánh	0,86	2016-2020
368	Xây dựng trường MN Phong Phú	Bình Chánh	0,51	2016-2020
369	Xây dựng trường MN Bình Chánh 2	Bình Chánh	1,10	2016-2020
370	Xây dựng trường MN Tân Quý Tây	Bình Chánh	0,75	2016-2020
371	Trường MN Tân Điền	Cần Giờ	1,75	2016-2020
372	Mẫu giáo An Thới Đông (cơ sở chính)	Cần Giờ	0,85	2016-2020
373	Trường Mầm non Cọ Dầu	Cần Giờ	0,75	2016-2020
374	Trường Mầm non Bình An	Cần Giờ	0,47	2016-2020
375	Trường Mầm non BK 1	Cần Giờ	0,75	2016-2020
376	Trường Mầm non BK 2	Cần Giờ	0,75	2016-2020
377	Trường Mầm non BK 3	Cần Giờ	0,75	2016-2020
378	Trường Mầm non Bà Xán	Cần Giờ	0,75	2016-2020
379	Trường Mầm non Cần Thạnh 1- KDC TT Cần Thạnh	Cần Giờ	0,75	2016-2020
380	Trường Mầm non Cần Thạnh 2 - KDC Trung tâm TT. Cần Thạnh	Cần Giờ	0,75	2016-2020
381	Trường Mầm non Giồng Ao - KDC Giồng Ao	Cần Giờ	0,75	2016-2020
382	Trường Mầm non 30.4 (Long Hòa 3)	Cần Giờ	0,75	2016-2020
383	Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp 1	Cần Giờ	0,75	2016-2020
384	Trường Mẫu giáo An Thới Đông 1	Cần Giờ	0,75	2016-2020
385	Trường Mẫu giáo An Thới Đông 2	Cần Giờ	0,75	2016-2020
386	Trường Mầm non Long Hòa (CS chính)	Cần Giờ	0,29	2016-2020
387	Trường Mầm non Dơi Lầu (cơ sở chính)	Cần Giờ	0,20	2016-2020
388	Nâng cấp, mở rộng trường mầm non Thanh An	Cần Giờ	0,18	2016-2020
389	Xây dựng mới trường mầm non Đồng Hòa	Cần Giờ	0,12	2016-2020
390	Xây dựng mới Trường Mầm non Long Hòa (Cơ sở 1: Long Thạnh; Cơ sở 2: Hòa Hiệp).	Cần Giờ	0,82	2016-2020
391	Xây dựng mới Trường mầm non Dơi Lầu (Cơ sở 1: Dơi Lầu; Cơ sở 2: An Nghĩa).	Cần Giờ	1,13	2016-2020
392	Xây dựng mới Trường mầm non An Thới Đông (Cơ sở 1: An Đông; Cơ sở 2: Hốc Hỏa Bàu Thợ)	Cần Giờ	0,96	2016-2020
393	Trường Mầm non Cây Cui	Cần Giờ	0,75	2016-2020
394	Mầm non Kho Đồng	Cần Giờ	0,75	2016-2020
395	Mầm non Bình Thạnh (chính trang và mở rộng)	Cần Giờ	0,75	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
396	Trường Mầm non Đồng Tranh (Long Hòa 4)	Cần Giờ	0,75	2016-2020
397	Mầm non Lý Nhơn	Cần Giờ	1,05	2016-2020
398	Trường MN Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi	Củ Chi	0,30	2016-2020
399	Trường MN bán trú Tân Thạnh Đông - cơ sở 2	Củ Chi	0,82	2016-2020
400	Trường mầm non Trung An 1	Củ Chi	0,56	2016-2020
401	Xây dựng Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	Củ Chi	0,17	2016-2020
402	Xây dựng Trường Mầm non Trung Lập Hạ	Củ Chi	0,51	2016-2020
403	Xây dựng mới Trường Mầm non bán trú Phước Hiệp	Củ Chi	0,47	2016-2020
404	Trường mầm non 2 (0,6 ha)	Củ Chi	0,42	2016-2020
405	Trường mầm non KDC An Nhơn Tây (Khu 2) ⁽²⁾	Củ Chi	0,59	2016-2020
406	Trường mầm non KDC Bàu Đưng ⁽³⁾	Củ Chi	0,50	2016-2020
407	Trường mầm non khu TĐC Safari ⁽¹⁾	Củ Chi	0,94	2016-2020
408	Trường mầm non khu TĐC Bàu Đưng ⁽⁵⁾	Củ Chi	0,67	2016-2020
409	Trường mầm non KDC Bàu Đưng	Củ Chi	0,50	2016-2020
410	Trường mầm non khu TĐC Bàu Đưng ⁽⁵⁾	Củ Chi	1,16	2016-2020
411	Trường mầm non Khu DC An Nhơn Tây Khu 2 ⁽²⁾	Củ Chi	0,58	2016-2020
412	Trường Mầm non Nhuận Đức	Củ Chi	0,60	2016-2020
413	Xây dựng Trường Mầm non An Nhơn Tây	Củ Chi	0,73	2016-2020
414	Trường mầm non KDC T.P.Trung (Khu 3)	Củ Chi	0,59	2016-2020
415	Trường mầm non KDC Tân Phú Trung (Khu 4)	Củ Chi	0,60	2016-2020
416	Trường mầm non KDC T.P.Trung (Khu 4)	Củ Chi	0,79	2016-2020
417	Trường mầm non KDC T.P.Trung (Khu 3)	Củ Chi	0,65	2016-2020
418	Xây dựng Trường Mầm non Phước Thạnh	Củ Chi	0,49	2016-2020
419	Xây dựng Trường Mầm non Tân Thạnh Tây	Củ Chi	0,57	2016-2020
420	Xây dựng mới Trường Mầm non bán trú Tân Thạnh Tây	Củ Chi	0,85	2016-2020
421	Xây dựng Trường mầm non Thị Trấn Củ Chi 3	Củ Chi	0,68	2016-2020
422	Xây dựng Trường Mầm non An Phú	Củ Chi	0,77	2016-2020
423	Trường mẫu giáo(CĐ)	Củ Chi	0,58	2016-2020
424	Sửa chữa Trường Mầm non Tân An Hội 1	Củ Chi	0,28	2016-2020
425	Trường Mầm non Tân An Hội 2	Củ Chi	0,47	2016-2020
426	Xây dựng phân hiệu Trường Mầm non Phước Thạnh	Củ Chi	0,23	2016-2020
427	Xây dựng mới Trường Mầm non Lô 6 - An Nhơn Tây	Củ Chi	0,60	2016-2020
428	Xây dựng mới phân hiệu Trường Mầm non Trung Lập Thượng	Củ Chi	0,65	2016-2020
429	QH Trường mẫu giáo (nền trường cũ + mở rộng)	Củ Chi	0,98	2016-2020
430	MR Trường mầm non An Phú	Củ Chi	0,37	2016-2020
431	Xây dựng mới Trường mầm non bán trú Phước Vĩnh An	Củ Chi	0,22	2016-2020
432	Xây dựng Trường mầm non Tân Phú Trung	Củ Chi	0,44	2016-2020
433	Nhà trẻ 1 (Khu DC TT xã)	Củ Chi	0,40	2016-2020
434	Nhà trẻ 2 (Khu DC TT xã)	Củ Chi	0,40	2016-2020
435	2 trường mầm non khu TĐC PVC	Củ Chi	0,85	2016-2020
436	Xây dựng mới Trường Mầm non Thị Trấn Củ Chi 1	Củ Chi	0,60	2016-2020
437	Xây dựng Trường mầm non Phạm Văn Cội 2	Củ Chi	0,60	2016-2020
438	Xây dựng Trường mầm non Tân Thông Hội 3	Củ Chi	0,37	2016-2020
439	Xây dựng Trường mầm non Tân Thông Hội 4	Củ Chi	0,50	2016-2020
440	Xây dựng Trường mầm non Tân Phú Trung 2	Củ Chi	0,70	2016-2020
441	Dự án xây dựng mới trường mầm non Thị Trấn	Hóc Môn	0,79	2016-2020
442	Lập DA XDM Trường MN - Tân Hiệp	Hóc Môn	0,50	2016-2020
443	Lập DA XDM Trường MN Xuân Thới Đông	Hóc Môn	0,74	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
444	Trường mầm non Bông Sen (giai đoạn 2) - Thới Tam Thôn	Hóc Môn	0,38	2016-2020
445	Trường Mầm non Sơn Ca - Đông Thạnh	Hóc Môn	0,68	2016-2020
446	Trường Mầm non Thới Tam Thôn	Hóc Môn	1,06	2016-2020
447	Trường Mầm non Bà Điểm	Hóc Môn	0,76	2016-2020
448	Trường Mầm non Bà Điểm 1	Hóc Môn	0,63	2016-2020
449	Trường MN 19/8 - Xuân Thới Sơn	Hóc Môn	0,73	2016-2020
450	Trường mầm non Tân Thới Nhì	Hóc Môn	0,49	2016-2020
451	Trường mầm non Bé Ngoan	Hóc Môn	0,34	2016-2020
452	Trường mầm non Xuân Thới Sơn 3	Hóc Môn	0,50	2016-2020
453	Trường mầm non Xuân Thới Sơn 1	Hóc Môn	0,55	2016-2020
454	Mầm non Nhị Bình	Hóc Môn	0,58	2016-2020
455	Trường Mầm non Bà Điểm 7	Hóc Môn	0,50	2016-2020
456	Trường Mầm non Xuân Thới Đông	Hóc Môn	0,82	2016-2020
457	Trường mầm non Trung Chánh	Hóc Môn	0,63	2016-2020
458	Trường mầm non Trung Chánh 2	Hóc Môn	0,57	2016-2020
459	Trường mầm non Trung Chánh 3	Hóc Môn	0,50	2016-2020
460	Trường Mầm non Sơn ca 3 (Nhị Bình)	Hóc Môn	0,74	2016-2020
461	Trường mầm non Tân Hòa	Hóc Môn	0,50	2016-2020
462	Trường mẫu giáo Bé ngoan 3	Hóc Môn	0,30	2016-2020
463	Dự kiến XD trường Mầm non	Hóc Môn	0,65	2016-2020
464	Trường mầm non xây dựng mới	Hóc Môn	0,63	2016-2020
465	Trường Mầm non (<i>Sở TN & MT xây nhà ở cho CBCNV</i>) (<i>Khu III - QHCT 1/2000</i>)	Nhà Bè	0,97	2016-2020
466	Trường Mầm non (<i>Khu III - QHCT 1/2000</i>)	Nhà Bè	0,58	2016-2020
467	Quy hoạch mới 1 trường MG (KDC HP2)	Nhà Bè	0,37	2016-2020
468	Trường mầm non khu I (cụm SX Long Thới - theo QHGD)	Nhà Bè	0,88	2016-2020
469	Trường mầm non khu III (cụm SX Long Thới - theo QHGD)	Nhà Bè	0,90	2016-2020
470	Trường mầm non khu III (KDC Trường Vỹ) - Cty Trường Vỹ	Nhà Bè	0,52	2016-2020
471	Trường mầm non khu IV (KDC Trường Vỹ) - Cty Trường Vỹ	Nhà Bè	0,53	2016-2020
472	Nhà trẻ, mẫu giáo thuộc công ty cổ phần phát triển hạ tầng Sài Gòn (Theo QHCT khu dân cư ấp 3 (75,47 ha))	Nhà Bè	0,78	2016-2020
473	Trường mầm non thuộc công ty cổ phần XD và kinh doanh nhà Sài Gòn (Theo QHCT khu dân cư Nhơn Đức (34,22 ha))	Nhà Bè	0,72	2016-2020
474	Trường mầm non (theo QHCT 1/2000 KDC ngã 3 Nhơn Đức - 111,15ha)	Nhà Bè	0,50	2016-2020
475	Trường mầm non (theo QHCT 1/2000 KDC ngã 3 Nhơn Đức - 111,15ha)	Nhà Bè	0,50	2016-2020
476	Trường Mẫu giáo (theo QHCT 1/2000 KDC hiện hữu xã Nhơn Đức (97,47ha))	Nhà Bè	0,93	2016-2020
477	Trường mầm non (theo QHCT khu dân cư xã Nhơn Đức (65,85 ha))	Nhà Bè	1,09	2016-2020
478	Trường mẫu giáo (theo QHCT khu nhà ở xã Nhơn Đức (28,75 ha))	Nhà Bè	0,27	2016-2020
479	Trường mầm non (Theo QHCT xây dựng đô thị khu Nhơn Đức - Phước Lộc)	Nhà Bè	0,57	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
480	Trường mầm non (Theo QHCT xây dựng đô thị khu Nhơn Đức - Phước Lộc)	Nhà Bè	0,70	2016-2020
481	Trường mầm non (Nguyễn Hữu Thọ-Lê Văn Lương)	Nhà Bè	0,32	2016-2020
482	Trường mầm non (Sadeco 3) (2 trường)	Nhà Bè	1,02	2016-2020
483	Trường mầm non (QHXDNTM)	Nhà Bè	0,59	2016-2020
484	Trường Mầm non (Công ty ĐTXD Tân Thuận)	Nhà Bè	0,70	2016-2020
485	Nhà trẻ, mẫu giáo (Thái Sơn 2)	Nhà Bè	1,65	2016-2020
486	Trường mẫu giáo (Lâm Viên)	Nhà Bè	0,62	2016-2020
487	Xây mới trường mẫu giáo khu 1 (KDC phía Tây xã PL)	Nhà Bè	1,10	2016-2020
488	Xây mới trường mẫu giáo khu III (khu dân cư phía Tây xã)	Nhà Bè	1,44	2016-2020
489	Xây mới trường mầm non khu dân cư Cảng Cây Khô	Nhà Bè	0,78	2016-2020
490	Trường mầm non (Theo QHCT 1/2000 KDC Bắc Bờ Bông)	Nhà Bè	0,99	2016-2020
491	Trường mầm non (Theo QHCT 1/2000 KDC Bờ Bông)	Nhà Bè	0,67	2016-2020
492	Trường mầm non (Theo QHCT 1/2000 KDC Bờ Bông)	Nhà Bè	1,21	2016-2020
493	Trường mầm non (Theo QHCT 1/2000 KDC Bắc Bờ Bông)	Nhà Bè	1,62	2016-2020
494	Trường Mầm non Thị trấn	Nhà Bè	1,89	2016-2020
VI.3	Trường tiểu học		289,45	
1	Tiểu học Lê Ngọc Hân (114 Bùi Thị Xuân)	Quận 1	0,11	2016-2020
2	XDM trường học (Hẻm 68 Trần Quang Khải - phường Tân Định)	Quận 1	0,63	2016-2020
3	Mở rộng trường Trần Khánh Dư	Quận 1	0,05	2016-2020
4	Mở rộng tiểu học Chương Dương	Quận 1	0,12	2016-2020
5	Dự án bồi thường Trường Tiểu học An Phú	Quận 2	0,87	2016-2020
6	Dự án bồi thường xây dựng trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Quận 2	1,14	2016-2020
7	Trường Tiểu học (Quyết định 3319/QĐ-UBND ngày 01 tháng 08 năm 2008. Khu dân cư Bắc Xa Lộ Hà Nội)	Quận 2	0,63	2016-2020
8	Trường Tiểu học Trong khu 177,44 ha	Quận 2	1,10	2016-2020
9	Trường Tiểu học (KP3)	Quận 2	1,25	2016-2020
10	Mở rộng trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Quận 2	0,14	2016-2020
11	Mở rộng Tiểu học Nguyễn Thiện Thuật	Quận 3	0,06	2016-2020
12	Mở rộng Tiểu học Nguyễn Thái Sơn	Quận 3	0,07	2016-2020
13	Mở rộng Tiểu học Trần Văn Đang 1	Quận 3	0,03	2016-2020
14	Mở rộng Tiểu học Trần Quang Diệu	Quận 3	0,03	2016-2020
15	Trường Tiểu học Xóm Chiếu mở rộng (khu đất 276 Nguyễn Tất Thành).	Quận 4	0,33	2016-2020
16	Tiểu học Khánh Hội B	Quận 4	0,66	2016-2020
17	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ 3 mở rộng (cũ gọi là Quang Trung)	Quận 4	0,35	2016-2020
18	Tiểu học phường 1	Quận 4	0,30	2016-2020
19	Trường Tiểu học Phường 8	Quận 4	0,63	2016-2020
20	Trường Tiểu học Phường 16	Quận 4	0,43	2016-2020
21	Trường Tiểu học Phường 18	Quận 4	0,59	2016-2020
22	Trường Tiểu học Đặng Trần Côn mở rộng	Quận 4	0,44	2016-2020
23	Trường Tiểu học Lý Nhơn mở rộng	Quận 4	0,48	2016-2020
24	Trường Tiểu học Đồng Đa mở rộng	Quận 4	0,25	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
25	Trường Tiểu học Tăng rộng	Quận 4	0,28	2016-2020
26	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	Quận 5	0,31	2016-2020
27	Trường TH Bình Tiên	Quận 6	0,27	2016-2020
28	Trường tiểu học phường 1 (81 Bãi Sậy)	Quận 6	0,17	2016-2020
29	Trường tiểu học phường 4(280-284 Phạm Phú Thứ	Quận 6	0,39	2016-2020
30	Trường TH phường 06	Quận 6	0,35	2016-2020
31	Trường TH phường 07	Quận 6	0,88	2016-2020
32	Trường TH Lam Sơn	Quận 6	0,46	2016-2020
33	Xây dựng mới trường Tiểu học - P.Tân Thuận Tây	Quận 7	0,23	2016-2020
34	Trường tiểu học Phú Thuận	Quận 7	1,34	2016-2020
35	Trường tiểu học Phú Mỹ	Quận 7	0,67	2016-2020
36	Trường tiểu học Tân Hưng	Quận 7	0,99	2016-2020
37	Trường tiểu học Tân Hưng 2	Quận 7	0,40	2016-2020
38	Trường TH Nguyễn Thị Định cơ sở 2	Quận 7	0,02	2016-2020
39	Trường tiểu học phường 9	Quận 8	0,49	2016-2020
40	Trường tiểu học tại 545 Ba Đình (545-545A)	Quận 8	0,55	2016-2020
41	Trường tiểu học phường 11	Quận 8	0,33	2016-2020
42	Trường tiểu học Lý Thái Tổ (CS 2)	Quận 8	0,47	2016-2020
43	Trường tiểu học phường 13	Quận 8	0,49	2016-2020
44	Trường tiểu học An Phong	Quận 8	0,75	2016-2020
45	Trường tiểu học phường 7 (khu Nam TP)	Quận 8	2,00	2016-2020
46	Mở rộng trường tiểu học Nguyễn Trục P1 (BanBTGPMBQ8)	Quận 8	0,46	2016-2020
47	Trường tiểu học Phường 5 (Hoàng Minh Đạo)	Quận 8	0,61	2016-2020
48	Trường Tiểu học Phường Phú Hữu	Quận 9	1,15	2016-2020
49	Trường Tiểu học Phước Long A	Quận 9	0,72	2016-2020
50	Trường Tiểu học Long Trường	Quận 9	0,81	2016-2020
51	Trường Tiểu học Tân Phú	Quận 9	0,80	2016-2020
52	Trường tiểu học Tăng Nhơn Phú B	Quận 9	0,75	2016-2020
53	Trường TH Hiệp Phú 1	Quận 9	0,85	2016-2020
54	Trường TH Hiệp Phú 2	Quận 9	1,15	2016-2020
55	Trường TH Tân Phú	Quận 9	0,80	2016-2020
56	Trường TH Long Bình 2	Quận 9	0,80	2016-2020
57	Trường TH Long Thạnh Mỹ 2	Quận 9	0,85	2016-2020
58	Trường Tiểu học Điện Biên - P11	Quận 10	0,17	2016-2020
59	Mở rộng tiểu học Bắc Hải P15	Quận 10	0,56	2016-2020
60	Tiểu học phường 5 (Cty vận chuyển rác số 2)	Quận 11	0,08	2016-2020
61	Xây dựng mở rộng trường tiểu học Âu Cơ - P6	Quận 11	0,16	2016-2020
62	Trường tiểu học (297/4 Lý Thường Kiệt, phường 15 quận 11)	Quận 11	0,17	2016-2020
63	Trường Tiểu học tại 299/52 Lý Thường Kiệt, phường 15 quận 11	Quận 11	0,32	2016-2020
64	Xây dựng Trường TH Bàu Nai - P Tân Hưng Thuận	Quận 12	0,07	2016-2020
65	Trường TH Đông Hưng Thuận (Tích Ngân 2)	Quận 12	0,70	2016-2020
66	Trường TH Thới An 1 (khu đất bà Tuyết)	Quận 12	0,82	2016-2020
67	Trường TH An Phú Đông 1	Quận 12	1,12	2016-2020
68	Trường TH Hiệp Thành 1	Quận 12	0,80	2016-2020
69	Trường TH Hiệp Thành 2	Quận 12	1,11	2016-2020
70	Trường tiểu học Tân Chánh Hiệp 2	Quận 12	2,05	2016-2020
71	Mở rộng trường TH Thuận Kiều	Quận 12	0,16	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
72	Tiểu học An Phú Đông 2	Quận 12	1,18	2016-2020
73	Trường TH Hiệp Thành (quỹ phát triển nhà 12ha)	Quận 12	0,85	2016-2020
74	Mở rộng trường TH Phạm Văn Chiêu (PH2)	Quận 12	0,15	2016-2020
75	Trường TH Hiệp Thành 3	Quận 12	1,16	2016-2020
76	Trường TH Tân Thới Hiệp 1	Quận 12	0,49	2016-2020
77	Tiểu học Bình Hưng Hòa A (Phù Đồng)	Bình Tân	0,13	2016-2020
78	Trường Tiểu học An Lạc	Bình Tân	0,70	2016-2020
79	Xây dựng mới Trường Tiểu học Bình Hưng Hòa (đất ao)	Bình Tân	0,90	2016-2020
80	Xây dựng mới Trường Tiểu học Bình Trị Đông (Khu phố 6)	Bình Tân	0,95	2016-2020
81	Xây dựng mới Trường Tiểu học Bình Hưng Hòa A (Khu phố 12)	Bình Tân	1,22	2016-2020
82	Bồi thường giải tỏa xây dựng trường Tiểu học Bình Trị Đông A	Bình Tân	1,42	2016-2020
83	Tiểu học Bình Trị Đông B (đất của Công ty BCCI)	Bình Tân	0,63	2016-2020
84	Tiểu học Nguyễn Hiền	Bình Tân	1,33	2016-2020
85	Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm	Bình Tân	0,51	2016-2020
86	Tiểu học Trần Nguyên Hân	Bình Tân	0,96	2016-2020
87	Tiểu học Trần Hưng Đạo	Bình Tân	0,54	2016-2020
88	Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Bình Tân	0,76	2016-2020
89	Tiểu học Lê Lợi	Bình Tân	0,93	2016-2020
90	Tiểu Học Đinh Tiên Hoàng	Bình Tân	1,16	2016-2020
91	Tiểu Học Trần Nhân Tông	Bình Tân	1,34	2016-2020
92	Tiểu Học Nguyễn Đình Chiểu	Bình Tân	0,33	2016-2020
93	Tiểu Học Trần Tế Xương	Bình Tân	1,11	2016-2020
94	Tiểu Học Nguyễn Khuyến	Bình Tân	1,76	2016-2020
95	Tiểu Học Phan Đình Phùng	Bình Tân	0,50	2016-2020
96	Tiểu Học Thoại Ngọc Hầu	Bình Tân	0,50	2016-2020
97	Tiểu Học Hai Bà Trưng	Bình Tân	1,11	2016-2020
98	Tiểu Học Lý Thái Tổ	Bình Tân	1,23	2016-2020
99	Tiểu Học Triệu Quang Phục	Bình Tân	1,44	2016-2020
100	Tiểu Học Huỳnh Thúc Kháng	Bình Tân	1,44	2016-2020
101	Tiểu Học Tạ Quang Bửu	Bình Tân	0,86	2016-2020
102	Tiểu Học Hoàng Văn Thụ	Bình Tân	1,41	2016-2020
103	Tiểu Học Lê Hữu Trác	Bình Tân	1,29	2016-2020
104	Tiểu Học Nguyễn Trường Tộ	Bình Tân	1,20	2016-2020
105	Tiểu Học Trần Cao Vân	Bình Tân	1,21	2016-2020
106	Tiểu Học Trần Khánh Dư	Bình Tân	2,22	2016-2020
107	Tiểu Học Trần Nhật Duật	Bình Tân	1,14	2016-2020
108	Tiểu Học Phan Bội Châu	Bình Tân	0,92	2016-2020
109	Tiểu Học Trần Quang Diệu	Bình Tân	1,09	2016-2020
110	Tiểu Học Trần Thủ Độ	Bình Tân	1,51	2016-2020
111	Tiểu Học Trần Quang Khải	Bình Tân	1,21	2016-2020
112	Tiểu Học Trần Quý Cáp	Bình Tân	1,38	2016-2020
113	Tiểu Học Nguyễn Du	Bình Tân	0,62	2016-2020
114	Trường tiểu học Lương Thế Vinh	Bình Tân	1,43	2016-2020
115	Trường tiểu học Chu Văn An	Bình Tân	0,78	2016-2020
116	Trường tiểu học Nguyễn Thiện Thuật	Bình Tân	1,10	2016-2020
117	Mở rộng tiểu học Cửu Long	Bình Thạnh	0,16	2016-2020
118	Tiểu học P17	Bình Thạnh	0,42	2016-2020
119	Tiểu học P11 (334 Phan Văn Trị)	Bình Thạnh	0,49	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
120	Tiểu học P11A (hẻm 332 Phan Văn Trị)	Bình Thạnh	0,65	2016-2020
121	Tiểu học 12	Bình Thạnh	0,47	2016-2020
122	Tiểu học 12A	Bình Thạnh	0,41	2016-2020
123	Tiểu học Đồng Đa	Bình Thạnh	1,30	2016-2020
124	Tiểu học Bình Lợi Trung	Bình Thạnh	0,77	2016-2020
125	Tiểu học P13A (khu QH)	Bình Thạnh	0,60	2016-2020
126	Tiểu học P7 (hẻm 42 Hoàng Hoa Thám)	Bình Thạnh	0,49	2016-2020
127	Tiểu học P13B (kh QH)	Bình Thạnh	0,65	2016-2020
128	Trường TH Tầm Vu (mở rộng) - P 26	Bình Thạnh	0,21	2016-2020
129	Trường tiểu học phường 3-xây mới	Gò Vấp	0,81	2016-2020
130	Trường tiểu học phường 5-xây mới	Gò Vấp	0,44	2016-2020
131	Trường tiểu học phường 7 -xây mới	Gò Vấp	0,60	2016-2020
132	Trường tiểu học phường 8-xây mới	Gò Vấp	0,43	2016-2020
133	Trường tiểu học Lương Thế Vinh (MR)	Gò Vấp	1,12	2016-2020
134	Trường tiểu học phường 9-xây mới	Gò Vấp	0,63	2016-2020
135	Trường tiểu học phường 10 -xây mới	Gò Vấp	0,16	2016-2020
136	Trường tiểu học và THCS phường 10 -xây mới	Gò Vấp	0,85	2016-2020
137	Trường tiểu học phường 11-xây mới	Gò Vấp	0,45	2016-2020
138	Trường tiểu học phường 11-xây mới	Gò Vấp	0,38	2016-2020
139	Trường tiểu học phường 12	Gò Vấp	0,62	2016-2020
140	Trường tiểu học phường 13 -xây mới	Gò Vấp	0,35	2016-2020
141	Trường tiểu học phường 14 -xây mới	Gò Vấp	0,56	2016-2020
142	Trường tiểu học phường 14 -xây mới	Gò Vấp	0,70	2016-2020
143	Trường tiểu học Lam Sơn phường 14- xây mới	Gò Vấp	0,33	2016-2020
144	Trường tiểu học phường 15 -xây mới	Gò Vấp	0,39	2016-2020
145	Trường tiểu học phường 15 -xây mới	Gò Vấp	0,79	2016-2020
146	Trường tiểu học phường 15 -xây mới (Áp Dơi)	Gò Vấp	1,00	2016-2020
147	Trường tiểu học phường 15	Gò Vấp	0,41	2016-2020
148	Trường tiểu học Trần Quang Khải (mở rộng)	Gò Vấp	0,38	2016-2020
149	Trường TH Trần Quốc Tuấn (chủ đầu tư là trường THPT Trần Quốc Tuấn)	Gò Vấp	0,77	2016-2020
150	Trường tiểu học phường 17 -xây mới	Gò Vấp	0,59	2016-2020
151	Xây dựng Trường Tiểu học Vạn Tường	Phú Nhuận	0,07	2016-2020
152	Xây dựng mở rộng trường tiểu học Hồ Văn Huê	Phú Nhuận	0,48	2016-2020
153	Mở rộng và sửa chữa, nâng cấp trường TH Cao Bá Quát	Phú Nhuận	0,01	2016-2020
154	Mở rộng tiểu học Phú Thọ Hòa, P10	Tân Bình	0,03	2016-2020
155	Mở rộng tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Tân Bình	0,03	2016-2020
156	Trường TH Võ Văn Tần P11	Tân Bình	0,14	2016-2020
157	Tiểu học Thân Nhân Trung, P13	Tân Bình	0,40	2016-2020
158	Trường tiểu học dự kiến P14	Tân Bình	0,56	2016-2020
159	Trường tiểu học (đất Cty TNHH Sông Trà) P15	Tân Bình	0,64	2016-2020
160	Trường tiểu học tại Công ty Hóa chất Tân Bình	Tân Bình	1,02	2016-2020
161	Trường Tiểu học Tây Thạnh 2	Tân Phú	0,70	2016-2020
162	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Tân Phú	0,60	2016-2020
163	Trường Tiểu học Tân Thành 1	Tân Phú	0,50	2016-2020
164	Trường Tiểu học Tân Thành 2	Tân Phú	0,60	2016-2020
165	Trường TH Tam Bình (phường Tam Bình)	Thủ Đức	1,50	2016-2020
166	Trường TH Hiệp Bình Phước	Thủ Đức	1,20	2016-2020
167	Trường TH Tam Phú	Thủ Đức	1,00	2016-2020
168	Mở rộng trường TH Tam Bình	Thủ Đức	0,16	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
169	Trường TH Hiệp Bình Chánh 3	Thủ Đức	0,89	2016-2020
170	Mở rộng trường TH Bình Triệu	Thủ Đức	0,11	2016-2020
171	Trường TH Linh Xuân 2	Thủ Đức	1,00	2016-2020
172	Mở rộng trường TH Xuân Hiệp	Thủ Đức	0,28	2016-2020
173	Mở rộng trường TH Đặng Thị Rành	Thủ Đức	1,15	2016-2020
174	Trường TH Linh Đông	Thủ Đức	0,60	2016-2020
175	Mở rộng trường TH Từ Đức	Thủ Đức	0,64	2016-2020
176	Trường TH Trường Thọ	Thủ Đức	1,00	2016-2020
177	Trường TH Linh Chiểu	Thủ Đức	0,67	2016-2020
178	Đường vào và xây dựng mới trường tiểu học Hiệp Bình Phước	Thủ Đức	1,06	2016-2020
179	Trường Tiểu học Bình Hưng 1 - Xã Bình Hưng	Bình Chánh	1,43	2016-2020
180	Trường Tiểu học Tân Nhựt (ấp 6)	Bình Chánh	1,92	2016-2020
181	Trường tiểu học Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	0,78	2016-2020
182	Trường tiểu học Vĩnh Lộc B (ấp 4)	Bình Chánh	0,63	2016-2020
183	Tiểu học Tân Túc	Bình Chánh	1,06	2016-2020
184	Tiểu học Tân Túc	Bình Chánh	1,05	2016-2020
185	Tiểu học Phạm Văn Hai (Cụm CN An Hạ)	Bình Chánh	1,05	2016-2020
186	Tiểu học Vĩnh Lộc A	Bình Chánh	1,05	2016-2020
187	Tiểu học Vĩnh Lộc A (Kế bên khu Đồng Danh)	Bình Chánh	1,05	2016-2020
188	Tiểu học Vĩnh Lộc B ấp 4	Bình Chánh	0,63	2016-2020
189	Tiểu học Vĩnh Lộc B (KDC Vĩnh Lộc B - Khu I)	Bình Chánh	1,05	2016-2020
190	Tiểu học Bình Lợi (trung tâm xã)	Bình Chánh	1,03	2016-2020
191	Tiểu học Lê Minh Xuân (Khu I - KDC)	Bình Chánh	0,32	2016-2020
192	Tiểu học Lê Minh Xuân (KĐT Sinh Việt)	Bình Chánh	2,60	2016-2020
193	Tiểu học Tân Kiên (KDC Tân Tạo)	Bình Chánh	1,05	2016-2020
194	Tiểu học Tân Kiên (Khu DC Tân Kiên-Khu B)	Bình Chánh	1,05	2016-2020
195	Tiểu học Tân Kiên (KDC phía Đông QL1A)	Bình Chánh	1,05	2016-2020
196	Tiểu học Bình Hưng (KDC Rạch Bà Tánh)	Bình Chánh	1,43	2016-2020
197	Trường Tiểu học Qui Đức	Bình Chánh	1,06	2016-2020
198	Tiểu học Bình Hưng (KDC Bình Hưng)	Bình Chánh	1,05	2016-2020
199	Tiểu học Bình Hưng (KDC Hải Yến)	Bình Chánh	1,05	2016-2020
200	Tiểu học Phong Phú (Khu nhà ở CBCNV BV Chợ Rẫy)	Bình Chánh	1,05	2016-2020
201	Tiểu học An Phú Tây (KDC An Phú Tây)	Bình Chánh	1,05	2016-2020
202	Tiểu học Hưng Long	Bình Chánh	1,05	2016-2020
203	Tiểu học Bình Chánh (KDC 124ha)	Bình Chánh	1,05	2016-2020
204	Trường Tiểu học Bình Chánh	Bình Chánh	1,67	2016-2020
205	Lập dự án xây dựng trường Tiểu học Vĩnh Lộc 1	Bình Chánh	0,53	2016-2020
206	Tiểu học Bình Hưng 1	Bình Chánh	1,05	2016-2020
207	Tiểu học Bình Hưng 2	Bình Chánh	1,05	2016-2020
208	Trung tiểu học Bắc Mỹ	Bình Chánh	0,28	2016-2020
209	Tiểu học quốc tế ABC	Bình Chánh	0,29	2016-2020
210	Xây dựng trường TH Tân Túc	Bình Chánh	1,57	2016-2020
211	Xây dựng trường TH Phạm Hùng (giai đoạn 2)	Bình Chánh	1,24	2016-2020
212	Xây dựng trường TH Bình Hưng 2	Bình Chánh	1,46	2016-2020
213	Xây dựng trường TH Vĩnh Lộc A (ấp 6A)	Bình Chánh	0,99	2016-2020
214	Xây dựng trường TH Vĩnh Lộc B khu 1	Bình Chánh	1,10	2016-2020
215	Xây dựng trường TH Vĩnh Lộc A (ấp 1)	Bình Chánh	1,16	2016-2020
216	Xây dựng trường TH Tân Nhựt	Bình Chánh	1,15	2016-2020
217	Xây dựng trường TH Tân Kiên (Khu B)	Bình Chánh	1,63	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
218	Xây dựng trường TH Lê Minh Xuân 1	Bình Chánh	0,93	2016-2020
219	Xây dựng trường TH Bình Hưng 3	Bình Chánh	1,37	2016-2020
220	Xây dựng trường TH Phong Phú (ấp 5)	Bình Chánh	13,80	2016-2020
221	Xây dựng trường TH Phong Phú	Bình Chánh	1,12	2016-2020
222	Xây dựng trường TH Lê Minh Xuân 2	Bình Chánh	1,23	2016-2020
223	Xây dựng trường TH Bình Hưng 4	Bình Chánh	1,51	2016-2020
224	Tiểu học Tân Quý Tây	Bình Chánh	1,05	2016-2020
225	Trường Tiểu học Bình Mỹ	Cần Giờ	0,79	2016-2020
226	XD mới Trường Tiểu học Bình Khánh	Cần Giờ	1,44	2016-2020
227	Nâng cấp Trường Tiểu học Cần Thạnh	Cần Giờ	0,56	2016-2020
228	Trường Tiểu học Giồng Ao	Cần Giờ	1,54	2016-2020
229	Trường Tiểu học 30.4 (Long Hòa 1)	Cần Giờ	1,75	2016-2020
230	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp 1	Cần Giờ	1,75	2016-2020
231	Trường Tiểu Học Hòa Hiệp.	Cần giờ	2,35	2016-2020
232	Nâng cấp, mở rộng Trường tiểu học Bình Phước – GD2	Cần Giờ	1,30	2016-2020
233	Tiểu học Cọ Dầu	Cần Giờ	1,57	2016-2020
234	Trường tiểu học KDC An Nhơn Tây (Khu 2) ⁽²⁾	Củ Chi	1,94	2016-2020
235	Trường tiểu học khu TĐC Safari ⁽¹⁾	Củ Chi	1,80	2016-2020
236	Trường tiểu học khu TĐC Bà Đưng ⁽⁵⁾	Củ Chi	1,60	2016-2020
237	Trường tiểu học Phước Thạnh	Củ Chi	1,35	2016-2020
238	Trường tiểu học KDC T.P.Trung (Khu 3)	Củ Chi	1,25	2016-2020
239	Trường tiểu học KDC T.P.Trung (Khu 4)	Củ Chi	0,82	2016-2020
240	Trường tiểu học Tân Phú - Xã Tân Phú Trung	Củ Chi	0,66	2016-2020
241	Trường tiểu học KDC Tân Phú Trung (Khu 4)	Củ Chi	1,08	2016-2020
242	Trường tiểu học	Củ Chi	0,68	2016-2020
243	Trường tiểu học Lê Văn Thê(LM) - Xã Trung Lập Hạ	Củ Chi	1,59	2016-2020
244	QH Trường tiểu học Phước Hiệp	Củ Chi	1,11	2016-2020
245	Trường tiểu học ấp 6B	Củ Chi	0,72	2016-2020
246	Trường TH Phước Hiệp - Xã Phước Hiệp	Củ Chi	1,44	2016-2020
247	Trường tiểu học Bình Mỹ 2 - Xã Bình Mỹ	Củ Chi	1,42	2016-2020
248	Mở rộng Trường Tiểu học Tân Phú	Củ chi	0,75	2016-2020
249	Trường Tiểu học (Khu DC TT xã)	Củ Chi	1,00	2016-2020
250	Trường tiểu học - PVC	Củ Chi	0,71	2016-2020
251	Xây dựng Trường Tiểu học Phú Hòa Đông	Củ chi	1,40	2016-2020
252	Xây dựng Trường Tiểu học Nhuận Đức	Củ chi	2,12	2016-2020
253	Xây dựng Trường tiểu học Tân Trung	Củ chi	0,93	2016-2020
254	Xây dựng mở rộng Trường tiểu học Phạm Văn Cội (giai đoạn 2)	Củ chi	0,60	2016-2020
255	Xây dựng mở rộng Trường tiểu học Thị Trấn Củ Chi 2	Củ chi	0,18	2016-2020
256	Sửa chữa nâng cấp Trường tiểu học Tân Thạnh Đông 3	Củ chi	0,67	2016-2020
257	Xây dựng Trường tiểu học Phú Hòa Đông 2	Củ chi	0,63	2016-2020
258	Sửa chữa nâng cấp Trường tiểu học An Nhơn Tây	Củ chi	1,10	2016-2020
259	Xây dựng Trường tiểu học An Phú 2	Củ chi	1,50	2016-2020
260	Xây dựng Trường tiểu học Tân Thông Hội	Củ chi	0,89	2016-2020
261	Xây dựng mở rộng Trường Tiểu học Lê Thị Pha	Củ chi	0,60	2016-2020
262	Xây dựng Trường tiểu học Phước Vĩnh An	Củ chi	0,38	2016-2020
263	Xây dựng Trường tiểu học Bình Mỹ 1	Củ chi	1,00	2016-2020
264	Trường Tiểu học thị trấn Hóc Môn 2 - TT Hóc Môn	Hóc Môn	1,08	2016-2020
265	Trường tiểu học Nhị Tân - Tân Thới Nhì	Hóc Môn	1,52	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
266	Trường Tiểu học Bà Điểm	Hóc Môn	1,09	2016-2020
267	Cụm 4 trường (Tiểu học Thị trấn, Bồi dưỡng giáo dục, Trung tâm kỹ thuật hướng nghiệp, Mầm non Thị trấn).	Hóc Môn	3,29	2016-2020
268	Trường tiểu học Thới Tam 1 - Thới Tam Thôn	Hóc Môn	0,96	2016-2020
269	Trường TH Lý Chính Thắng 2 - Tân Thới Nhì	Hóc Môn	0,44	2016-2020
270	Nâng cấp trường tiểu học Tam Đông	Hóc Môn		2016-2020
271	Trường TH Dương Công Khi - Xuân Thới Thượng	Hóc Môn	1,11	2016-2020
272	Trường Tiểu học Trần Văn Mười - Xuân Thới Đông	Hóc Môn	1,18	2016-2020
273	Trường Tiểu học Võ Văn Thặng - Nhị Bình	Hóc Môn	1,14	2016-2020
274	Trường Tiểu học Mỹ Huệ - Trung Chánh	Hóc Môn	0,23	2016-2020
275	Trường tiểu học Thới Thạnh	Hóc Môn	0,50	2016-2020
276	Trường Tiểu học Tân Thới Nhì (Nhị Xuân)	Hóc Môn	1,80	2016-2020
277	Trường Tiểu học Trung Chánh	Hóc Môn	1,05	2016-2020
278	Trường tiểu học Tam Đông 2	Hóc Môn	1,30	2016-2020
279	Trường Tiểu học Trần Văn Mười	Hóc Môn	1,20	2016-2020
280	Trường tiểu học Trung Chánh 1	Hóc Môn	1,34	2016-2020
281	Trường tiểu học Trung Chánh 2	Hóc Môn	1,18	2016-2020
282	Trường tiểu học Tân Hiệp	Hóc Môn	1,17	2016-2020
283	Trường Tiểu học ấp Đình	Hóc Môn	1,18	2016-2020
284	Trường Tiểu học Hoàng Hoa thám	Hóc Môn	1,00	2016-2020
285	Trường tiểu học Nhị Xuân	Hóc Môn	1,50	2016-2020
286	Trường cấp I xây dựng mới (02 trường)	Hóc Môn		2016-2020
287	Trường TH ấpThới Tây 2	Hóc Môn	1,10	2016-2020
288	Trường tiểu học Ngã Ba Giồng - Xuân Thới Thượng	Hóc Môn	1,12	2016-2020
289	Trường Tiểu học (Khu III - QHCT 1/2000)	Nhà Bè	2,00	2016-2020
290	Trường Tiểu học (Công ty Gia Việt)	Nhà Bè	0,64	2016-2020
291	Trường Tiểu học (Khu V - QHCT 1/2000)	Nhà Bè	1,09	2016-2020
292	Trường tiểu học thuộc công ty cổ phần phát triển hạ tầng Sài Gòn (Theo QHCT khu dân cư ấp 3 (75,47 ha))	Nhà Bè	1,39	2016-2020
293	Trường tiểu học thuộc công ty cổ phần XD và kinh doanh nhà Sài Gòn (Theo QHCT khu dân cư Nhơn Đức (34,22 ha))	Nhà Bè	1,20	2016-2020
294	Trường tiểu học (theo QHCT 1/2000 KDC ngã 3 Nhơn Đức - 111,15ha)	Nhà Bè	1,05	2016-2020
295	Trường tiểu học (theo QHCT 1/2000 KDC ngã 3 Nhơn Đức - 111,15ha)	Nhà Bè	1,05	2016-2020
296	Trường tiểu học (theo QHCT 1/2000 KDC hiện hữu xã Nhơn Đức (97,47ha))	Nhà Bè	1,31	2016-2020
297	Trường Tiểu học (Theo QHCT xây dựng đô thị khu Nhơn Đức - Phước Lộc)	Nhà Bè	0,99	2016-2020
298	Trường tiểu học (Nguyễn Hữu Thọ-Lê Văn Lương) 2 trường	Nhà Bè	1,09	2016-2020
299	Trường học (KDC xã Phước Kiển) 2 trường	Nhà Bè	4,85	2016-2020
300	Trường Tiểu học (Sadeco 3) 2 trường	Nhà Bè	2,20	2016-2020
301	Trường tiểu học (cụm SX Long Thới - theo QHGD)	Nhà Bè	1,00	2016-2020
302	Trường tiểu học (Công ty ĐTXD Tân Thuận)	Nhà Bè	1,05	2016-2020
303	Trường Tiểu học (Thái Sơn 2)	Nhà Bè	1,21	2016-2020
304	Trường Tiểu học (Lâm Viên)	Nhà Bè	1,23	2016-2020
305	Trường tiểu học khu dân cư Càng Cây Khô (B43)	Nhà Bè	1,00	2016-2020
306	Trường tiểu học khu 2, khu dân cư phía Tây	Nhà Bè	1,68	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
307	Trường tiểu học (Theo QHCT 1/2000 KDC Bắc Bờ Bàng)	Nhà Bè	1,28	2016-2020
308	Trường Tiểu học Bờ Bàng (<i>Theo QHCT 1/2000 KDC Bờ Bàng</i>)	Nhà Bè	1,04	2016-2020
309	Xây dựng trường tiểu học Thị Trấn	Nhà Bè	0,76	2016-2020
310	Trường Tiểu học Phước Kiển 4	Nhà Bè	1,06	2016-2020
VI.4	Trường trung học cơ sở		278,73	
1	Mở rộng THCS Võ Trường Toản (11 Ng Du)	Quận 1	0,44	2016-2020
2	Mở rộng trường THCS Đồng Khởi	Quận 1	0,10	2016-2020
3	Tái bố trí trường Đức Trí	Quận 1	0,19	2016-2020
4	Dự án bồi thường THCS Thảo Điền	Quận 2	0,86	2016-2020
5	THCS Khánh Hưng- Ái Hữu	Quận 2	1,31	2016-2020
6	Trường Trung học cơ sở Khu 149,36 ha (khu 154 ha cũ)	Quận 2	1,32	2016-2020
7	Trường Trung học cơ sở (Quyết định số 6707/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt đồ án điều chỉnh Quận 2 đến năm 2020)	Quận 2	0,37	2016-2020
8	Trường Trung học cơ sở (khu 178 ha).	Quận 2	3,20	2016-2020
9	Mở rộng trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Trỗi	Quận 2	0,57	2016-2020
10	THCS Phường 9 (dự án)	Quận 3	0,58	2016-2020
11	Trường THCS Phường 10	Quận 3	0,23	2016-2020
12	Mở rộng THCS Lương Thế Vinh	Quận 3	0,04	2016-2020
13	THCS phường 16	Quận 4	0,90	2016-2020
14	THCS phường 13	Quận 4	0,92	2016-2020
15	THCS phường 1	Quận 4	1,11	2016-2020
16	Trường THCS Nguyễn Huệ mở rộng	Quận 4	0,72	2016-2020
17	Trường THCS Khánh Hội A mở rộng	Quận 4	0,89	2016-2020
18	Bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng, mở rộng cổng Trường THCS Chi Lăng	Quận 4	0,08	2016-2020
19	Mở rộng trường Lý Phong	Quận 5	0,07	2016-2020
20	Trường THCS 621 Phạm Văn Chí	Quận 6	0,79	2016-2020
21	Trường THCS Văn Thân P7	Quận 6	0,38	2016-2020
22	Trường THCS Hoàng Lê Kha	Quận 6	0,42	2016-2020
23	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	Quận 6	1,93	2016-2020
24	Trường THCS phường 12	Quận 6	0,79	2016-2020
25	Trường THCS P. Phú Thuận (Khu Thép Nhà Bè cũ)	Quận 7	1,30	2016-2020
26	Trường THCS Tân Phú	Quận 7	0,05	2016-2020
27	Trường THCS phường 7	Quận 8	1,64	2016-2020
28	Trường THCS Phú Định (p16)	Quận 8	1,00	2016-2020
29	Trường THCS Bình Đăng (p6)	Quận 8	1,29	2016-2020
30	Trường THCS Phường 16	Quận 8	0,94	2016-2020
31	Trường Trung học cơ sở Phường 14	Quận 8	0,75	2016-2020
32	Trường THCS Ba Tơ	Quận 8	1,65	2016-2020
33	Trường THCS DTB P.2 (cơ sở 2)	Quận 8	0,03	2016-2020
34	Xây dựng mới trường THCS Phường 6	Quận 8	0,80	2016-2020
35	Trường THCS Hưng Bình	Quận 9	1,27	2016-2020
36	Trường THCS Hiệp Phú	Quận 9	1,93	2016-2020
37	Trường THCS Phú Hữu	Quận 9	1,40	2016-2020
38	Trường THCS Kỳ Hòa - P13	Quận 10	0,33	2016-2020
39	THCS xây dựng mới (khu Z756)	Quận 10	0,68	2016-2020
40	Trường THCS phường 14	Quận 10	0,79	2016-2020
41	THCS phường 15 (63 đường 128 Lý Thường Kiệt)	Quận 11	0,57	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
42	Trường học (Khu phức hợp Đầm Sen)	Quận 11	1,00	2016-2020
43	Trường THCS Nguyễn Ảnh Thủ (P. Tân Thới Nhất)	Quận 12	1,17	2016-2020
44	Trường THCS Đông Hưng Thuận	Quận 12	0,71	2016-2020
45	Trường THCS An Phú Đông 1	Quận 12	1,50	2016-2020
46	Trường THCS Thới An 1	Quận 12	2,80	2016-2020
47	Trường THCS Hiệp Thành 1	Quận 12	1,50	2016-2020
48	Trường THCS Hiệp Thành 2	Quận 12	1,00	2016-2020
49	Trường THCS Thuận Kiều - P. Tân Thới Nhất	Quận 12	1,00	2016-2020
50	Trường THCS Thạnh Xuân	Quận 12	1,41	2016-2020
51	THCS Bình Hưng Hòa trên đất san lấp ao	Bình Tân	1,20	2016-2020
52	THCS Bình Trị Đông B	Bình Tân	1,50	2016-2020
53	THCS Mạc Đĩnh Chi	Bình Tân	1,69	2016-2020
54	THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Bình Tân	0,56	2016-2020
55	THCS Lê Hồng Phong	Bình Tân	0,81	2016-2020
56	THCS Trung Vương	Bình Tân	0,58	2016-2020
57	THCS Phạm Văn Đồng	Bình Tân	0,95	2016-2020
58	THCS Võ Nguyên Giáp	Bình Tân	1,75	2016-2020
59	THCS Tôn Đức Thắng	Bình Tân	0,69	2016-2020
60	THCS Lê Duẩn	Bình Tân	1,62	2016-2020
61	THCS Võ Chí Công	Bình Tân	1,06	2016-2020
62	THCS Lương Văn Can	Bình Tân	1,14	2016-2020
63	THCS Nguyễn Thị Duệ	Bình Tân	0,29	2016-2020
64	THCS Lý Thái Tông	Bình Tân	1,13	2016-2020
65	THCS Trần Văn Giàu	Bình Tân	1,61	2016-2020
66	THCS Lê Ngọc Hân	Bình Tân	1,25	2016-2020
67	THCS Triệu Thị Trinh	Bình Tân	2,14	2016-2020
68	THCS Xuân Diệu	Bình Tân	2,61	2016-2020
69	THCS Bùi Thị Xuân	Bình Tân	2,41	2016-2020
70	THCS Trương Định	Bình Tân	2,45	2016-2020
71	THCS Hồ Học Lãm	Bình Tân	2,07	2016-2020
72	THCS Cao Thắng	Bình Tân	1,73	2016-2020
73	THCS Cao Thắng	Bình Tân	1,73	2016-2020
74	Mở rộng THCS Cù Chính Lan (P27)	Bình Thạnh	0,34	2016-2020
75	Trung học cơ sở	Bình Thạnh	0,86	2016-2020
76	THCS P13A (khu QH)	Bình Thạnh	0,71	2016-2020
77	Trường THCS phường 1-xây mới	Gò Vấp	0,71	2016-2020
78	Trường THCS phường 4-xây mới	Gò Vấp	0,37	2016-2020
79	Trường THCS phường 5-xây mới	Gò Vấp	2,08	2016-2020
80	Trường THCS phường 6-xây mới (An Nhơn)	Gò Vấp	1,34	2016-2020
81	Xây dựng trường THCS Phường 6 quận Gò Vấp	Gò Vấp	1,00	2016-2020
82	Trường THCS phường 8 -xây mới	Gò Vấp	0,71	2016-2020
83	Trường THCS phường 9 -xây mới	Gò Vấp	1,20	2016-2020
84	Trường THCS phường 11 -xây mới	Gò Vấp	0,41	2016-2020
85	Trường THCS Chi Lăng -xây mới	Gò Vấp	1,12	2016-2020
86	Trường THCS phường 14	Gò Vấp	1,05	2016-2020
87	Trường THCS phường 14-xây mới	Gò Vấp	1,29	2016-2020
88	Trường THCS phường 15-xây mới	Gò Vấp	1,00	2016-2020
89	Trường THCS phường 17-xây mới	Gò Vấp	0,71	2016-2020
90	Trường THCS và THPT phường 17-xây mới	Gò Vấp	0,87	2016-2020
91	Trường THCS Cầu Kiệu (KDC Rạch Miễu)	Phú Nhuận	0,60	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
92	Xây dựng trường THCS Trần Huy Liệu - P.4	Phú Nhuận	0,78	2016-2020
93	Mở rộng trường Phạm Ngọc Thạch	Tân Bình	0,34	2016-2020
94	THCS xây dựng mới (5/18 Âu Cơ)	Tân Bình	0,17	2016-2020
95	Trường trung học dự kiến tại Cty kho bãi Tao Đàn	Tân Bình	0,21	2016-2020
96	Trường THCS dự kiến tại Cty giấy Viễn Đông	Tân Bình	0,70	2016-2020
97	Trường PTCS dự kiến (26 Trần Thái Tông) P15	Tân Bình	0,28	2016-2020
98	Trường THCS Tây Thạnh	Tân Phú	0,90	2016-2020
99	Trường THCS Hoàng Diệu - Tân Thới Hòa	Tân Phú	0,75	2016-2020
100	Trường THCS Võ Thành Trang (mở rộng GD2)	Tân Phú	0,70	2016-2020
101	Trường THCS Tân Quý (cty Chương Dương)	Tân Phú	0,32	2016-2020
102	Trường THCS phường Hòa Thạnh 1	Tân Phú	0,30	2016-2020
103	Trường THCS phường Hòa Thạnh 2	Tân Phú	0,61	2016-2020
104	Trường THCS Hùng Vương (mở rộng)	Tân Phú	0,04	2016-2020
105	Công ty TNHH Nguyễn Hoàng (Trường học kết hợp y tế)	Tân Phú	1,42	2016-2020
106	Trường THCS Tam Bình	Thủ Đức	1,75	2016-2020
107	Mở rộng trường THCS Trường Thọ	Thủ Đức	0,11	2016-2020
108	Trường THCS Linh Trung 2	Thủ Đức	1,50	2016-2020
109	Mở rộng trường THCS Tam Bình	Thủ Đức	0,44	2016-2020
110	Trường THCS Linh Đông 2	Thủ Đức	1,50	2016-2020
111	Trường THCS Hiệp Bình Chánh	Thủ Đức	2,39	2016-2020
112	Trường THCS Bình Chiểu 2	Thủ Đức	1,26	2016-2020
113	Trường THCS Bình Chiểu 3	Thủ Đức	1,76	2016-2020
114	Trường THCS Linh Tây	Thủ Đức	1,60	2016-2020
115	Trường THCS Trương Văn Ngu (Khu A74)	Thủ Đức	1,00	2016-2020
116	Trường THCS Hiệp Bình Phước	Thủ Đức	1,50	2016-2020
117	Trường THCS Hiệp Bình Chánh 2	Thủ Đức	1,50	2016-2020
118	THCS Tân Túc (khu phố 1)	Bình Chánh	1,81	2016-2020
119	THCS Tân Túc (KDC Trung tâm)	Bình Chánh	2,03	2016-2020
120	THCS Vĩnh Lộc A	Bình Chánh	2,03	2016-2020
121	THCS Vĩnh Lộc B (ấp 6)	Bình Chánh	0,74	2016-2020
122	THCS Vĩnh Lộc B (Khu I - KDC)	Bình Chánh	1,05	2016-2020
123	THCS Phong Phú (khu TĐC 87ha)	Bình Chánh	2,03	2016-2020
124	THCS Lê Minh Xuân	Bình Chánh	2,03	2016-2020
125	THCS Tân Kiên	Bình Chánh	1,05	2016-2020
126	THCS Bình Chánh (KDC 124ha)	Bình Chánh	1,05	2016-2020
127	THCS Hưng Long	Bình Chánh	1,05	2016-2020
128	Trường THCS Tân Kiên	Bình Chánh	3,30	2016-2020
129	Xây dựng trường THCS đồng Đen (tên cũ Trường THCs Nguyễn Văn Kiệp)	Bình Chánh	0,84	2016-2020
130	Xây dựng trường THCS Vĩnh Lộc A (ấp 6)	Bình Chánh	1,20	2016-2020
131	Xây dựng trường THCS An Phú Tây	Bình Chánh	0,20	2016-2020
132	Xây dựng trường THCS Lê Minh Xuân	Bình Chánh	0,20	2016-2020
133	Xây dựng trường THCS Bình Hưng	Bình Chánh	0,20	2016-2020
134	Xây dựng trường THCS Lê Minh Xuân	Bình Chánh	0,20	2016-2020
135	Xây dựng trường THCS Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	0,20	2016-2020
136	Xây dựng trường THCS Vĩnh Lộc A (Khu dân cư xã Vĩnh Lộc A)	Bình Chánh	2,00	2016-2020
137	Xây dựng trường THCS Phong Phú	Bình Chánh	1,60	2016-2020
138	Xây dựng trường THCS Vĩnh Lộc A	Bình Chánh	2,20	2016-2020
139	Ngân cấp, mở rộng trường THCS Tân Nhựt	Bình Chánh	2,00	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
140	Xây dựng trường THCS Bình Hưng	Bình Chánh	3,16	2016-2020
141	NC sửa chữa trường Nguyễn Thái Bình	Bình Chánh		2016-2020
142	MC, MR trường THCS Tân Nhựt	Bình Chánh	0,74	2016-2020
143	Xây dựng trường THCS Vĩnh Lộc A (ấp 6)	Bình Chánh	2,24	2016-2020
144	Xây dựng, mở rộng Trường THCS Đồng Đen	Bình Chánh	0,47	2016-2020
145	Xây dựng trường THCS Lê Minh Xuân	Bình Chánh	2,00	2016-2020
146	Xây dựng trường THCS Lê Minh Xuân 2	Bình Chánh	2,00	2016-2020
147	Xây dựng trường THCS Vĩnh Lộc A (ấp 6A)	Bình Chánh	2,00	2016-2020
148	Xây dựng trường THCS Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	20,57	2016-2020
149	Xây dựng trường THCS An Phú Tây	Bình Chánh	3,05	2016-2020
150	Xây dựng trường THCS Vĩnh Lộc A	Bình Chánh	1,32	2016-2020
151	Xây dựng trường THCS Phong Phú	Bình Chánh	2,05	2016-2020
152	THCS Qui Đức (ấp 2)	Bình Chánh	2,03	2016-2020
153	Trường THCS ATĐ mở rộng	Cần Giờ	0,43	2016-2020
154	Trường THCS ATĐ 1	Cần Giờ	3,04	2016-2020
155	Trường THCS ATĐ 2	Cần Giờ	3,04	2016-2020
156	Trường THCS Cần Thạnh 1 - KDC Cần Thạnh	Cần Giờ	2,00	2016-2020
157	Mở rộng Trường THCS Long Hòa giai đoạn 1	Cần Giờ	0,84	2016-2020
158	Trường THCS Đồng Hòa	Cần Giờ	0,90	2016-2020
159	Trường THCS 30.4 (Long Hòa 2)	Cần Giờ	3,04	2016-2020
160	Trường THCS Thạnh An	Cần Giờ	0,64	2016-2020
161	Trường Trung học cơ sở Trung Lập Thượng	Củ Chi	1,58	2016-2020
162	Trường trung học cơ sở khu TĐC Bàu Đưng ⁽⁵⁾	Củ Chi	1,87	2016-2020
163	Trường phổ thông cơ sở Khu DC An Nhơn Tây Khu 2	Củ Chi	1,50	2016-2020
164	Trường trung học cơ sở Phước Thạnh	Củ Chi	0,95	2016-2020
165	Trường trung học cơ sở KDC T.P.Trung (Khu 3)	Củ Chi	2,31	2016-2020
166	Trường trung học cơ sở KDC T.P.Trung (Khu 4)	Củ Chi	1,71	2016-2020
167	Trường THCS Tân Thạnh Đông	Củ Chi	1,88	2016-2020
168	Trường trung học cơ sở Tân Thạnh Tây	Củ Chi	1,05	2016-2020
169	Trường trung học cơ sở Phước Vĩnh An	Củ Chi	0,89	2016-2020
170	QH trường THCS - Xã Phước Hiệp	Củ Chi	1,10	2016-2020
171	Trường THCS Bình Hòa - Xã Bình Mỹ	Củ Chi	1,73	2016-2020
172	Trường THCS Tân Thông Hội	Củ Chi	1,84	2016-2020
173	Trường THCS (Khu DC TT xã)	Củ Chi	1,30	2016-2020
174	Sửa chữa nâng cấp Trường THCS Thị Trấn	Củ Chi	0,51	2016-2020
175	Xây dựng mở rộng Trường THCS An Nhơn Tây	Củ Chi	1,89	2016-2020
176	Xây dựng mở rộng Trường THCS Hòa Phú	Củ Chi	1,59	2016-2020
177	Xây dựng mở rộng Trường THCS Trung Lập Hạ	Củ Chi	1,02	2016-2020
178	Xây dựng Trường THCS Tân Thạnh Đông 2	Củ Chi	1,26	2016-2020
179	Xây dựng Trường THCS Tân Phú Trung 2	Củ Chi	1,30	2016-2020
180	Trường trung học Xuân Thới Thượng	Hóc Môn	0,76	2016-2020
181	Trường trung học cơ sở Đặng Công Bình - Nhị Bình	Hóc Môn	0,80	2016-2020
182	Trường trung học cơ sở Đỗ Văn Dậy - Tân Hiệp	Hóc Môn	1,03	2016-2020
183	Trường trung học cơ sở Đông Thạnh	Hóc Môn	1,34	2016-2020
184	THCS Xuân Thới Sơn	Hóc Môn	2,10	2016-2020
185	Trường THCS Đông Thạnh 1	Hóc Môn	1,45	2016-2020
186	Trường THCS Thới Tam Thôn 1	Hóc Môn	1,62	2016-2020
187	Trường Trung học cơ sở Phan Công Hớn	Hóc Môn	1,48	2016-2020
188	Trường Trung học cơ sở Bà Điểm	Hóc Môn	1,67	2016-2020
189	Nâng cấp, mở rộng trường THCS Tân Thới Nhì	Hóc Môn	2,10	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
190	Trường THCS Tân Hiệp 2	Hóc Môn	1,50	2016-2020
191	Trường THCS thị trấn	Hóc Môn	2,03	2016-2020
192	Trường THCS Trung Chánh 2	Hóc Môn	2,26	2016-2020
193	Trường THCS Xuân Thới Đông	Hóc Môn	2,00	2016-2020
194	Trường THCS Trung Chánh 1	Hóc Môn	2,05	2016-2020
195	Trường THCS Xuân Thới Thượng	Hóc Môn	2,00	2016-2020
196	Dự kiến XD trường Trung học cơ sở	Hóc Môn	1,40	2016-2020
197	Trường cấp II xây dựng mới	Hóc Môn	1,06	2016-2020
198	Trường THCS (Khu V - QHCT 1/2000)	Nhà Bè	2,06	2016-2020
199	Trường THCS (Khu II - QHCT 1/2000)	Nhà Bè	1,01	2016-2020
200	Trường THCS Hai Bà Trưng	Nhà Bè	0,57	2016-2020
201	Trường THCS (KDC Trường Vỹ) - Cty Trường Vỹ	Nhà Bè	2,03	2016-2020
202	Trường THCS (Theo QHCT xây dựng đô thị khu Nhơn Đức - Phước Lộc)	Nhà Bè	1,51	2016-2020
203	Mở rộng trường THCS Nguyễn Văn Quỳ	Nhà Bè	0,98	2016-2020
204	Trường THCS (Sadeco 3) 2 trường	Nhà Bè	3,20	2016-2020
205	Trường PTCS (Công ty ĐTXD Tân Thuận)	Nhà Bè	2,24	2016-2020
206	Trường Trung học cơ sở khu dân cư PL (cảng cây khô)	Nhà Bè	1,00	2016-2020
207	Trường Trung học cơ sở khu 2 (khu dân cư phía Tây)	Nhà Bè	1,91	2016-2020
208	Trường THCS Phú Xuân 4 (Theo QHCT 1/2000 KDC Bờ Bàng)	Nhà Bè	1,84	2016-2020
VI.5	Trường gộp các cấp (TH, THCS & THPT)		12,50	
1	Trường tư thục cấp I-II - P Tân Quy	Quận 7	1,20	
2	Xây dựng trường bồi dưỡng nghiệp vụ giáo dục và phòng giáo dục quận 7	Quận 7	0,18	2016-2020
3	Trường Đa cấp Tân Thới Nhất	Quận 12	1,50	2016-2020
4	Xây dựng trường THCS, THPT Bạch Đằng (chủ đầu tư là trường THPT Phan Huy ích)	Gò Vấp	0,31	2016-2020
5	Khu công trình công cộng P6 (Trường học đạt chuẩn quốc gia)	Tân Bình	1,50	2016-2020
6	Khu công trình công cộng - cụm trường học (trường tiểu học - THCS)	Bình Chánh	7,81	2016-2020

BẢNG 19: DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẤT THỂ DỤC THỂ THAO

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
	Tổng cộng		1.450,94	
I	Công trình cấp Thành phố:		603,59	
I.1	Khu liên hợp thể dục thể thao:		533,59	
1	Khu liên hợp TDTT Rạch Chiếc	Quận 2	185,73	2016-2020
2	Khu số 1A - Dự án khu TDTT (Cty CP Vạn Thịnh Phát)	Bình Chánh	13,79	2016-2020
3	Khu cây xanh tập trung - TDTT (khu số 20) - Cty TNHH liên doanh Phú Mỹ Hưng	Bình Chánh	9,07	2016-2020
4	Không gian xanh và Thể dục thể thao	Củ Chi	295,00	2016-2020
5	Làng Olympic - ASIAD	Củ Chi	30,00	2016-2020
I.2	Sân golf:		70,00	
1	Sân golf Cty TNHH Hoa - Việt (Sân golf Thủ Đức): Tổng DT 305ha, trong đó DT riêng sân golf là 120ha, đã đưa vào sử dụng	Quận 9		Đã thành lập
2	Sân golf Sing Việt: DT 70ha, đang bồi thường, GPMB	Bình Chánh	70,00	2016-2020
3	Sân golf GS: DT 145,3ha, đã đưa vào sử dụng	Củ Chi		Đã thành lập
4	Sân golf Cty cổ phần ĐT và phát triển Sài Gòn: Đã có Cv 867/TTg-KTN (18/6/2015) của Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa ra khỏi hạng mục quy hoạch sân golf	Quận 2		Loại bỏ
5	Sân golf sân bay Tân Sơn Nhất: DT 132ha; đã đưa vào sử dụng	Tân Bình		Đã thành lập
II	Công trình cấp Huyện:		847,35	
II.1	Trung tâm thể dục thể thao		117,92	
1	Quy hoạch đất thể dục thể thao (khu Ba Son)	Quận 1	0,50	2016-2020
2	Đất thể dục - thể thao (sài gòn sport city)	Quận 2	64,05	2016-2020
3	Đất thể dục - thể thao (khu 178 ha)	Quận 2	0,65	2016-2020
4	Đất thể dục - thể thao (Trong khu 152,92 ha)	Quận 2	0,91	2016-2020
5	Đất thể dục - thể thao trong khu dân cư phường Thạnh Mỹ Lợi (quận 2)	Quận 2	3,00	2016-2020
6	Đất thể thao trong khu đô thị mới Thủ Thiêm	Quận 2	3,00	2016-2020
7	Trung tâm thể dục thể thao Quận 6 (Sân Tennis và hồ bơi)	Quận 6	1,79	2016-2020
8	Mở rộng nhà thi đấu Nguyễn Tri Phương	Quận 10	0,08	2016-2020
9	Khu bãi sắt (lô B7 khu C30)	Quận 10	1,14	2016-2020
10	Khu TDTT-VH phường Hiệp Thành	Quận 12	5,30	2016-2020
11	Trung tâm liên hợp thể thao Quận	Bình Tân	3,00	2016-2020
12	Khu thể dục thể thao 10ha (thuộc khu giải trí 100ha)	Bình Tân	10,00	2016-2020
13	Đất TDTT khu Tòa án Nhân dân Q. Gò Vấp cũ	Gò Vấp	0,13	2016-2020
14	Xây dựng trung tâm bơi lội quận Gò Vấp	Gò Vấp	0,50	2016-2020
15	Trung tâm TDTT quận	Phú Nhuận	1,50	2016-2020
16	Dự án câu lạc bộ thể dục thể thao	Tân Phú	1,09	2016-2020
17	Đất thể dục - thể thao (P. Bình Chiểu)	Thủ Đức	0,10	2016-2020
18	Đất thể dục - thể thao (P. Hiệp Bình Chánh-trong khu công viên VH Tam Phú, phần diện tích trên phường HBC)	Thủ Đức	2,66	2016-2020
19	Khu thể thao đa năng	Củ Chi	2,00	2016-2020
20	Trung tâm vui chơi giải trí TDTT (GĐ 1+2)	Cần Giờ	11,26	2016-2020
21	Nâng cấp mở rộng Trung tâm TDTT huyện Cần Giờ	Cần Giờ	1,92	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
22	Trung tâm TDTT (Khu I - TT.H)Phú Xuân	Nhà Bè	3,35	2016-2020
II.2	Khu thể thao liên phường/ xã		2,85	
1	Khu liên hiệp văn hóa thể thao xã	Củ Chi	1,40	2016-2020
2	Khu sinh hoạt văn hóa thể thao ấp 4	Củ Chi	0,22	2016-2020
3	Khu sinh hoạt văn hóa thể thao ấp 5	Củ Chi	1,23	2016-2020
II.3	Sân bóng đá (xây mới & mở rộng)		99,79	
1	Sân bóng đá mini (khu dân cư chính trang Lô 9-12)	Quận 3	0,50	2016-2020
2	Sân bóng đá cấp Huyện	Bình Chánh	5,00	2016-2020
3	Sân thể thao cấp xã (nông thôn mới)	Bình Chánh	19,40	2016-2020
4	Sân vận động xã Lý Nhơn	Cần Giờ	3,00	2016-2020
5	Khu vui chơi giải trí truyền thống (Hội chữ thập đỏ)	Cần Giờ	30,00	2016-2020
6	Sân bóng đá Cần Thạnh (mở rộng)	Cần Giờ	2,00	2016-2020
7	MR Sân vận động xã	Củ Chi	0,40	2016-2020
8	Sân bóng	Củ Chi	0,83	2016-2020
9	Sân bóng đá ấp 4	Củ Chi	0,78	2016-2020
10	Sân bóng đá ấp 5	Củ Chi	2,14	2016-2020
11	Sân thể thao	Củ Chi	1,50	2016-2020
12	Sân thể thao đa năng	Củ Chi	2,00	2016-2020
13	Sân thể thao xã Đông Thạnh	Hóc Môn	2,10	2016-2020
14	Lô A26 - KĐT Tây Bắc	Hóc Môn	27,58	2016-2020
15	Sân thể thao Nhị Bình	Hóc Môn	1,20	2016-2020
16	Sân thể thao Tân Hiệp	Hóc Môn	1,36	2016-2020
II.4	Đất công viên TDTT		237,21	
1	Công viên văn hóa TDTT - Hương lộ 2	Bình Tân	23,50	2016-2020
2	Công viên văn hóa TDTT - Tên lửa	Bình Tân	20,00	2016-2020
3	Khu đất TDTT P.12	Bình Thạnh	0,14	2016-2020
4	Khu đất TDTT (QH cây xanh 0,19ha - dành 10% cho TDTT)	Bình Thạnh	0,02	2016-2020
5	Khu đất TDTT phường 27 theo QH TDTT	Bình Thạnh	1,92	2016-2020
6	Khu đất TDTT phường 12	Bình Thạnh	3,70	2016-2020
7	Đất TDTT phân tán tại các phường	Bình Thạnh	9,46	2016-2020
8	Khu thể thao (vườn hoa P6)	Tân Bình	1,03	2016-2020
9	Đất cây xanh, thể dục thể thao	Củ Chi	16,23	2016-2020
10	Đất công viên thể thao	Củ Chi	0,76	2016-2020
11	Đất công viên thể thao	Củ Chi	0,85	2016-2020
12	Đất công viên thể thao	Củ Chi	2,10	2016-2020
13	Đất công viên thể thao	Củ Chi	6,80	2016-2020
14	Khu văn hóa thể thao liên ấp 1,2	Củ Chi	2,10	2016-2020
15	Khu vui chơi thể thao	Củ Chi	0,03	2016-2020
16	Khu vui chơi thể thao	Củ Chi	0,65	2016-2020
17	Khu vui chơi thể thao	Củ Chi	0,05	2016-2020
18	Khu vui chơi thể thao	Củ Chi	0,11	2016-2020
19	Khu vui chơi trẻ em ấp 5	Củ Chi	0,43	2016-2020
20	Khu công viên thể thao	Củ Chi	135,42	2016-2020
21	Đất TDTT - QH khu đô thị mới Phước Kiển - Nhơn Đức (349,36 ha)Nhơn Đức	Nhà Bè	9,08	2016-2020
22	Đất thể dục thể thao (Nhơn Đức - Phước Kiển)Phước Kiển	Nhà Bè	2,31	2016-2020
23	Đất thể dục thể thao (Sadeco 1-2)Phước Kiển	Nhà Bè	0,52	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
II.5	Đất xây dựng công trình TDTT		390,08	
1	Đất thể thao trong các KDC các phường khác	Quận 2	5,74	2016-2020
2	Đất thể dục thể thao	Quận 5	0,11	2016-2020
3	Đất thể dục thể thao	Quận 5	0,91	2016-2020
4	Quy hoạch bể bơi phường 5	Quận 8	0,11	2016-2020
5	Đất dự trữ phát triển thể dục thể thao	Bình Tân	24,17	2016-2020
6	Khu TDTT các phường	Bình Tân	16,00	2016-2020
7	Đất thể dục thể thao trong các trường học	Bình Tân	18,00	2016-2020
8	Đất thể dục thể thao trong khu công viên cây xanh của các khu công nghiệp	Bình Tân	28,60	2016-2020
9	Khu thể thao	Bình Chánh	0,61	2016-2020
10	Đất thể thao	Củ Chi	0,76	2016-2020
11	Đất thể thao	Củ Chi	0,77	2016-2020
12	Đất thể thao	Củ Chi	1,20	2016-2020
13	Khu thể thao đa năng xã Trung Lập Hạ	Củ Chi	2,00	2016-2020
14	Xây dựng mới sân thể thao đa năng xã Phước Thạnh	Củ Chi	0,50	2016-2020
15	Quy hoạch mới công trình TDTT (1 công trình)Hiệp Phước	Nhà Bè	1,57	2016-2020
16	Quy hoạch mới công trình TDTT (1 công trình)Hiệp Phước	Nhà Bè	3,82	2016-2020
17	Quy hoạch mới công trình TDTT (1 công trình)Hiệp Phước	Nhà Bè	8,08	2016-2020
18	Quy hoạch mới công trình TDTT (1 công trình)Hiệp Phước	Nhà Bè	2,44	2016-2020
19	Quy hoạch mới công trình TDTT (2 công trình)Hiệp Phước	Nhà Bè	26,51	2016-2020
20	Trung tâm TDTT (Theo QHCT 1/2000 Khu trung tâm và dân cư huyện lỵ Nhà Bè)	Nhà Bè	11,98	2016-2020
21	Khu phát triển tổng hợp TDTT, vui chơi giải trí, nhà ở, văn phòng (trong đó có khoảng 20ha đất giáo dục)	Nhà Bè	235,00	2016-2020
22	Đất công viên văn hoá, TDTT - QHCT khu dân cư xã Nhơn Đức (65,85 ha)	Nhà Bè	1,21	2016-2020
II.6	Đất thể thao chuyển sang mục đích khác		0,50	
1	Chuyển mục đích đất TDTT sang đất ở (khu đất TT. TDTT P.25)	Bình Thạnh	0,50	2016-2020

BẢNG 20: DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẤT DỊCH VỤ XÃ HỘI

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
	Tổng cộng		4,33	
I	Công trình cấp Quốc gia/ cấp Tỉnh		3,48	
1	Trụ sở liên đoàn lao động TP	Quận 7	1,08	2016-2020
2	Trung tâm cung cấp dịch vụ chăm sóc cho người cao tuổi	Phú Nhuận	0,30	2016-2020
3	Bảo hiểm xã hội TP HCM	Bình Chánh	0,10	2016-2020
4	Trung tâm BT&DN người khuyết tật	Hóc Môn	2,00	2016-2020
II	Công trình cấp dưới		0,85	
1	Chi nhánh bảo hiểm thất nghiệp quận 2	Quận 2	0,05	2016-2020
2	Chi nhánh bảo hiểm thất nghiệp quận 4	Quận 4	0,03	2016-2020
3	Bảo hiểm xã hội quận 7 (P. Phú Mỹ)	Quận 7	0,46	2016-2020
4	Chi nhánh bảo hiểm thất nghiệp quận 8	Quận 8	0,05	2016-2020
5	Chi nhánh bảo hiểm thất nghiệp quận 12	Quận 12	0,03	2016-2020
6	Bảo hiểm xã hội quận Gò Vấp	Gò Vấp	0,04	2016-2020
7	Chi nhánh bảo hiểm thất nghiệp Bình Tân	Bình Tân	0,05	2016-2020
8	Chi nhánh bảo hiểm thất nghiệp Thủ Đức	Thủ Đức	0,04	2016-2020
9	Xây dựng mới Trụ sở Liên đoàn lao động Huyện	Củ Chi	0,10	2016-2020

BẢNG 21: DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẤT CHỢ

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
	Tổng cộng		38,65	
1	Chợ Thảo Điền	Quận 2	0,17	2016-2020
2	Xây dựng chợ Bình Trưng Đông	Quận 2	0,70	2016-2020
3	Chợ phường An Phú	Quận 2	1,02	2016-2020
4	Xây dựng chợ Bình Trưng Tây	Quận 2	0,29	2016-2020
5	Quy hoạch chợ (Trại cút - Bà Hòa)	Quận 2	0,22	2016-2020
6	Chợ (193-196 Tôn Thất Thuyết-P.3)	Quận 4	0,48	2016-2020
7	Chợ phường 16, 18 kết hợp thương mại dịch vụ	Quận 4	0,58	2016-2020
8	Chợ Phạm Hữu Lầu (Phú Mỹ)	Quận 7	0,60	2016-2020
9	Chợ Phước Long (Phú Mỹ)	Quận 7	1,04	2016-2020
10	Chợ Phú Thọ	Quận 11	0,45	2016-2020
11	Chợ Ngã Tư Ga	Quận 12	0,23	2016-2020
12	Chợ KP3 Thạnh Lộc	Quận 12	0,50	2016-2020
13	Chợ Khu 2 An Phú Đông	Quận 12	1,87	2016-2020
14	Chợ Khu 8 Thới An	Quận 12	1,02	2016-2020
15	Chợ khu 10 Đông Hưng Thuận	Quận 12	0,26	2016-2020
16	Chợ khu 13 Tân Thới Nhất	Quận 12	0,53	2016-2020
17	Chợ khu 15 Hiệp Thành	Quận 12	1,01	2016-2020
18	Chợ KP4 Tân Thới Hiệp	Quận 12	0,30	2016-2020
19	Quỹ đất phát triển chợ tư nhân	Bình Tân	6,00	2016-2020
20	Chợ khu phố 7	Bình Tân	1,50	2016-2020
21	Chợ khu phố 2	Bình Tân	0,90	2016-2020
22	Chợ khu phố 3	Bình Tân	0,85	2016-2020
23	Chợ Liên khu 5-6	Bình Tân	0,20	2016-2020
24	Chợ khu phố 6	Bình Tân	0,92	2016-2020
25	Chợ khu phố 6	Bình Tân	0,84	2016-2020
26	Chợ khu dân cư Phạm Văn Hai	Bình Chánh	0,10	2016-2020
27	Chợ khu dân cư Bình Hưng mới	Bình Chánh	0,10	2016-2020
28	Chợ ấp 6 xã Vĩnh Lộc A	Bình Chánh	0,50	2016-2020
29	Chợ Tân Kiên	Bình Chánh	0,30	2016-2020
30	Chợ Đa Phước	Bình Chánh	0,30	2016-2020
31	Chợ trung tâm Bình Lợi	Bình Chánh	0,30	2016-2020
32	Chợ Qui Đức mới	Bình Chánh	0,30	2016-2020
33	Chợ ấp 2,3 Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	0,68	2016-2020
34	Chợ An Phú Tây mới	Bình Chánh	0,34	2016-2020
35	Chợ tạm Lê Minh Xuân	Bình Chánh	0,30	2016-2020
36	Quy hoạch chợ mới tại ấp LHH	Cần Giờ	1,00	2016-2020
37	Chợ và KP chợ - X. Long Hòa (Cty Tân Phúc Hưng)	Cần Giờ	2,50	2016-2020
38	Xây dựng mới chợ An Thới Đông	Cần Giờ	0,16	2016-2020
39	Chợ Đồng Hòa - Long Hòa	Cần Giờ	0,09	2016-2020
40	Chợ Long Thạnh - Long Hòa	Cần Giờ	2,49	2016-2020
41	Tổng diện tích chợ dự kiến	Củ Chi	0,66	2016-2020
42	Chợ Xuân Thới Đông 1-X.Xuân Thới Đông	Hóc Môn	0,28	2016-2020
43	Chợ - QHCT. KDC hiện hữu (97,47ha) Nhơn Đức	Nhà Bè	1,61	2016-2020
44	Quy hoạch mới chợ (1 điểm)Hiệp Phước	Nhà Bè	0,56	2016-2020
45	Chợ Nông thôn mới Nhơn Đức	Nhà Bè	0,49	2016-2020
46	Đất quy hoạch chợ Long Thới	Nhà Bè	0,23	2016-2020
47	Đất quy hoạch chợ Phước Lộc	Nhà Bè	0,50	2016-2020
48	Quy hoạch mới chợ (1 điểm) Hiệp Phước	Nhà Bè	2,38	2016-2020

BẢNG 22: DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẤT TRỤ SỞ CƠ QUAN

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
	Tổng cộng		89,66	
I	Công trình cấp Quốc gia/cấp Tỉnh:		6,58	
1	Trụ sở cục VHTT-DL (48 Nguyễn Đình Chiểu)	Quận 1	0,03	
2	Tòa án nhân dân tối cao	Quận 2	1,50	2016-2020
3	Đất trụ sở Báo Công an Thành phố (P. Thảo Điền)	Quận 2	0,43	2016-2020
4	Khu trụ sở các ban đảng TW phía Nam và Cục quản trị T.78	Quận 3	0,29	2016-2020
5	Khu hành chính tập trung các cơ quan đảng của Thành ủy TP.HCM	Quận 3	1,76	2016-2020
6	Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	Quận 3	0,71	2016-2020
7	Trụ sở làm việc của Chi cục Quản lý thị trường Thành Phố	Quận 3	0,09	2016-2020
8	Văn phòng Thành Ủy	Quận 5	0,12	2016-2020
9	Trung tâm lưu trữ Cục thuế Thành phố	Quận 9	0,34	2016-2020
10	Trụ sở Thanh tra Sở lao động thương binh xã hội (tên cũ Ủy ban chăm sóc Bà mẹ trẻ em Thành phố)	Quận 10	0,04	2016-2020
11	Trung tâm Lưu trữ Thành phố	Bình Tân	0,02	2016-2020
12	Kho tang vật, kho lưu trữ quận Gò Vấp	Gò Vấp	0,52	2016-2020
13	Trụ sở Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc	Củ Chi	0,72	2016-2020
II	Công trình cấp dưới:		83,08	
II.1	Công trình cấp Huyện:		39,59	
1	Mở rộng khuôn viên trụ sở Quận Ủy Quận 3 (115 Trần Quốc Thảo)	Quận 3	0,08	2016-2020
2	Đội quản lý trật tự đô thị quận 3	Quận 3	0,01	2016-2020
3	Trụ sở và kho chứa vật chứng-Chi cục thi hành án dân sự Q.4 (P.18)	Quận 4	0,12	2016-2020
4	Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân quận 7 (Lô C3)	Quận 7	0,14	2016-2020
5	Trụ Sở Khối mặt trận tổ quốc và các Đoàn thể Q.8	Quận 8	0,26	2016-2020
6	Trụ sở khối vận Đoàn thể Quận 8	Quận 8	0,95	2016-2020
7	Nâng cấp trụ sở hành chính Quận 9	Quận 9	0,36	2016-2020
8	Trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân Q.9	Quận 9	0,29	2016-2020
9	Trụ sở Đội quản lý thị trường Q.9	Quận 9	0,24	2016-2020
10	Trụ sở Đội thi hành án Q.9	Quận 9	0,24	2016-2020
11	Trụ sở Chi cục Thuế Q.9	Quận 9	0,56	2016-2020
12	Trụ sở làm việc cơ quan quản lý nhà nước quận 10	Quận 10	0,15	2016-2020
13	Trụ sở hành chính Q. Bình Tân	Bình Tân	15,00	2016-2020
14	Khối đoàn thể Q. Bình Tân	Bình Tân	0,12	2016-2020
15	Trụ sở Chi cục Thuế Q.Phú Nhuận	Phú Nhuận	0,17	2016-2020
16	Khu hành chính Q. Phú Nhuận	Phú Nhuận	0,31	2016-2020
17	Trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân quận (217 Hoàng Văn Thụ, P.8)	Phú Nhuận	0,06	2016-2020
18	Trụ sở Quận ủy Phú Nhuận	Phú Nhuận	0,19	2016-2020
19	Trụ sở Chi cục Thi hành án- quận Phú Nhuận	Phú Nhuận	0,01	2016-2020
20	Trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân quận	Phú Nhuận	0,06	2016-2020
21	Đất trụ sở do Thành ủy quản lý	Phú Nhuận	0,10	2016-2020
22	Trụ sở Đội Quản lý Trật tự Đô thị	Phú Nhuận	0,01	2016-2020
23	Phòng Y tế quận Phú Nhuận	Phú Nhuận	0,03	2016-2020
24	Trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường Cần Giờ	Cần Giờ	0,06	2016-2020
25	Xây dựng mới trụ sở khối vận huyện Cần Giờ	Cần Giờ	0,56	2016-2020
26	Xây dựng trụ sở UBND huyện Cần Giờ	Cần Giờ	1,85	2016-2020
27	Trụ sở Huyện ủy-UBND-Đoàn thể H.Hóc Môn (trong khu Khánh Đông)	Hóc Môn	8,56	2016-2020
28	Trụ sở Ban QL đầu tư XDCT-Ban BT-GPMB H.Hóc Môn	Hóc Môn	0,02	2016-2020
29	Khu hành chính H.Nhà Bè	Nhà Bè	8,08	2016-2020
30	Trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường Nhà Bè	Nhà Bè	0,11	2016-2020
31	Xây dựng trụ Sở tạm Quản lý đường thủy nội địa số 3	Nhà Bè	0,03	2016-2020
32	Trụ sở bảo hiểm huyện Nhà Bè	Nhà Bè	0,13	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
33	Cơ quan phòng chống lụt bão Phú Xuân	Nhà Bè	0,68	2016-2020
34	Tổ cảnh sát giao thông đường thủy	Nhà Bè	0,03	2016-2020
35	Khu quản lý giao thông đường thủy nội địa - Kho tạm giữ tang vật	Nhà Bè	0,03	2016-2020
II.2	Công trình cấp Xã:		43,51	
1	Trụ sở UBND P.Bình Trung Tây	Quận 2	0,13	2016-2020
2	Ban chỉ huy quân sự Bình Trưng Đông	Quận 2	0,04	2016-2020
3	Ban chỉ huy quân sự phường An Phú	Quận 2	0,02	2016-2020
4	Ban chỉ huy quân sự phường Thạnh Mỹ Lợi	Quận 2	0,02	2016-2020
5	Trụ sở Công an P. Bình Trưng Đông	Quận 2	0,04	2016-2020
6	Khu đất trụ sở (P. Bình Khánh)	Quận 2	0,05	2016-2020
7	Khu đất trụ sở (P. Bình Khánh)	Quận 2	0,45	2016-2020
8	Đất trụ sở (P. Cát Lái)	Quận 2	1,33	2016-2020
9	Đất trụ sở, ban ngành (P. Bình Trưng Đông)	Quận 2	0,22	2016-2020
10	Đất trụ sở (P. Thạnh Mỹ Lợi)	Quận 2	0,09	2016-2020
11	Trụ sở Công an phường Bình Khánh	Quận 2	0,01	2016-2020
12	Trụ sở Công an phường Bình Trưng Tây	Quận 2	0,02	2016-2020
13	Trụ sở công an phường 10	Quận 3	0,01	2016-2020
14	Đất quốc phòng P.7 (30 Bis Lê Quý Đôn)	Quận 3	0,04	2016-2020
15	Trụ sở UBND phường 1	Quận 3	0,07	2016-2020
16	Trụ sở ban chỉ huy quân sự phường 2	Quận 3	0,01	2016-2020
17	Nhà văn hóa + BCH quân sự phường	Quận 3	0,03	2016-2020
18	Trụ sở ban chỉ huy quân sự phường 8	Quận 3	0,01	2016-2020
19	Ban chỉ huy Quân sự phường 7	Quận 3	0,01	2016-2020
20	Trụ sở ban chỉ huy quân sự phường 10	Quận 3	0,01	2016-2020
21	Trụ sở dân phòng phường 10	Quận 3	0,00	2016-2020
22	Đất trụ sở	Quận 3	0,01	2016-2020
23	Mở rộng trụ sở UBND phường 13	Quận 3	0,03	2016-2020
24	Xây dựng Trụ sở UBND P.4	Quận 4	0,02	2016-2020
25	Xây dựng Trụ sở UBND P.1	Quận 4	0,12	2016-2020
26	Xây dựng Trụ sở UBND P.2	Quận 4	0,03	2016-2020
27	Xây dựng Trụ sở UBND P.8	Quận 4	0,03	2016-2020
28	Xây dựng trụ sở BCH quân sự Phường 1	Quận 4	0,01	2016-2020
29	Xây dựng trụ sở BCH quân sự Phường 3	Quận 4	0,01	2016-2020
30	Xây dựng trụ sở BCH quân sự Phường 6	Quận 4	0,01	2016-2020
31	Xây dựng trụ sở BCH quân sự Phường 15	Quận 4	0,03	2016-2020
32	Xây dựng trụ sở BCH quân sự Phường 16	Quận 4	0,01	2016-2020
33	Trụ sở UBND Phường 3	Quận 5	0,01	2016-2020
34	Trụ sở UBND Phường 8	Quận 5	0,02	2016-2020
35	Chốt Dân Phòng Phường 8	Quận 6	0,01	2016-2020
36	Ban Chỉ huy Quân sự p7	Quận 6	0,01	2016-2020
37	Ban Chỉ huy Quân sự p4	Quận 6	0,01	2016-2020
38	Trụ sở UBND P.Tân Hưng	Quận 7	0,40	2016-2020
39	Lô H- 3 khu đô thị nam Thành phố	Quận 7	0,16	2016-2020
40	Trụ sở UBND P.Tân Hưng (khu 4.6ha)	Quận 7	0,12	2016-2020
41	Trụ sở Thanh tra địa bàn - Bình Thuận	Quận 7	0,04	2016-2020
42	Kho tang vật- Bình Thuận	Quận 7	0,06	2016-2020
43	Trụ sở đội thanh tra giao thông số 6 - Bình Thuận	Quận 7	0,03	2016-2020
44	Cải tạo mở rộng UBND P Phú Mỹ	Quận 7	0,01	2016-2020
45	BCHQS P.Tân Quy	Quận 7	0,07	2016-2020
46	BCHQS P.Tân Thuận Đông	Quận 7	0,01	2016-2020
47	BCHQS P.Tân Hưng	Quận 7	0,02	2016-2020
48	BCHQS P.Phú Mỹ	Quận 7	0,01	2016-2020
49	BCHQS P.Phú Thuận	Quận 7	0,02	2016-2020
50	BCHQS P.Tân Phú	Quận 7	0,02	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
51	BCHQS P.Tân Phong	Quận 7	0,02	2016-2020
52	BCHQS P.Tân Kiểng	Quận 7	0,01	2016-2020
53	Trụ sở công an phường Tân Phú	Quận 7	0,16	2016-2020
54	Trụ sở công an phường Tân Thuận Tây	Quận 7	0,02	2016-2020
55	Trụ sở công an phường Bình Thuận	Quận 7	0,06	2016-2020
56	Trụ sở công an phường Tân Quy	Quận 7	0,02	2016-2020
57	Sửa chữa cải tạo trụ sở công an P. Tân Hưng	Quận 7	0,04	2016-2020
58	Sửa chữa cải tạo trụ sở công an P. Tân Kiểng	Quận 7	0,01	2016-2020
59	Trung tâm huấn luyện an ninh mạng - P Phú Thuận	Quận 7	5,00	2016-2020
60	Trụ Sở UBND P.8	Quận 8	0,04	2016-2020
61	Trụ Sở UBND P.14	Quận 8	0,19	2016-2020
62	Trụ Sở UBND P.11	Quận 8	0,04	2016-2020
63	Trụ Sở UBND P.13	Quận 8	0,02	2016-2020
64	Quy hoạch xây dựng Trụ sở Phường đội	Quận 8	0,01	2016-2020
65	Khu hành chính và nhà Văn hóa Phường 8 (141-143 Hưng Phú)	Quận 8	0,20	2016-2020
66	Khu hành chính Phường 14	Quận 8	0,19	2016-2020
67	Trụ sở Công an Phường 4	Quận 8	0,03	2016-2020
68	Trụ sở Công an Phường 13	Quận 8	0,02	2016-2020
69	Trụ sở UBND P.7	Quận 10	0,04	2016-2020
70	Trụ sở Công an phường 14	Quận 10	0,03	2016-2020
71	Trụ sở Ủy ban nhân dân Phường 10 và phường đội	Quận 11	0,19	2016-2020
72	Trụ sở P.đội Hiệp Thành	Quận 12	0,26	2016-2020
73	Trụ sở P.đội Tân Thới Nhất	Quận 12	0,09	2016-2020
74	Trụ sở P.đội Trung Mỹ Tây	Quận 12	0,09	2016-2020
75	Trụ sở P.đội Tân Hưng Thuận	Quận 12	0,08	2016-2020
76	Trụ sở công an phường Tân Thới Nhất	Quận 12	0,82	2016-2020
77	Trụ sở P.đội Thạnh Lộc	Quận 12	0,08	2016-2020
78	Trụ sở P.đội An Phú Đông	Quận 12	0,16	2016-2020
79	Trụ sở P.đội Thới An	Quận 12	0,12	2016-2020
80	Trụ sở P.đội Tân Chánh Hiệp	Quận 12	0,09	2016-2020
81	Trụ sở công an phường An Phú Đông	Quận 12	0,07	2016-2020
82	Trụ sở công an phường Tân Thới Hiệp	Quận 12	0,11	2016-2020
83	Trung tâm hành chính P.Bình Trị Đông A	Bình Tân	2,00	2016-2020
84	Trung tâm hành chính P.Tân Tạo A	Bình Tân	3,00	2016-2020
85	Trung tâm hành chính P.Bình Hưng Hòa A (tách mới)	Bình Tân	3,00	2016-2020
86	Trụ sở công an phường An Lạc	Bình Tân	0,06	2016-2020
87	Trụ sở UBND phường 12	Bình Thạnh	0,09	2016-2020
88	Xây dựng trụ sở UBND P26	Bình Thạnh		2016-2020
89	Xây dựng các trụ sở ấp Dơi P15	Gò Vấp	0,60	2016-2020
90	Trụ sở BCH quân sự P.13	Gò Vấp	0,01	2016-2020
91	Trụ sở BCH quân sự P.7	Gò Vấp	0,05	2016-2020
92	Trụ sở Ủy ban nhân dân Phường 9	Phú Nhuận	0,95	2016-2020
93	Trụ sở Ban Bảo vệ Khu phố 1- Phường 7	Phú Nhuận	0,00	2016-2020
94	Trụ sở Ủy ban nhân dân Phường 17	Phú Nhuận	0,06	2016-2020
95	Trụ UBND P.13	Phú Nhuận	0,04	2016-2020
96	Trụ sở Ban CHQS- Phường 3	Phú Nhuận	0,01	2016-2020
97	Trụ sở Ban CHQS- Phường 4	Phú Nhuận		2016-2020
98	Trụ sở Ban CHQS- Phường 5	Phú Nhuận	0,01	2016-2020
99	Trụ sở Ban CHQS- Phường 7	Phú Nhuận	0,01	2016-2020
100	Trụ sở Ban CHQS- Phường 8	Phú Nhuận	0,02	2016-2020
101	Trụ sở Ban CHQS- Phường 9	Phú Nhuận	0,01	2016-2020
102	Trụ sở Ban CHQS- Phường 15	Phú Nhuận	0,01	2016-2020
103	Trụ sở Ban CHQS- Phường 17	Phú Nhuận	0,01	2016-2020
104	Trụ sở UBND - Nhà văn hóa P.6 (Khu C30)	Tân Bình	0,10	2016-2020

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
105	Ban chỉ huy QS Phường Phú Thạnh	Tân Phú	0,01	2016-2020
106	Ban chỉ huy QS+UBND Phường Phú Trung (mở rộng)	Tân Phú	0,05	2016-2020
107	BCH Quân sự phường Tân Thành	Tân Phú	0,02	2016-2020
108	Trụ sở công an P.Hòa Thạnh	Tân Phú	0,04	2016-2020
109	Trụ sở công an P.Phú Thọ Hòa	Tân Phú	0,04	2016-2020
110	Trụ sở công an P.Hiệp Tân	Tân Phú	0,03	2016-2020
111	Trụ sở công an P.Tân Thới Hòa+ BCHQS phường Tân Thới Hòa	Tân Phú	0,10	2016-2020
112	Trụ sở công an P.Sơn Kỳ	Tân Phú	0,08	2016-2020
113	Mở rộng trụ sở UBND TT.Tân Túc	Bình Chánh	0,77	2016-2020
114	Mở rộng trụ sở UBND X.Phạm Văn Hai	Bình Chánh	0,30	2016-2020
115	Mở rộng trụ sở UBND X.Bình Lợi	Bình Chánh	0,14	2016-2020
116	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Tân Kiên	Bình Chánh	0,35	2016-2020
117	Trụ sở UBND xã Đa Phước	Bình Chánh	0,34	2016-2020
118	Quỹ đất xây dựng trụ sở cơ quan -KDC Giồng Ao (KP.Phong Thạnh)	Cần Giờ	8,86	2016-2020
119	Đài Truyền thanh huyện	Cần Giờ	0,50	2016-2020
120	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Thạnh An	Cần Giờ	0,25	2016-2020
121	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Lý Nhơn	Cần Giờ	0,07	2016-2020
122	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã An Thới Đông	Cần Giờ	0,19	2016-2020
123	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Tam Thôn Hiệp	Cần Giờ	0,09	2016-2020
124	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự thị trấn Cần Thạnh	Cần Giờ	0,24	2016-2020
125	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Bình Khánh	Cần Giờ	0,15	2016-2020
126	Trung tâm hành chính (ấp Trung Bình, X.Trung Lập Thượng)	Củ Chi	1,75	2016-2020
127	Đất hành chính (X. Tân An Hội)	Củ Chi	1,00	2016-2020
128	Trụ sở UBND X.Xuân Thới Sơn	Hóc Môn	1,50	2016-2020
129	Trụ sở UBND X.Bà Điểm (tách xã)	Hóc Môn	0,50	2016-2020
130	Trụ sở UBND X.Thới Tam Thôn (tách xã)	Hóc Môn	0,50	2016-2020
131	Trung tâm hành chính (QHCT khu dân cư Nhon Đức - Phước Lộc)- X.Nhon Đức	Nhà Bè	1,46	2016-2020
132	Trung tâm hành chính X.Phước Lộc	Nhà Bè	1,15	2016-2020
133	Mở rộng trụ sở UBND xã Long Thới	Nhà Bè	0,76	2016-2020
II.3	Công trình chuyển mục đích		0,02	
1	Khối vận Phường 11 (bán đấu giá)	Quận 8	0,01	2016-2020
2	Chuyển đổi mục đích sang đất ở trụ sở phòng LĐT BXH (bán nhà theo phương án 09)	Quận 8	0,01	2016-2020
3	Chuyển đổi mục đích trụ sở công an Phường 1 cũ (bán nhà theo phương án 09)	Quận 8	0,01	2016-2020

BẢNG 23: DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẤT TRỤ SỞ CỦA TỔ CHỨC SỰ NGHIỆP

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
	Tổng cộng		30,56	
I	Công trình cấp Quốc gia/cấp Tỉnh:		13,91	
1	Chi cục Thú y Thành phố (Khu II chung cư Tân Phước)	Quận 11	0,12	2016-2020
2	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 50.03S	Thủ Đức	0,88	2016-2020
3	Mở rộng Trung tâm Quản lý và Kiểm định giống cây trồng vật nuôi	Bình Chánh	4,90	2016-2020
4	Trung tâm nghiên cứu rừng ngập mặn Cần Giờ	Cần Giờ	0,01	2016-2020
5	Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã (thuộc dự án Vườn thực vật)	Củ Chi	8,00	2016-2020
II	Công trình cấp dưới:		16,65	
II.1	Công trình cấp Huyện:		16,42	
1	Trạm quan trắc (P. Bình Trưng Tây)	Quận 2	0,20	2016-2020
2	Trạm quan trắc (P. Bình Trưng Tây)	Quận 2	0,10	2016-2020
3	Xây dựng Kho lưu trữ và VPĐK sử dụng đất quận 7	Quận 7	0,18	2016-2020
4	Trạm chuẩn đoán xét nghiệm và điều trị thú y (128 Trần Quý, P.6)	Quận 11	0,09	2016-2020
5	Viện công nghệ viễn thông (P. Thạnh Lộc)	Quận 12	1,00	2016-2020
6	Trạm kiểm dịch động vật Thủ Đức	Thủ Đức	0,15	2016-2020
7	Trạm thú y quận Gò Vấp	Gò Vấp	0,03	2016-2020
8	Dự án giao đất cho Chi cục Lâm nghiệp (82 ha)	Bình Chánh	13,28	2016-2020
9	Xây dựng trạm bảo vệ nguồn lợi thủy sản (TT. Cần Thạnh)	Cần Giờ	0,71	2016-2020
10	Dự án xây dựng trung tâm nuôi và chuyển giao công nghệ nuôi cua lột tại huyện Cần Giờ.	Cần Giờ		2016-2020
11	Xây dựng phòng tiếp dân, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	Củ Chi	0,19	2016-2020
12	Nhà điều hành điện lực huyện Hóc Môn	Hóc Môn	0,50	2016-2020
II.2	Công trình cấp Xã:		0,23	
1	Trụ sở Hội Cựu chiến binh P. Tân Thuận Tây	Quận 7	0,01	2016-2020
2	Trạm kiểm lâm An Thới Đông	Cần Giờ	0,05	2016-2020
3	Trạm kiểm lâm Tam Thôn Hiệp	Cần Giờ	0,10	2016-2020
4	Văn phòng Hợp tác xã - X. Nhuận Đức	Củ Chi	0,07	2016-2020

BẢNG 24: DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẤT Ở

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
	TỔNG CỘNG		14.645,84	4.300,24	10.345,60		
I	Tái định cư, KTX sinh viên, nhà ở xã hội:		677,91	322,99	354,92		
1	Dự án Bồi thường, hỗ trợ tái định cư khu Tứ giác Nguyễn Cư Trinh	Quận 1	7,35	7,35		2016	
2	Khu Tái định cư Nam Rạch Chiếc (90ha)	Quận 2	13,85	13,85		2017-2020	
3	Nhà lưu trú công nhân Cty Phát triển nhà Quận 2 thuộc KCN Cát Lái	Quận 2	3,00	3,00		2017-2020	
4	Nhà Lưu trú CN thuộc cụm tiểu thủ CN	Quận 2	2,09	2,09		2016	
5	Nhà khách Văn phòng UBND tỉnh Hậu Giang (P.Thạnh Mỹ Lợi)	Quận 2	1,58	1,58		2016	
6	Khu Tái định cư 243 Tân Hòa Đông	Quận 6	0,71	0,71		2017-2020	
7	khu nhà ở xã hội 207/14 Kinh Dương Vương	Quận 6	0,12	0,12		2017-2020	
8	Dự án chung cư Rạch Ruột Ngựa	Quận 6	1,61	1,61		2017-2020	
9	Dự án Khu tái định cư P10	Quận 6	2,78	2,78		2017-2020	
10	Khu tái định cư Tân Hưng II	Quận 7	4,26	4,26		2017-2020	
11	Chung cư tái định cư Phú Mỹ	Quận 7	2,00	2,00		2017-2020	
12	Dự án nhà lưu trú công nhân KCX Tân Thuận	Quận 7	1,48	1,48		2017-2020	Cty CP phát triển Nam Sài Gòn
13	Khu tái định cư	Quận 7	1,05	1,05		2017-2020	Cty Khải Huy Quân
14	Nhà ở xã hội phục vụ CBCNV (phường Tân Quy)	Quận 7	0,23	0,23		2017-2020	
15	Quy hoạch khu nhà ở thu nhập thấp (tại Công ty TNHH SN - TM giấy Bảo Hưng), phường 6	Quận 8	21,70	10,00	11,70	2017-2020	Cty giấy Bảo Hưng
16	Khu chung cư - trường mầm non 1458 Hoài Thanh P14	Quận 8	1,18	1,18		2017-2020	Cty CP TM Sài Gòn kho vận
17	Khu nhà ở Tân Phú Thịnh P6	Quận 8	0,61	0,61		2017-2020	Cty Tân Phú Thịnh
18	Nhà ở xã hội 314 Âu Dương Lân	Quận 8	0,35	0,35		2017-2020	
19	Khu TĐC 338 Bến Bình Đông P15	Quận 8	0,13	0,13		2017-2020	Cty DVCI Q8
20	Khu chung cư phục vụ tái định cư tại chỗ cho dự án Công viên văn hóa Đồng Điều Nam (CT Vạn Thái)	Quận 8	2,05	2,05		2017-2020	
21	Khu tái định cư tại chỗ cho dự án Công viên văn hóa Đồng Điều Bắc (CT Minh Hằng)	Quận 8	2,00	2,00		2017-2020	
22	Nhà ở xã hội (Khu đất Quận đoàn cũ, Nhà thiếu nhi cũ, Trung tâm Giáo dục thường xuyên)	Quận 8	0,24	0,24		2017-2020	
23	Dự án Khu ký túc xá Đại học Sài Gòn P.16 - Q.8	Quận 8	0,02	0,02		2017-2020	
24	Dự án nhà tái định cư, nhà ở xã hội, nhà ở thương mại- khu đô thị Tăng Long-phường Trường Thạnh (nằm trong Đông Tăng Long)	Quận 9	4,42	4,42		2017-2020	
25	Nhà lưu trú công nhân khu công nghệ cao quận 9- giai đoạn 2	Quận 9	3,00	3,00		2017-2020	Cty phát triển khu công nghệ cao
26	Khu nhà ở xã hội	Quận 9	0,68	0,68		2017-2020	Tổng Cty Địa Ốc Sài Gòn
27	Chung cư tái định cư Q.10 (Lô B31-khu C30-P.14)	Quận 10	1,47	1,47		2017-2020	
28	Chung cư tái định cư Q.10 (Lô B24-khu C30-P.14)	Quận 10	0,38	0,38		2017-2020	
29	Khu tái định cư Q.10 (Lô B31-kh C30-P.15)	Quận 10	0,03	0,03		2017-2020	
30	Dự án phát triển nhà ở xã hội, thương mại tại đường Tổng Văn Trân - P. 5	Quận 11	3,43	3,43		2017-2020	
31	Khu chung cư nhà ở xã hội (49/52 Âu Cơ -P.14)	Quận 11	0,27	0,27		2017-2020	
32	Nhà ở xã hội khu 159 Lò Siêu (Hẻm 159 Lò Siêu - P.8)	Quận 11	0,28	0,28		2017-2020	UBND Quận làm chủ đầu tư

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
33	Nhà ở xã hội Phường Hiệp Thành	Quận 12	11,75	11,75		2017-2020	
34	Khu nhà tái định cư phường Hiệp Thành (vị trí 19,3 ha cũ)	Quận 12	1,00	1,00		2017-2020	
35	Khu tái định cư (Khu 10ha)	Quận 12	10,00	10,00		2017-2020	Ban quản lý dự án, đầu tư công trình
36	Khu tái định cư (Khu 38ha)	Quận 12	36,20	10,00	26,20	2017-2020	Ban quản lý dự án, đầu tư công trình
37	Dự án 05 block c/c thuộc khu tái định cư 33,26ha Tân Tạo	Bình Tân	1,52	1,52		2017-2020	Cty CPĐT và CN Tân Tạo
38	Dự án 03 block c/c 12 tầng thuộc khu tái định cư 33,26ha Tân Tạo	Bình Tân	1,29	1,29		2017-2020	Cty CPĐT và CN Tân Tạo
39	Nhà lưu trú công nhân tại P.Bình Trị Đông	Bình Tân	0,88	0,88		2017-2020	Cty CP đầu tư XD khu đô thị mới Sài Gòn (Cty Sài Gòn Nic)
40	Chung cư Thanh Đa lô IV, VI	Bình Thạnh	0,56	0,56		2017-2020	
41	Dự án khu tái định cư P.3 - Q. Bình Thạnh	Bình Thạnh	0,54	0,54		2017-2020	23/49 Đinh Tiên Hoàng, P.3, Q. Bình Thạnh
42	Quỹ đất cho phát triển nhà ở xã hội (thuộc dự án khu dân cư ấp Dơi - P.15)	Gò Vấp	2,72	2,72		2017-2020	
43	Chung cư thu nhập thấp (khu đất 93/34 Phân Huy Ích - P.14)	Gò Vấp	0,50	0,50		2017-2020	Cty TNHH MTV Dịch vụ công ích
44	Dự án căn hộ cao tầng kết hợp TM-DV tại 105 Lê Lợi, phường 3	Gò Vấp	0,21	0,21		2017-2020	Cty CP nhiên liệu Sài Gòn
45	Khu gia đình chính sách Binh đoàn 15	Gò Vấp	0,50	0,50		2017-2020	
46	Nhà ở xã hộ P. 7	Phú Nhuận	0,22	0,22		2017-2020	
47	Nhà ở xã hội - Phường 14	Tân Bình	0,63	0,63		2017-2020	Cty dệt may Gia Định
48	Chung cư tái định cư phường Tân Thới Hòa	Tân Phú	0,90	0,90		2017-2020	Ban bồi thường GPMB Q.Tân Phú
49	Chung cư nhà ở xã hội tại hẻm 92 Tô Hiệu - P. Tân Thới Hòa	Tân Phú	0,15	0,15		2017-2020	
50	Dự án nhà ở xã hội Khu đất 1300 Kha Vạn Cân	Thủ Đức	0,43	0,43		2017-2020	
51	Khu nhà ở tái định cư (phường Hiệp Bình Phước)	Thủ Đức	5,70	5,70		2017-2020	
52	Khu nhà ở công nhân lao động Liên Đoàn lao động thành phố - P. Trường Thọ	Thủ Đức	2,72	2,72		2017-2020	Cty TNHH MTV Dịch vụ Đầu tư xây dựng Trường Thịnh
53	Chung cư cho người thu nhập thấp phường Linh Tây	Thủ Đức	0,75	0,75		2017-2020	Cty CP xây dựng số 5
54	Nhà ở xã hội phục vụ lưu trú công nhân	Thủ Đức	2,21	2,21		2016	Cty TNHH SX căn Nhon Hòa
55	Khu nhà ở tái định cư P. Tam Phú	Thủ Đức	1,12	1,12		2017-2020	Cty CP N.V.T
56	Nhà ở xã hội - P. Linh Trung	Thủ Đức	0,74	0,74		2017-2020	Cty TNHH ĐTXD 628
57	Nhà ở xã hội - nhà lưu trú công nhân - P. Linh Trung	Thủ Đức	1,79	1,79		2017-2020	Cty CP ĐTXDSXDV du lịch Thiên Phát và Cty CP SXXD Hoàng Ngân
58	Khu nhà ở xã hội tại xã Lê Minh Xuân	Bình Chánh	79,67	10,00	69,67	2017-2020	Cty đô thị Gia Phú
59	Khu tái định cư Sinh Việt	Bình Chánh	62,61	10,00	52,61	2017-2020	
60	Khu nhà ở xã hội và Tái định cư - X. Tân Kiên	Bình Chánh	30,16	10,00	20,16	2017-2020	Cty 577
61	Khu tái định cư - Lê Minh Xuân	Bình Chánh	72,70	10,00	62,70	2017-2020	
62	Khu tái định cư (Khu 20) - Ban quản lý Khu Nam	Bình Chánh	13,19	13,19		2017-2020	
63	Khu tái định cư Đa Phước	Bình Chánh	12,00	12,00		2017-2020	
64	Khu tái định cư - Trường Đại học Hùng Vương	Bình Chánh	5,91	5,91		2017-2020	
65	Khu tái định cư bến xe Miền Tây	Bình Chánh	5,90	5,90		2017-2020	
66	Khu lưu trú công nhân - xã Tân Nhựt	Bình Chánh	4,99	4,99		2017-2020	Tổng Cty địa ốc Sài Gòn
67	Khu dân cư cho người thu nhập thấp - Vĩnh Lộc A	Bình Chánh	4,68	4,68		2017-2020	Cty địa ốc Sông Đà

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
68	Nhà lưu trú công nhân cụm công nghiệp An Hạ - Phạm Văn Hai	Bình Chánh	2,40	2,40		2017-2020	Cty Nhật Thành
69	Nhà lưu trú công nhân 2,2ha trong khu dân cư TĐC Vĩnh Lộc A	Bình Chánh	2,20	2,20		2017-2020	Cty XNK và đầu tư Chợ Lớn
70	Dự án dân cư Hạnh Phúc - Lô 11B khu đô thị mới Nam Thành phố	Bình Chánh	1,19	1,19		2017-2020	Tổng Cty xây dựng số 1
71	Dự án Nhà ở xã hội khu đất 42B Tỉnh lộ 10	Bình Chánh	0,92	0,92		2017-2020	Cty XD Sài Gòn
72	Dự án nhà lưu trú công nhân tại xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh	Bình Chánh	0,67	0,67		2017-2020	Tổng Cty Sài Gòn TNHH MTV
73	Nhà lưu trú công nhân X.Vĩnh Lộc A	Bình Chánh	0,15	0,15		2017-2020	Cty CP XK thực phẩm Vạn Đức
74	Khu tái định cư 6,3ha Tân Kiên	Bình Chánh	6,38	6,38		2016 - 2020	
75	Chung cư nhà ở xã hội	Bình Chánh	0,77	0,77		2016	
76	Khu tái định cư số 19	Bình Chánh	7,46	7,46		2016	
77	Khu TĐC Bàu Đưng - xã An Nhơn Tây	Củ Chi	53,00	10,00	43,00	2017-2020	
78	Khu TĐC Safari - ấp Bàu Đưng - xã An Nhơn Tây	Củ Chi	28,50	10,00	18,50	2017-2020	
79	Khu tái định cư 20ha Tam Tân - X Tân An Hội	Củ Chi	20,18	10,00	10,18	2017-2020	Cty CP ĐT hạ tầng kỹ thuật Tp.HCM
80	Nhà ở công nhân, chuyên gia, tái định cư cụm công nghiệp cơ khí ô tô Tp.HCM (xã Hoà Phú)	Củ Chi	13,00	13,00		2017-2020	Cty CP Hoà Phú
81	Nhà ở công nhân, chuyên gia khu công nghiệp Đông Nam (xã Bình Mỹ) - nằm trong KCN Đông Nam	Củ Chi	13,00	13,00		2017-2020	Cty đầu tư Sài Gòn VRG
82	Nhà lưu trú công nhân tại khu Điều chỉnh 10,5 ha từ quy hoạch khu dân cư 47,36 ha tái định cư Huyện Củ Chi gần khu công nghiệp Tân Phú Trung thuộc Khu đô thị Tây Bắc Củ Chi	Củ Chi	10,50	10,50		2017-2020	
83	Khu TĐC Tân Phú Trung -Tân Thạnh Tây	Củ Chi	50,20	10,00	40,20	2017-2020	
84	Nhà lưu trú công nhân trong khu dân cư TĐC 34ha	Củ Chi	1,70	1,70		2017-2020	Cty CP đầu tư phát triển thương mại Củ Chi
85	Nhà ở cho người thu nhập thấp (ấp Thanh An - xã Trung An)	Củ Chi	1,60	1,60		2017-2020	Cty TNHH tư vấn Sáng Tạo
86	Nhà ở xã hội - ấp 1 - xã Tân Thạnh Tây	Củ Chi	1,30	1,30		2017-2020	Cty TNHH tư vấn Sáng Tạo
87	Nhà ở cho người thu nhập thấp (Thị trấn Củ Chi)	Củ Chi	0,66	0,66		2017-2020	Cty CP phát triển công nghiệp thương mại Củ Chi
88	Nhà ở cho người thu nhập thấp (ấp Tân Thành - xã Tân Thông Hội)	Củ Chi	0,45	0,45		2017-2020	Cty CP xây dựng Gia Thy
89	Khu nhà ở tái định cư Đông Thạnh - xã Đông Thạnh	Hóc Môn	0,50	0,50		2017-2020	
II	Khu đô thị và nhà ở thương mại:		13.967,93	3.977,25	9.990,69		
1	Khu nhà ở (dự án khu nhà ở Cảng Ba Son) - P. Bến Nghé	Quận 1	3,80	3,80		2017-2020	
2	Khu nhà ở kết hợp cao ốc văn phòng (Hoàng Sa - Trần Nhật Duật - Trần Khánh Dư)	Quận 1	2,28	2,28		2017-2020	
3	Khu nhà ở TMDV (Pavilion Square) - 100 Cô Giang	Quận 1	1,40	1,40		2017-2020	
4	Chung cư cao tầng (trên phần đất của Nhà máy nước ngọt Chương Dương, Xi măng Hà Tiên, Dệt Gia Định): 360-354 Bến Chương Dương - P. Cầu Kho	Quận 1	1,06	1,06		2017-2020	
5	Dự án CC cao tầng XN 01/5 - Kho bãi TP - P. Cầu Kho	Quận 1	0,99	0,99		2017-2020	
6	Chung cư chợ Cầu Muối (Nguyễn Thái Học - Cô Bắc hẻm 15 Cô Bắc - Cô Giang)	Quận 1	0,92	0,92		2017-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
7	Chung cư - 381 Bến Chương Dương	Quận 1	0,70	0,70		2017-2020	
8	Khu phức hợp Trung tâm TM, Văn phòng và Căn hộ cho thuê Kum-Ba Plaza - 231 Bến Chương Dương (342 Võ Văn Kiệt)	Quận 1	0,67	0,67		2017-2020	
9	Cao ốc TMDV - chung cư cao tầng (Nguyễn Thái Học - Bến Chương Dương (khu chợ Gà Gạo))	Quận 1	0,52	0,52		2017-2020	
10	Khu thương mại - dịch vụ- chung cư (128 Hai Bà Trưng)	Quận 1	0,15	0,15		2017-2020	
11	Dự án chung cư (Khu A) - 225 Bến Chương Dương	Quận 1	0,11	0,11		2017-2020	
12	Khu nhà ở - P. Thạnh Mỹ Lợi	Quận 2	9,66	9,66		2017-2020	Cty làng nghề nhân Hàm Long
13	Nhà ở	Quận 2	9,30	9,30		2017-2020	Cty Văn Lang
14	Khu dân cư sư đoàn 367	Quận 2	1,15	1,15		2017-2020	
15	Khu nhà ở Bình Trưng Đông	Quận 2	0,53	0,53		2017-2020	
16	Khu phức hợp TMDV, văn phòng và căn hộ	Quận 2	0,03	0,03		2017-2020	Cty TNHH BĐS Gia Phú (Văn Minh Mới-Khang Việt)
17	Nhà ở P. Bình Trưng Tây	Quận 2	1,91	1,91		2017-2020	Cty Gia Hòa
18	Khu nhà ở - P. An Phú	Quận 2	0,93	0,93		2017-2020	Cty TNHH Phòng khám Gia Đình
19	Khu nhà ở Cán bộ Công nhân viên	Quận 2	0,19	0,19		2017-2020	Cty TNHH Trường Thịnh
20	Chung cư Phước An (thu hồi phần đất chưa bồi thường và phần đất thuộc lộ giới đường Lê Văn Thịnh)	Quận 2	0,09	0,09		2017-2020	
21	Khu nhà ở cho CB-CNVC TP	Quận 2	3,00	3,00		2016	Công ty TNHH MTV Đầu tư xây dựng Trường Thịnh
22	Khu nhà ở Cán bộ quân đội và Chuyên gia Nga (P. An Phú)	Quận 2	1,00	1,00		2017-2020	
23	Khu đô thị Sài Gòn Bình An Khu 137 ha.	Quận 2	117,42	10,00	107,42	2017-2020	
24	KDC Thạnh Mỹ Lợi B	Quận 2	178,29	10,00	168,29	2017-2020	
25	Dự án đất ở Khu 110 ha	Quận 2	22,01	10,00	12,01	2017-2020	
26	Dự án đất ở (Khu 33 ha, Trong khu 177,44 ha)	Quận 2	12,60	12,60		2017-2020	
27	Đất ở trong khu dân cư đô thị Cát Lái (ĐC từ khu DV dân sinh - Khu DV Cảng và Hàng hải và khu du lịch sinh thái Cát Lái, cụm 4)	Quận 2	6,57	6,57		2017-2020	
28	Đất ở Thuộc khu ĐT chỉnh trang kế cận khu đô thị mới Thủ Thiêm 335,59 ha (HOK).	Quận 2	2,69	2,69		2017-2020	
29	Đất ở Thuộc khu ĐT chỉnh trang kế cận khu đô thị mới Thủ Thiêm 335,59 ha (HOK).	Quận 2	42,91	10,00	32,91	2017-2020	
30	Đất ở Trong dự án Cty phát triển quốc tế thể kỷ 21 (Thuộc khu 90ha Nam Rạch Chiếc)	Quận 2	15,00	10,00	5,00	2017-2020	
31	Đất ở Trong khu TT huấn luyện giải trí thể thao Rạch Chiếc	Quận 2	24,70	10,00	14,70	2017-2020	
32	Đất ở Khu dân cư liên phường Bình Trưng Tây - Thạnh Mỹ Lợi	Quận 2	15,38	10,00	5,38	2017-2020	
33	Đất ở (khu 178 ha)	Quận 2	23,22	10,00	13,22	2017-2020	
34	Dự án nhà ở Cty TNHH đầu tư địa ốc Thành Phố (City Land) (Khu dân cư Sư đoàn 367)	Quận 2	4,76	4,76		2017-2020	
35	Đất ở tái định cư Quyết định số 5303/QĐ-UBND ngày 26 tháng 09 năm 2013. Trong khu dân cư Bình Trưng Tây	Quận 2	0,24	0,24		2017-2020	
36	Dự án nhà ở Cty Minh Thành (Bộ Quốc phòng)	Quận 2	0,76	0,76		2017-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
37	Đất ở phát triển mới do chỉnh trang KDC hiện hữu (Quyết định số 6707/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt đồ án điều chỉnh Quận 2 đến năm 2020)	Quận 2	1,96	1,96		2017-2020	
38	Đất ở Trong khu đô thị mới Thủ Thiêm (ngoài khu 38,4 ha)	Quận 2	3,32	3,32		2017-2020	
39	Đất ở Trong khu đô thị mới Thủ Thiêm (trong khu 38,40ha)	Quận 2	12,98	12,98		2017-2020	
40	Khu nhà ở Cty CP kinh doanh vật tư C&T	Quận 2	1,50	1,50		2017-2020	
41	Dự án nhà ở Cty Phú An Thịnh	Quận 2	0,31	0,31		2017-2020	
42	Dự án nhà ở Cty M2M	Quận 2	2,20	2,20		2017-2020	
43	Dự án khu nhà ở kết hợp Thương mại-Dịch vụ, khách sạn, văn phòng cao tầng (Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đầu tư Hồng Quang)	Quận 2	9,68	9,68		2017-2020	
44	Khu biệt thự và chung cư căn hộ cho thuê kết hợp thương mại - dịch vụ, văn phòng, khách sạn tại phường Thảo Điền (Công ty CP Sao Sáng Sài Gòn)	Quận 2	0,91	0,91		2017-2020	
45	Khu nhà ở An Phú Giang	Quận 2	1,19	1,19		2017-2020	
46	Biệt thự An Khánh	Quận 2	2,16	2,16		2017-2020	
47	Giao bổ sung 3,02 ha để thực hiện dự án Khu dân cư Nam Rạch Chiếc	Quận 2	3,02	3,02		2017-2020	
48	Khu nhà ở An Phú 88,03 ha (Khu 6,2 ha)	Quận 2	6,20	6,20		2017-2020	
49	KDC Thạnh Mỹ Lợi 157,975ha	Quận 2	157,98	10,00	147,98	2017-2020	
50	Khu dân cư số 2-3-4 và dự án đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại phường Thạnh Mỹ Lợi 80,09ha	Quận 2	80,09	10,00	70,09	2017-2020	
51	Dự án nhà ở	Quận 2	1,24	1,24		2017-2020	Cty CP ĐT PT nhà và KCN Đồng Tháp (HIDECO) khu 149,36 ha (154 ha cũ)
52	Dự án nhà ở	Quận 2	8,25	8,25		2017-2020	Cty CP ĐTXD KD nhà Bến Thành - Coresco khu 149,36 ha (154 ha cũ)
53	Dự án nhà ở	Quận 2	11,58	11,58		2017-2020	Tổng công ty Bến Thành khu 149,36 ha (154 ha cũ)
54	Dự án nhà ở	Quận 2	3,50	3,50		2017-2020	Cty CP Vạn Phát Hưng khu 149,36 ha (154 ha cũ)
55	Dự án nhà ở	Quận 2	3,58	3,58		2017-2020	Cty CTCC quận 1 và Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tân Tạo khu 149,36 ha (154 ha cũ)
56	Dự án nhà ở	Quận 2	5,06	5,06		2017-2020	Cty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh - FIDECO khu 149,36 ha (154 ha cũ)
57	Dự án nhà ở	Quận 2	3,42	3,42		2017-2020	Cty Thái Sơn – Bộ Quốc phòng khu 149,36 ha (154 ha cũ)
58	Dự án nhà ở	Quận 2	10,88	10,88		2017-2020	Cty TNHH Một thành viên Xây dựng và Kinh doanh nhà Phú Nhuận khu 149,36 ha (154 ha cũ)

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
59	Dự án nhà ở	Quận 2	3,25	3,25		2017-2020	Cty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Giao thông Hoàng Gia khu 149,36 ha (154 ha cũ)
60	Dự án nhà ở	Quận 2	5,07	5,07		2017-2020	Cty Cổ phần Hải Duy khu 149,36 ha (154 ha cũ)
61	Dự án nhà ở	Quận 2	3,26	3,26		2017-2020	Cty TNHH Một thành viên DV Công ích quận 1 khu 149,36 ha (154 ha cũ)
62	Dự án nhà ở	Quận 2	11,53	11,53		2017-2020	Cty CP Xây dựng số 14 khu 149,36 ha (154 ha cũ)
63	Đất ở phát triển mới do chỉnh trang KDC hiện hữu	Quận 2	5,44	5,44		2017-2020	Quy hoạch xây dựng 1/2000
64	Khu chung cư, nhà ở để bán và cho thuê	Quận 2	4,43	4,43		2017-2020	Cty TNHH Thiên Hương
65	Chung cư cao tầng	Quận 2	0,23	0,23		2017-2020	Cty Sài Gòn RITA
66	Khu đất bán đấu giá UBND phường Bình Trung Tây	Quận 2	2,00	2,00		2017-2020	
67	Khu nhà ở cán bộ chiến sỹ	Quận 2	28,47	10,00	18,47	2017-2020	Cty CP Kinh doanh Địa ốc Him Lam
68	Chung cư rạch Bùng Binh, P9	Quận 3	2,44	2,44		2017-2020	
69	Cư xá Đường sắt đường Lý Thái Tổ, P1	Quận 3	2,31	2,31		2017-2020	
70	Cư xá 139 Lý Chính Thắng, P7	Quận 3	0,80	0,80		2017-2020	
71	TTTM - DV cao ốc VP và nhà ở cao tầng tại góc đường Lý Chính Thắng - Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Quận 3	0,66	0,66		2017-2020	
72	Chung cư 230 Điện Biên Phủ	Quận 3	0,08	0,08		2017-2020	Xây dựng trên nền hiện trạng đất cũ
73	Chung cư 108/24 Trần Quang Diệu, P14	Quận 3	0,27	0,27		2017-2020	
74	Chung cư 86 Nguyễn Thông, P9	Quận 3	0,22	0,22		2017-2020	
75	Chung cư số 73 Cao Thắng, P3	Quận 3	0,20	0,20		2017-2020	
76	Chung cư 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P8	Quận 3	0,18	0,18		2017-2020	
77	Chung cư 14/12 Kỳ Đồng	Quận 3	0,05	0,05		2017-2020	
78	Chung cư 16/8B1 Kỳ Đồng	Quận 3	0,17	0,17		2017-2020	
79	Chung cư 13C Kỳ Đồng	Quận 3	0,20	0,20		2017-2020	
80	Chung cư cao cấp (City Green), P7	Quận 3	0,15	0,15		2017-2020	
81	Chung cư 492 Nguyễn Thị Minh Khai, P6	Quận 3	0,13	0,13		2017-2020	
82	Chung cư 72/8 Trần Quốc Toàn, P8	Quận 3	0,13	0,13		2017-2020	
83	Chung cư 42 Trần Cao Vân, P6	Quận 3	0,12	0,12		2017-2020	
84	Chung cư 67 Phạm Ngọc Thạch, P6	Quận 3	0,11	0,11		2017-2020	
85	Khu phức hợp dịch vụ thương mại - căn hộ 228, 228D và 230/4 Pasteur	Quận 3	0,11	0,11		2017-2020	
86	Cao ốc thương mại - dịch vụ - văn phòng - khách sạn cao cấp căn hộ cao cấp (Citi Green)	Quận 3	0,39	0,39		2017-2020	
87	Cao ốc văn phòng, căn hộ cao cấp 57-59 Phạm Ngọc Thạch	Quận 3	0,28	0,28		2017-2020	
88	Chung cư 02 Nguyễn Gia Thiều	Quận 3	0,15	0,15		2017-2020	
89	Cao ốc văn phòng 128-130 Nguyễn Thị Minh Khai	Quận 3	0,22	0,22		2017-2020	
90	Cao ốc văn phòng 102-104 Nguyễn Thị Minh Khai	Quận 3	0,08	0,08		2017-2020	
91	Căn hộ 220 - 220 bis Pasteur	Quận 3	0,27	0,27		2017-2020	
92	Văn phòng, căn hộ và thương mại 72 - 74 Võ Thị Sáu	Quận 3	0,21	0,21		2017-2020	
93	Căn hộ bán và văn phòng 172 - 174 Điện Biên Phủ	Quận 3	0,21	0,21		2017-2020	
94	Chung cư 136Bis (134A) Lý Chính Thắng	Quận 3	0,15	0,15		2017-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
95	Cao ốc văn phòng-nhà ở xã hội 58 Trần Quốc Thảo	Quận 3	0,22	0,22		2017-2020	
96	Căn hộ cao cấp tại 259 Điện Biên Phủ	Quận 3				2017-2020	
97	Giải tỏa khu nhà hẻm 274Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Quận 3	-0,03	-0,03		2017-2020	
98	Giải tỏa 21 hộ dân bên hông CLB Kỳ Đồng	Quận 3	-0,04	-0,04		2017-2020	
99	Giải tỏa 3 hộ Đình Xuân Hòa	Quận 3	-0,01	-0,01		2017-2020	
100	Giải tỏa nhà phường 11	Quận 3	0,00	0,00		2017-2020	
101	Dự án khu tái định cư Xí Nghiệp Dầu Mấy Sài Gòn	Quận 3	0,70	0,70		2017-2020	
102	Chung cư 108/69GH Trần Quang Diệu	Quận 3	0,20	0,20		2017-2020	
103	Chung cư 230 Điện Biên Phủ, P7	Quận 3	0,08	0,08		2017-2020	
104	Chung cư số 3 Cao Thắng, P2	Quận 3	0,08	0,08		2017-2020	
105	Chung cư 05 Cao Thắng, P2	Quận 3	0,08	0,08		2017-2020	
106	Chung cư 284-302 Lê Văn Sỹ, P14	Quận 3	0,08	0,08		2017-2020	
107	Chung cư 450 Nguyễn Thị Minh Khai, P5	Quận 3	0,06	0,06		2017-2020	
108	Chung cư 72-86 Trương Quyền	Quận 3	0,06	0,06		2017-2020	
109	Chung cư 486 Nguyễn Thị Minh Khai, P2	Quận 3	0,05	0,05		2017-2020	
110	Chung cư 284/9A Trần Quang Diệu, P14	Quận 3	0,05	0,05		2017-2020	
111	Chung cư 456 Nguyễn Thị Minh Khai, P5	Quận 3	0,05	0,05		2017-2020	
112	Nhà tình nghĩa - p7	Quận 3	0,00	0,00		2017-2020	
113	Nhà tình nghĩa - p7	Quận 3	0,00	0,00		2017-2020	
114	Nhà tình nghĩa - p9	Quận 3	0,00	0,00		2017-2020	
115	Nhà tình nghĩa - p9	Quận 3	0,00	0,00		2017-2020	
116	Khu phức hợp TTTM căn hộ cao cấp	Quận 3	0,04	0,04		2017-2020	
117	Giải tỏa 3 hộ dân (lâm đất giao thông)	Quận 3	0,00	0,00		2017-2020	
118	Giải tỏa nhà	Quận 3	0,00	0,00		2017-2020	
119	Chung cư số 383/12AB Điện Biên Phủ, P4	Quận 3	0,02	0,02		2017-2020	
120	Chung cư 473 - 475 Điện Biên Phủ, P3	Quận 3	0,01	0,01		2017-2020	
121	Khu nhà ở phường 8-9-10	Quận 4	14,60	10,00	4,60	2017-2020	
122	Dự án liên phường 2-3	Quận 4	11,25	11,25		2017-2020	
123	Dự án Cotec	Quận 4	9,55	9,55		2017-2020	
124	Khu nhà ở Vĩnh Khánh 1	Quận 4	8,00	8,00		2017-2020	
125	Dự án Invescoland	Quận 4	8,00	8,00		2017-2020	
126	Dự án naviland	Quận 4	6,56	6,56		2017-2020	
127	Khu nhà ở Vĩnh Khánh 2	Quận 4	6,10	6,10		2017-2020	
128	Khu phức hợp P.4	Quận 4	5,00	5,00		2017-2020	
129	Dự án Incomex	Quận 4	4,46	4,46		2017-2020	
130	Dự án Eurowindow	Quận 4	3,15	3,15		2017-2020	
131	Khu nhà ở phường 6	Quận 4	2,46	2,46		2017-2020	
132	Khu nhà ở 360 Bến Vân Đồn	Quận 4	2,00	2,00		2017-2020	
133	Khu phức hợp P.3	Quận 4	4,84	4,84		2017-2020	
134	Khu nhà ở 76 Tôn Thất Thuyết	Quận 4	1,72	1,72		2016	
135	Khu phức hợp căn hộ cao cấp	Quận 4	1,48	1,48		2017-2020	Cty CP vận tải giao nhận Bĩa Sài Gòn
136	khu nhà ở số 01 Tôn Thất Thuyết	Quận 4	1,00	1,00		2017-2020	
137	Dự án Horizion Place	Quận 4	0,83	0,83		2017-2020	
138	Chung cư cao tầng kết hợp TM - DV tại 39-39B Bến Vân Đồn	Quận 4	0,50	0,50		2017-2020	
139	khu nhà ở 1C Tôn Thất Thuyết	Quận 4	0,53	0,53		2017-2020	
140	Khu nhà ở 504 Nguyễn Tất Thành - P. 18	Quận 4	0,48	0,48		2017-2020	Cty CP công nghiệp Cao su Miền Nam
141	Chung cư kết hợp TMDV	Quận 4	0,24	0,24		2017-2020	Cty Phú Việt Tín
142	Khu nhà ở 61B - số 61B đường 16 - P.4	Quận 4	0,38	0,38		2017-2020	Cty TNHH MTV Dịch vụ công ích Quận 4

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
143	Khu nhà ở kết hợp văn phòng	Quận 4	0,33	0,33		2017-2020	
144	Chung cư Trúc Giang	Quận 4	0,21	0,21		2017-2020	
145	Chung cư 428 Nguyễn Tất Thành	Quận 4	0,22	0,22		2017-2020	
146	Khu nhà ở 6 Bis Nguyễn Tất Thành	Quận 4	0,07	0,07		2017-2020	
147	Dự án của công ty Intresco	Quận 4	0,18	0,18		2017-2020	
148	KDC liên phường 2 - 5	Quận 4	11,87	11,87		2017-2020	
149	Dự án 56 Bến Vân Đồn	Quận 4	0,30	0,30		2017-2020	
150	Cao ốc Văn phòng, thương mại và căn hộ (152 Trần Phú-P.4)	Quận 5	3,18	3,18		2017-2020	
151	Chung cư Lê Hồng Phong- Cao Đạt	Quận 5	0,75	0,75		2017-2020	
152	Trung tâm thương mại nhà ở	Quận 5	0,32	0,32		2017-2020	
153	Cao ốc văn phòng căn hộ số 8 Hàm Tử (628-630 Võ Văn Kiệt)	Quận 5	3,69	3,69		2017-2020	
154	Thương mại- dịch vụ- văn phòng kết hợp căn hộ	Quận 5	0,56	0,56		2017-2020	
155	Khu chung cư	Quận 5	0,03	0,03		2017-2020	
156	Trung tâm thương mại- Khu cao ốc- Văn phòng- căn hộ	Quận 5	0,22	0,22		2017-2020	
157	Văn phòng- Trung tâm- Thương mại- Căn hộ	Quận 5	0,31	0,31		2017-2020	
158	Khu nhà ở	Quận 5	0,06	0,06		2017-2020	
159	Chung cư 258 Lê Hồng Phong	Quận 5	0,36	0,36		2017-2020	
160	Khu thương mại dịch vụ- văn phòng, nhà ở	Quận 5	2,02	2,02		2017-2020	
161	Dự án nhà ở liên kế	Quận 5	0,03	0,03		2017-2020	
162	Trung tâm thương mại- chung cư 153 Huỳnh Mẫn Đạt	Quận 5	0,16	0,16		2017-2020	
163	Cao ốc Văn phòng, căn hộ, nhà ở	Quận 5	0,18	0,18		2017-2020	
164	Chung cư cao tầng kết hợp thương mại 242 Trần Phú Total	Quận 5	0,31	0,31		2017-2020	
165	Trung tâm thương mại kết hợp nhà ở- văn phòng Tân Đà 2	Quận 5	0,54	0,54		2017-2020	
166	Cao ốc thương mại căn hộ	Quận 5	1,03	1,03		2017-2020	
167	Chung cư 26-28 Phú Giao	Quận 5	0,05	0,05		2017-2020	
168	Đất ở (Bán đấu giá chung cư Phú Giáo)	Quận 5	0,03	0,03		2017-2020	
169	Chung cư Võ Trường Toàn- Hà Tôn Quyền	Quận 5	0,59	0,59		2017-2020	
170	Nhà ở kết hợp thương mại 402 Hàm Tử	Quận 5	0,47	0,47		2017-2020	
171	TTTM và căn hộ 66 - đường Tân Thành	Quận 5	0,40	0,40		2017-2020	
172	TTTM nhà ở đường Đỗ Văn Sửu	Quận 5	0,39	0,39		2017-2020	
173	Văn phòng TTTM Cholimex	Quận 5	0,30	0,30		2017-2020	
174	Chung cư Tân Thành (33 Tân Thành- P.12)	Quận 5	0,27	0,27		2017-2020	
175	Chung cư 88 Gò Công + 38 Kim Biên	Quận 5	0,21	0,21		2017-2020	
176	Cao ốc 147 Nguyễn Chí Thanh	Quận 5	0,20	0,20		2017-2020	
177	TTTM-căn hộ (468 Hàm Tử)	Quận 5	0,19	0,19		2017-2020	
178	Khu nhà ở KHTMDV 92-94 Phạm Đình Hồ	Quận 6	0,15	0,15		2017-2020	
179	Khu nhà ở KHTMDV 743/19 Hồng Bàng	Quận 6	0,18	0,18		2017-2020	
180	Khu phố liền kề thủy sản 3 (483 Phạm Văn Chí)	Quận 6	0,17	0,17		2017-2020	
181	Khu nhà ở 1618 Võ Văn Kiệt (434 Trần Văn Kiêu)	Quận 6	1,10	1,10		2017-2020	
182	Trung tâm thương mại kết hợp căn hộ IMEXCO	Quận 6	0,36	0,36		2017-2020	
183	Khu phức hợp TMDV NCT khu vực 338 Trần Văn Kiêu	Quận 6	0,35	0,35		2017-2020	
184	Dự án công ty cổ phần XNK thủy sản Sài Gòn	Quận 6	0,24	0,24		2017-2020	
185	Khu TMDV và căn hộ (CTTNHH đầu tư kinh doanh BDS Bình Minh Việt	Quận 6	0,61	0,61		2017-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
186	Dự án khu KDC Ven Kênh Tân Hóa Lò Gốm giai đoạn 3	Quận 6	0,98	0,98		2017-2020	
187	Khu TMDV 701/10 Hùng Vương (Kinh Dương Vương)	Quận 6	0,19	0,19		2017-2020	
188	Chung cư 241A Tân Hoà Đông	Quận 6	0,03	0,03		2017-2020	
189	Chung cư 78G Tân Hoà Đông	Quận 6	0,06	0,06		2017-2020	
190	Chung cư 336/16/1 Nguyễn Văn Luông - P. 12	Quận 6	0,52	0,52		2017-2020	
191	Khu nhà ở KH TMDV 139 Hồng Bàng - P.6	Quận 6	0,48	0,48		2017-2020	
192	Khu dân cư 479/6 Hùng Vương (nay là Kinh Dương Vương)	Quận 6	0,19	0,19		2017-2020	
193	Khu dân cư 752 Hậu Giang - P. 12	Quận 6	0,19	0,19		2017-2020	
194	Khu dân cư-TMDV 701/10 Hùng Vương (nay là Kinh Dương Vương) - P. 12	Quận 6	0,19	0,19		2017-2020	
195	Khu dân cư-TMDV 701/2 Hùng Vương (nay là Kinh Dương Vương) - P. 12	Quận 6	0,22	0,22		2017-2020	
196	Khu dân cư 401/16 Hùng Vương (nay là Kinh Dương Vương) - P. 12	Quận 6	0,11	0,11		2017-2020	
197	Chung cư Trung Nam - P. 9	Quận 6	0,09	0,09		2017-2020	
198	Khu III Nam Lý Chiêu Hoàng - P10	Quận 6	6,36	6,36		2017-2020	
199	Chuyển công năng từ đất chợ sang đất nhà ở kết hợp TMDV (chợ Lò Gốm)	Quận 6	1,28	1,28		2017-2020	
200	Khu nhà ở khu 658 Phạm Văn Chí - P. 8	Quận 6	0,02	0,02		2017-2020	
201	Khu nhà ở 243 Tân Hòa Đông -CT1	Quận 6	0,31	0,31		2017-2020	
202	Khu nhà ở kết hợp TMDV 621 Phạm Văn Chí	Quận 6	19,60	10,00	9,60	2017-2020	
203	Chung cư kết hợp lợi ích công cộng p10 (165/5 Nguyễn Văn Luông)	Quận 6	4,08	4,08		2017-2020	
204	Chung cư kết hợp TMVP 209 Kinh Dương Vương P12	Quận 6	4,89	4,89		2017-2020	
205	Công viên mũi đèn đỏ và nhà ở đô thị (Tổng diện tích 117,8ha, trong đó đất ở 35,7ha, đất cây xanh và các công trình khác 82,1ha)	Quận 7	35,70	10,00	25,70	2017-2020	Cty CP Đại Trường Sơn
206	Khu nhà ở Hacota - Tổng cục Chính trị - Bộ Quốc phòng	Quận 7	10,80	10,80		2017-2020	
207	Dự án Khu nhà ở phường Phú Thuận	Quận 7	10,60	10,60		2017-2020	Cty Sài Gòn Thương Tín
208	Dự án khu dân cư - Thương mại - trường học bệnh viện tại phường Tân Hưng	Quận 7	10,28	10,28		2017-2020	
209	Dự án xây dựng chung cư, thương mại, trung tâm văn hóa TDTT, công viên cây xanh tại phường Bình Thuận	Quận 7	9,90	9,90		2017-2020	
210	Khu nhà ở	Quận 7	9,83	9,83		2017-2020	Cty địa ốc Vũng Tàu
211	Khu nhà ở-công viên cây xanh P.Bình Thuận	Quận 7	9,50	9,50		2017-2020	
212	Khu nhà ở (p. Tân Phú)	Quận 7	9,41	9,41		2017-2020	Cty xây dựng công trình hàng không ACC
213	Khu nhà ở - P Phú Thuận	Quận 7	8,76	8,76		2017-2020	Cty CP tập đoàn Khải Vy
214	Khu dân cư mới phức hợp đa chức năng - P. Phú Mỹ	Quận 7	7,09	7,09		2017-2020	Cty TNHH XD-SX-TM Tài Nguyên
215	Khu nhà ở Đông Á	Quận 7	6,84	6,84		2017-2020	
216	Khu dân cư Tân Phong-Kim Sơn	Quận 7	6,83	6,83		2017-2020	
217	Khu nhà ở	Quận 7	6,45	6,45		2017-2020	Cty CP Thép Nhà Bè
218	Khu nhà ở	Quận 7	6,14	6,14		2017-2020	Cty Anh Tuấn
219	Dự án khu phức hợp Bến xe kết hợp tháp đậu xe cao tầng- khu thương mại-cao ốc văn phòng và khách sạn (P. Tân Hưng)	Quận 7	5,55	5,55		2017-2020	
220	Khu nhà ở Savimex	Quận 7	5,26	5,26		2017-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
221	Khu dân cư Bờ Xáng (phường Tân Phú)	Quận 7	4,38	4,38		2017-2020	
222	Dự án xây dựng chung cư cao tầng	Quận 7	4,34	4,34		2017-2020	Cty Thanh Yến
223	Khu nhà ở P. Tân Thuận Tây	Quận 7	3,76	3,76		2017-2020	Cảng Sài Gòn
224	Khu căn hộ Blustar - P. Bình Thuận	Quận 7	3,32	3,32		2017-2020	Cty CP Sao Việt Nam- Hưng Lộc Phát
225	Khu nhà ở	Quận 7	2,88	2,88		2017-2020	Cty CP Xây dựng và thương mại Thành Hiếu
226	Khu chung cư cao cấp Hồng Hà	Quận 7	2,62	2,62		2017-2020	
227	Khu nhà ở	Quận 7	2,51	2,51		2017-2020	Công ty Hiệp Phú
228	Dự án xây dựng nhà ở cao tầng và trung tâm thương mại dịch vụ tại phường Phú Thuận	Quận 7	2,31	2,31		2017-2020	CTy TNHH Mai Khôi
229	Khu chung cư đường Lâm Văn Bền	Quận 7	2,24	2,24		2017-2020	
230	Chung cư đường 10-P.Tân Quy	Quận 7	2,17	2,17		2017-2020	
231	Nhà ở chung cư cao tầng - thương mại - dịch vụ	Quận 7	2,09	2,09		2017-2020	Cty XNK Lâm sản Sài Gòn
232	KCC cao tầng	Quận 7	2,03	2,03		2017-2020	Cty CP Khải Huy Quân
233	Khu nhà ở	Quận 7	1,87	1,87		2017-2020	Cty Đất Phương Nam
234	Khu chung cư phường Tân Quy	Quận 7	1,80	1,80		2017-2020	
235	Dự án cao ốc văn phòng (p. Tân Hưng)	Quận 7	1,65	1,65		2017-2020	Hoàng Anh Gia Lai
236	Khu nhà ở	Quận 7	1,16	1,16		2017-2020	Cty Viễn Đông
237	Khu nhà ở	Quận 7	1,14	1,14		2017-2020	Khu đất xí nghiệp Đại Thắng
238	Dự án khu căn hộ (p. Phú Thuận)	Quận 7	1,12	1,12		2017-2020	Cty CP Thực phẩm nông sản Sài Gòn
239	Khu nhà ở	Quận 7	1,07	1,07		2017-2020	Cty CP Container Phía Nam
240	Khu nhà ở	Quận 7	0,99	0,99		2017-2020	Cty XNK Q1
241	Dự án TTTM-căn hộ cao cấp (P. Tân Thuận Đông)	Quận 7	0,98	0,98		2017-2020	Cty Cảng Rau Quả
242	Nhà ở	Quận 7	0,95	0,95		2017-2020	CP Đầu tư Địa ốc Phú Gia An
243	Khu nhà ở	Quận 7	0,91	0,91		2017-2020	Cty kim khí điện máy Thành phố
244	Chung cư cao tầng Thiên Phú Gia	Quận 7	0,86	0,86		2017-2020	
245	Khu nhà ở	Quận 7	0,75	0,75		2017-2020	Cty Vạn Gia Long
246	Dự án cao ốc văn phòng và căn hộ thể kỷ 21 tại Phường Bình Thuận	Quận 7	0,75	0,75		2017-2020	CTy Thế Kỷ 21
247	Chung cư Mỹ Phú	Quận 7	0,71	0,71		2017-2020	
248	Chung cư cao tầng	Quận 7	0,70	0,70		2017-2020	Cty Tấn Trường
249	Khu nhà ở	Quận 7	0,59	0,59		2017-2020	Công ty đầu tư bất động sản Việt Nam
250	Khu nhà ở	Quận 7	0,55	0,55		2017-2020	Cty TNHH SX-TM Minh Diệu
251	Khu nhà ở	Quận 7	0,55	0,55		2017-2020	Cty Sông Đà- Thăng Long
252	Chung cư thương mại P.Tân Kiểng	Quận 7	0,49	0,49		2017-2020	
253	Chung cư đường Nguyễn Văn Quỳ, P.Phú Thuận	Quận 7	0,35	0,35		2017-2020	
254	Dự án khu căn hộ cao cấp (p. Bình Thuận)	Quận 7	0,33	0,33		2017-2020	Cty CP Sao Việt Nam - Hưng Lộc Phát
255	Khu nhà ở	Quận 7	0,30	0,30		2017-2020	Cty cung ứng tàu biển
256	Cao ốc căn hộ - thương mại dịch vụ	Quận 7	0,29	0,29		2017-2020	Cty địa ốc An Phú Long
257	Khu nhà ở	Quận 7	0,26	0,26		2017-2020	Cty TNHH TM-DV Đông Hà
258	Dự án chung cư cao tầng Huỳnh Sáng	Quận 7	0,26	0,26		2017-2020	
259	Trung tâm TM và căn hộ	Quận 7	0,26	0,26		2017-2020	Cty CP địa ốc Sài Gòn Vịnh
260	Chung cư lô D-khu TĐC P.Tân Hưng	Quận 7	0,22	0,22		2017-2020	
261	Khu nhà ở	Quận 7	0,20	0,20		2017-2020	Cty CP Sông Đà - Thăng Long

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
262	Dự án xây dựng văn phòng tại phường Phú Thuận	Quận 7	0,15	0,15		2017-2020	CTy TNHH Lập Phúc
263	Công trình 7 (đường 25A,kp2,p.TQ)	Quận 7	0,07	0,07		2017-2020	
264	Khu dân cư phường Phú Thuận	Quận 7	4,59	4,59		2016	Công ty Cổ phần đầu tư Anh Tuấn
265	Khu dân cư Tân Mỹ - P Tân Phú	Quận 7	8,39	8,39		2017-2020	
266	Khu nhà ở - P Tân Phú	Quận 7	9,92	9,92		2016	
267	Khu nhà ở - P Tân Phú	Quận 7	2,60	2,60		2017-2020	
268	Khu dân cư Tân Thuận Tây	Quận 7	14,36	10,00	4,36	2017-2020	
269	Nhà ở xã hội - Phú Thuận	Quận 7	1,62	1,62		2017-2020	
270	Trung tâm TM giải trí và cao ốc văn phòng - P Tân Phong	Quận 7	1,82	1,82		2017-2020	
271	Khu dân cư lô H24-Khu A-Tân Phong	Quận 7	1,45	1,45		2017-2020	
272	Khu dân cư lô CN6-3 - Tân Phong	Quận 7	0,88	0,88		2017-2020	
273	Dự án nhà ở Phát triển độc lập SPC	Quận 7	0,57	0,57		2017-2020	
274	Khu nhà ở Tân Thành Lập - P Phú Mỹ	Quận 7	1,11	1,11		2017-2020	
275	Khu chung cư và nhà liên kế Tân Thành Lập - P Phú Mỹ	Quận 7	1,06	1,06		2017-2020	
276	Khu Nhà ở phường Phú Mỹ	Quận 7	35,46	10,00	25,46	2017-2020	
277	Khu Nhà ở phường Phú Mỹ	Quận 7	6,58	6,58		2017-2020	
278	Khu nhà ở tái định cư TNXP Phú Mỹ	Quận 7	4,08	4,08		2017-2020	
279	Khu nhà ở CBCNV X51	Quận 7	2,10	2,10		2017-2020	
280	Khu Nhà ở phường Phú Mỹ	Quận 7	0,77	0,77		2017-2020	
281	Khu nhà ở CBCNV	Quận 7	0,68	0,68		2017-2020	
282	Chung cư cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ	Quận 7	0,43	0,43		2017-2020	
283	Khu dân cư lô S8 - khu A	Quận 7	4,53	4,53		2017-2020	
284	Khu dân cư lô S10-2 - khu A	Quận 7	0,96	0,96		2017-2020	
285	Khu dân cư lô P5 - khu A	Quận 7	4,54	4,54		2017-2020	
286	Khu dân cư lô C14B & C15B - khu A	Quận 7	2,15	2,15		2017-2020	
287	Khu dân cư lô S4-2 - khu A	Quận 7	0,40	0,40		2017-2020	
288	Khu dân cư lô S18-2-2 - khu A	Quận 7	0,78	0,78		2017-2020	
289	Khu dân cư lô H18 - khu A	Quận 7	1,67	1,67		2017-2020	
290	Khu dân cư lô S6-3-Khu A	Quận 7	0,52	0,52		2017-2020	
291	Khu dân cư MD4-4 (thuộc một phần MD4)-khu A	Quận 7	1,39	1,39		2017-2020	
292	Khu dân cư lô CN6-3-Khu A	Quận 7	0,88	0,88		2017-2020	
293	Khu dân cư lô M5,M6-Khu A	Quận 7	1,51	1,51		2017-2020	
294	Chung cư cao tầng	Quận 7	0,85	0,85		2017-2020	
295	Khu nhà ở thấp tầng (GRAINCO)	Quận 7	2,24	2,24		2017-2020	
296	Nhà ở Thương mại	Quận 7	2,10	2,10		2017-2020	
297	Khu gia đình cán bộ chiến sĩ Kho xăng dầu Phú Xuân H26	Quận 7	0,16	0,16		2017-2020	
298	Cầu tàu nhà chờ, bến đỗ tại khu vực Crescent	Quận 7	0,35	0,35		2017-2020	
299	Trung tâm thương mại lô CN4-3	Quận 7	0,34	0,34		2017-2020	
300	Trụ sở trung tâm dịch vụ đầu tư xây dựng (lô C9)	Quận 7	0,10	0,10		2017-2020	
301	Đất thương mại Lô C8A	Quận 7	0,55	0,55		2017-2020	
302	Khu chính trang rạch Ụ Cây P.9, P.10, P.11	Quận 8	10,60	10,60		2017-2020	Cty Địa Ốc Sài Gòn
303	Khu nhà ở Garden 3 P16	Quận 8	5,61	5,61		2017-2020	Cty CP 577
304	Khu nhà ở Diamond Riverside P16	Quận 8	3,95	3,95		2017-2020	Cty CP 577
305	Chung cư Hiệp Thịnh Dương Hàng, P2	Quận 8	0,43	0,43		2017-2020	
306	Khu nhà ở dọc rạch Hiệp Ân (CT TNHH BDS Việt Phú An)	Quận 8	5,31	5,31		2017-2020	
307	Khu chung cư CN Tàu Thủy	Quận 8	26,40	10,00	16,40	2017-2020	
308	Dự án bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư di dời nhà sập lở khu vực hẻm số 283 đường Bông Sao Phường 5 Quận 8	Quận 8	0,02	0,02		2017-2020	
309	Khu nhà ở cán bộ chiến sĩ lực lượng vũ trang (Khu đất Quận đội cũ)	Quận 8	0,24	0,24		2017-2020	
310	Khu nhà ở Bông Sao B-C (Cty CP Địa ốc 8)	Quận 8	8,50	8,50		2017-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
311	Khu nhà ở Bùi Minh Trục III	Quận 8	3,40	3,40		2017-2020	
312	Khu nhà ở liên kế Bùi Minh Trục III	Quận 8	2,20	2,20		2017-2020	
313	Khu nhà ở Bùi Minh Trục II (Cty CP Địa ốc Chợ Lớn)	Quận 8	2,60	2,60		2017-2020	
314	Khu nhà ở Hưng Phát (Cty CP CK&XL 276)	Quận 8	2,35	2,35		2017-2020	
315	Quy hoạch khu nhà ở cấp phía Đông đường Bình Tiên dự phóng tái định cư (Công ty Bảo Hưng)	Quận 8	12,70	12,70		2017-2020	
316	Quy hoạch khu chung cư (Công ty Võ Thành)	Quận 8	15,16	10,00	5,16	2017-2020	
317	Quy hoạch khu nhà ở Công ty Song Ngọc - Chợ Lớn	Quận 8	15,40	10,00	5,40	2017-2020	
318	Quy hoạch khu nhà ở tại vị trí giao đất cho Công ty thực phẩm Hòa Bình cũ	Quận 8	20,90	10,00	10,90	2017-2020	
319	Khu nhà ở thu nhập thấp	Quận 8	21,70	10,00	11,70	2017-2020	
320	Quy hoạch khu nhà ở tạo vốn xây dựng đường Vành Đai 2	Quận 8	33,24	10,00	23,24	2017-2020	
321	Quy hoạch khu nhà ở tạo vốn xây dựng đường Vành Đai 2	Quận 8	68,34	10,00	58,34	2017-2020	
322	Dự án nhà ở công ty CP thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn	Quận 8	0,32	0,32		2017-2020	
323	Khu tái định cư - Trung tâm thương mại - mầm non	Quận 8	2,11	2,11		2017-2020	
324	Khu dân cư Hai Thành	Quận 8	51,50	10,00	41,50	2017-2020	
325	Quy hoạch khu chung cư Phường 8	Quận 8	24,60	10,00	14,60	2017-2020	
326	Chuyển mục đích đất y tế sang đất ở	Quận 8	0,01	0,01		2017-2020	
327	Chuyển đổi mục đích sang đất ở trụ sở cũ thanh tra xây dựng Quận (bán nhà theo phương án 09)	Quận 8	0,00	0,00		2017-2020	
328	Chuyển đổi mục đích sang đất ở cơ sở Hòa Hiệp (bán nhà theo phương án 09)	Quận 8	0,01	0,01		2017-2020	
329	Chuyển đổi mục đích sang đất ở cơ sở Toàn Thắng (bán nhà theo phương án 09)	Quận 8	0,01	0,01		2017-2020	
330	Khu chung cư 99 Bến Bình Đông	Quận 8	0,37	0,37		2017-2020	
331	Chuyển đổi mục đích sang đất ở trạm y tế Phường 12 (bán nhà theo phương án 09)	Quận 8	0,01	0,01		2017-2020	
332	Chuyển đổi mục đích sang đất ở cơ sở Hiệp Phát (bán nhà theo phương án 09)	Quận 8	0,01	0,01		2017-2020	
333	Chung cư tái định cư 505/12 bến Bình Đông Phường 13 (CTY dịch vụ công ích Q8)	Quận 8	0,20	0,20		2017-2020	
334	Chuyển đổi mục đích sang đất ở từ cơ sở cũ của trường mầm non Kim Đồng (bán nhà theo phương án 09)	Quận 8	0,01	0,01		2017-2020	
335	Chuyển đổi mục đích sang đất ở từ nhà xưởng (công ty Hữu Yển) (bán nhà theo phương án 09)	Quận 8	0,05	0,05		2017-2020	
336	Dự án di dời chung cư 505/12 Bến Bình Đông (14 trường hợp)	Quận 8	0,02	0,02		2017-2020	
337	Dự án bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư di dời các hộ dân cư ngụ tại chung cư số 765 đường Bến Bình Đông, Phường 14 Quận 8	Quận 8	0,03	0,03		2017-2020	
338	Khu nhà ở Tuyên Huân (Phường đội)	Quận 8	0,16	0,16		2017-2020	
339	Chuyển đổi mục đích sang đất ở từ Trạm y tế Phường 15 cũ (bán nhà theo phương án 09)	Quận 8	0,01	0,01		2017-2020	
340	Chuyển đổi mục đích sang đất ở từ trường mầm non Bé Ngoan (bán nhà theo phương án 09)	Quận 8	0,01	0,01		2017-2020	
341	Chuyển đổi mục đích sang đất ở từ trường mầm non Bé Ngoan (bán nhà theo phương án 09)	Quận 8	0,01	0,01		2017-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
342	Chuyển đổi mục đích sang đất ở từ trường mầm non Bé Ngoan (bán nhà theo phương án 09)	Quận 8	0,01	0,01		2017-2020	
343	Chuyển đổi mục đích sang đất ở từ trường mầm non Bé Ngoan (bán nhà theo phương án 09)	Quận 8	0,01	0,01		2017-2020	
344	Chuyển đổi mục đích sang đất ở từ trụ sở khu phố 8, Phường 15 (bán nhà theo phương án 09)	Quận 8	0,03	0,03		2017-2020	
345	Khu chung cư giáp trường PTTH Nguyễn Thị Định	Quận 8	0,50	0,50		2017-2020	
346	Quy hoạch nhà ở Công ty An Phú	Quận 8	0,60	0,60		2017-2020	
347	Quy hoạch chung cư An Phúc	Quận 8	0,65	0,65		2017-2020	
348	Khu nhà ở Diamond Riverside Phường 16 (Cty CP 577)	Quận 8	3,95	3,95		2017-2020	
349	Quy hoạch khu nhà ở tạo vốn xây dựng đường Vành Đai 2	Quận 8	33,18	10,00	23,18	2017-2020	
350	Chung cư Khang Gia (Nhơn Hoài cũ)	Quận 8	0,49	0,49		2017-2020	
351	Khu tái định cư Trương Đình Hội IV	Quận 8	0,13	0,13		2017-2020	
352	Khu dân cư Phường 16 (DNTN Thuận Thành)	Quận 8	0,29	0,29		2017-2020	
353	Dự án bờ Bắc Kênh Đôi	Quận 8	1.786,00	10,00	1.776,00	2017-2020	
354	Chuyển mục đích đất ở Nắng Mai (Chim Non)	Quận 8	0,00	0,00		2017-2020	
355	Khu nhà ở 49C Lê Quang Kim P8,9,10	Quận 8	2,46	2,46		2017-2020	TCty NN Sài Gòn
356	Khu chung cư Phương Việt P6	Quận 8	2,22	2,22		2017-2020	Cty Phương Việt
357	Khu nhà ở 1-1A Tạ Quang Bửu P6	Quận 8	1,54	1,54		2017-2020	Cty may Song Ngọc
358	Khu nhà ở Tạ Quang Bửu (GĐ1)	Quận 8	1,90	1,90		2017-2020	Cty TNHH Đất Mới
359	Khu nhà ở 400 Nguyễn Duy P8,9,10	Quận 8	12,70	12,70		2017-2020	Cty CP LT Bình Tây
360	Khu chung cư 1016 Tạ Quang Bửu - P.6	Quận 8	0,88	0,88		2017-2020	Cty Đồng Phú Hưng
361	Khu thương mại cao ốc liên hợp P4	Quận 8	0,86	0,86		2017-2020	Cty CP XNK Q8
362	Khu nhà ở phường 5	Quận 8	0,84	0,84		2017-2020	Cty TNHH TMXD Vạn Hưng Phát
363	Khu chung cư IMEXCO P14	Quận 8	0,75	0,75		2017-2020	Cty Imexco
364	Khu cao ốc 277 Bến Bình Đông P14	Quận 8	0,55	0,55		2017-2020	Cty CP Điện MECA - VNEXCO
365	Khu TTTM DC Bình Đăng P6	Quận 8	0,46	0,46		2017-2020	Cty Địa Ốc Sài Gòn
366	Khu nhà ở phường 16	Quận 8	0,43	0,43		2017-2020	Cty TNHH SX TMDV Thái Bảo
367	Khu nhà ở TM P14	Quận 8	0,42	0,42		2017-2020	Cty AMASCO
368	Khu nhà ở TM Nam Dương P11,12,13	Quận 8	0,40	0,40		2017-2020	COOP Mart
369	Khu chung cư Mai Linh Tower P6	Quận 8	0,37	0,37		2017-2020	Cty Mai Linh Đông Bắc Bộ
370	Khu nhà ở 503/7 bến Bình Đông P11,12,13	Quận 8	0,28	0,28		2017-2020	VP Thành Ủy
371	Khu cao ốc văn phòng P.16	Quận 8	0,27	0,27		2017-2020	Cty TNHH BĐS An Phú
372	Chung cư cao tầng Sài Gòn Phố P16	Quận 8	0,21	0,21		2017-2020	Cty Sài Gòn Phố
373	Khu nhà ở Tuyên huấn P15	Quận 8	0,21	0,21		2017-2020	Cty DVCI Q8
374	Khu thương mại cao ốc liên hợp P4	Quận 8	0,17	0,17		2017-2020	Cty CP VH Tổng hợp Hưng Phú
375	Khu nhà ở CBCNV 289 Bình Đông P14	Quận 8	0,17	0,17		2017-2020	Tcty LT Miền Nam
376	Khu nhà ở	Quận 9	277,94	10,00	267,94	2017-2020	Cty CP Thành phố Xanh
377	Khu nhà ở	Quận 9	158,64	10,00	148,64	2017-2020	Cty CP Saigon Gôn, tổng DT 158,64ha

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
378	Khu nhà ở	Quận 9	34,00	10,00	24,00	2017-2020	Cty Liên doanh Hoa Việt
379	Khu nhà ở	Quận 9	91,79	10,00	81,79	2017-2020	Cty GS E&C, tổng DT 91,79ha
380	Khu nhà ở Tây Tăng Long	Quận 9	120,00	10,00	110,00	2017-2020	Cty TNHH Bất động sản Tây Tăng Long, tổng DT 120ha
381	Khu nhà ở	Quận 9	0,38	0,38		2017-2020	Cty Khang Điền
382	Khu nhà ở CB-CNV (Trường đại học Kinh tế TP HCM)	Quận 9	19,55	10,00	9,55	2017-2020	
383	Khu nhà ở	Quận 9	16,39	10,00	6,39	2017-2020	Cty CP đầu tư địa ốc Hưng Phú
384	Khu nhà ở Báo SGGP	Quận 9	15,47	10,00	5,47	2017-2020	
385	Khu nhà ở	Quận 9	12,00	10,00	2,00	2017-2020	Cty An Thiên Lý
386	Khu nhà ở	Quận 9	30,63	10,00	20,63	2017-2020	Cty TNHH DV-TM- KDN Hải Ngân
387	Khu nhà ở	Quận 9				2017-2020	Cty TNHH DV-TM- KDN Minh Sơn, tổng DT 30,63ha
388	Khu nhà ở - Phước Long B	Quận 9	9,84	9,84		2017-2020	Cty CP đầu tư địa ốc Hưng Phú
389	Khu nhà ở	Quận 9	9,28	9,28		2017-2020	Cty Đông Phong
390	Khu nhà ở	Quận 9	8,62	8,62		2017-2020	Cty CP Kiến Á
391	Khu nhà ở	Quận 9	8,61	8,61		2017-2020	Cty TNHH BV đa khoa quốc tế Vũ Anh
392	Khu nhà ở	Quận 9	8,50	8,50		2017-2020	Cty TNHH Đông Nam Á
393	Khu nhà ở	Quận 9	7,28	7,28		2017-2020	Tổng Cty Xây dựng Thủy lợi 4
394	Khu nhà ở	Quận 9	5,23	5,23		2017-2020	Cty TNHH Hải Nhân
395	Khu nhà ở xây dựng mới phường Long Trường	Quận 9	5,41	5,41		2017-2020	Cty Long Phước Điền
396	Khu nhà ở P. Phước Long B	Quận 9	4,87	4,87		2017-2020	Cty Mỹ Phú
397	Khu nhà ở	Quận 9	4,73	4,73		2017-2020	Cty TNHH TM XD DV Toàn Thắng
398	Khu nhà ở	Quận 9	4,52	4,52		2017-2020	Cty TNHH Công nghệ Tin học mới
399	Dự án nhà ở	Quận 9	3,43	3,43		2017-2020	Cty CP Vila
400	Khu nhà ở, P Trường Thạnh	Quận 9	2,87	2,87		2017-2020	Cty Cp nhà Việt Nam
401	Dự án nhà ở	Quận 9	2,07	2,07		2017-2020	Cty CP xây dựng số 5
402	Khu nhà ở	Quận 9	1,47	1,47		2017-2020	Cty CP Len Việt Nam
403	Khu nhà ở	Quận 9	1,23	1,23		2017-2020	Tổng Cty lắp máy Việt Nam
404	Dự án Khang Việt 2	Quận 9	1,17	1,17		2017-2020	Cty CP ĐT địa ốc Khang Việt
405	Dự án Khang Việt 1	Quận 9	1,02	1,02		2017-2020	Cty CP ĐT địa ốc Khang Việt
406	Khu nhà ở - phường Phước Long B	Quận 9	0,81	0,81		2017-2020	Tổng Cty Thép Miền Nam
407	Khu nhà ở	Quận 9	0,80	0,80		2017-2020	Cty CP Tập đoàn Hoa Sen
408	Khu nhà ở	Quận 9	0,77	0,77		2017-2020	Cty TNHH MTV Xây dựng Sài Gòn 5
409	Khu nhà ở	Quận 9	0,57	0,57		2017-2020	Cty CP Hưng Phú
410	Chung cư cao tầng P. Phước Long B	Quận 9	0,56	0,56		2017-2020	
411	Khu nhà ở	Quận 9	0,44	0,44		2017-2020	Cty CP P/S
412	Khu nhà ở	Quận 9	0,35	0,35		2017-2020	Cty CP TM Minh Vĩnh Khang
413	Chung cư	Quận 9	0,34	0,34		2017-2020	Tổng Cty Công nghiệp Sài Gòn
414	Khu nhà ở Long Phước Garden	Quận 9	5,16	5,16		2016	Công ty CP Tập đoàn Truyền thông Thanh niên

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
415	Khu biệt thự Sanctuary Cove	Quận 9	9,88	9,88		2016	Công ty TNHH Liên doanh Belwynn-Hung Phú
416	Khu chung cư Mỹ Thịnh Phú	Quận 9	1,03	1,03		2016	Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh địa ốc Mỹ Thịnh Phú
417	Khu nhà ở	Quận 9	2,47	2,47		2016	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thành phố mới
418	Khu nhà ở	Quận 9	3,10	3,10		2016	Công ty TNHH đầu tư kinh doanh địa ốc Gia Phước
419	Khu nhà ở	Quận 9	1,62	1,62		2016	Cty CP đầu tư địa ốc Khang Việt
420	Khu chung cư Cienco 585	Quận 9	0,43	0,43		2016	Công ty Cổ phần Xây dựng công trình 585
421	Khu nhà ở	Quận 9	2,70	2,70		2016	Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Sapphire
422	Khu nhà ở	Quận 9	23,05	10,00	13,05	2017-2020	Công ty TNHH Việt Trang
423	Khu nhà ở	Quận 9	0,90	0,90		2017-2020	Công ty CP tập đoàn Nova
424	Khu nhà ở	Quận 9	0,63	0,63		2017-2020	Công ty Bạch Đằng
425	Khu nhà ở	Quận 9	0,46	0,46		2017-2020	Công ty TNHH Thảo Điền
426	Khu nhà ở	Quận 9	3,65	3,65		2017-2020	Công ty TNHH Kim Phát
427	Khu nhà ở	Quận 9	6,26	6,26		2017-2020	Công ty Cổ phần Dầu Khí Thăng Long
428	Khu nhà ở Long Phước Garden	Quận 9	5,16	5,16		2017-2020	Cty CP tập đoàn truyền thông thanh niên
429	Khu nhà ở	Quận 9	2,54	2,54		2017-2020	Cty CP đầu tư địa ốc NoVa
430	Khu nhà ở	Quận 9	1,30	1,30		2017-2020	Cty CP tập đoàn Hà Đô
431	Khu nhà ở	Quận 9	3,67	3,67		2017-2020	Tổng Cty Nông nghiệp Sài Gòn MTV
432	Khu nhà ở	Quận 9	0,33	0,33		2017-2020	Cty Cp TM Minh Vĩnh Khang
433	Khu nhà ở	Quận 9	4,82	4,82		2016	Cty cổ phần thế kỷ 21
434	Khu đất khai thác tạo vốn ĐTXD tuyến vành đai 2: khu 1	Quận 9	60,58	10,00	50,58	2017-2020	Long Trường
435	Khu đất khai thác tạo vốn ĐTXD tuyến vành đai 2: khu 2	Quận 9	64,51	10,00	54,51	2017-2020	Trường Thạnh
436	Khu đất khai thác tạo vốn ĐTXD tuyến vành đai 2: khu 3	Quận 9	20,05	10,00	10,05	2017-2020	Phú Hữu
437	Chung cư tái định cư kết hợp kinh doanh, Lô G Ngõ Gia Tự - P.2	Quận 10	4,04	4,04		2017-2020	
438	Khu dân cư bộ TL Biên phòng	Quận 10	2,76	2,76		2017-2020	
439	Chung cư Ngõ Gia Tự, Lô A, G	Quận 10	0,49	0,49		2017-2020	
440	Nhà liền kề B23	Quận 10	0,43	0,43		2017-2020	
441	Chung cư B25 P.14	Quận 10	0,40	0,40		2017-2020	
442	Nhà liền kề B29	Quận 10	0,34	0,34		2017-2020	
443	Nhà liền kề B30	Quận 10	0,26	0,26		2017-2020	
444	Khu dân cư dọc đường Nguyễn Giản Thanh	Quận 10	0,26	0,26		2017-2020	
445	Nhà liền kề B30	Quận 10	0,03	0,03		2017-2020	
446	Nhà ở đấu giá	Quận 10	0,01	0,01		2017-2020	23 Ngõ Gia Tự, P.2
447	Nhà ở đấu giá	Quận 10	0,00	0,00		2017-2020	199 Ngõ Gia Tự, P.3
448	Nhà ở đấu giá	Quận 10	0,01	0,01		2017-2020	277 Nguyễn Duy Dương, P.4
449	Nhà ở đấu giá	Quận 10	0,01	0,01		2017-2020	177-179 Vĩnh Viễn, P.4
450	Nhà ở đấu giá	Quận 10	0,01	0,01		2017-2020	34 Ngõ Quyền, P.5
451	Nhà ở đấu giá	Quận 10	0,01	0,01		2017-2020	141 Nguyễn Kim, P.7
452	Nhà ở đấu giá	Quận 10	0,01	0,01		2017-2020	256/35-37 Nguyễn Tiểu La, P.8

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
453	Nhà ở đầu giá	Quận 10	0,01	0,01		2017-2020	302 Nhật Tảo, P.8
454	Nhà ở đầu giá	Quận 10	0,01	0,01		2017-2020	108 Ngô Gia Tự, P.9
455	Nhà ở đầu giá	Quận 10	0,01	0,01		2017-2020	702/2 Điện Biên Phủ, P.10
456	Nhà ở đầu giá	Quận 10	0,01	0,01		2017-2020	450A Lý Thái Tổ, P.10
457	Nhà ở đầu giá	Quận 10	0,01	0,01		2017-2020	780 Điện Biên Phủ, P.11
458	Nhà ở đầu giá	Quận 10	0,01	0,01		2017-2020	478 Điện Biên Phủ, P.11
459	Nhà ở đầu giá	Quận 10	0,02	0,02		2017-2020	188/12 Thành Thái, P.12
460	Nhà ở đầu giá	Quận 10	0,02	0,02		2017-2020	397 Tô Hiến Thành. P.14
461	Nhà ở đầu giá	Quận 10	0,03	0,03		2017-2020	206 Lý Thường Kiệt P.14
462	Nhà ở đầu giá	Quận 10	0,01	0,01		2017-2020	495/2 Tô Hiến Thành P.14
463	Nhà ở đầu giá	Quận 10	0,03	0,03		2017-2020	619 Cách mạng tháng 8 P.15
464	Nhà ở đầu giá	Quận 10	0,02	0,02		2017-2020	621 Cách mạng tháng 8 P.15
465	TTTM và nhà ở (khu phức hợp) - 5.8ha Đàm Sen-P.3	Quận 11	5,45	5,45		2017-2020	
466	TTTM và nhà ở cao tầng (187-189 Âu Cơ - P.14)	Quận 11	2,90	2,90		2017-2020	
467	Trung tâm thương mại và nhà ở (190 Lạc Long Quân - P.3)	Quận 11	2,52	2,52		2017-2020	
468	TTTM và nhà ở cao tầng (278-284 Lãnh Binh Thăng - P.11)	Quận 11	1,62	1,62		2017-2020	
469	Dự án chung cư hư hỏng có nguy cơ sụp đổ và chỉnh trang đô thị lô A, E, F, G, H chung cư Lý Thường Kiệt	Quận 11	1,10	1,10		2017-2020	
470	Dự án khu dân cư và TTTM DV Park View (188 Lạc Kong Quân-P.3)	Quận 11	1,08	1,08		2017-2020	
471	Chung cư Tân Phước (Lý Thường Kiệt - P.7)	Quận 11	1,02	1,02		2017-2020	
472	TTTM và nhà ở cao tầng (220 Bình Thới - P.14)	Quận 11	0,89	0,89		2017-2020	
473	Khu dịch vụ thương mại-nhà cao tầng (3 tháng 2 - Lê Đại Hành - P.15)	Quận 11	0,89	0,89		2017-2020	
474	Dự án nhà ở cao tầng (13A Tổng Văn Trân-P.5)	Quận 11	0,46	0,46		2017-2020	
475	TTTM dịch vụ căn hộ (630/2 Hồng Bàng P.16)	Quận 11	0,16	0,16		2017-2020	
476	Văn phòng + nhà ở cao tầng (205 Lạc Long Quân, P.3)	Quận 11	0,16	0,16		2017-2020	
477	Đất ở cao tầng hỗn hợp xây mới tại 242 - 244 Bình Thới, phường 10 quận 11)	Quận 11	0,85	0,85		2017-2020	
478	TTTM dịch vụ căn hộ (1557 đường 3 tháng 2 - P.16)	Quận 11	0,11	0,11		2017-2020	
479	Khu nhà ở tại 19/15 Bình Thới	Quận 11	0,06	0,06		2017-2020	
480	Đất cao tầng xây dựng mới tại 47/2B Lạc Long Quân, phường 01 quận 11	Quận 11	0,09	0,09		2017-2020	
481	Đất cao tầng xây dựng mới tại hẻm 107H Lạc Long Quân, phường 01 quận 11	Quận 11	0,43	0,43		2017-2020	
482	Đất ở cao tầng hỗn hợp xây mới tại hẻm 247 Lạc Long Quân	Quận 11	1,77	1,77		2017-2020	
483	Khu nhà ở Tovecan tại 310 - 310A Lạc Long Quân, phường 05 quận 11	Quận 11	0,50	0,50		2017-2020	
484	Đất ở xây dựng mới 471 Lạc Long Quân, phường 05 quận 11	Quận 11	0,29	0,29		2017-2020	
485	Đất ở xây dựng mới tại hẻm 423/27 Lạc Long Quân	Quận 11	0,09	0,09		2017-2020	
486	Đất ở cao tầng hỗn hợp xây mới tại Công ty CP chế tạo máy Sinco (250 Bình Thới, phường 10 quận 11)	Quận 11	0,90	0,90		2017-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
487	Đất ở xây dựng mới tại 93/2 Đường 100 Bình Thới, phường 14 quận 11	Quận 11	0,22	0,22		2017-2020	
488	Đất ở cao tầng hỗn hợp xây dựng mới giáp hẻm 281 Lý Thường Kiệt, phường 15 quận 11	Quận 11	0,97	0,97		2017-2020	
489	Đất ở cao tầng hỗn hợp xây dựng mới giáp đường Thiên Phước	Quận 11	0,58	0,58		2017-2020	
490	Đất ở cao tầng hỗn hợp xây dựng mới tại 6/12 Cư xá Lữ Gia, phường 15 quận 11	Quận 11	0,13	0,13		2017-2020	
491	Đất ở thấp tầng xây dựng mới tại 6/8 Cư xá Lữ Gia, phường 15 quận 11	Quận 11	0,14	0,14		2017-2020	
492	Đất ở thấp tầng xây dựng mới (giáp Nhà sách Phương Nam, đường 3 Tháng 2 phường 15 quận 11)	Quận 11	0,39	0,39		2017-2020	
493	Khu cao tầng tại Công ty CP nhựa Tân Hóa tại 642 Hồng Bàng, phường 16 quận 11	Quận 11	0,06	0,06		2017-2020	
494	Khu nhà ở An Phú Đông 2, khu 1	Quận 12	16,24	10,00	6,24	2017-2020	Cty XDKDPTN Hoàng Phước
495	Khu nhà ở An Phú Đông 3, khu 2	Quận 12	12,49	10,00	2,49	2017-2020	Cty XDKDPTN Hoàng Phước
496	Khu nhà ở Thới An 7	Quận 12	8,80	8,80		2017-2020	Cty Văn Lang
497	Khu nhà ở (P. Tân Thới Nhất)	Quận 12	5,36	5,36		2017-2020	Cty dệt Phước Thịnh
498	Khu nhà ở Đất Lành - P. Đông Hưng Thuận	Quận 12	3,56	3,56		2017-2020	Cty Đất Lành
499	Nhà ở Phường Tân Chánh Hiệp	Quận 12	2,76	2,76		2017-2020	Cty Hưng Ngân
500	Chung cư cao tầng - P. Tân Thới Nhất	Quận 12	1,52	1,52		2017-2020	Cty CP DVNNTM Thuận Kiều
501	Nhà ở cao tầng Thới An 5	Quận 12	1,24	1,24		2017-2020	Cty Đạt Gia
502	Khu nhà ở đường Bùi Văn Ngừ - P. Tân Chánh Hiệp	Quận 12	1,21	1,21		2017-2020	Cty CP Hiệp Tân
503	Chung cư phường Thạnh Lộc	Quận 12	0,67	0,67		2017-2020	Cty Kim Đại Dương
504	Chung cư Phường Tân Chánh Hiệp	Quận 12	0,73	0,73		2017-2020	
505	Khu nhà ở cao tầng Thới An 4	Quận 12	0,48	0,48		2017-2020	Cty XD TM Sài Gòn 9 đăng ký
506	Chung cư cao tầng P. Tân Thới Nhất	Quận 12	0,36	0,36		2017-2020	Cty Cp Kim Tâm Hải
507	Khu phát triển đô thị Nam Rạch Gia - An Phú Đông	Quận 12	197,70	10,00	187,70	2017-2020	Phòng quản lý đô thị
508	Khu nhà ở Cty XD TM 12	Quận 12	11,95	11,95		2017-2020	Cty XD TM 12
509	Khu nhà ở Cty Sài Gòn - Gia Định	Quận 12	15,10	10,00	5,10	2017-2020	Cty Sài Gòn - Gia Định
510	Khu nhà ở Thạnh Xuân 2	Quận 12	8,62	8,62		2017-2020	Cty TNHH MTV Gia Cư
511	Khu DC Cty Việt Rạng Đông	Quận 12	0,50	0,50		2017-2020	Cty Việt Rạng Đông
512	Khu nhà ở lực lượng vũ trang Quân khu 7	Quận 12	0,92	0,92		2017-2020	Cty XNK - Tây Nam, Quân khu 7
513	Dự án nhà ở 557 - P. Trung Mỹ Tây	Quận 12	0,44	0,44		2017-2020	Cty CP XD CT 557
514	Chu cư cao tầng Phúc Phúc Yên - P. Tân Thới Nhất	Quận 12	1,87	1,87		2017-2020	Cty TNHH MTV đầu tư Phúc Phúc Yên
515	Khu chung cư cao tầng	Quận 12	0,76	0,76		2017-2020	Cty Thanh niên xung phong
516	Khu trung tâm dân cư Tân Tạo- P. Tân Tạo A	Bình Tân	489,00	10,00	479,00	2017-2020	Cty CP ĐT XD Bình Chánh
517	Khu nhà ở - P An Lạc	Bình Tân	11,65	11,65		2017-2020	Cty Hoàng Nam
518	Khu trung tâm thương mại và căn hộ, P. Tân Tạo A	Bình Tân	6,03	6,03		2017-2020	Cty CP Hữu Liên Á Châu
519	Khu nhà ở - P. Tân Tạo A	Bình Tân	5,53	5,53		2017-2020	Cty Hai Thành
520	Khu nhà ở - P. Tân Tạo A	Bình Tân	4,28	4,28		2017-2020	Cty Khang An
521	Khu nhà ở - P. An Lạc	Bình Tân	3,27	3,27		2016	Cty Thịnh Phát
522	Chung cư - P. Tân Tạo	Bình Tân	3,23	3,23		2017-2020	Cty Lê Thành
523	Khu nhà ở - Tân Tạo A	Bình Tân	2,90	2,90		2017-2020	Cty Khang An

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
524	Nhà ở	Bình Tân	2,00	2,00		2017-2020	Cty CP đầu tư xây dựng thương mại Phú Mỹ Hạnh
525	Nhà ở P.An Lạc	Bình Tân	2,00	2,00		2017-2020	Cty TNHH Lê Thành
526	Khu nhà ở - P. Bình Trị Đông B	Bình Tân	1,99	1,99		2017-2020	Cty Phú Mỹ Hạnh
527	Xây dựng khu phức hợp (TMDV & căn hộ), An Lạc	Bình Tân	1,89	1,89		2017-2020	Cty Xây dựng Bình Chánh
528	Cao ốc Trần Văn Kiểu - Đại lộ Đông Tây - P. An Lạc	Bình Tân	1,63	1,63		2017-2020	
529	Chung cư - P. Bình Hưng Hòa	Bình Tân	0,87	0,87		2017-2020	Cty TNHH Siêu Thành
530	Khu nhà ở - P. An Lạc	Bình Tân	0,74	0,74		2017-2020	Cty Hai Thành
531	Khu thương mại và căn hộ chung cư	Bình Tân	0,54	0,54		2017-2020	Cty TNHH sản xuất Tiến Phát
532	Khu nhà ở - P. Bình Hưng Hòa A	Bình Tân	0,51	0,51		2017-2020	Cty Ngọc Đông Dương
533	Khu nhà ở - P An Lạc	Bình Tân	0,35	0,35		2017-2020	DNTN Tân Thiên Quý
534	Khu nhà ở -P. Bình Hưng Hòa A	Bình Tân	0,24	0,24		2017-2020	Cty mỹ phẩm LESLIS
535	Khu căn hộ cao tầng Phú Tân	Bình Tân	1,79	1,79		2017-2020	Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Chợ Lớn
536	Khu căn hộ cao tầng -P An Lạc	Bình Tân	3,94	3,94		2017-2020	Cty CP ĐT KD BĐS Đức Long Gia Lai
537	Khu trung tâm thương mại dịch vụ nhà ở (561 KDV)	Bình Tân	5,63	5,63		2017-2020	Công ty CP ĐT Phát triển Cửu Long
538	Khu phức hợp cao ốc TMDV và căn hộ cao cấp Suối Tiên Plaza -P.25	Bình Thạnh	3,42	3,42		2017-2020	Cty CP DL VH Suối Tiên
539	Khu liên hợp VP - TM - Dịch vụ giải trí và chung cư cao tầng - 436-438-440-440/6 nhà ở Trang Long	Bình Thạnh	3,00	3,00		2017-2020	Liên doanh các Cty: Cty CP Len VN, Cty CP May Bình Minh, Cty CP Vina Bico và Cty TNHH XDTM Quang Minh
540	Khu nhà hỗn hợp cao tầng - 79/81 Xô Viết Nghệ Tĩnh	Bình Thạnh	2,08	2,08		2017-2020	Cty CP thiết bị giáo dục 2
541	Cao ốc văn phòng và nhà ở cao tầng - 163 Điện Biên Phủ	Bình Thạnh	1,36	1,36		2017-2020	Cty CP XD Giao thông Sài Gòn
542	Khu nhà ở cao tầng kết hợp trung tâm thương mại và văn phòng - 446 Nơ Trang Long	Bình Thạnh	0,80	0,80		2017-2020	Cty CP cơ khí xăng dầu
543	Trung tâm thương mại dịch vụ kết hợp căn hộ chung cư - 124/9B Ung Văn Khiêm	Bình Thạnh	0,56	0,56		2017-2020	Cty TNHH SX Cán Nhơn Hoà
544	Chung cư cao tầng - P.27	Bình Thạnh	0,51	0,51		2017-2020	Cty CP Địa Ốc Sài Gòn
545	Chung cư - văn phòng - 9X Chu Văn An	Bình Thạnh	0,22	0,22		2017-2020	Cty CP XD số 5
546	Khu đô thị Bình Quới - Thanh Đa	Bình Thạnh	426,93	10,00	416,93	2016	
547	Giải tỏa xây dựng chung cư Thanh Đa	Bình Thạnh	7,73	7,73		2017-2020	Lô số
548	Cao ốc văn phòng, nhà ở	Bình Thạnh	0,13	0,13		2017-2020	Tổng công ty nông nghiệp Sài Gòn TNHH MTV
549	Dự án căn hộ, TT thương mại và cao ốc văn phòng cho thuê	Bình Thạnh	0,42	0,42		2017-2020	Tổng công ty nông nghiệp Sài Gòn TNHH MTV
550	Dự án nhà ở	Bình Thạnh	0,10	0,10		2017-2020	CT TNHH SX TM DV Ứng Thành
551	Giải tỏa xây dựng chung cư Thanh Đa	Bình Thạnh	15,00	10,00	5,00	2017-2020	Lô chữ
552	Xây dựng cao ốc VP 152 Điện Biên Phủ	Bình Thạnh	0,58	0,58		2017-2020	Cty CP Đầu tư hạ tầng kỹ thuật TP
553	Đất ở	Bình Thạnh	50,00	10,00	40,00	2017-2020	Các phường
554	Chung cư cao tầng + TM-DV-VP (79/5B Nguyễn Xí)	Bình Thạnh	2,11	2,11		2017-2020	
555	Dự án bắc Đỉnh Bộ Lĩnh	Bình Thạnh	6,73	6,73		2017-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
556	Dự án nhà ở	Bình Thạnh	2,80	2,80		2017-2020	
557	Chung cư cao tầng + TM-DV-VP	Bình Thạnh	0,22	0,22		2017-2020	
558	Chung cư Tài Lộc	Bình Thạnh	0,14	0,14		2017-2020	
559	Chung cư SamLand	Bình Thạnh	0,18	0,18		2017-2020	
560	Chung cư 124/9D UVK	Bình Thạnh	0,14	0,14		2017-2020	
561	2W (khu I)	Bình Thạnh	0,21	0,21		2017-2020	
562	714/102 Bình Quới	Bình Thạnh	3,97	3,97		2017-2020	
563	Khu nhà ở cao tầng kết hợp cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại phường 22 (The Queen Square)	Bình Thạnh	4,09	4,09		2017-2020	
564	Trung tâm TM-KS (181 Điện Biên Phủ)	Bình Thạnh	0,38	0,38		2017-2020	
565	Khách sạn kết hợp TMDV	Bình Thạnh	0,12	0,12		2017-2020	
566	Chuyển mục đích thửa đất số 16 - tờ bản đồ 100 BDĐC P.26 (Khu vực đình Cầu Sơn)	Bình Thạnh	0,01	0,01		2017-2020	
567	Khu đất 309 Bạch Đằng	Bình Thạnh	0,01	0,01		2017-2020	TT Phát triển quỹ đất Thành phố
568	Dự án nhà ở, trung tâm điều hành sản xuất khu 1	Bình Thạnh	0,30	0,30		2017-2020	Tập đoàn công nghiệp Than khoáng sản Việt Nam
569	Nhà ở riêng lẻ thấp tầng	Bình Thạnh	0,35	0,35		2017-2020	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Sài Gòn
570	Dự án nhà ở ven sông Sài Gòn	Bình Thạnh				2017-2020	Công ty TNHH MTV địa ốc Bình Thạnh
571	Chung cư Trí Tuệ	Bình Thạnh				2017-2020	Công ty Trí Tuệ
572	Khu đất 302/5 Nơ Trang Long	Bình Thạnh	0,34	0,34		2017-2020	Trung tâm phát triển quỹ đất TP
573	Chuyển mục đích đất quốc phòng sang đất ở (Cục 12 - Tổng cục II Bộ Quốc phòng)	Bình Thạnh	0,36	0,36		2017-2020	124/9F Ung Văn Khiêm - P.25
574	Xây dựng khu trung tâm thể thao, văn phòng, căn hộ	Bình Thạnh	0,32	0,32		2017-2020	234 Ngô Tất Tố - P.22
575	Dự án chung cư cao tầng kết hợp TM-DV	Bình Thạnh	0,72	0,72		2017-2020	129 Đinh Tiên Hoàng, P.3, Q. Bình Thạnh
576	Nhà ở kết hợp TMDV trước công viên văn hóa, Phường 6	Gò Vấp	4,00	4,00		2017-2020	
577	Chung cư căn hộ cao tầng 584 Building, phường 6, (đường Nguyễn Văn Dung)	Gò Vấp	2,97	2,97		2017-2020	Cty CP Đầu tư XD và Khai thác Công Trình giao thông 584
578	Khu nhà ở cao tầng & TMDV Sagoda, phường 14 (đường Phan Huy Ích)	Gò Vấp	2,50	2,50		2017-2020	Cty CP May Da Sài Gòn
579	Khu nhà ở phường 14, quận Gò Vấp	Gò Vấp	1,79	1,79		2017-2020	Tổng Cty Địa ốc Sài Gòn
580	Dự án nhà ở gia đình cán bộ của trường Sĩ quan Kỹ thuật Quân sự (tại H6 đường Nguyễn Văn Lượng)	Gò Vấp	0,44	0,44		2017-2020	
581	Khu thương mại dịch vụ kết hợp căn hộ ở cao tầng 780A Nguyễn Kiệm, P3	Gò Vấp	0,82	0,82		2017-2020	Tổng Cty CN Sài Gòn
582	Cụm chung cư Thành Uy (phường 14)	Gò Vấp	0,71	0,71		2017-2020	
583	Chung cư cao tầng 11/121 đường Lê Đức Thọ, P17	Gò Vấp	0,63	0,63		2017-2020	Tổng Cty CN Sài Gòn
584	Chung cư Nguyên Hồng phường 1, quận Gò Vấp (đường Nguyên Hồng phường 1)	Gò Vấp	0,34	0,34		2017-2020	Cty CP Nguyên Hồng
585	Cao ốc nhà ở và TM DV 584, phường 17 (đường Lê Đức Thọ)	Gò Vấp	0,17	0,17		2017-2020	Cty CP ĐT XD và khai thác công trình GT 584
586	Chung cư cao tầng phường 1, quận Gò Vấp (đường Nguyên Hồng)	Gò Vấp	0,10	0,10		2017-2020	Cty Nguyên Đô
587	Khu nhà khu ở cao tầng & TMDV Sagoda, phường 14 (đường Phan Huy Ích) - Cty CP May Da Sài Gòn	Gò Vấp	2,50	2,50		2017-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
588	Chung cư , khu TM và căn hộ đường Phạm Văn Chiêu - P 14 - Cty TNHH TM và ĐT Thiên Lộc	Gò Vấp	0,58	0,58		2017-2020	
589	Khu nhà ở B và D - Z751, P.10	Gò Vấp	26,98	10,00	16,98	2017-2020	Cty TNHH Đầu tư Địa ốc Thành phố
590	Khu dân cư kết hợp TMDV tại số 12 Nguyễn Bình Khiêm, P.1	Gò Vấp	0,25	0,25		2016	Cty TNHH may thuê Mỹ Sơn
591	Dự án đầu tư xây dựng Nhà ở mới (313/20 Nguyễn Trọng Tuyển)	Phú Nhuận	0,25	0,25		2017-2020	
592	Chung cư kết hợp Thương mại dịch vụ và văn phòng (139/4-141D-143A Phan Đăng Lưu)	Phú Nhuận	0,12	0,12		2017-2020	
593	Khu phức hợp Thương mại dịch vụ, văn phòng và căn hộ (146 Nguyễn Văn Trỗi-223 và 223B Hoàng Văn Thụ)	Phú Nhuận	1,50	1,50		2017-2020	
594	Cao ốc văn phòng, thương mại, dịch vụ, officetel (38 Trương Quốc Dung)	Phú Nhuận	0,28	0,28		2017-2020	
595	Khu phức hợp Thương mại dịch vụ, văn phòng và căn hộ (8 Hoàng Minh Giám)	Phú Nhuận	0,47	0,47		2017-2020	
596	Dự án Thương mại, dịch vụ, văn phòng officetel và căn hộ (128 Hồng Hà)	Phú Nhuận	0,43	0,43		2017-2020	
597	Khu phức hợp nhà ở và thương mại dịch vụ (130-132 Hồng Hà; số cũ: 10/5 Hoàng Minh Giám)	Phú Nhuận	0,92	0,92		2017-2020	
598	Khu phức hợp nhà ở và thương mại dịch vụ (119 Phố Quang)	Phú Nhuận	1,50	1,50		2017-2020	
599	Chung cư hẻm 231 Lê Văn Sỹ (231/5B1-231/5C3-231/9 Lê Văn Sỹ)	Phú Nhuận	0,06	0,06		2017-2020	
600	Chung cư cao tầng - Hẻm 72 Huỳnh Văn Bánh (72/2-72/4-72/6 Huỳnh Văn Bánh)	Phú Nhuận	0,11	0,11		2017-2020	
601	Đất nông nghiệp chuyển sang đất ở	Tân Bình	3,08	3,08		2017-2020	
602	Khu phức hợp - chung cư thương mại - trường học (A41-kinh Đô)	Tân Bình	3,00	3,00		2017-2020	
603	Đất mộ riêng lẻ quy hoạch đất ở	Tân Bình	2,88	2,88		2017-2020	
604	Khu phức hợp cao ốc căn hộ cao cấp - thương mại văn phòng	Tân Bình	2,66	2,66		2017-2020	Cty vải sợi may mặc Miền Nam
605	khu phức hợp	Tân Bình	2,00	2,00		2017-2020	Cty Thái Sơn
606	Khu thương mại, dịch vụ, chung cư căn hộ (khu đất 112B Hồng Hà của Cty Sasco)	Tân Bình	1,77	1,77		2017-2020	
607	Chung cư cao tầng - Khu C30 - A9	Tân Bình	1,76	1,76		2017-2020	
608	Chung cư - Khu C30 - A2	Tân Bình	1,48	1,48		2017-2020	
609	Khu phức hợp 201 đến 207; 227 Lý Thường Kiệt	Tân Bình	1,37	1,37		2017-2020	
610	Khu phức hợp (đất Cty Vitaly)	Tân Bình	1,28	1,28		2017-2020	
611	Khu phức hợp - chung cư thương mại (góc Âu Cơ-Thoại Ngọc Hầu)	Tân Bình	0,95	0,95		2017-2020	
612	Căn hộ cho thuê, P2	Tân Bình	0,90	0,90		2017-2020	Cty Sài Gòn Tourist
613	Chung cư 79B Lý Thường Kiệt (sau CMC)	Tân Bình	0,82	0,82		2017-2020	
614	Chung cư gia đình quân nhân Sư đoàn 370	Tân Bình	0,81	0,81		2017-2020	Cty CP đầu tư CTK
615	Khu phức hợp (Đất Cty Giống cây trồng Miền nam - 282 Lê Văn Sỹ)	Tân Bình	0,78	0,78		2017-2020	
616	Chung cư Tân Trụ Phường 15	Tân Bình	0,76	0,76		2016	Cty MTV Dịch vụ công ích
617	Nhà ở xã hội, P9	Tân Bình	0,69	0,69		2017-2020	Cty bồi thường giải tỏa
618	Dự án nhà ở - Cty Đức Khải - P.4	Tân Bình	0,50	0,50		2017-2020	
619	Khu phức hợp chung cư thương mại BMC (đất XN Lâm sản)	Tân Bình	0,43	0,43		2017-2020	
620	Chung cư Thương mại - Dịch vụ - Văn phòng Mạnh Hùng	Tân Bình	0,36	0,36		2017-2020	
621	Khu chung cư cao tầng (Đất Cty CP Khí tượng thủy văn)	Tân Bình	0,34	0,34		2017-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
622	Cty Xây dựng và Dịch vụ thủy lợi - Xí nghiệp khai thác nước ngầm chuyển sang đất ở	Tân Bình	0,30	0,30		2017-2020	
623	Chung cư (kho 85B Âu Cơ)	Tân Bình	0,28	0,28		2017-2020	
624	Cty Amasco chuyển đất ở	Tân Bình	0,24	0,24		2017-2020	
625	Chung cư 3-5 Phú Hòa	Tân Bình	0,24	0,24		2017-2020	
626	Cty Cơ khí Ngân hàng chuyển sang đất ở	Tân Bình	0,23	0,23		2017-2020	
627	Khu tái bố trí (để thực hiện dự án trường Tân Sơn và Trần Thái Tông)	Tân Bình	0,22	0,22		2017-2020	
628	Chung cư TM-VP Tân Phú Cường Phường 14	Tân Bình	0,20	0,20		2017-2020	
629	Cty Tư vấn công trình GTCT chuyển sang đất ở	Tân Bình	0,19	0,19		2017-2020	
630	Khu phức hợp nhà ở và một phần cây xanh (khu đất Cty May Sài Gòn 2)	Tân Bình	0,18	0,18		2017-2020	
631	Chung cư 251 Hoàng Văn Thụ - P.2	Tân Bình	0,17	0,17		2017-2020	
632	Cty Công trình giao thông 61 chuyển sang đất ở	Tân Bình	0,16	0,16		2017-2020	
633	Khu đất ở (Tờ 56 thửa 35)	Tân Bình	0,11	0,11		2017-2020	
634	Nhà ở - Khu C30 - A3	Tân Bình	0,10	0,10		2017-2020	
635	Nhà ở - Khu C30 - A6	Tân Bình	0,10	0,10		2017-2020	
636	Cty Chè Sài Gòn chuyển sang đất ở	Tân Bình	0,08	0,08		2017-2020	
637	Xưởng sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ chuyển sang đất ở	Tân Bình	0,07	0,07		2017-2020	
638	Khu đất ở (tờ 23 thửa 10)	Tân Bình	0,06	0,06		2017-2020	
639	Trường mầm non 10A (Phân hiệu 2) chuyển sang đất ở	Tân Bình	0,05	0,05		2017-2020	
640	Trụ sở UBND phường 13 chuyển sang đất ở	Tân Bình	0,04	0,04		2017-2020	
641	Trường mầm non 1A (Phân hiệu 1) chuyển sang đất ở	Tân Bình	0,04	0,04		2017-2020	
642	Trường mầm non 4 (Phân hiệu 2) chuyển sang đất ở	Tân Bình	0,02	0,02		2017-2020	
643	Trường mầm non 2 (Phân hiệu 1) chuyển sang đất ở	Tân Bình	0,02	0,02		2017-2020	
644	Trường mầm non 6 (Phân hiệu 2) chuyển sang đất ở	Tân Bình	0,02	0,02		2017-2020	
645	Trường mầm non Tuổi Hồng (phân hiệu 2) chuyển sang đất ở	Tân Bình	0,02	0,02		2017-2020	
646	Trụ sở UBND phường 5 chuyển sang đất ở	Tân Bình	0,02	0,02		2017-2020	
647	Trường mầm non 5 (Phân hiệu 2) chuyển sang đất ở	Tân Bình	0,01	0,01		2017-2020	
648	Tổ quản lý được (314 Hoàng Văn Thụ) chuyển sang đất ở	Tân Bình	0,01	0,01		2017-2020	
649	Phòng khám Nhân đạo (cơ sở 4) chuyển sang đất ở	Tân Bình	0,0036	0,00		2017-2020	
650	Chung cư cao tầng 91 Phạm Văn Hai, P3	Tân Bình	2,60	2,60		2016-2020	
651	Khu chung cư cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ (446 Hoàng Văn Thụ), P4	Tân Bình	1,40	1,40		2016-2020	
652	Khu nhà ở số 306 Hồng Lạc phường 11	Tân Bình	0,27	0,27		2016-2020	
653	Khu nhà ở (HoàngBAT ĐẠT - Cống Lở), P15	Tân Bình	0,50	0,50		2016-2020	
654	Khu nhà ở (Hy Vọng - Cống Lở), P15	Tân Bình	1,87	1,87		2016-2020	
655	Khu dân cư gia đình quân nhân Sư đoàn 367+370, P15	Tân Bình	5,96	5,96		2016-2020	
656	Chung cư 481 Lê Văn Sỹ (P.2)	Tân Bình	0,10	0,10		2017-2020	Tờ 84, thửa 44
657	Chung cư 18 Phạm Văn Hai (P.2)	Tân Bình	0,10	0,10		2017-2020	Tờ 93, thửa 50
658	Chung cư &TTTTM - Thắng Lợi	Tân Phú	15,70	10,00	5,70	2017-2020	859 Trường Chinh
659	TT TM - Chung cư cao tầng Cầu Tre, P Tân Thới Hòa	Tân Phú	6,92	6,92		2017-2020	
660	Dự án Vifonland - P. Tây Thạnh	Tân Phú	6,68	6,68		2017-2020	927 Trường Chinh
661	Khu TM -VP & Chung cư BMC	Tân Phú	3,47	3,47		2017-2020	787 Lũy Bán Bích

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
662	Chung cư - thương mại cao tầng (trước đây Tổng Công ty Thép VN làm chủ đầu tư)	Tân Phú	1,63	1,63		2017-2020	Hẻm 55 Diệp Minh Châu
663	Chung cư thương mại cao tầng, P Hòa Thạnh - 262/15 Lũy Bán Bích	Tân Phú	1,20	1,20		2017-2020	Cty CP Packsimex
664	Nhà ở P.Tây Thạnh - 35 Tây Thạnh	Tân Phú	1,00	1,00		2017-2020	Cty CP dệt may Thành Công
665	Chung cư Trung Đông - Hùng Phúc, P Tân Thới Hòa	Tân Phú	1,01	1,01		2017-2020	
666	Cao ốc căn hộ, P Hiệp Tân	Tân Phú	0,63	0,63		2017-2020	Cty Tấn Phát
667	Chung cư Hồng Hưng, P Hòa Thạnh	Tân Phú	0,55	0,55		2017-2020	Cty Hồng Hưng
668	Chung cư cao tầng Tân Âu Cơ	Tân Phú	0,67	0,67		2017-2020	
669	Chung cư Tiến Thành, P Hòa Thạnh	Tân Phú	0,27	0,27		2017-2020	63 Huỳnh Thiện Lộc
670	Khu Nhà ở Nguyễn Văn Sáng (Công ty TNHH Địa ốc Tân Phú)	Tân Phú	0,49	0,49		2016	01 Nguyễn Văn Sáng
671	Đất nhóm nhà ở hiện hữu chỉnh trang	Tân Phú	0,08	0,08		2017-2020	Khu gia tộc họ Nguyễn
672	Đất nhóm nhà ở xây dựng mới	Tân Phú	0,31	0,31		2017-2020	Hẻm 414 (phân khu II/32)
673	Thu hồi đất giao cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất (171A Lê Trọng Tấn)	Tân Phú	0,39	0,39		2016	
674	Đất nhóm nhà ở xây dựng mới	Tân Phú	0,71	0,71		2017-2020	MP tờ 44 kế ao lằng (phân khu I/64)
675	Chung cư &TTTTM - Phong Phú	Tân Phú	10,30	10,30		2017-2020	859 Trường Chinh
676	Đất nhóm nhà ở xây dựng mới	Tân Phú	0,11	0,11		2017-2020	Ô phố I/70 và I/72
677	Đất nhóm nhà ở xây dựng mới	Tân Phú	0,16	0,16		2017-2020	Nguyễn Hậu (phân khu III/98)
678	Khu nhà ở - Trung tâm thương mại và siêu thị Đông Nam	Tân Phú	5,75	5,75		2016	727 Âu Cơ
679	Dự án Statra	Tân Phú	0,24	0,24		2017-2020	Tân Thành
680	Đất nhóm nhà ở xây dựng mới (Phạm thị Sáu)	Tân Phú	0,01	0,01		2017-2020	Phí mặt tiền hẻm 2/2/76 Lê Thúc Hoạch
681	Chung cư thương mại (trước đây Công ty Cp XNK Tổng hợp 1 VN làm chủ đầu tư)	Tân Phú	0,30	0,30		2017-2020	251/4 Lũy Bán Bích (số mới: 220/6 Lũy Bán Bích)
682	Chung cư - thương mại (trước đây Công ty Packsimex làm chủ đầu tư)	Tân Phú	0,27	0,27		2017-2020	227/5 Lũy Bán Bích (số mới: 192/12 Lũy Bán Bích)
683	Chung cư cao tầng (công ty CP SG Thương Tín)	Tân Phú	0,29	0,29		2016	291/2 Lũy Bán Bích (số mới: 262/3 Lũy Bán Bích)
684	Chung cư cao tầng (công ty Resco)	Tân Phú	0,29	0,29		2017-2020	284/3 Lũy Bán Bích
685	Đất nhóm nhà ở xây dựng mới	Tân Phú	0,31	0,31		2017-2020	Đường Nghiêm Toản
686	Dự án TTTM - Chung cư Steel Cali (Bình Tây-Thảo Loan)	Tân Phú	1,22	1,22		2016	MPT1 Tờ 27
687	Khu TM-DV căn hộ cao tầng- khu 2 (Thủy sản Tân Phú)	Tân Phú	1,29	1,29		2016	241 Hòa Bình
688	Chung cư - TTTM (Cty CP XNK Thủy sản Tân Phú)	Tân Phú	1,61	1,61		2016	278 Hòa Bình (số cũ 245/60)
689	Chung cư - TTTM Exim Plaza	Tân Phú	1,46	1,46		2016	96 Lũy Bán Bích
690	Khu dân cư An Phú- Tiền Phong	Tân Phú	1,29	1,29		2016	MPT 76 tờ 26
691	Tổ hợp căn hộ - P. Hiệp Bình Phước	Thủ Đức	2,82	2,82		2017-2020	Cty Cp Sông Đà
692	Khu nhà ở, P. Tam Phú	Thủ Đức	1,20	1,20		2017-2020	Cty CP Sông Đà Đất Vàng
693	Khu nhà ở P.Linh Trung	Thủ Đức	1,53	1,53		2017-2020	Cty TNHH Thanh niên xung phong
694	Khu nhà ở, P Linh Tây	Thủ Đức	0,96	0,96		2017-2020	Cty CP Xây dựng số 5
695	Khu nhà ở	Thủ Đức	0,34	0,34		2017-2020	Cty TNHH TM DV XD An Hòa
696	Khu nhà ở , P. Bình Chiểu	Thủ Đức	0,24	0,24		2017-2020	Cty TNHH Nam Viên
697	Khu nhà ở, P Hiệp Bình Phước	Thủ Đức	0,17	0,17		2017-2020	Cty CP Quốc tế An Vui
698	Khu nhà ở	Thủ Đức	0,16	0,16		2017-2020	Cty CP Dây cáp điện Việt Nam

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
699	Khu nhà ở, P. Trường Thọ	Thủ Đức	5,63	5,63		2016	Cty Thiên Phúc Lợi
700	Khu nhà ở cao tầng Hiệp Bình Phước (An Phước Newtown)	Thủ Đức	4,51	4,51		2017-2020	Cty Cp địa ốc Kinh Đô
701	Chung cư tại Phường Trường Thọ	Thủ Đức	2,50	2,50		2017-2020	Cty CP Chương Dương
702	Khu nhà ở (phường Tam Phú)	Thủ Đức	1,60	1,60		2017-2020	Cty CP N.V.T
703	Khu nhà ở, P Hiệp Bình Chánh	Thủ Đức	0,19	0,19		2017-2020	Cty BĐS Thái Bình Dương
704	Chung cư P. Trường Thọ (Chương Dương Golden Land)	Thủ Đức	1,49	1,49		2017-2020	Cty Thuận Thành Phát
705	Chung cư - P. Linh Xuân	Thủ Đức	1,47	1,47		2017-2020	Cty Trà My
706	Khu dân cư, P. Hiệp Bình Phước	Thủ Đức	1,27	1,27		2017-2020	Cty TNHH Xuân Định
707	Khu nhà ở thu nhập thấp Chương Dương home	Thủ Đức	2,63	2,63		2016	Cty Cổ phần Chương Dương
708	Khu dân cư thương mại dịch vụ Phúc hợp Tam Đa	Thủ Đức	1,27	1,27		2016	Cty TNHH Đầu tư xây dựng thương mại Xuân Định
709	Khu tái định cư - P. Hiệp Bình Phước (nằm trong Ga DEPOT)	Thủ Đức	2,00	2,00		2017-2020	
710	Dự án nhà ở - P. Hiệp Bình Phước	Thủ Đức	10,75	10,75		2017-2020	Cty TNHH Hồng Long
711	Dự án nhà ở, văn phòng - P. Hiệp Bình Phước	Thủ Đức	0,03	0,03		2017-2020	Cty CP XD47
712	Dự án nhà ở - P. Hiệp Bình Phước	Thủ Đức	1,27	1,27		2017-2020	Cty Hiệp Bình Phú
713	Dự án nhà ở - P. Trường Thọ	Thủ Đức	5,63	5,63		2017-2020	Cty Thiên Phúc Lợi
714	Khu nhà ở - P. Linh Trung	Thủ Đức	1,53	1,53		2017-2020	Cty TNHH Thanh niên xung phong
715	Dự án nhà ở - P. Linh Trung	Thủ Đức	0,57	0,57		2017-2020	Tổng Cty XD Sài Gòn (đường Kha Vạn Cân)
716	Dự án chung cư - P. Linh Trung	Thủ Đức	2,10	2,10		2017-2020	Cty Đồng Hiệp
717	Nhà ở xã hội - P. Linh Trung	Thủ Đức	1,56	1,56		2017-2020	Tổng Cty XD Sài Gòn (gần đường Lê Văn Chí)
718	Dự án nhà ở Công nhân viên báo Tuổi trẻ - P. Hiệp Bình Chánh	Thủ Đức	0,42	0,42		2017-2020	
719	Chung cư - P. Hiệp Bình Chánh	Thủ Đức	0,25	0,25		2016	Cty Vạn Thành Phát
720	Dự án phân lô hộ lẻ (Ngô thị Bích Lan) - P. Hiệp Bình Chánh	Thủ Đức	0,23	0,23		2017-2020	
721	Khu hỗn hợp chung cư - thương mại - P. Hiệp Bình Chánh	Thủ Đức	7,36	7,36		2017-2020	Cty địa ốc Sài Gòn (SaiGonRes Reverside)
722	Khu tái định cư gần trường TH Linh Xuân - P. Linh Xuân	Thủ Đức	0,40	0,40		2017-2020	
723	Dự án nhà ở - P. Tam Phú	Thủ Đức	8,20	8,20		2016	Cty CP đầu tư địa ốc Phương Đông)
724	Chung cư cao tầng - P. Linh Chiểu	Thủ Đức	0,88	0,88		2017-2020	Cty lương thực Tp.HCM
725	Chung cư - P. Linh Chiểu	Thủ Đức	0,25	0,25		2017-2020	Cty Colusa Miliket
726	Khu nhà ở - P. Linh Chiểu	Thủ Đức	0,29	0,29		2017-2020	Cty CP Địa ốc 9
727	Dự án nhà ở - P. Tam Bình	Thủ Đức	0,94	0,94		2017-2020	Cty CP Sông Đà Đất vàng
728	Dự án nhà ở - P. Tam Bình	Thủ Đức	10,25	10,25		2017-2020	Cty Thái Hòa
729	Dự án nhà ở - P. Linh Tây	Thủ Đức	9,09	9,09		2017-2020	Cty TNHH SX-TM-XD-KS Tân Hải Minh
730	Dự án chung cư kết hợp với thương mại Gia Định Plaza	Thủ Đức	1,35	1,35		2017-2020	1302/UBND-ĐTMT ngày 26/3/2010 chấp thuận chủ trương
731	Khu phức hợp đa chức năng (phục vụ công tác đấu giá QSDĐ)	Thủ Đức	0,55	0,55		2017-2020	1310 Kh Vạn Cân (Cty Gold Rafi cũ)
732	Khu đất thuộc khu dân cư và lộ giới đường Linh Trung (phục vụ công tác đấu giá QSDĐ)	Thủ Đức	0,35	0,35		2017-2020	KH2 (Tổng Cty du lịch Sài Gòn cũ)
733	Khu nhà ở Khu E -Trung tâm lưu thông hàng hoá 1, xã An Phú Tây- B. Chánh, P.7-Quận 8	Bình Chánh, Quận 8	33,45	10,00	23,45	2017-2020	
734	Khu nhà ở Khu D - TT lưu thông hàng hóa 2, xã An Phú Tây - BC và P7-Q8	Bình Chánh, Quận 8	23,70	10,00	13,70	2017-2020	
735	Dự án Khu đô thị mới - X Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	142,00	10,00	132,00	2017-2020	Cty ĐT TP Nhà và Đô thị (HUD)

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
736	Khu dân cư Phong phú 2 - X.Phong Phú	Bình Chánh	127,08	10,00	117,08	2017-2020	Cty Cp Xây Dựng Bình Chánh
737	Khu dân cư	Bình Chánh	83,54	10,00	73,54	2017-2020	Tổng cty Thái Sơn
738	Khu dân cư liền kề KCN Lê Minh Xuân 3	Bình Chánh	80,00	10,00	70,00	2017-2020	
739	Khu dân cư Lê Minh Xuân	Bình Chánh	63,06	10,00	53,06	2017-2020	Cty CP quốc tế C&T
740	Khu nhà ở CBCNV và Trung tâm thực nghiệm y khoa Bệnh viện Chợ Rẫy (Tổng diện tích: 82ha; BV: 32ha; Đất ở 50ha)	Bình Chánh	50,00	10,00	40,00	2017-2020	
741	Khu dân cư	Bình Chánh	47,00	10,00	37,00	2017-2020	Cty Hiệp Đạt
742	Khu nhà ở Khu B- Làng Đại học, xã Bình Hưng	Bình Chánh	44,95	10,00	34,95	2017-2020	
743	Khu dân cư Lê Minh Xuân	Bình Chánh	39,37	10,00	29,37	2017-2020	Cty Phương Lâm
744	Khu biệt thự vườn sinh thái -X. Phong Phú	Bình Chánh	38,07	10,00	28,07	2017-2020	Cty Triển Phong
745	Khư dân cư Nguyễn Sơn, Bình Hưng	Bình Chánh	36,57	10,00	26,57	2017-2020	
746	Khu dân cư	Bình Chánh	34,52	10,00	24,52	2017-2020	Cty Đô Thành
747	Khu dân cư - X. Phong Phú	Bình Chánh	30,06	10,00	20,06	2017-2020	Cty Tân Hải
748	Khu dân cư (DA thành phần lô 15, 16, 23, 24, 25 chuyển thành CT8+17+18, TT3+7+8+10)	Bình Chánh	25,35	10,00	15,35	2017-2020	
749	Khu dân cư	Bình Chánh	25,26	10,00	15,26	2017-2020	Cty phát triển nhà Đại An
750	Khu dân cư Phước Lộc	Bình Chánh	24,67	10,00	14,67	2017-2020	Cty TNHH TM&XD Khang Thành Phát
751	Khu nhà ở thuộc Khu D - Trung tâm lưu thông hàng hóa 2	Bình Chánh	23,70	10,00	13,70	2017-2020	C.ty TNHH Liên doanh Phú Mỹ Hưng
752	Khu dân cư - Thuận Thảo Nam Sài Gòn	Bình Chánh	21,11	10,00	11,11	2017-2020	
753	Khu dân cư - Tân Túc	Bình Chánh	44,75	10,00	34,75	2017-2020	
754	Khu dân cư thị trấn Tân túc, huyện Bình Chánh	Bình Chánh	18,79	10,00	8,79	2017-2020	Cty điện lực Tp.HCM
755	Khu dân cư	Bình Chánh	18,63	10,00	8,63	2017-2020	Cty Nguyễn Minh
756	Khu nhà ở Khu C - TT kỹ Thuật cao, xã Phong Phú	Bình Chánh	15,73	10,00	5,73	2017-2020	
757	Khu dân cư - xã An Phú Tây	Bình Chánh	15,32	10,00	5,32	2017-2020	Cty Xuân Lan
758	Khu dân cư Hưng Long (lô TT22 + 23 + 24 + 25 + 26 + 27 + 28 + 29 CT20 + 21 + 22 + 23)	Bình Chánh	40,21	10,00	30,21	2017-2020	
759	Khu dân cư Đại Lộc (9A-3)	Bình Chánh	13,19	10,00	3,19	2016	
760	Khu dân cư Saigomax (KDC 9B 10-Ban quản lý Khu Nam)	Bình Chánh	12,69	10,00	2,69	2017-2020	
761	Khu dân cư Khu số 7 - BQL Khu Nam	Bình Chánh	12,36	10,00	2,36	2017-2020	
762	Khu dân cư Sadeco - An Phú (DA thành phần lô A, B, D, E, G, H chuyển thành CT11+12+13+14+15+16)	Bình Chánh	12,12	10,00	2,12	2017-2020	
763	Khu dân cư	Bình Chánh	11,75	10,00	1,75	2017-2020	Cty Phạm Gia
764	Khu dân cư Đại Hưng Phú	Bình Chánh	11,64	10,00	1,64	2017-2020	
765	Chung cư cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ và giáo dục	Bình Chánh	11,51	11,51		2017-2020	Cty 577
766	Khu phức hợp nhà ở, trung tâm thương mại (X.Tân Kiên)	Bình Chánh	10,35	10,35		2017-2020	Cty Tấn Hưng
767	Phần diện tích còn lại thuộc phía nam khu chức năng số 13, xã Phong Phú	Bình Chánh	9,30	9,30		2017-2020	
768	Khu thương mại và dân cư (DA thành phần lô 4, 5, 10, 11 chuyển thành CT7+9, TT9+12)	Bình Chánh	8,97	8,97		2017-2020	
769	Khu thương mại và dân cư (DA thành phần lô 1, 2, 7, 8 chuyển thành CT3+4, TT4+5)	Bình Chánh	8,79	8,79		2017-2020	
770	Khu dân cư Khu số 7 - BQL Khu Nam	Bình Chánh	8,75	8,75		2017-2020	
771	Khu dân cư	Bình Chánh	8,59	8,59		2017-2020	Cty Vạn Lộc
772	Khu dân cư mở rộng	Bình Chánh	8,52	8,52		2017-2020	Cty Thịnh Phát
773	Khu dân cư	Bình Chánh	8,08	8,08		2017-2020	Cty Nam Hải
774	Khu dân cư - Huệ Tâm	Bình Chánh	8,03	8,03		2017-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
775	Khu dân cư 6B - 6 (DA thành phần khu 6B)	Bình Chánh	7,89	7,89		2017-2020	
776	Khu thương mại và dân cư (Dự án thành phần lô C,6,12 chuyển thành CT10,TT13+14)	Bình Chánh	7,54	7,54		2017-2020	
777	Khu dân cư (DA thành phần lô 3,9,14 chuyển thành CT5, TT6+7) - Xã An Phú Tây	Bình Chánh	7,20	7,20		2017-2020	Cty Thanh Niên Xung Phong
778	Khu dân cư chính trang	Bình Chánh	6,92	6,92		2017-2020	Cty Trùng Khánh
779	Khu dân cư 6B-5 (DA thành phần khu 6B)- Xã Bình Hưng	Bình Chánh	6,73	6,73		2017-2020	Cty 27/7
780	Khu dân cư Nam Sài Gòn - (9B-7) - Xã Bình Hưng	Bình Chánh	5,97	5,97		2017-2020	Cty Thế kỷ 21
781	Khu dân cư Nam Sài Gòn _Bình Hưng - Lô 9B7 - KĐT Nam Thành phố	Bình Chánh	5,91	5,91		2017-2020	Cty Thế kỷ 21
782	Xây dựng nhà ở (xã Bình Chánh)	Bình Chánh	5,87	5,87		2017-2020	Cty Rạng Đông
783	Khu dân cư 6B - 8 (DA thành phần khu 6B)- Xã Bình Hưng	Bình Chánh	5,87	5,87		2017-2020	Cty Kiên Cường
784	Khu dân cư Khu số 7 - BQL Khu Nam	Bình Chánh	5,86	5,86		2017-2020	
785	Khu căn hộ Đô Thành	Bình Chánh	5,84	5,84		2017-2020	
786	Khu dân cư 6B- 1,2 (dự án thành phần khu 6B), xã Bình Hưng	Bình Chánh	5,42	5,42		2017-2020	
787	Khu dân cư (DA thành phần- lô 20, 22 chuyển thành CT1, TT1)- Xã An Phú Tây	Bình Chánh	5,34	5,34		2017-2020	Cty Đô Thị Mới
788	Khu dân cư	Bình Chánh	5,16	5,16		2016	Cty Gia Phú
789	Khu dân cư (DA thành phần lô 31, 32 chuyển thành CT19, TT16+21)	Bình Chánh	4,57	4,57		2017-2020	
790	Khu chung cư Green View	Bình Chánh	4,45	4,45		2017-2020	
791	Khu dân cư Việt Rạng Đông (DA thành phần lô 17, 18 chuyển thành CT2, TT2)- Xã An Phú Tây	Bình Chánh	4,27	4,27		2017-2020	
792	Khu dân cư Phước Lộc (Dự án thành phần lô 13, F chuyển thành TT17+18) - Xã An Phú Tây	Bình Chánh	3,90	3,90		2017-2020	Cty Phước Lộc
793	Khu nhà ở (xã Phong Phú)	Bình Chánh	3,80	3,80		2017-2020	Cty Triển Phong
794	Khu dân cư (DA thành phần lô 27, 29 chuyển thành TT19+20) - Xã An Phú Tây	Bình Chánh	3,75	3,75		2017-2020	Cty CP địa ốc Sài Gòn - Gia Định
795	Dự án khu đô thị thương mại Nam Nam Sài Gòn, xã Phong Phú	Bình Chánh	3,45	3,45		2017-2020	Cty Phi Long
796	Nhà ở (TT Tân Túc)	Bình Chánh	3,35	3,35		2017-2020	Cty Hưng Phú
797	TTTT nhà ở Tân Túc	Bình Chánh	3,10	3,10		2017-2020	
798	Khu dân cư (DA thành phần, lô 26,28,30 chuyển thành TT11+15) - Xã An Phú Tây	Bình Chánh	2,82	2,82		2017-2020	Cty CT CT -CN Phía Nam
799	Khu dân cư nhà vườn- Xã Quy Đức	Bình Chánh	2,65	2,65		2017-2020	Cty Phương Minh
800	Khu dân cư 6B-3 (DA thành phần khu 6B)	Bình Chánh	2,32	2,32		2017-2020	
801	Chung cư cao tầnG - Xã Tân Nhựt	Bình Chánh	1,37	1,37		2017-2020	Cty Việt Cường Phát
802	Khu dân cư	Bình Chánh	1,35	1,35		2017-2020	Cty Đại Hoàng Châu
803	Khu chung cư kết hợp thương mại	Bình Chánh	1,18	1,18		2017-2020	Cty Sài Gòn 3
804	Nhà ở (xã Phong Phú) - Lucky Tower	Bình Chánh	1,05	1,05		2017-2020	Cty Địa Ốc Đất Việt
805	Công trình chung cư C2 - Cụm chung cư phức hợp cao tầng - Một phần KDC 13E - KĐT Nam Thành phố - X. Phong Phú	Bình Chánh	0,96	0,96		2017-2020	Cty CPP đầu tư địa ốc Khang Nam
806	Khu Dân cư liên kề phục vụ Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân 2	Bình Chánh	62,69	10,00	52,69	2016	
807	Khu dân cư Gia Tuệ - lô CT8, TT8, TT10 - Khu số 19	Bình Chánh	4,16	4,16		2016	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
808	Khu dân cư Gia Tuệ - lô TT7 - Khu số 19	Bình Chánh	0,81	0,81		2016	
809	Khu dân cư Gia Tuệ - lô CT17, CT18 - Khu số 19	Bình Chánh	10,62	10,62		2016	
810	Khu dân cư Gia Tuệ - lô TT3 - Khu số 19	Bình Chánh	1,38	1,38		2016	
811	Đầu giá lô đất thuộc Khu dân cư Kiến Thiện	Bình Chánh	0,02	0,02		2017-2020	
812	Đầu giá lô đất thuộc Khu dân cư Him Lam 6A	Bình Chánh	0,01	0,01		2017-2020	
813	Đầu giá lô đất thuộc Khu dân cư Văn Lang	Bình Chánh	0,01	0,01		2017-2020	
814	Đầu giá lô đất thuộc Khu dân cư Conic	Bình Chánh	0,01	0,01		2017-2020	
815	Đầu giá lô đất thuộc Khu dân cư Conic	Bình Chánh	0,02	0,02		2017-2020	
816	Đầu giá lô đất thuộc Khu dân cư Conic	Bình Chánh	0,02	0,02		2017-2020	
817	Đầu giá lô đất thuộc Khu dân cư Conic	Bình Chánh	0,03	0,03		2017-2020	
818	Đầu giá lô đất thuộc Khu dân cư Conic	Bình Chánh	0,03	0,03		2017-2020	
819	Đầu giá lô đất thuộc Khu dân cư Conic	Bình Chánh	0,03	0,03		2017-2020	
820	Đầu giá lô đất thuộc trung tâm hành chính huyện	Bình Chánh	3,10	3,10		2017-2020	
821	Đầu giá lô đất thuộc Khu dân cư thị trấn Tân Túc	Bình Chánh	0,74	0,74		2017-2020	
822	Đầu giá lô đất thuộc xã Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	0,78	0,78		2017-2020	
823	Đầu giá lô đất thuộc xã Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	1,48	1,48		2017-2020	
824	Đầu giá lô đất thuộc trung tâm hành chính huyện	Bình Chánh	0,56	0,56		2017-2020	
825	Đầu giá lô đất thuộc thị trấn Tân Túc	Bình Chánh	1,45	1,45		2017-2020	
826	Đầu giá lô đất thuộc Khu dân cư xã Lê Minh Xuân	Bình Chánh	0,04	0,04		2017-2020	
827	Đầu giá lô đất thuộc Khu dân cư xã Lê Minh Xuân	Bình Chánh	0,05	0,05		2017-2020	
828	Đầu giá lô đất thuộc xã Phạm Văn Hai	Bình Chánh	0,07	0,07		2017-2020	
829	Đầu giá lô đất thuộc xã Phạm Văn Hai	Bình Chánh	0,23	0,23		2017-2020	
830	Đầu giá lô đất thuộc xã Hưng Long	Bình Chánh	0,02	0,02		2017-2020	
831	Đầu giá lô đất thuộc xã Phong Phú	Bình Chánh	0,03	0,03		2017-2020	
832	Đầu giá lô đất thuộc xã Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	0,01	0,01		2017-2020	
833	Đầu giá lô đất thuộc xã Đa Phước	Bình Chánh	0,02	0,02		2017-2020	
834	Đầu giá lô đất thuộc xã Quy Đức	Bình Chánh	0,01	0,01		2017-2020	
835	Dự án Khu nhà ở Bình Hưng (Cty TNHH Tiến Phước).	Bình Chánh	4,90	4,90		2016 - 2020	
836	Dự án khu dân cư 9A+B (Công ty cổ phần Vạn Thịnh Phát)	Bình Chánh	5,40	5,40		2016 - 2020	
837	Chuyển mục đích sử dụng hộ gia đình, cá nhân	Bình Chánh	68,68	10,00	58,68	2016	
838	Đầu giá lô đất BS28 khu tái định cư Phong Phú 4	Bình Chánh	0,02	0,02		2016	
839	Đầu giá lô đất BS29 khu tái định cư Phong Phú 4	Bình Chánh	0,02	0,02		2016	
840	Đầu giá lô đất BS30 khu tái định cư Phong Phú 4	Bình Chánh	0,02	0,02		2016	
841	Đầu giá lô đất BS26 khu tái định cư Phong Phú 4	Bình Chánh	0,02	0,02		2016	
842	Đầu giá lô đất BS27 khu tái định cư Phong Phú 4	Bình Chánh	0,02	0,02		2016	
843	Đầu giá khu đất tại số B7 Nguyễn Hữu Trí, thị trấn Tân Túc (công ty LEGAMEX)	Bình Chánh	0,42	0,42		2016	
844	Đầu giá lô đất E14 khu dân cư Phong Phú	Bình Chánh	0,02	0,02		2016	
845	Khu dân cư 11 A	Bình Chánh	26,91	10,00	16,91	2016	
846	KDC nhà vườn Phước Lộc - đất ở nông thôn (X.Long Hòa)	Cần Giờ	25,24	10,00	15,24	2017-2020	
847	KDC Cần Thạnh khu 1 (TT.Cần Thạnh)	Cần Giờ	20,67	10,00	10,67	2017-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
848	Đất ở tại ấp Lý Thái Bửu và ấp Tân Điền giai đoạn 2 (X.Lý Nhơn)	Cần Giờ	47,56	10,00	37,56	2017-2020	
849	Đất ở tại ấp Lý Thái Bửu và ấp Tân Điền giai đoạn 1 (X.Lý Nhơn)	Cần Giờ	126,69	10,00	116,69	2017-2020	
850	KDC nhà vườn Sadeco - đất ở nông thôn X.Long Hòa)	Cần Giờ	49,67	10,00	39,67	2017-2020	
851	Đất ở tại ấp Lý Hòa Hiệp, Xã Lý Nhơn	Cần Giờ	104,47	10,00	94,47	2017-2020	
852	KDC đô thị lấn biển - đất ở nông thôn (X.Long Hoà)	Cần Giờ	72,49	10,00	62,49	2017-2020	
853	KDC nhà vườn Cần Thạnh (TT.Cần Thạnh)	Cần Giờ	11,36	11,36		2017-2020	
854	KDC Bình Khánh 2 (X.Bình Khánh)	Cần Giờ	99,84	10,00	89,84	2017-2020	
855	KDC đô thị lấn biển - đất ở nông thôn (phần lấn biển, X.Long Hòa)	Cần Giờ	126,58	10,00	116,58	2017-2020	
856	KDC Hòa Hiệp - đất ở nông thôn (X.Long Hòa)	Cần Giờ	9,90	9,90		2016	
857	KDC Hà Thanh - đất ở nông thôn (X.Long Hòa)	Cần Giờ	9,12	9,12		2017-2020	
858	KDC Giồng Ao (KP.Phong Thạnh, TT.Cần Thạnh)	Cần Giờ	8,17	8,17		2016	
859	KDC Bình Thuận (X.Bình Khánh)	Cần Giờ	7,17	7,17		2017-2020	
860	KDC Cần Thạnh khu 3 (TT.Cần Thạnh)	Cần Giờ	20,63	10,00	10,63	2017-2020	
861	KDC Cần Thạnh khu 2 (TT.Cần Thạnh)	Cần Giờ	43,63	10,00	33,63	2017-2020	
862	KDC trung tâm (TT.Cần Thạnh)	Cần Giờ	59,42	10,00	49,42	2017-2020	
863	KDC Bình Phước (X.Bình Khánh)	Cần Giờ	11,74	10,00	1,74	2017-2020	
864	KDC Dân An (X.An Thới Đông)	Cần Giờ	13,11	10,00	3,11	2017-2020	
865	KDC Cọ Dầu (X.Bình Khánh)	Cần Giờ	15,07	10,00	5,07	2016	
866	KDC Đồng Hòa - đất ở nông thôn (X.Long Hòa)	Cần Giờ	17,78	10,00	7,78	2017-2020	
867	KDC nhà vườn Fideco - đất ở nông thôn (X.Long Hòa)	Cần Giờ	29,84	10,00	19,84	2017-2020	
868	KDC Đồng Tranh - đất ở nông thôn (X.Long Hòa)	Cần Giờ	30,55	10,00	20,55	2016	
869	KDC Thủ Hy (X.Bình Khánh)	Cần Giờ	35,50	10,00	25,50	2017-2020	
870	KDC Long Thạnh - đất ở nông thôn (X.Long Hòa)	Cần Giờ	36,03	10,00	26,03	2017-2020	
871	KDC dọc Rừng Sác (X.Bình Khánh)	Cần Giờ	36,97	10,00	26,97	2017-2020	
872	KDC nhà vườn Tân An Huy - đất ở nông thôn (X.Long Hòa)	Cần Giờ	37,30	10,00	27,30	2017-2020	
873	KDC Kho Đồng (X.Bình Khánh)	Cần Giờ	62,89	10,00	52,89	2017-2020	
874	KDC An Nghĩa mở rộng (X.An Thới Đông)	Cần Giờ	70,62	10,00	60,62	2017-2020	
875	KDC Rạch Lá (X.An Thới Đông)	Cần Giờ	72,21	10,00	62,21	2017-2020	
876	KDC Dơi Mỹ Khánh (X.Bình Khánh)	Cần Giờ	128,88	10,00	118,88	2017-2020	
877	KDC An Nghĩa (X.An Thới Đông)	Cần Giờ	1,69	1,69		2017-2020	
878	Khu nhà ở biệt thự, xã Long Hòa	Cần Giờ	1,68	1,68		2017-2020	Cty CP địa ốc 8
879	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm chăm sóc người cao tuổi tại xã An Thới Đông huyện Cần Giờ.	Cần Giờ	15,00	10,00	5,00	2017-2020	
880	Dự án xây dựng nhà ở trên khu đất 41.83ha tại thị trấn Cần Thạnh	Cần Giờ	41,83	10,00	31,83	2017-2020	
881	Di dời, bố trí dân cư phòng tránh thiên tai xã Thạnh An.	Cần Giờ	13,5	10,00	3,50	2016	
882	Khu dân cư Bà Xán	Cần Giờ	2,9	2,90		2016	Công Ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích huyện Cần Giờ
883	Khu dân cư Cá Cháy	Cần Giờ	7,73	7,73		2016	Công Ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích huyện Cần Giờ
884	Khu dân cư Vàm Sát 2	Cần Giờ	2,64	2,64		2016	Công Ty TNHH một thành viên DVCI huyện Cần Giờ
885	KDC Tân Phúc Hưng	Cần Giờ	21,23	10,00	11,23		TT. Chăm sóc người già

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
886	Xây dựng khu dân cư nhà vườn và du lịch - Nghĩ dưỡng An Phú tại ấp An Nghĩa	Cần Giờ	105	10,00	95		
887	Khu dân cư biệt thự nghỉ dưỡng, du lịch nhà vườn ấp An Nghĩa	Cần Giờ	200	10,00	190		
888	Dự án Xây dựng Khu dân cư nhà vườn tại xã Long Hòa	Cần Giờ	10	10,00			
889	Dự án khu nhà ở kết hợp du lịch tại xã Long Hòa	Cần Giờ	23,34	10,00	13,34		
890	Xây dựng khu dân cư - du lịch - nhà vườn tại thị trấn Cần Thạnh	Cần Giờ	1,80	1,80			
891	Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư Biệt thự vườn - Du lịch Tân An Huy.	Cần Giờ	75,00	10,00	65,00		
892	Khu Đô thị Tây Bắc Củ Chi (khu VIII), ấp Bến Đò 1&2, ấp Giữa, ấp Trạm Bơm	Củ Chi	387,55	10,00	377,55	2017-2020	
893	Khu dân cư - Ấp Bàu Cây Sộp - Xã Tân An Hội	Củ Chi	102,00	10,00	92,00	2017-2020	Cty ĐT Hạ tầng kỹ thuật TpHCM
894	Khu nhà ở - Xã Bình Mỹ	Củ Chi	41,70	10,00	31,70	2017-2020	Cty Kim Tâm Hải
895	QHCT KDC Ngã 5 Tân Quy - xã Trung An	Củ Chi	37,80	10,00	27,80	2017-2020	
896	Khu DC nhà vườn An Nhơn Tây (Khu 1)- An Nhơn Tây, ấp Chợ cũ	Củ Chi	35,00	10,00	25,00	2017-2020	
897	Khu dân cư Phước Thạnh, ấp Phước Hưng, Phước Thạnh	Củ Chi	61,54	10,00	51,54	2017-2020	
898	QHCT KDC -ấp xóm Đồng, Tân Phú Trung (Khu 2)	Củ Chi	139,80	10,00	129,80	2017-2020	
899	KDC Phước Thạnh (khu 3), ấp Phước Lộc, Mây Đẳng, Bàu Điều Thượng	Củ Chi	102,00	10,00	92,00	2017-2020	
900	QHCT KDC - ấp Đình - Tân Phú Trung (Khu 1)	Củ Chi	51,60	10,00	41,60	2017-2020	
901	Khu TĐC Tân Phú Trung- Tân Thông Hội	Củ Chi	17,00	10,00	7,00	2017-2020	
902	KDC Phước Thạnh (khu 4) - ấp Phước An, Phước Thạnh	Củ Chi	37,96	10,00	27,96	2017-2020	
903	Khu TĐC Phạm Văn Cội	Củ Chi	45,10	10,00	35,10	2017-2020	
904	Khu dân cư huyện lỵ (Khu 4), ấp 3& 4, Phước Vĩnh An	Củ Chi	74,85	10,00	64,85	2017-2020	
905	Khu dân cư Tân Quy - ấp 6, Tân Thạnh Đông	Củ Chi	30,47	10,00	20,47	2017-2020	
906	Khu DC Tân Phú Trung (Khu 7), ấp Cây Đa & Phú Lợi, Tân Phú Trung	Củ Chi	60,47	10,00	50,47	2017-2020	
907	Khu DC Tân Phú Trung (Khu 5), ấp Cây Đa, Tân Phú Trung	Củ Chi	68,38	10,00	58,38	2017-2020	
908	Khu DC Tân Phú Trung (Khu 4), Giồng Sao, Xóm Đồng, Láng Cát, ấp Chợ.	Củ Chi	107,00	10,00	97,00	2017-2020	
909	Khu DC Tân Phú Trung (Khu 3), ấp Phú Lợi, Cây Đa, Xóm Đồng, Giồng Sao	Củ Chi	156,24	10,00	146,24	2017-2020	
910	Khu DC Tân Phú Trung (Khu 8), ấp Phú Lợi, Giồng Sao	Củ Chi	170,00	10,00	160,00	2017-2020	
911	Khu DC An Nhơn Tây (Khu 2), ấp chợ cũ 2	Củ Chi	103,00	10,00	93,00	2017-2020	
912	Khu DC An Nhơn Tây (Khu 3), ấp Xóm Trại, ấp Gót Chàng	Củ Chi	114,00	10,00	104,00	2017-2020	
913	Khu dân cư công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre, Tân An Hội.	Củ Chi	34,26	10,00	24,26	2017-2020	
914	KDC và dịch vụ tại xã Phước Hiệp phục vụ KCN Hóa Dược	Củ Chi	47,00	10,00	37,00	2017-2020	
915	Khu dân cư Tân Thông Hội (Khu 2), ấp 3, Phước Vĩnh An	Củ Chi	55,00	10,00	45,00	2017-2020	
916	Nhà nghỉ dưỡng An Bình-Bộ Công an (X. Trung An)	Củ Chi	20,00	10,00	10,00	2017-2020	Trong dự án Hà Quang
917	Khu Đô thị Tây Bắc - xã Tân Thới Nhì	Hóc Môn	138,00	10,00	128,00	2017-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
918	Khu dân cư xã Tân Hiệp	Hóc Môn	90,00	10,00	80,00	2017-2020	Cty An Phú Hưng
919	Xây dựng khu nhà ở - Xã Bà Điểm	Hóc Môn	33,94	10,00	23,94	2017-2020	Cty Cp ĐT KCN ĐT Hóc Môn (Hocin)
920	Xây dựng khu nhà ở - TT Hóc Môn	Hóc Môn	21,27	10,00	11,27	2017-2020	Cty BDS Vạn Phú Gia
921	Khu dân cư Bà Điểm - Tiền Lân - xã Bà Điểm - Chung Trang Linh	Hóc Môn	12,20	12,20		2017-2020	
922	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại, siêu thị và nhà ở (xã Tân Xuân)	Hóc Môn	6,25	6,25		2017-2020	Cty Tân Vạn Phú
923	Khu dân cư Xuân Thới Đông - xã Xuân Thới Đông	Hóc Môn	4,97	4,97		2017-2020	Cty CP thương mại Hóc Môn
924	Khu dân cư xã Tân Xuân	Hóc Môn	2,48	2,48		2017-2020	Cty Đạt Gia
925	Khu dân cư Minh Thành - Xã Tam Thới Thôn	Hóc Môn	2,47	2,47		2017-2020	Cty KD PT nhà Xưởng Minh Thành
926	Chung cư xã Tân Thới Nhì	Hóc Môn	2,20	2,20		2017-2020	Cty địa ốc Phúc Yên
927	Cty CP ĐT-XD-KD nhà An Thịnh (khu mở rộng) - X. Bà Điểm	Hóc Môn	2,00	2,00		2017-2020	
928	Nhà ở - Xã Xuân Thới Đông	Hóc Môn	1,19	1,19		2017-2020	Cty TM Hóc Môn
929	Khu dân cư kết hợp công viên Gia Việt	Nhà Bè	9,23	9,23		2016	Công ty TNHH đầu tư Bất động sản Gia Việt
930	Khu dân cư Phước Kiển	Nhà Bè	0,90	0,90		2016	Cty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Hưng Lộc Phát
931	Đất ở dự án (UBND Quận 3 xây nhà ở cho CBCNV)	Nhà Bè	8,19	8,19		2017-2020	
932	Đất ở dự án (Xây nhà ở cho CBCNV liên sở)	Nhà Bè	4,84	4,84		2017-2020	
933	Đất ở dự án (Công ty Khang Thông)	Nhà Bè	3,30	3,30		2017-2020	
934	Đất ở tăng thêm ngoài các dự án	Nhà Bè	29,25	10,00	19,25	2017-2020	
935	Quy hoạch mới đất ở	Nhà Bè	236,86	10,00	226,86	2017-2020	
936	Quy hoạch mới đất ở	Nhà Bè	149,79	10,00	139,79	2017-2020	
937	Đất ở dự án (Công ty Gia Việt)	Nhà Bè	1,71	1,71		2017-2020	
938	Đất ở công ty may Nhà Bè (Cty May Nhà Bè)	Nhà Bè	22,89	10,00	12,89	2017-2020	
939	Đất ở trong KDC Trường Vỹ (Cty Trường Vỹ) - 21,5469	Nhà Bè	21,55	10,00	11,55	2017-2020	
940	Dân cư trong cụm sản xuất Long Thới	Nhà Bè	28,78	10,00	18,78	2017-2020	
941	Dân cư phân tán trong KVSX Nông nghiệp	Nhà Bè	5,00	5,00		2017-2020	
942	Đất ở Công ty địa ốc Lam Giang <i>thuộc QHCT 1/2000 KDC Phước Lộc, phía Nam cảng Cây Khô (134,74 ha)</i>	Nhà Bè	5,50	5,50		2017-2020	
943	Đất ở Công ty CP xây dựng trang trí kiến trúc ADC <i>thuộc QHCT 1/2000 KDC Phước Lộc, phía Nam cảng Cây Khô (134,74 ha)</i>	Nhà Bè	40,90	10,00	30,90	2017-2020	
944	Đất ở công ty cổ phần phát triển hạ tầng Sài Gòn <i>thuộc QHCT khu dân cư ấp 3 (75,47 ha)</i>	Nhà Bè	23,45	10,00	13,45	2017-2020	
945	Đất ở ngoài công ty cổ phần phát triển hạ tầng Sài Gòn <i>thuộc QHCT khu dân cư ấp 3 (75,47 ha)</i>	Nhà Bè	19,18	10,00	9,18	2017-2020	
946	Đất ở Trung tâm khai thác quỹ đất thuộc QHCT khu tái định cư xã Nhơn Đức (35,60 ha)	Nhà Bè	16,42	10,00	6,42	2017-2020	
947	Đất ở ngoài Trung tâm khai thác quỹ đất thuộc QHCT khu tái định cư xã Nhơn Đức (35,60 ha)	Nhà Bè	3,90	3,90		2017-2020	
948	Dân cư phân tán trong KVSX Nông nghiệp	Nhà Bè	10,00	10,00		2017-2020	
949	Đất ở dự án Sadeco 3	Nhà Bè	88,46	10,00	78,46	2017-2020	
950	Đất ở dự án Lâm Viên	Nhà Bè	19,80	10,00	9,80	2017-2020	

Số TT	Hạng mục	Địa điểm	Tổng DT (ha)	Trong đó		Năm thực hiện	Ghi chú
				Giai đoạn 2016-2020	Sau năm 2020		
951	Đất ở dự án Thái Sơn 2	Nhà Bè	25,75	10,00	15,75	2017-2020	
952	Đất ở công ty Tân Thuận	Nhà Bè	23,18	10,00	13,18	2017-2020	
953	Đất ở dự án Công ty cổ phần kinh doanh địa ốc Đại Nhân (<i>QHCT khu dân cư 33,3090ha</i>)	Nhà Bè	15,20	10,00	5,20	2017-2020	
954	Đất ở dự án Công ty Tân Hải (<i>QHCT khu dân cư 35,3702ha</i>)	Nhà Bè	19,18	10,00	9,18	2017-2020	
955	Đất ở dự án Công ty đầu tư phát triển nhà Thời Đại	Nhà Bè	3,79	3,79		2017-2020	
956	Đất ở dự án Công ty Song Mã (<i>QHCT khu dân cư 18,9607ha</i>)	Nhà Bè	32,44	10,00	22,44	2017-2020	
957	Đất ở dự án KDC Cảng cây khô (<i>QHCT 1/2000</i>)	Nhà Bè	33,03	10,00	23,03	2017-2020	
958	Đất ở dự án KDC phía Nam Cảng Cây Khô (<i>QHCT 1/2000</i>)	Nhà Bè	30,09	10,00	20,09	2017-2020	
959	Đất ở dự án Công ty Phú Điền khu B	Nhà Bè	19,00	8,00	11,00	2017-2020	
960	Đất ở trong khu sản xuất nông nghiệp	Nhà Bè	3,50	3,50		2017-2020	
961	Đất ở (<i>Cty CP xây dựng GT-DVTM Miền Nam - QHCT 1/2000 KDC Bờ Bông</i>)	Nhà Bè	1,91	1,91		2017-2020	
962	Đất ở dự án Khu tái định cư sạt lở	Nhà Bè	1,94	1,94		2017-2020	
963	Đất ở công ty cổ phần XD và kinh doanh nhà Sài Gòn <i>thuộc QHCT khu dân cư Nhơn Đức (34,22 ha)</i>	Nhà Bè	9,20	9,20		2016	
964	Đất ở công ty cổ phần Thương mại và Xây dựng Ngọc Phúc <i>thuộc QHCT khu dân cư Nhơn Đức (34,22 ha)</i>	Nhà Bè	9,20	9,20		2016	
965	Công ty cổ phần K95	Nhà Bè	1,98	1,98		2016	
966	Cty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Hưng Lộc Phát	Nhà Bè	0,90	0,90		2017-2020	
967	Công ty Long Mỹ	Nhà Bè	9,87	9,87		2016	
968	Công ty TNHH XD và KDN Lập Phúc	Nhà Bè	0,36	0,36		2016	
969	Công ty TNHH XD và KDN Lập Phúc	Nhà Bè	0,82	0,82		2016	
970	Công ty TNHH Phát triển Vĩnh Phước	Nhà Bè	4,80	4,80		2016	
971	Công ty TNHH XD Kinh doanh nhà Anh Tuấn	Nhà Bè	2,78	2,78		2016	
972	Công ty TNHH Xây dựng Kinh doanh nhà Anh Tuấn	Nhà Bè	0,90	0,90		2016	
973	Công ty Cổ Phần Hiệp Đạt	Nhà Bè	2,28	2,28		2016	
974	Khu dân cư Công ty CP Xây dựng Thanh Niên	Nhà Bè	2,10	2,10		2016	
975	Khu dân cư Công ty CP Phú Điền	Nhà Bè	6,52	6,52		2016	
976	Khu nhà ở chung cư cho người có thu nhập thấp Công ty CP XD và KD địa ốc Hòa Bình	Nhà Bè	2,97	2,97		2016	
977	Chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân	Nhà Bè	500,00	500,00		2017-2020	
978	Chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân	Nhà Bè	50,00	50,00		2017-2020	